

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TÔ QUỐC ANH

VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ
TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201

Chủ tịch hội đồng



PGS.TS Hoàng Phúc Lâm

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. Hoàng Ngọc Sơn



2. PGS. TS Trịnh Thị Xuyên



LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đúng theo quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Tô Quốc Anh

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	10
1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	26
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở VIỆT NAM	31
2.1. Khái niệm hệ thống chính trị cơ sở và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	31
2.2. Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam	52
2.3. Những yếu tố tác động đến hệ thống chính trị cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	70
Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	77
3.1. Khái quát bối cảnh và đặc điểm của hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên	77
3.2. Thực trạng vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay	87
3.3. Đánh giá vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay	97
3.4. Nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	116

Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN THỜI GIAN TỚI	133
4.1. Dự báo tình hình tác động đến việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên thời gian tới	133
4.2. Quan điểm phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên thời gian tới	140
4.3. Giải pháp phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên thời gian tới	145
KẾT LUẬN	178
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	182
PHỤ LỤC	200

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
1	Hội đồng nhân dân	HĐND
2	Hệ thống chính trị	HTCT
3	Mặt trận Tổ quốc	MTTQ
4	Ủy ban nhân dân	UBND

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1. Đánh giá mức độ thực hiện của HTCT cơ sở trong xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo; lập chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	99
Bảng 3.2. Đánh giá về chất lượng công tác kiến nghị, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay	114

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1. Mức độ thường xuyên trong công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết thực hiện các nội dung về xây dựng khối ĐĐKDT	108
Biểu đồ 3.2. Mức độ hiểu biết các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKDT của người dân	109
Biểu đồ 3.3. Mức độ tham gia các hoạt động chính trị, xã hội về xây dựng khối ĐĐKDT của người dân	110
Biểu đồ 3.4. Đánh giá về đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cấp cơ sở ở địa phương	113

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó được hun đúc, hình thành và phát triển bởi tinh thần yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ của dân tộc ta qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Nhấn mạnh vai trò của đoàn kết toàn dân tộc, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra: “... nhờ sức đại đoàn kết mà cách mệnh thành công,... nhờ sức đại đoàn kết mà kháng chiến sẽ thắng lợi” [74, tr.601]; “Thống nhất nước nhà là con đường sống của Nhân dân ta. Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng. Nhờ đại đoàn kết mà cách mạng đã thắng lợi, kháng chiến đã thành công. Nay chúng ta đại đoàn kết thì cuộc đấu tranh chính trị của chúng ta nhất định thắng lợi, nước nhà nhất định thống nhất” [78, tr.360]. Kế thừa và phát huy tư tưởng của Người, qua các thời kỳ cách mạng, quan điểm của Đảng ta về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được hoàn thiện, phát triển. Đảng ta luôn xác định: “đoàn kết” là giá trị cốt lõi, “đại đoàn kết toàn dân tộc” là đường lối chiến lược, cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả HTCT, trong đó, HTCT cơ sở giữ một vai trò hết sức quan trọng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cấp xã là gần gũi nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi” [73, tr.460]. HTCT cơ sở trực tiếp tuyên truyền, vận động, tổ chức triển khai thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc; thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, tổng kết đánh giá việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn. HTCT cơ sở có vai trò quan trọng trong củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Tây Nguyên là địa bàn có đủ các dân tộc cùng sinh sống với nhiều ngôn ngữ khác nhau, đồng thời, đây là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhiệm vụ chiến lược đảm bảo cho Tây Nguyên ổn định và phát triển. Chính vì vậy, trong những năm qua, HTCT các cấp, đặc biệt là HTCT cơ sở các tỉnh Tây Nguyên đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho quần chúng Nhân dân quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc được các cấp, các ngành chú trọng triển khai; việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, Luật thực hiện dân chủ cơ sở có nhiều chuyển biến rõ nét, đời sống của Nhân dân từng bước được cải thiện, khối đại đoàn kết được giữ vững. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc còn có những hạn chế, bất cập nhất định: Một số cấp ủy địa phương chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; nội dung, hình thức công tác tuyên truyền, vận động chưa thiết thực, cụ thể, thiếu chiều sâu; công tác phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT cũng như giữa HTCT với các tổ chức, các lực lượng khác trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chưa hiệu quả,... Khối đại đoàn kết dân tộc ở nhiều địa phương chưa có sự ổn định, vững chắc.

Hiện nay, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của các tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên có bước phát triển mới. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23 - NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, một trong những nội dung cần chú trọng là “Tăng cường xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [34]. Nghị quyết số 18 – NQ/TW ngày 25/10/2017 “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, Nghị quyết

76/2025/UBTVQH15 ngày 15/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, Nghị quyết 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, sáp nhập các tỉnh thuộc địa bàn Tây Nguyên với các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã sẽ có những tác động nhất định đến vai trò của HTCT cơ sở đối với nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc khi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HTCT cơ sở có nhiều thay đổi theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho cơ sở, xây dựng chính quyền điện tử gắn với phát huy dân chủ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo sự đồng thuận trong Nhân dân. Trong khi đó, các thế lực thù địch trên địa bàn tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đẩy mạnh chống phá với nhiều thủ đoạn mới tinh vi, thâm độc, nhất là việc sử dụng internet, mạng xã hội để móc nối, xây dựng lực lượng chống phá Đảng, Nhà nước từ bên trong. Điều đó đặt ra yêu cầu ngày càng cao về việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay*” mang nghĩa cấp thiết sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, luận án tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên, từ đó đề xuất quan điểm, giải pháp phát huy vai trò của

HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Luận giải những vấn đề lý luận về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam
- Khảo sát, đánh giá thực trạng vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay; chỉ rõ nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết.
- Đề xuất quan điểm, giải pháp chủ yếu phát huy vai trò HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò của HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc (nghiên cứu HTCT các xã, phường, thị trấn thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Đắk Nông trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trước khi sáp nhập cấp tỉnh)

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Luận án nghiên cứu về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên (Luận án không nghiên cứu khối đại đoàn kết toàn dân tộc với ý nghĩa là đoàn kết cả lực lượng kiều bào vì nó vượt quá chức năng, nhiệm vụ của HTCT cấp cơ sở. Do vậy, tác giả sử dụng cụm từ “đại đoàn kết dân tộc” thay cho cụm từ “đại đoàn kết toàn dân tộc”)
- Phạm vi về không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên bao gồm

HTCT các xã, phường, thị trấn thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Đắk Nông. Đề tài tiến hành khảo sát sâu tại 20 xã, thị trấn: Xã Đạ Nhím, Đạ Chais, Đưng K'Nớ, thị trấn Lạc Dương (huyện Lạc Dương, Lâm Đồng), xã Quảng Khê, Đắk Som, Đắk Plao, Quảng Sơn (Huyện Đắk Glong, Đắk Nông), xã Cư K'Bang, Ea Bung, M'Lan, thị trấn Ea Súp (huyện Ea Súp, Đắk Lắk), xã An Trung, Chơ Long, Đắk Song, thị trấn Kông Chro (huyện Kông Chro, Gia Lai), xã Đắk Ang, Pờ Y, Đắk Dục, thị trấn Plei Càn (huyện Ngọc Hồi, Kon Tum).

- Phạm vi về thời gian: nghiên cứu từ năm 2003 (thời điểm ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 “về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”) đến giữa tháng 6 năm 2025 (thời điểm Quốc hội ban hành Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 16/6/2025; Luật số 72/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 16/6/2025) và đưa ra các dự báo, giải pháp cho giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; các lý thuyết chính trị hiện đại về HTCT, vai trò của HTCT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Đề tài sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra.

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng trong toàn bộ luận án để thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn có sẵn liên quan đến đề tài nghiên cứu, bao gồm các văn kiện, tài liệu của Đảng, Nhà nước ở Trung ương

và địa phương; các công trình nghiên cứu, các báo cáo, thống kê liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác xây dựng HTCT cơ sở, vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Phương pháp logic - lịch sử: trên cơ sở nghiên cứu các công trình khoa học có liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; đề tài luận giải, phân tích, làm rõ những nội dung mà các công trình khoa học đã đề cập. Từ đó, rút ra những vấn đề mới mà đề tài phải nghiên cứu, tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện hệ thống lí luận về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay.

- Phương pháp thống kê: đề tài tập trung thu thập, phân tích, tổng hợp, thống kê các tài liệu, số liệu trong báo cáo tổng kết về công tác xây dựng HTCT cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Sử dụng phương pháp thống kê để so sánh, đối chiếu các số liệu đã thu thập được từ các phương pháp nhằm đảm bảo kết quả nghiên cứu của đề tài luận án được chính xác, có độ tin cậy cao.

- Phương pháp dự báo: Sử dụng trong nghiên cứu để đưa ra các dự báo, xu hướng vận động phát triển, những yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới.

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Luận án sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi nhằm đánh giá thực trạng thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên.

+ Đối tượng điều tra: gồm 02 đối tượng là cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản và người dân trên địa bàn nghiên cứu.

+ Địa bàn điều tra khảo sát: 20 xã, thị trấn thuộc các tỉnh Tây Nguyên, được chọn theo mẫu có chủ đích để đảm bảo đại diện cho vùng biên giới – nội địa, vùng trung tâm phát triển của huyện, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số: Xã Đạ Nhím, Đạ Chais, Đưng K’Nơ, thị trấn

Lạc Dương (huyện Lạc Dương, Lâm Đồng), xã Quảng Khê, Đăk Som, Đăk Plao, Quảng Sơn (Huyện Đăk Glong, Đăk Nông), xã Cư K'Bang, Ea Bung, M'Lan, thị trấn Ea Súp (huyện Ea Súp, Đăk Lăk), xã An Trung, Chơ Long, Đăk Song, thị trấn Kông Chro (huyện Kông Chro, Gia Lai), xã Đăk Ang, Pờ Y, Đăk Dục, thị trấn Plei Cản (huyện Ngọc Hồi, Kon Tum).

+ Cỡ mẫu: 800 phiếu, được xác định trên cơ sở số dân và điều kiện khảo sát thực tế, bảo đảm độ tin cậy 95% và sai số chấp nhận $\pm 5\%$ cho toàn vùng.

+ Phân bổ mẫu: Mỗi xã từ 30 - 50 phiếu, tách thành hai loại, trong đó có 50% số phiếu dành cho nhóm cán bộ, công chức, cán bộ bán chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, bản ở cơ sở; còn lại 50% dành cho người dân.

+ Chọn mẫu qua nhiều giai đoạn:

Bước 1: Chọn xã khảo sát theo tiêu chí phân tầng (biên giới/nội địa, đặc điểm dân tộc, tôn giáo, mức độ khó khăn).

Bước 2: Trong mỗi xã, chọn thôn/buôn theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô dân số.

Bước 3: Chọn hộ trong cụm bằng phương pháp ngẫu nhiên đơn giản.

Bước 4: Chọn người trả lời trong hộ theo phương pháp chọn ngẫu nhiên; riêng nhóm cán bộ, công chức, người hoạt động bán chuyên trách được lập danh sách và chọn theo phương pháp chọn ngẫu nhiên có phân tầng theo chức vụ và đơn vị công tác.

+ Phương pháp phát phiếu, thu hồi phiếu: Phát và thu hồi trực tiếp đối với người dân; phát, thu hồi trực tiếp kết hợp dùng phần mềm google forms đối với cán bộ, công chức, người hoạt động bán chuyên trách cấp xã, thôn, bản.

+ Phương pháp xử lý thông tin: Sử dụng phần mềm SPSS để mã hóa và phân tích số liệu; áp dụng các thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ phần trăm), kết hợp trình bày bằng bảng và biểu đồ, nhằm phản ánh mức độ hiểu biết, niềm tin, thái độ và đánh giá của người trả lời đối với vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Phỏng vấn sâu đối với cán bộ lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, già làng ở một số địa phương trên địa bàn Tây Nguyên theo những nội dung câu hỏi đã chuẩn bị sẵn cho tất cả các đối tượng. Thời gian phỏng vấn tùy thuộc vào đặc điểm về chức trách, nhiệm vụ, trình độ chuyên môn của từng đối tượng.

+ Nội dung phỏng vấn: Đánh giá những thành công, hạn chế của HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thời gian qua, nguyên nhân của những thành công, hạn chế đó; đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thời gian tới.

+ Chọn mẫu phỏng vấn: Mẫu phỏng vấn gồm 20 người được chọn theo phương pháp mẫu có chủ đích gồm:

Cán bộ lãnh đạo cấp huyện: 06 người

Cán bộ lãnh đạo MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở: 8 người

Người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản): 06 người

+ Phương pháp xử lý thông tin: Các đối tượng phỏng vấn được mã hoá thông tin. Sau khi phỏng vấn, các file ghi âm sẽ được gõ bằng trên Word, tiến hành tổng hợp, sắp xếp theo từng chủ đề với các tiêu chí cụ thể sau đó chọn lọc các thông tin có giá trị để làm luận cứ, luận chứng cho luận án.

5. Những đóng góp mới của luận án

- *Về mặt lý luận*: Luận án xây dựng quan niệm và làm rõ 04 vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đó là xác định chủ trương, lập chương trình, kế hoạch; tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết và kiến nghị, đề xuất các nội dung, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; đưa ra 02 nhóm tiêu chí đánh giá vai trò của HTCT cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gồm: Nhóm tiêu chí đánh giá việc thực hiện vai trò và nhóm tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện vai trò. Luận án cũng chỉ ra các yếu tố tác động đến vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- *Về mặt thực tiễn*: Phân tích thực trạng, chỉ ra những thành công và hạn

chế của HTCT cơ sở trong thực hiện 04 vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Dự báo những yếu tố tác động, đề xuất 04 quan điểm và 07 giải pháp phát huy vai trò của HTCT cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên thời gian tới, các giải pháp cụ thể là: tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho các chủ thể và Nhân dân; tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành tố trong HTCT cơ sở nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với các lực lượng trên địa bàn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết xung đột xã hội; phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội an ninh quốc phòng ở địa phương và đổi mới, hoàn thiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, tôn giáo.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách của Đảng, Nhà nước về các vấn đề có liên quan, cho HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên nói riêng và HTCT cơ sở cả nước nói chung tham khảo, vận dụng vào hoạt động thực tiễn nhằm cải thiện chất lượng, hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở các cơ sở giáo dục và đào tạo.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, luận án được kết cấu gồm 4 chương (12 tiết), kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, xuyên suốt trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả HTCT. Chính vì vậy, nghiên cứu vai trò của các chủ thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc luôn thu hút sự quan tâm của các nhà lãnh đạo, nhà khoa học với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Đặc biệt, sau khi Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ra đời và khẳng định “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả HTCT mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng”, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò của HTCT đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới các hình thức như sách, báo, tạp chí, đề tài khoa học, luận án tiến sĩ,... Có thể phân chia các công trình nghiên cứu thành các nhóm cụ thể như sau:

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở và đại đoàn kết dân tộc

Nghiên cứu về HTCT, HTCT cơ sở, một số công trình đã đi sâu phân tích, làm rõ mô hình, cấu trúc, tổ chức và hoạt động của HTCT, tiêu biểu là các công trình: “*HTCT ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*” [4], của tác giả Hoàng Chí Bảo (2004), “*HTCT của Anh, Pháp, Mỹ - Mô hình tổ chức và hoạt động*” [52] của tác giả Nguyễn Văn Huyền (2007), “*Mô hình tổ chức và hoạt động của HTCT một số nước trên thế giới*” [98] của tác giả Tô Huy Rứa (2008), “*Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong HTCT Việt Nam hiện nay*” [40] của tác giả Nguyễn Hữu Đồng (2009).

Các công trình đều khẳng định HTCT được cơ bản cấu thành từ ba bộ phận là đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức và các phong trào xã hội. Tuy nhiên, ở từng mô hình chính trị khác nhau thì vai trò của từng thành tố có sự

khác nhau. Đối với HTCT Việt Nam, tác giả Nguyễn Hữu Đồng cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo HTCT và toàn bộ xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò quan trọng trong tập hợp, giáo dục và vận động Nhân dân đồng thời tham gia vào quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Trong khi đó, tác giả Hoàng Chí Bảo đã phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận về HTCT như: khái niệm, cấu trúc, bản chất, mục tiêu, cơ sở chính trị - xã hội của HTCT trong quá trình hình thành và phát triển; chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức thành viên và mối quan hệ giữa các tổ chức đó. Đồng thời, công trình đã khái quát những đặc điểm của cơ sở trong quan hệ với việc tổ chức và hoạt động của HTCT.

Bàn về công tác đổi mới, củng cố, xây dựng HTCT, HTCT cơ sở tiêu biểu có một số công trình như: *“Một số giải pháp nâng cao chất lượng HTCT cơ sở các tỉnh Tây Bắc hiện nay”* [58] của tác giả Phạm Đức Kiên (2015), *“Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện HTCT ở nước ta hiện nay - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* [86] của tác giả Lê Hữu Nghĩa (2013), *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng HTCT theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”* [56] của tác giả Ngô Thị Khánh (2022), *“Một số tiếp cận mới của Đại hội XIII về xây dựng HTCT Việt Nam”* [102] của tác giả Phan Xuân Sơn (2022). Trong các công trình, các tác giả đều nhất quán sự cần thiết phải đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT các cấp, HTCT cơ sở ở Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT, HTCT cơ sở, các tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT, HTCT cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trên thế, giới, nghiên cứu về HTCT, HTCT cơ sở cũng thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà khoa học với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, điển hình là: Tác giả Yves Meny (1991) với công trình *“Chính trị so sánh - về các nền dân chủ Đức, Mỹ, Pháp, Anh, Ý”* [183]; Công trình *“Chính trị học so sánh”* [93] của tác giả Rolf H.W. Thee và Frank L. Wilson (1998); Công trình *“Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ”* [55] của tác giả Jay M. Shafritz (2002); công trình *“Cải cách chính phủ con lốc chính trị cuối thế kỷ XX”* (2002) của Tinh Tinh [115]; tác giả Elizabeth J. Perry và Merle Goldman (2007), *Grassroots*

Political Reform in Contemporary China (Cải cách HTCT Trung Quốc đương đại) [192]; công trình “*Political Systems of East Asia: China, Korea, and Japan (HTCT Đông Á: Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản)*” [188] của tác giả Louis D. Hayes (2012). Trong các công trình này, các tác giả đã phân tích, làm rõ những vấn đề cơ bản về HTCT các nước trên thế giới, tập trung luận giải mối quan hệ giữa đảng chính trị và cơ quan nhà nước cũng như chức năng quản lý địa phương do cơ quan hành chính hoặc cơ quan tự quản thực hiện. Các tác giả cho rằng, dù cho chính quyền địa phương được tổ chức theo mô hình tự quản và xã hội công dân nhưng hoạt động của nó vẫn phải nằm trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Cùng với đó, các tác giả cho rằng cơ cấu quyền lực chính trị ở các nước tư bản có sự tham gia của nhân dân, có các đảng chính trị cạnh tranh, nhờ đó mà tăng quyền lực chính trị cho nhân dân. Trong khi đó, tác giả Louis D. Hayes đã phân tích, so sánh HTCT của ba nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản với những điểm tương đồng cũng như những đặc thù khác biệt của HTCT xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc so với HTCT tư bản chủ nghĩa ở Hàn Quốc và Nhật Bản từ đó đưa ra một số đặc trưng của HTCT Đông Á. Các nghiên cứu của Tinh Tinh, Elizabeth J. Perry và Merle Goldman đã phân tích lịch sử, đặc điểm của HTCT Trung Quốc, làm rõ quan điểm của nhiều nhà lãnh đạo Trung Quốc trong cuộc cải cách cơ cấu nền hành chính đương đại.

Nghiên cứu về vấn đề dân tộc, đại đoàn kết dân tộc, ở Việt Nam có một số công trình tiêu biểu như: Công trình “*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay*” [7] của tác giả Bùi Đình Bôn (2012), “*Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh*” [43] của tác giả Lê Thị Hà (2016), “*Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng*” [51] của tác giả Nguyễn Dương Hùng (2021), “*Đại đoàn kết toàn dân tộc – Cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của các mạng Việt Nam*” [5] của tác giả Lê Hải Bình (2022), “*Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc*” [109] của tác giả Mạch Quang Thắng (2023), “*Một số quan điểm, nguyên tắc trong giải quyết vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc ở Việt Nam*” [146] của Vũ Thế Tùng và Đỗ Thị Thạch

(2024); “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới*” (2025) của tác giả Đào Thị Hoàn [49]; “*Sức mạnh của đoàn kết*” (2025) của tác giả Tô Lâm [62]. Trong các công trình trên, các tác giả đã khái quát những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta qua các kỳ đại hội về đại đoàn kết; khẳng định đại đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu, là nội dung quan trọng xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo của Đảng, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở các quan điểm về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, các tác giả đã đề xuất một số yêu cầu, giải pháp nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc trong thời gian tới như: Phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay phải kết hợp hài hòa các lợi ích; phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là trách nhiệm chung của toàn HTCT và Nhân dân; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính; hoàn thiện chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh; nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Vấn đề đoàn kết, đoàn kết dân tộc, đoàn kết xã hội cũng thu hút sự tham gia nghiên cứu của các học giả trên thế giới, tiêu biểu là: Công trình “*Contingency, Irony, and Solidarity*” [193] của tác giả Richard Rorty (1989), “*Justice and Solidarity: On the Discussion Concerning*” [187] của tác giả Jürgen Habermas (1989), “*A New Theory of Group Solidarity*” [184] của tác giả Barry Markovsky & Edward J. Lawler (1994), “*The Socially Responsive Self: Social Theory and Professional Ethics*” [191] của tác giả Larry May (1996), “*Solidarity and prosocial behavior: a framing approach*” [190] của các tác giả Lindenberg, S., Fetchenhauer, D., Flache, A. & Buunk, “*Self-determination and National Unity: A Challenge for Africa (Quyền tự quyết và đoàn kết dân tộc: Thách thức cho châu Phi)*” [186] của tác giả Francis Mading Deng (2009), “*Preserving National Unity: Culturometric Rapid Appraisals of Ethnic Inequalities (Giữ*

gìn đoàn kết dân tộc: *Đánh giá nhanh về sự bất bình đẳng dân tộc*)” [185] của tác giả Beatrice Boufof-Bastick (2012), *Ethnic Policy in China: Is Reform Inevitable? (Chính sách dân tộc ở Trung Quốc: Cải cách là tất yếu?)* [189] của James Leibold (2013), “*Nghiên cứu đánh giá và thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển đối với các dân tộc có dân số ít (Từ quan điểm lý thuyết chu trình chính sách công)*” [105] của tác giả Cảnh Tân (2017).

Trong các công trình trên, các nghiên cứu đã tập trung phân tích đưa ra các quan niệm về đoàn kết, nguồn gốc, bản chất và các yếu tố ảnh hưởng đến đoàn kết dân tộc, đoàn kết xã hội. Richard Rorty, Jürgen Habermas đã đưa ra các quan niệm khác nhau về đoàn kết như đoàn kết bao hàm mọi suy nghĩ và hành động vì xã hội; đoàn kết và công lý luôn song hành cùng nhau. Nghiên cứu của Larry May lại chỉ ra đoàn kết phải đảm bảo 05 yếu tố là: Sự đồng nhất có ý thức với nhóm; sự gắn bó tình cảm; lợi ích chung vì hạnh phúc của nhóm; chia sẻ giá trị và niềm tin và sẵn sàng thể hiện sự ủng hộ về mặt đạo đức. Trong khi đó, nghiên cứu của Lindenberg, S., Fetchenhauer, D., Flache, A. & Buunk đã dẫn luận lại quan điểm của học giả xã hội học người Pháp Emile Durkheim về đoàn kết xã hội. Theo Emile Durkheim, có hai loại hình đoàn kết xã hội là đoàn kết cơ học và đoàn kết hữu cơ. Đoàn kết cơ học xuất hiện trong các nhóm người giống nhau về nền tảng, giá trị và niềm tin từ đó nâng cao tính đồng nhất của hành vi giữa các cá nhân. Ngược lại, đoàn kết hữu cơ phát triển từ những khác biệt bắt nguồn từ sự phân công lao động. Ở một khía cạnh tiếp cận khác, các tác giả Francis Mading Deng, Beatrice Boufof-Bastick, James Leibold và Cảnh Tân lại tập trung phân tích, đánh giá về thực trạng đoàn kết dân tộc, đoàn kết xã hội ở một số nước trên thế giới. Tác giả Francis Mading Deng đã tập trung đánh giá tình trạng bất bình đẳng rõ rệt giữa các nhóm thành phần dân tộc ở hầu hết các quốc gia châu Phi mà nguồn gốc của nó là do chủ nghĩa thực dân, từ việc hình thành các quốc gia đa sắc tộc trước đây. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm củng cố đoàn kết dân tộc ở các quốc gia đa sắc tộc. Tác giả Beatrice Boufof-Bastick đi sâu phân tích, đánh giá về tình hình đoàn kết dân tộc và bình đẳng dân tộc ở một số quốc gia đang phát triển. Tác giả cho rằng, ở các quốc gia đang phát triển đa văn hóa với nền dân chủ tiến bộ đã ban hành nhiều chính sách về sự gắn kết công dân, về công bằng dân tộc nhằm xây dựng khối

đoàn kết dân tộc thống nhất. Tuy nhiên, cũng có những chính sách chưa phù hợp với thực tế, sự quan tâm của công dân. Các nghiên cứu của James Leibold, Cảnh Tân tập trung phân tích vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và những thay đổi trong thực hiện chính sách dân tộc nhằm xây dựng khối đoàn kết dân tộc ở Trung Quốc.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về vai trò của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Về khái niệm và nội hàm vai trò của HTCT, HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, một số công trình đã luận giải, xác định rõ nội dung, bản chất, cấu trúc của HTCT và HTCT cơ sở, gắn với khái niệm đại đoàn kết dân tộc. Tiêu biểu cho nhóm này là các công trình: *“Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới”* [12] của tác giả Nguyễn Hữu Dũng (2022); bài viết *“Vai trò của Nhà nước trong xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc”* [44] của các tác giả Trương Hồ Hải và Đặng Thị Hoài (2022); bài viết *“Giữ gìn, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”* [37] của tác giả Đặng Quang Định (2023); công trình *“Vai trò HTCT cấp cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay”* [16] của tác giả Lương Thanh Duy (2023); công trình *“HTCT cơ sở với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc - Thực tế từ các tỉnh vùng Tây Nam Bộ”* [87] của tác giả Vũ Thị Mai Oanh (2024).

Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận HTCT và HTCT cơ sở như một chỉnh thể thống nhất, có cấu trúc chặt chẽ và cơ chế vận hành phối hợp giữa các thành tố chủ chốt như Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong chỉnh thể đó, mỗi thành tố đảm nhiệm vai trò riêng nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, sự vận hành hiệu quả của thiết chế chính trị, qua đó tổ chức, điều phối và huy động sức mạnh toàn dân vào sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đáng chú ý, các công trình không chỉ khẳng định vai trò chỉ đạo chiến lược của

HTCT mà còn làm rõ năng lực cụ thể của từng thành tố trong triển khai chính sách, quản lý xã hội và bảo đảm đồng thuận xã hội. Cụ thể, công trình của Nguyễn Hữu Dũng (2022) làm rõ chức năng đại diện và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam trong việc tập hợp, bảo vệ quyền lợi và phản ánh nguyện vọng của Nhân dân. Bài viết của Trương Hồ Hải và Đặng Thị Hoài (2022) khẳng định vai trò thể chế hóa và tổ chức thực hiện chính sách phát triển của Nhà nước trong việc tạo lập môi trường thuận lợi để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Công trình của Lương Thanh Duy (2023) nhấn mạnh vai trò chủ đạo của HTCT cơ sở như lực lượng trực tiếp tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện chính sách dân tộc, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đặng Quang Định (2023) nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT nhằm tổ chức, duy trì và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân. Vũ Thị Mai Oanh (2024) làm rõ vai trò phối hợp đồng bộ giữa các thành tố của HTCT cơ sở trong công tác dân tộc, đảm bảo an sinh xã hội và tăng cường gắn kết cộng đồng. Như vậy, các công trình trên đã góp phần khẳng định HTCT và HTCT cơ sở là lực lượng trung tâm trong việc xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc cả về tổ chức, chính sách và ý thức chính trị - xã hội.

Về vai trò cụ thể của HTCT, HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, một số công trình đã tập trung làm rõ các phương diện thực tiễn mà HTCT các cấp, đặc biệt là ở cơ sở thực hiện nhằm thúc đẩy và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiêu biểu cho nhóm công trình này gồm: *“Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Gia Lai (2001 - 2015)”* [57] của tác giả Trần Tăng Khởi (2016); *“Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực hiện đại đoàn kết dân tộc từ năm 1996 đến năm 2015”* [142] của tác giả Hoàng Thị Trang (2020).

Các công trình trên đã làm rõ nhiều vai trò cụ thể của HTCT và HTCT cơ sở trong việc tổ chức và vận hành thực tiễn công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như: vai trò trong công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đại đoàn kết; vai trò tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc

thiểu số, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa; vai trò phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số, nhằm bảo đảm sự lan tỏa đồng thuận từ bên trong cộng đồng. Ngoài ra, HTCT cơ sở còn thể hiện vai trò tích cực trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, giữ vững quốc phòng và an ninh và đấu tranh chống lại các âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần bảo vệ sự ổn định chính trị, xã hội tại địa phương. Trong số đó, nghiên cứu của Hoàng Thị Trang (2020) đã làm rõ vai trò lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong công tác chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động và công tác tư tưởng, chính trị nhằm củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương. Những công trình này đã cung cấp các minh chứng thực tiễn sinh động, từ cấp tỉnh đến cơ sở, qua đó cho thấy rõ vai trò toàn diện của HTCT, nhất là cấp cơ sở, trong việc hiện thực hóa các mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước hiện nay.

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu thực trạng vai trò của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nghiên cứu tập trung đánh giá toàn diện thực trạng vai trò của HTCT, đặc biệt là HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tiêu biểu có thể kể đến các công trình: *“Vấn đề tôn giáo và dân tộc với HTCT cơ sở ở Tây Nguyên”* [39] của tác giả Hoàng Minh Đô (2008); *“Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)”* [69] của tác giả Dương Văn Mạnh (2017); và *“Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Sơn La (2001 - 2010)”* [111] của tác giả Phạm Xuân Thu (2018). Các công trình này đều tiếp cận từ góc nhìn thực tiễn gắn với địa phương cụ thể, phản ánh sinh động hiện trạng, thành tựu và những tồn tại trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Tác giả Hoàng Minh Đô (2008) đã phân tích kỹ lưỡng tình hình dân tộc, tôn giáo tại Tây Nguyên và cho rằng những bất cập trong việc thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo ở khu vực này có nguyên nhân sâu xa từ sự yếu kém trong tổ chức, hoạt động của HTCT cơ sở. Cụ thể, tình trạng tổ chức Đảng và

đảng viên ở cơ sở còn yếu; HĐND, Ủy ban Nhân dân xã thiếu năng lực điều hành; hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn hình thức, chồng chéo. Cùng hướng tiếp cận, công trình của Dương Văn Mạnh (2017) đã nhấn mạnh vai trò của HTCT các cấp trong giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức thực hiện các chương trình phát triển và bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra nhiều hạn chế trong việc gắn kết công tác tuyên truyền với thực hiện chính sách, sự phiến diện trong triển khai nguyên tắc bình đẳng dân tộc và việc chưa chủ động đấu tranh với các thế lực chia rẽ khối đại đoàn kết. Trong khi đó, Phạm Xuân Thu (2018) thông qua nghiên cứu tại tỉnh Sơn La đã cho thấy vai trò nổi bật của Đảng bộ tỉnh trong định hướng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, qua đó đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng an ninh và xây dựng HTCT. Tác giả khẳng định “Những kết quả nêu trên có được là nhờ sự lãnh đạo tích cực của Đảng bộ tỉnh, sự tiên phong, đi đầu của đội ngũ đảng viên...”.

Tập trung nghiên cứu, phản ánh vai trò thực tiễn của HTCT và HTCT cơ sở trong việc trực tiếp triển khai các nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các địa bàn có tính đặc thù về dân tộc, tôn giáo, địa hình, trình độ phát triển có các công trình: *“Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên - Nội dung cốt lõi để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”* [91] của tác giả Phạm Mạnh Quang (2018); *“Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu - Kết quả và một số kinh nghiệm”* [84] của tác giả Giảng Páo Mỹ (2021); và *“Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới”* [104] của tác giả Phùng Khánh Tài (2021).

Công trình của Nguyễn Mạnh Quang (2018) đi sâu đánh giá những kết quả nổi bật mà HTCT các cấp đạt được trong công tác vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên. Tác giả khẳng định vai trò trung tâm của HTCT, đặc biệt là cấp cơ sở trong việc nắm bắt địa bàn, trực tiếp tuyên truyền, vận động, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân, làm thất bại âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết của các thế lực thù địch. Bên cạnh thành tựu, công trình cũng chỉ ra nhiều tồn tại trong hoạt động vận động quần chúng, như nhận thức chưa đầy đủ, thiếu sự phối hợp đồng bộ,

còn hình thức trong một số hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra 4 bài học kinh nghiệm về công tác dân vận, đặc biệt là kinh nghiệm gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Tác giả Giảng Páo Mỹ (2021) thông qua nghiên cứu thực tiễn tại tỉnh Lai Châu, đã khẳng định “Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, triển khai sâu rộng các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Tác giả đánh giá cao vai trò của các cấp ủy trong xây dựng Đảng bộ trong sạch, chính quyền vững mạnh, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với các chính sách dân tộc, giảm nghèo, đào tạo nghề, nâng cao thu nhập và đời sống tinh thần cho Nhân dân. Những kết quả này đã được hệ thống hóa thành kinh nghiệm thực tiễn mang giá trị định hướng cho các địa phương vùng dân tộc khác. Trong khi đó, công trình của Phùng Khánh Tài (2021) chú trọng phân tích vai trò của MTTQ Việt Nam trên phạm vi toàn quốc trong bối cảnh mới, nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận các cấp nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Phân tích vai trò cụ thể của các thành tố trong HTCT ở địa phương, nhất là tổ chức MTTQ tại các tỉnh, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có một số công trình tiêu biểu như: “*Khối đại đoàn kết toàn dân tộc - yếu tố tạo nên thành công của Hà Nội*” [83] của tác giả Tuấn Minh (2022), “*MTTQ các cấp tỉnh Quảng Ninh: Phát huy vai trò trung tâm trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc*” [42] của tác giả Vũ Mạnh Hà (2022), “*MTTQ Việt Nam tăng cường vận động, đoàn kết, phát huy nguồn lực các tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*” [107] của tác giả Nguyễn Văn Thanh (2024).

Trong công trình của Tuấn Minh (2022), tác giả đã luận giải cách thức các tổ chức trong hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội phát huy vai trò của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tác giả khẳng định: “Nhờ phát huy tốt sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thành phố luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, không ngừng khẳng định vị trí, vai trò trung tâm đầu não chính trị, hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục

và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế”. Tác giả cũng đưa ra các định hướng cần thiết nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của MTTQ trong thời gian tới, trong đó nhấn mạnh đến việc tạo điều kiện cho Mặt trận thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và tổ chức hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Tác giả Vũ Mạnh Hà (2022), thông qua khảo sát thực tiễn hoạt động của MTTQ các cấp tỉnh Quảng Ninh, đã khẳng định vị trí trung tâm của Mặt trận trong việc huy động nguồn lực xã hội, phát huy sức mạnh toàn dân trong giải quyết các vấn đề cấp thiết, nổi bật là trong phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội. Tác giả cho rằng MTTQ các cấp đã chủ động đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế hộ gia đình, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Đồng thời, Mặt trận còn tích cực tham gia vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và củng cố HTCT ở địa phương. Trong khi đó, tác giả Nguyễn Văn Thanh khẳng định, MTTQ Việt Nam đã góp phần quan trọng vào nhiệm vụ tăng cường vận động, tập hợp, đoàn kết các tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bào các tôn giáo; vận động các tôn giáo phát huy các giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực tôn giáo trong phát triển đời sống văn hoá, xã hội; phát huy tốt vai trò của các tổ chức tôn giáo, các vị chức sắc, nhà tu hành trong tham gia các phong trào thi đua các cuộc vận động, các hoạt động an sinh xã hội.

1.1.4. Nhóm công trình nghiên cứu về phương hướng, mục tiêu, quan điểm, giải pháp đối với hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong nhóm các công trình nghiên cứu đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp tổng thể nhằm phát huy vai trò của HTCT và HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, các tác giả đã tập trung khẳng định tính cấp thiết của việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả vận hành của HTCT trong bối cảnh mới. Tiêu biểu trong nhóm này gồm có: Dương Văn Mạnh (2017), *“Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)”* [69]; Tuấn Minh (2022),

“Khởi đại đoàn kết toàn dân tộc - yếu tố tạo nên thành công của Hà Nội” [83]; Nguyễn Hữu Dũng (2023), *“Một số giải pháp phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam trong xây dựng khởi đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới”* [12]; Nguyễn Phú Trọng (2023), *“Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của MTTQ Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”* [143]; Mạch Quang Thắng (2023), *“Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”* [109]; Lương Thanh Duy (2023), *“Vai trò HTCT cấp cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay”* [16], *“Sự nhất quán và tư duy mới về phát huy sức mạnh Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới”* [89] của tác giả Vũ Văn Phúc (2023).

Nội dung các công trình trên đã gợi mở những giá trị lý luận và thực tiễn của đại đoàn kết dân tộc, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm xây dựng khởi đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò HTCT, HTCT cơ sở trong xây dựng khởi đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở hướng tiếp cận khác nhau, các tác giả đã đề xuất nhiều giải pháp, hệ thống giải pháp cho một bộ phận của HTCT cũng như cả HTCT trong củng cố, xây dựng khởi đại đoàn kết dân tộc. Đối với MTTQ, các tác giả cho rằng cần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng Nhân dân; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, thực hiện tốt vai trò đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; hoàn thiện tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận có tâm, có tài, gắn bó mật thiết với Nhân dân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Đối với HTCT nói chung, HTCT cơ sở nói riêng, các tác giả đã đề xuất các giải pháp từ vĩ mô đến vi mô để phát huy vai trò HTCT trong xây dựng khởi đại đoàn kết dân tộc. Cụ thể:

Các công trình của Nguyễn Phú Trọng và Mạch Quang Thắng, Vũ Văn Phúc cùng đề cập đến những giải pháp vĩ mô và mang tính định hướng chiến lược lâu dài trong việc xây dựng khởi đại đoàn kết dân tộc. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, cần giữ vững vai trò tiên phong, hạt nhân lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức Đảng, HTCT trong xây dựng và phát huy sức mạnh

khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới; tiếp tục bổ sung hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật; đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, phát huy tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực, động lực chủ yếu, là mục tiêu của đại đoàn kết toàn dân tộc. Cùng quan điểm trên, tác giả Mạch Quang Thắng, Vũ Văn Phúc cho rằng cần tiến hành đồng bộ các giải pháp đó là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, HTCT các cấp; hoàn thiện chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiềm năng và sức sáng tạo của Nhân dân; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước; tổ chức các cuộc vận động, phong trào Thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả. Các giải pháp được đề xuất không chỉ chú trọng vào khía cạnh tổ chức bộ máy mà còn bao hàm các yếu tố về tư tưởng, chính trị, xã hội và văn hóa, thể hiện quan điểm lấy con người làm trung tâm trong phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong khi đó, công trình của tác giả Lương Thanh Duy lại đề cập đến những giải pháp mang tính vi mô gắn với vai trò của HTCT cấp cơ sở ở một địa bàn cụ thể, đó là: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể HTCT cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; thường xuyên củng cố, xây dựng HTCT cấp cơ sở trong sạch vững mạnh; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc; tăng cường công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với các lực lượng khác trên địa bàn, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật và điều kiện bảo đảm ở cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc.

1.1.5. Nhóm công trình nghiên cứu về vai trò của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên

Nghiên cứu về vai trò của HTCT, HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên, các tác giả khai thác, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, trong đó một số tác giả đã tập trung nghiên cứu về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc, tôn giáo với công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tiêu biểu cho hướng tiếp cận này có các công trình như: *“Củng cố và tăng cường HTCT cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo Tin Lành ở các tỉnh Tây Nguyên”* [133] của tác giả Nguyễn Hữu Trí (2004); công trình *“Vấn đề tôn giáo và dân tộc với HTCT cơ sở ở Tây Nguyên”* [39] của tác giả Hoàng Minh Đô (2008); đề tài *“Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên”* [48] do tác giả Phạm Quang Hoan làm chủ nhiệm đề tài (2015); công trình *“Giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, góp phần xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực, nền tảng cho sự phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới”* [11] của tác giả Trương Minh Dục (2025).

Các công trình trên đã phân tích một cách sâu sắc về tình hình dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc, tôn giáo và công tác thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo của HTCT các cấp trên địa bàn Tây Nguyên từ đó luận giải mối quan hệ của việc thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo với vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay. Các tác giả cho rằng, khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay chưa thực sự vững chắc là do những mâu thuẫn vốn có trong mối quan hệ giữa các dân tộc, các tôn giáo cùng với những hạn chế, yếu kém của HTCT các cấp trong triển khai, thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo. Trên cơ sở đánh giá thực trạng tình hình dân tộc, tôn giáo, tình hình khối đại đoàn kết ở Tây Nguyên, các tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên như: Phát huy vai trò của HTCT trong lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo thực tiễn về công tác dân tộc, tôn giáo; xây dựng,

chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng; đổi mới tổ chức và hoạt động của HTCT cơ sở; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở; phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác tôn giáo, dân tộc; phát triển văn hóa, giáo dục, y tế; nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý của cấp trên đối với cơ sở; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo vững mạnh về mọi mặt và thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân. Cùng với đó, công trình *“Bảo tồn không gian văn hóa trên địa bàn Tây Nguyên và yêu cầu đặt ra khi sắp xếp lại đơn vị hành chính”* [114] của tác giả Nguyễn Duy Thụy (2025) cho rằng văn hoá truyền thống của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên là nền tảng tinh thần, là điều kiện đảm bảo cho khối đại đoàn kết dân tộc. Chính vì vậy, để khối đại đoàn kết được bền vững cần tiến hành tổng thể các giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển văn hoá Tây Nguyên như gắn bảo tồn với phát triển kinh tế, xã hội; hoàn thiện pháp lý; phát huy di sản gắn với sinh kế; nâng cao nhận thức của cộng đồng.

Ở một hướng tiếp cận khác, công trình *“Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Gia Lai (2001 - 2015)”* [57] của tác giả Trần Tăng Khởi (2016) đã phân tích một cách có hệ thống về quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Gia Lai như đặc điểm khối đại đoàn kết dân tộc, các yếu tố tác động đến quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, các chủ trương, chính sách của HTCT các cấp đối với quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đánh giá kết quả đạt được và tìm ra nguyên nhân của những thành công, hạn chế đối với quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tác giả cũng đề xuất một số giải pháp tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Gia Lai thời gian tới như: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm các cấp uỷ đảng về chính sách dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; đổi mới công tác giáo dục, tuyên truyền; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chủ quyền quốc gia, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong khi đó, các công trình của tác giả Vũ Xuân Thuỷ (2017), “*Các tỉnh uỷ ở Tây Nguyên lãnh đạo công tác dân vận giai đoạn hiện nay*” [112]; Phạm Tất Thắng (2023), “*Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới*” [110], Tỉnh uỷ Lâm Đồng (2023), “*Công tác vận động, phát huy đại đoàn kết trong xây dựng nông thôn mới và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước phát động*” [139] lại tiếp cận vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết từ công tác vận động quần chúng. Các tác giả cho rằng công tác dân vận là một trong những phương thức quan trọng để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Thông qua hoạt động dân vận của HTCT các cấp đã góp phần phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hoá ở các khu dân cư, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, các công trình đã đề xuất nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên như: Nâng cao nhận thức của HTCT các cấp; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng; đổi mới nội dung, phương thức tiến hành công tác dân vận; phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng và củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận ở HTCT các cấp.

Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài như: Công trình *Chúng tôi ăn rừng* (1957) của tác giả Georges Condominas [41]; *The Ethnography of Vietnam's Central Highlanders* (2003); *Heritage, power and culture in Vietnam* (2007) của tác giả Oscar Salemink [194, 195]; *Rừng, đàn bà, diên loạn* (2002) của Jacques Dournes [54], đã nghiên cứu, phân tích một cách sâu sắc các đặc điểm tự nhiên, văn hoá, dân tộc của một số dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Đây cũng là nguồn tư liệu quý giá để chúng ta hiểu rõ đặc điểm địa lý, tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của các dân tộc ở Tây Nguyên từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nơi đây.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát những nội dung đã được nghiên cứu của các công trình khoa học liên quan đến đề tài

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án cho thấy, có rất nhiều công trình nghiên cứu về vai trò của HTCT, HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dưới các góc độ tiếp cận và phạm vi khác nhau. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn trên các phương diện cụ thể:

Trên phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu đã đề cập khá phong phú dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau về vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó tập trung làm rõ một số khái niệm như HTCT, HTCT cơ sở, công tác dân tộc, đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; sự phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Một số công trình tập trung phân tích làm rõ vai trò của các thành viên của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Mặc dù, các công trình có quan điểm và cách luận giải khác nhau trong việc đưa ra vai trò của HTCT, HTCT cơ sở đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, song các công trình đều khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của các mạng Việt Nam; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả HTCT. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã cung cấp một lượng lớn kiến thức quan trọng về HTCT, HTCT cơ sở, đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Trên phương diện thực tiễn, căn cứ vào nội dung tiến hành, một số tác giả đã đánh giá thực trạng những ưu điểm, hạn chế của HTCT, HTCT cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Một số công trình đã luận giải về nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế của HTCT trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau. Trong đó, làm nổi bật một số nguyên nhân hạn chế đó là: Nhận thức, năng lực của

một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế; nội dung, phương thức tiến hành công tác vận động quần chúng còn chưa phù hợp, phong phú; sự thiếu đồng bộ trong tổ chức và hoạt động của các thành viên thuộc HTCT; sự chống phá điên cuồng của các thế lực thù địch.

Về giải pháp thực hiện, các tác giả đã đề xuất một số giải pháp có giá trị để phát huy vai trò của HTCT nói chung, các thành viên của HTCT, HTCT cơ sở nói riêng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như nâng cao nhận thức, trách nhiệm cũng như đổi mới cơ chế và qui chế hoạt động, phối hợp giữa các tổ chức thuộc HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tăng cường công tác tuyên truyền vận động Nhân dân; phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân,... Những kết quả nghiên cứu đó đã cung cấp cho tác giả một bức tranh tổng thể về thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vai trò của HTCT các cấp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

1.2.2. Khoảng trống và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, có thể thấy rằng, mặc dù đã có nhiều công trình trong và ngoài nước đề cập đến vai trò của HTCT, đặc biệt là từng thành tố trong HTCT như tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân, trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, song vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được làm rõ.

Thứ nhất, các công trình hiện có chủ yếu nghiên cứu vai trò của từng thành viên trong HTCT một cách độc lập, mà chưa khái quát được vai trò chung, mang tính tổng thể của toàn bộ HTCT cơ sở với tư cách là một chỉnh thể thống nhất. Do đó, chưa phản ánh đầy đủ tính tương tác, phối hợp và vận hành đồng bộ giữa các chủ thể của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, ở địa bàn Tây Nguyên với đặc điểm dân cư, văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ và điều kiện kinh tế - xã hội rất đặc thù, các nghiên cứu hiện nay tuy đã đề cập đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc, nhưng chưa làm rõ vai trò riêng biệt, đặc thù và khả năng thích ứng của HTCT cơ sở trong điều kiện địa phương. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện vai trò này như thể chế, mô hình

tổ chức bộ máy, năng lực cán bộ, sự tác động của các thế lực thù địch, hay đặc điểm tôn giáo, tín ngưỡng, văn hoá tại địa bàn vẫn chưa được phân tích sâu.

Thứ ba, các giải pháp được đề xuất trong các công trình trước đó chủ yếu mang tính khái quát hoặc theo hướng kiến nghị chính sách chung, hoặc các giải pháp riêng rẽ cho từng bộ phận trong hệ thống chính trị. Chưa có hệ thống giải pháp khả thi, đồng bộ, bám sát điều kiện đặc thù địa phương cho cả hệ thống chính trị cơ sở để vận dụng trong thực tiễn lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện.

Thứ tư, nhiều vấn đề thực tiễn cấp thiết khác như: yêu cầu đổi mới phương thức quản lý xã hội ở cơ sở, cải cách hành chính, phát huy dân chủ ở thôn, buôn, tổ dân phố, nâng cao hiệu lực giám sát cộng đồng, phòng ngừa âm mưu lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết,... tuy đã được đặt ra ở một số tài liệu về cải cách chính trị, nhưng lại chưa được tiếp cận một cách chuyên sâu, có hệ thống từ góc nhìn vai trò của HTCT cơ sở đặc biệt là trong bối cảnh tinh gọn bộ máy hiện nay.

Từ những khoảng trống nêu trên, luận án lựa chọn vấn đề “Vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay” làm đối tượng nghiên cứu. Để tiếp cận và giải quyết một cách toàn diện vấn đề này, luận án sẽ tập trung nghiên cứu các nội dung sau:

Một là, làm rõ cơ sở lý luận về HTCT cơ sở, bao gồm khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, cấu trúc tổ chức, cũng như mối quan hệ nội tại giữa các thành tố của HTCT cơ sở; làm rõ nội hàm của xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và vai trò của HTCT cơ sở trong việc xác định chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và kiến nghị chính sách nhằm xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Hai là, phân tích các yếu tố đặc thù của khu vực Tây Nguyên như điều kiện địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội, dân cư, tín ngưỡng, tôn giáo và xu hướng dịch chuyển cơ cấu dân số, nhằm nhận diện rõ các tác nhân ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở đó, luận án sẽ khảo sát, đánh giá thực trạng, chỉ rõ những thành tựu và hạn chế, làm rõ nguyên nhân và từ đó rút ra những vấn đề cốt lõi cần tiếp tục giải quyết trong thời gian tới.

Ba là, dự báo xu hướng tình hình trong thời gian tới, đặc biệt là những biến động có thể ảnh hưởng đến sự gắn kết xã hội, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất một số quan điểm và hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, gắn với thực tiễn địa phương nhằm phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo môi trường thuận lợi phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Từ những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trên, các câu hỏi nghiên cứu của luận án là:

- Câu hỏi 1: HTCT cơ sở có những vai trò gì trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? Vai trò đó được hình thành từ những cơ sở lý luận nào?
- Câu hỏi 2: Những yếu tố nào đang tác động đến hiệu quả thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở?
- Câu hỏi 3: Trên thực tế, các vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đã được thực hiện như thế nào tại địa bàn Tây Nguyên?
- Câu hỏi 4: Có những giải pháp nào phát huy hiệu quả thực hiện vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay?

Các giả thuyết nghiên cứu:

- Giả thuyết 1: HTCT cơ sở giữ vai trò trung tâm trong tổ chức, điều phối và dẫn dắt các lực lượng xã hội xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc ở cấp cơ sở. Vai trò đó được hình thành từ quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về HTCT và đại đoàn kết dân tộc.
- Giả thuyết 2: Hiệu quả thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở chịu tác động bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó, những yếu tố tác động chủ yếu là chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương; mối quan hệ dân tộc tôn giáo và sự chống phá của kẻ thù.
- Giả thuyết 3: HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã phát huy tốt vai trò của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện còn có những hạn chế, bất cập nhất định trong cụ thể hoá

chủ trương, tổ chức triển khai thực hiện, sơ tổng kết và rút kinh nghiệm về công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Giả thuyết 4: HTCT cơ sở nâng cao nhận thức, trách nhiệm về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội an ninh quốc phòng; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết xung đột xã hội nhằm tăng cường đồng thuận xã hội góp phần thúc đẩy Tây Nguyên phát triển bền vững.

Tiểu kết Chương 1

Có thể thấy, vấn đề đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà khoa học. Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã cho thấy một bức tranh tổng thể từ lý luận đến thực tiễn về đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, về HTCT, vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Với cách nhìn và hướng tiếp cận khác nhau, một số công trình đã đi sâu làm rõ những vấn đề lý luận về HTCT, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc. Một số nhà nghiên cứu đã làm rõ vai trò của HTCT các cấp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết, đánh giá thực trạng, những vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở một số địa phương.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu, luận giải một cách hệ thống, đầy đủ cả về phương diện lý luận và tổng kết thực tiễn về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay là một sự bổ sung cần thiết đối với nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

2.1. KHÁI NIỆM HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

2.1.1. Khái niệm hệ thống chính trị cơ sở

2.1.1.1. *Hệ thống chính trị và hệ thống chính trị Việt Nam*

HTCT là một phạm trù quan trọng của khoa học chính trị. Tuy nhiên, khái niệm “hệ thống chính trị” lại ra đời khá muộn. Lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây trước Mác chưa có khái niệm HTCT.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin mặc dù không đề cập trực tiếp đến thuật ngữ “hệ thống chính trị” nhưng thông qua các tác phẩm của mình, các ông đã luận giải một cách sâu sắc các thành tố của HTCT như: Nguồn gốc, bản chất của nhà nước; lý luận về Đảng kiểu mới cầm quyền, về nhà nước chuyên chính vô sản, về vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng; về cách thức, phương pháp xây dựng các yếu tố của HTCT. Các ông thường dùng các thuật ngữ như “cơ cấu chính quyền”, “bộ máy chính trị”, “chế độ dân chủ”, ... để chỉ khái niệm “hệ thống chính trị”. Theo V.I Lênin, chuyên chính vô sản có nhiều hình thức khác nhau nhưng tựu chung lại là quyền lực thuộc về giai cấp vô sản, thuộc về Nhân dân lao động. Hệ thống chuyên chính vô sản bao gồm các thành tố Đảng Cộng sản, chính quyền Xô viết, các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản. Đảng Cộng sản là người sáng lập, lãnh đạo nhà nước Xô viết và các tổ chức quần chúng đồng thời là bộ phận của HTCT chuyên chính vô sản. Nguồn gốc quyền lực của nhà nước là quyền lực của Nhân dân. Vấn đề quan trọng nhất của chính trị là việc “tổ chức chính quyền nhà nước”, là sự tham gia của Nhân dân vào các công việc nhà nước, xác định hình thức nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước. Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các quốc gia, dân tộc trong đó cốt lõi là vấn đề giành và giữ chính quyền, sử dụng quyền lực nhà nước;

là hoạt động thực tiễn của các giai cấp, đảng phái, nhà nước để hiện thực hóa lợi ích căn bản của giai cấp mình trong mối tương quan với các chủ thể chính trị khác.

Sau Mác, khái niệm HTCT được các nhà tư tưởng tập trung nghiên cứu, phát triển và đưa ra nhiều quan niệm khác nhau, chẳng hạn:

HTCT là cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp với các chức năng, cơ chế vận hành và các mối quan hệ của chúng. Quan niệm này dựa trên cơ sở là mọi quyết định chính trị, chính sách của một quốc gia đều do nhà nước quyết định, ban hành.

Quan niệm thứ hai nhìn nhận HTCT ở một phạm vi rộng hơn, HTCT bao gồm nhà nước và các tổ chức chính trị hợp pháp (đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, ...). Cách tiếp cận này giúp lý giải được nhiều vấn đề hơn việc thực hiện quyền lực và ra quyết định của nhà nước. Đằng sau các quyết định chính trị của nhà nước là cả một quá trình đấu tranh, tương tác, gây sức ép, thỏa hiệp giữa các nhóm, lực lượng, giai cấp, khác nhau trong xã hội.

Từ các quan niệm trên, có thể khái quát: *Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các thể chế chính trị bao gồm các cơ quan quyền lực nhà nước, các đảng phái chính trị, các tổ chức chính trị xã hội được xây dựng, tổ chức và vận hành theo những nguyên tắc, cơ chế và quan hệ nhất định nhằm thực thi quyền lực chính trị đáp ứng nhu cầu ổn định và phát triển của xã hội.*

Như vậy, nói đến HTCT là nói đến chỉnh thể các thể chế, chức năng và mối quan hệ giữa chúng trong việc thực thi quyền lực chính trị trên phạm vi lãnh thổ của một quốc gia. HTCT được cấu thành từ nhiều bộ phận khác nhau bao gồm: Nhà nước, các đảng phái chính trị, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội tồn tại và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật với mục đích duy trì và phát triển xã hội, bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền và lợi ích chung của xã hội. Nhà nước là trung tâm của HTCT được tổ chức thành các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương và chính quyền địa phương. Đảng chính trị giành được quyền lực nhà nước, thông qua nhà nước và bằng nhà nước để thực hiện các mục tiêu chính trị của mình. HTCT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hệ thống và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và các mối quan hệ

giữa chúng. Các mối quan hệ này vừa diễn ra theo chiều dọc, vừa theo chiều ngang (tác động và ảnh hưởng qua lại giữa các thiết chế khác nhau). HTCT đề ra và thực hiện các nguyên tắc, cơ chế, chính sách, quy định, định hướng nội dung và mục tiêu phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng, đảm bảo các quyền, chuẩn mực xã hội, điều chỉnh quan hệ quyền lực của các giai cấp, các tầng lớp, các nhóm xã hội, các dân tộc; giữa tổ chức và cá nhân.

Ở Việt Nam, trên cơ sở kế thừa, vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và tinh hoa lý luận thế giới về HTCT, khái niệm HTCT được Đảng Cộng sản Việt Nam nêu ra từ Hội nghị lần thứ sáu, BCHTW Đảng khoá VI (tháng 3-1989) trong đó khẳng định: “Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội đang đòi hỏi phải đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động của HTCT nhằm tăng cường chất lượng lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò tích cực và năng lực sáng tạo của Nhân dân “[16, tr.536]. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) chính thức sử dụng thuật ngữ “Hệ thống chính trị” theo đó, *Hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một chỉnh thể gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cùng với các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp, hoạt động theo một cơ chế nhất định nhằm từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi quyền lực thuộc về Nhân dân nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Đây là thuật ngữ chính thức của Đảng, được sử dụng rộng rãi trong các văn kiện, tạp chí, sách báo, các công trình nghiên cứu khoa học. Quan điểm này khẳng định, HTCT ở Việt Nam là một chỉnh thể về cấu trúc. Xét theo cấu trúc ngang, HTCT Việt Nam gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Xét theo cấu trúc dọc, HTCT nước ta được tổ chức thành 04 cấp tương đương với phân cấp hành chính – lãnh thổ hiện nay gồm: Trung ương,

tỉnh (và thành phố trực thuộc Trung ương), huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh), xã (phường, thị trấn). Mỗi tổ chức, mỗi phân cấp trong HTCT có vị trí, vai trò khác nhau do chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, từng phân cấp quy định, song cùng tác động vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo quyền lực của Nhân dân trong các hoạt động thực tiễn của xã hội. HTCT Việt Nam thực hiện cơ chế quyền lực chính trị thuộc về Nhân dân: mọi công việc liên quan đến quốc kế, dân sinh đều do Nhân dân quyết định; mọi thiết chế chính trị trong xã hội đều do Nhân dân trực tiếp hay gián tiếp lập ra và chịu sự giám sát của Nhân dân; các thiết chế chính trị - xã hội được thành lập để thực hiện quyền lực của Nhân dân.

2.1.1.2. Khái niệm hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam

Theo Điều 110, Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Các đơn vị hành chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường” [92, tr.58]. Như vậy, xét theo cấu trúc dọc của HTCT nước ta hiện nay thì xã (phường, thị trấn) được coi là đơn vị hành chính cấp cơ sở. Đây là nơi trực tiếp diễn ra các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước, đồng thời bảo đảm, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

HTCT cơ sở cũng được cấu trúc bởi ba thành tố là Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Các bộ phận này có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng trong một chỉnh thể thống nhất, đồng thời các tổ chức thành viên lại được quy định bởi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động nhằm thực hiện vai trò lãnh đạo, tổ chức thực hiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân ở cơ sở.

Từ những nội dung trên, có thể đưa ra khái niệm: *Hệ thống chính trị cơ sở là một bộ phận của hệ thống chính trị Việt Nam ở xã, phường, thị trấn gồm tổ chức đảng, chính quyền (HĐND, UBND), MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc nhất định nhằm thực thi quyền lực chính trị ở địa phương, bảo vệ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân vì mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Xét về cấu trúc, HTCT cơ sở là một chỉnh thể thống nhất, bao gồm các tổ chức, các thể chế chính trị như tổ chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc nhất định và gắn bó hữu cơ với nhau. Mỗi thành tố hợp thành trong HTCT cơ sở có vị trí, vai trò, chức năng khác nhau, song đều vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Cơ chế chính trị đó phản ánh và giải quyết mối quan hệ giữa HTCT cơ sở với xã hội, với HTCT cấp trên và giữa các thành tố cấu thành HTCT cơ sở với nhau, bảo đảm cho sự vận hành của HTCT cơ sở; đồng thời bảo đảm cho việc thực thi trực tiếp quyền lực chính trị của các tầng lớp Nhân dân, trước hết là Nhân dân tại cơ sở.

HTCT cơ sở là bộ phận quan trọng của HTCT Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) nhận định: “HTCT ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư”. Vai trò của HTCT cơ sở có thể khái quát ở những khía cạnh sau:

Một là, xác định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo và tổ chức cho Nhân dân thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương.

Hai là, thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân để thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Ba là, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

Bốn là, tập hợp, giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng Nhân dân; kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền điều chỉnh các chủ trương, chính sách đảm bảo phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

Những vai trò trên xuất phát từ chính chức năng, nhiệm vụ của HTCT cơ sở. Chức năng, nhiệm vụ đó đảm bảo mối liên hệ chung và sự thống nhất hoạt động của các tổ chức trong HTCT với tư cách là một chỉnh thể. Tuy nhiên, mỗi tổ chức trong HTCT cơ sở lại có vị trí, vai trò khác nhau và có mối quan hệ hữu cơ với nhau trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HTCT cơ sở. Vì thế, chức năng nhiệm vụ của HTCT cơ sở được biểu hiện thành chức năng, nhiệm vụ của các thành tố cấu thành, cụ thể là:

Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở): Là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, đóng vai trò là người lãnh đạo trực tiếp, toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở cơ sở, trực tiếp đề ra các chủ trương, biện pháp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và các mặt công tác của địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Hiện nay, đảng bộ cơ sở bao gồm nhiều chi bộ. Theo Điều lệ đảng quy định, tổ chức cơ sở đảng đảm nhiệm thực hiện các chức năng chủ yếu sau:

Một là, chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở; đề ra chủ trương nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Hai là, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ kiến thức, năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở; làm công tác phát triển đảng viên.

Ba là, lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính,

quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Bốn là, liên hệ mật thiết với Nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân; lãnh đạo Nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Năm là, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng [30, tr.39, 40]

Chính quyền cơ sở: Là trung tâm quyền lực chính trị ở cơ sở, trực tiếp tổ chức, điều hành, quản lý xã hội đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, Nghị quyết của Đảng bộ cơ sở và nguyện vọng của nhân dân của địa phương. Chính quyền cơ sở (HĐND, UBND xã, phường, thị trấn) thực hiện chức năng được quy định trong Luật tổ chức HĐND và ủy ban nhân dân năm 2003, Luật tổ chức chính phủ, Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2019, cụ thể là:

HĐND xã, phường, thị trấn: “Là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên” [93, tr.1]. HĐND thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Hiến Pháp và pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương đồng thời phát huy quyền chủ động sáng tạo của địa phương. HĐND xã, phường, thị trấn có hai chức năng cơ bản là quyết định và giám sát trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở cơ sở như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, chăm lo phát triển giáo dục, y tế, xã hội và đời sống, văn hoá, xây dựng chính quyền địa phương; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn: Là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, Pháp luật và các văn bản

của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp. Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn có chức năng, nhiệm vụ là “thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính Nhà nước từ trung ương đến cơ sở” [93, tr.2]. Như vậy Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý Nhà nước toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, tổ chức và quản lý kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ - môi trường, thể dục, thể thao, báo chí, phát thanh, truyền hình; thực hiện chính sách xã hội, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và thi hành pháp luật ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở.

MTTQ xã, phường, thị trấn: Là tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân, thống nhất hành động của các tổ chức thành viên, tham gia với chính quyền trong việc quản lý nhà nước, chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp Nhân dân ở cơ sở. MTTQ xã, phường, thị trấn có chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, chấp hành điều phối nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ và sự điều hành của chính quyền; tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở.

Các tổ chức chính trị - xã hội trong HTCT cơ sở bao gồm: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh ở cơ sở. Đây là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, có chức năng, nhiệm vụ chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực và chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân, tập hợp, củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự nhất trí về chính trị, tinh thần của nhân dân; tuyên truyền vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước trên địa bàn; giám sát mọi hoạt động của cơ quan Nhà nước ở cơ sở, các đại biểu dân cử, và cán bộ công chức; tập hợp những ý kiến và kiến nghị của nhân dân để phản ánh với Đảng và Nhà nước cấp trên; tham gia xây

dựng và củng cố chính quyền nhân dân ở địa phương; chăm lo bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ chính đáng của Nhân dân. Tuy nhiên, mỗi tổ chức có tôn chỉ, mục đích và điều lệ riêng, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức đã được xác định rõ trong các luật, pháp lệnh của Nhà nước và điều lệ của các tổ chức đó.

Về mối quan hệ giữa các thành tố của HTCT cơ sở: Các thành tố của HTCT cơ sở mặc dù có tính độc lập tương đối theo chức năng, nhiệm vụ nhưng vẫn phải phối hợp với nhau, tạo nên sự thống nhất của hệ thống. Theo đó, các thành tố của HTCT cơ sở hoạt động dưới sự lãnh đạo thống nhất của tổ chức cơ sở Đảng; chính quyền (HĐND, UBND) là lực lượng chủ đạo giữ vai trò quản lý điều hành, là cơ quan quyền lực nhà nước trực tiếp tổ chức đời sống mọi mặt, phát huy mọi tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội; MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội là tổ chức đại diện quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, là cầu nối giữa nhân dân với Đảng, chính quyền, đại biểu cho lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Về mối quan hệ cụ thể, có thể kể đến:

Mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở Đảng với chính quyền cơ sở (HĐND và UBND) là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng với chính quyền là điều kiện đảm bảo để HĐND và UBND cơ sở hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức cơ sở Đảng lãnh đạo chính quyền bằng nghị quyết, các biện pháp, bố trí cán bộ, đảng viên đảm nhiệm những chức vụ chủ chốt, quan trọng trong chính quyền. HĐND ban hành nghị quyết, cụ thể hoá nghị quyết của cấp uỷ cơ sở, trên cơ sở đó, UBND xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như luật định.

Mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở Đảng với MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội là mối quan hệ lãnh đạo và phục tùng lãnh đạo. Tổ chức cơ sở Đảng lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội bằng chủ trương, quan điểm, nghị quyết, thông qua các hoạt động của ban chấp hành, người đứng đầu uỷ ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân, thông quan đơn đốc, kiểm tra, không áp đặt, quan liêu, mệnh lệnh. Trên cơ sở nghị quyết, chủ trương của cấp uỷ cơ sở, uỷ

ban MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội quán triệt, triển khai sâu rộng và thực hiện có hiệu quả nghị quyết của tổ chức cơ sở Đảng. Mặt khác, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cũng có tính độc lập tương đối, phát huy tính chủ động sáng tạo để vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các giai, tầng mà họ đại diện, phản ánh đầy đủ tâm tư, nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân để bổ sung cho những quyết định của cấp uỷ cơ sở.

Mối quan hệ giữa chính quyền cơ sở (HĐND, UBND) với MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội là mối quan hệ hiệp thương, phối hợp công tác. MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật và các quy định của chính quyền, giúp chính quyền hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình. Ngược lại chính quyền phải tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành chức trách nhiệm vụ của mình cùng tác động đến Nhân dân theo các phương thức khác nhau, có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau. Trong khi, phương thức chủ yếu của chính quyền là trên cơ sở pháp luật, dựa vào pháp luật bằng các biện pháp hành chính thì MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện phương thức tuyên truyền, vận động, thuyết phục, giáo dục các đối tượng thi hành chính sách. Để đạt được mục đích đề ra, giữa chính quyền và MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội cần phải cộng tác, phối hợp với nhau, không bên nào được ép buộc, ra lệnh hoặc chỉ đạo, chỉ thị cho bên nào.

2.1.2. Khái niệm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

2.1.2.1. Khái niệm đoàn kết

Đoàn kết là một phạm trù xã hội - chính trị có nội hàm phong phú, phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa các cá nhân, nhóm người và cộng đồng người trong quá trình tồn tại và phát triển trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trong đời sống xã hội thường nhật, thuật ngữ “đoàn kết” được sử dụng phổ biến để chỉ trạng thái hòa hợp, thống nhất và gắn bó giữa các thành viên trong một tập thể nhất định.

Theo Từ điển tiếng Việt, “đoàn kết là kết thành một khối, thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, chống đối nhau” [180, tr.645]. Cách hiểu này nhấn mạnh phương diện hình thức và biểu hiện trực tiếp của đoàn kết, đó là sự thống nhất về ý chí và hành động nhằm hạn chế hoặc loại trừ tình trạng phân tán, đối lập trong nội bộ cộng đồng. Tuy nhiên, nếu chỉ tiếp cận đoàn kết ở bình diện ngôn ngữ học hoặc ở trạng thái biểu hiện bề ngoài, thì chưa đủ để làm sáng tỏ bản chất xã hội, chính trị và lịch sử của phạm trù này. Trong thực tiễn vận động của xã hội, đoàn kết không đơn thuần là cảm xúc tự phát hay sự đồng thuận nhất thời, mà là kết quả của những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, của sự tương tác lợi ích, của các giá trị chung được thừa nhận và của sự dẫn dắt mang tính tổ chức. Vì vậy, trong nghiên cứu khoa học chính trị, đoàn kết cần được tiếp cận như một phạm trù mang tính cấu trúc, gắn liền với quy luật vận động của xã hội và những mục tiêu phát triển cụ thể của cộng đồng.

Xét về nguồn gốc thuật ngữ, “đoàn kết” trong tiếng Việt tương ứng với thuật ngữ *solidarity* trong các ngôn ngữ phương Tây, vốn bắt nguồn từ chữ *solidus* trong tiếng Latinh, mang nghĩa “rắn chắc”, “bền chặt”. Ngay từ ý nghĩa nguyên thủy, *solidarity* đã hàm chứa nội dung về sự gắn kết bền vững giữa các cá nhân, không phải là sự liên kết lỏng lẻo hay tạm thời. Trong Luật La Mã, thuật ngữ này được sử dụng để chỉ nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý chung của một tập thể đối với các thành viên, đặc biệt trong các quan hệ vay nợ, qua đó nhấn mạnh yếu tố trách nhiệm liên đới và sự ràng buộc xã hội. Cách tiếp cận này cho thấy đoàn kết ngay từ đầu đã không chỉ mang ý nghĩa đạo đức hay tinh thần, mà còn gắn với các thiết chế xã hội cụ thể, phản ánh mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng trong những điều kiện lịch sử nhất định. Sự phát triển của thuật ngữ này từ lĩnh vực pháp lý sang các lĩnh vực xã hội học, triết học và chính trị học cho thấy đoàn kết ngày càng được nhận thức như một nguyên tắc tổ chức đời sống xã hội, có vai trò nền tảng trong việc duy trì trật tự, ổn định và thúc đẩy sự phát triển của các cộng đồng người.

Trong xã hội học hiện đại, Emile Durkheim là người đầu tiên đặt đoàn kết vào trung tâm phân tích cấu trúc xã hội. Ông đưa ra khái niệm “đoàn kết xã hội” và phân biệt hai loại hình cơ bản là đoàn kết cơ học và đoàn kết hữu cơ. Đoàn kết cơ học đặc trưng cho các xã hội truyền thống, nơi các cá nhân có sự tương đồng cao về nguồn gốc, lối sống, giá trị và niềm tin, từ đó tạo nên sự đồng nhất trong hành vi và ý thức xã hội. Trong kiểu đoàn kết này, cá nhân gắn bó với cộng đồng chủ yếu thông qua sự giống nhau và sự tuân thủ các chuẩn mực chung. Ngược lại, đoàn kết hữu cơ xuất hiện trong các xã hội hiện đại, khi phân công lao động và chuyên môn hóa phát triển mạnh mẽ. Khi đó, các cá nhân tuy khác biệt về chức năng, vị trí và vai trò xã hội, nhưng lại phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình tồn tại và phát triển. Chính mối quan hệ phụ thuộc này trở thành nền tảng của sự gắn kết xã hội [184]. Phân tích của Durkheim cho thấy đoàn kết không phải là hiện tượng bất biến, mà biến đổi theo trình độ phát triển của xã hội; đồng thời khẳng định rằng sự khác biệt, nếu được tổ chức và điều tiết hợp lý, không tất yếu dẫn đến chia rẽ, mà ngược lại có thể trở thành cơ sở của một hình thức đoàn kết bền vững hơn.

Từ góc độ triết học xã hội đương đại, vấn đề đoàn kết tiếp tục được tiếp cận dưới những chiều cạnh mới, nhấn mạnh vai trò của giá trị đạo đức và sự lựa chọn có ý thức của con người. Richard Rorty cho rằng đoàn kết không xuất phát từ các nguyên lý siêu hình hay chuẩn mực đạo đức phổ quát, mà được hình thành từ những cảm xúc xã hội như lòng vị tha, sự cảm thông và khả năng đặt mình vào hoàn cảnh của người khác. Theo ông, đoàn kết là kết quả của quá trình mở rộng “vòng tròn đạo đức”, trong đó con người ngày càng sẵn sàng coi người khác như một phần của “chúng ta”, thay vì đối lập họ với “cái tôi” cá nhân [193]. Jurgen Habermas lại tiếp cận đoàn kết trong mối quan hệ biện chứng với công lý, cho rằng đoàn kết mang tính nội tại của các cộng đồng cụ thể, còn công lý mang tính phổ quát, đòi hỏi các cá nhân phải vượt qua những ràng buộc cục bộ để hướng tới các chuẩn mực chung của xã hội [187]. Larry

May coi đoàn kết là một cấu trúc đạo đức - xã hội, được hình thành từ sự đồng nhất có ý thức với nhóm, sự gắn bó tình cảm, lợi ích chung, sự chia sẻ giá trị và trách nhiệm đạo đức [191]. Những tiếp cận này cho thấy đoàn kết không chỉ là trạng thái khách quan của xã hội, mà còn là kết quả của lựa chọn đạo đức và hành động có ý thức của các chủ thể xã hội.

Tiếp cận từ lý luận Mác - Lênin, đoàn kết được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với vấn đề giai cấp, dân tộc và sự nghiệp giải phóng con người. Xuất phát từ phân tích hiện thực xã hội tư bản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra rằng sự phân hóa giai cấp và sự đối kháng lợi ích là nguyên nhân sâu xa làm tan rã các mối quan hệ xã hội; do đó, muốn thiết lập đoàn kết thực sự thì phải giải quyết vấn đề lợi ích trên cơ sở cải biến những quan hệ xã hội tạo ra sự áp bức, bóc lột. Theo các ông, sự thống nhất về lợi ích căn bản giữa các giai cấp, các dân tộc và việc giải quyết hài hòa các lợi ích đó trong đời sống hiện thực là cơ sở của đoàn kết; các dân tộc chỉ có thể thực sự đoàn kết khi họ có lợi ích chung và cùng tham gia vào quá trình cải tạo xã hội [67, tr.526 - 527]. Như vậy, trong quan điểm của chủ nghĩa Mác, đoàn kết dân tộc không phải là sự dung hòa hình thức giữa những lợi ích đối kháng, mà là kết quả của một quá trình cách mạng nhằm xóa bỏ những điều kiện kinh tế - xã hội làm nảy sinh sự đối lập giữa các dân tộc. Mục tiêu cuối cùng của quá trình đó là giải phóng lao động, thiết lập một trật tự xã hội mới, trong đó “toàn thể công nhân, không phân biệt nam, nữ và dân tộc, đều có quyền hưởng những của cải do lao động chung của họ làm ra” [67, tr.713].

Kế thừa và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện lịch sử mới của thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin đã làm sâu sắc thêm nội dung đoàn kết dân tộc và đoàn kết các lực lượng xã hội trong cách mạng vô sản. Trước sự phân hóa trong phong trào công nhân quốc tế, sự nổi lên của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, Lênin chỉ ra rằng giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không thiết lập được liên minh chặt

chẽ với các giai cấp, tầng lớp khác và không gắn cuộc đấu tranh của mình với phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức. Ông nhấn mạnh: “Giai cấp vô sản không liên minh được với các giai cấp khác thì nhiệm vụ cơ bản của cách mạng không thể hoàn thành...”, và “Nếu chỉ có một mình đội tiên phong thôi thì không thể thắng nổi... đó không những là một điều đại đột, mà còn là một tội ác nữa” [63, tr.97]. Từ đó, Lênin nêu khẩu hiệu mang tính thời đại: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”, qua đó mở rộng phạm vi đoàn kết từ khuôn khổ quốc gia sang bình diện quốc tế, đồng thời khẳng định đoàn kết là điều kiện tất yếu bảo đảm thắng lợi của cách mạng trong bối cảnh chủ nghĩa đế quốc thống trị thế giới.

Ở bình diện chính trị - xã hội, đoàn kết còn cần được nhìn nhận như một quá trình có tổ chức, gắn với năng lực lãnh đạo và điều phối xã hội. Trong những xã hội có cấu trúc phức tạp, đa dạng về giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo và lợi ích, đoàn kết không thể hình thành một cách tự phát, mà đòi hỏi sự dẫn dắt của các chủ thể chính trị có đủ uy tín, năng lực và tầm nhìn chiến lược. Thiếu vắng vai trò tổ chức và điều phối, các mối liên kết xã hội dễ bị chi phối bởi lợi ích cục bộ, dẫn đến phân hóa và xung đột. Do đó, đoàn kết không chỉ là kết quả của sự tương đồng, mà còn là sản phẩm của quá trình tổ chức, giáo dục, vận động và điều chỉnh các quan hệ xã hội theo những mục tiêu chung được xã hội thừa nhận.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, đoàn kết là một phạm trù phức hợp, vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan; vừa gắn với cấu trúc xã hội, vừa gắn với ý thức và hành động của con người. Đoàn kết không đồng nhất với sự hòa hợp bề ngoài hay sự áp đặt ý chí, mà là quá trình tập hợp và kết nối các cá nhân, nhóm người hoặc cộng đồng người trên cơ sở những điểm tương đồng cơ bản về lợi ích, giá trị và mục tiêu, đồng thời thừa nhận và dung hòa những khác biệt chính đáng giữa các thành viên. Chính sự kết hợp biện chứng giữa lợi ích và giá trị, giữa cảm xúc đạo đức và hành động

có tổ chức, giữa tương đồng và khác biệt đã tạo nên bản chất bền vững của đoàn kết trong đời sống xã hội.

Như vậy, đoàn kết là sự gắn kết bền vững giữa các chủ thể xã hội, được hình thành và củng cố thông qua sự thống nhất về mục tiêu, sự hài hòa về lợi ích, sự chia sẻ về giá trị và sự phối hợp trong hành động, nhằm duy trì sự ổn định và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng. Cách hiểu này không chỉ phản ánh đầy đủ các chiều cạnh ngôn ngữ, xã hội học, triết học và chính trị học của đoàn kết, mà còn tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề đoàn kết dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

2.1.2.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam

Trên cơ sở tiếp thu những luận điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về đoàn kết dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận này phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của Việt Nam, một quốc gia thuộc địa nửa phong kiến, có cơ cấu xã hội đa dạng và truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, cố kết cộng đồng sâu sắc. Hồ Chí Minh khẳng định đoàn kết là vấn đề có tính chiến lược, quyết định sự thành công hay thất bại của cách mạng, vì vậy, phải được thực hiện như một chính sách lâu dài, nhất quán, chứ không phải là một thủ đoạn chính trị nhất thời. Người chỉ rõ: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào” [80, tr.672]. Từ nhận thức đó, Hồ Chí Minh xác định đại đoàn kết dân tộc phải là đoàn kết toàn dân, tập hợp được tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, xu hướng chính trị, vào một khối thống nhất trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung của dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu của đại đoàn kết dân tộc được xác định rõ ràng và nhất quán, đó là độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, dân chủ và giàu mạnh. Người coi mục tiêu chung này là nền tảng cốt lõi bảo đảm sự gắn kết bền vững của toàn dân tộc:

“Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta... Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta” [71, tr.249-250]. Ở đây, đoàn kết không chỉ được đặt trong mối quan hệ với nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà còn gắn liền với yêu cầu xây dựng đất nước sau khi giành được độc lập, thể hiện tầm nhìn chiến lược lâu dài của Hồ Chí Minh về vai trò của đoàn kết trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đoàn kết như một nguồn sức mạnh nội sinh của dân tộc, có khả năng huy động và phát huy tối đa tiềm năng của Nhân dân trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Người khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh của chính ta, đoàn kết chặt chẽ thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn mọi nhiệm vụ Nhân dân giao phó” [76, tr.145] và đúc kết bằng mệnh đề nổi tiếng:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công!” [81, tr.120].

Luận điểm này không chỉ mang ý nghĩa cổ vũ tinh thần, mà còn phản ánh một nhận thức sâu sắc về quy luật vận động của cách mạng: sức mạnh của dân tộc không nằm ở một cá nhân hay một nhóm nhỏ, mà ở sự cố kết rộng rãi của toàn dân dưới sự lãnh đạo đúng đắn.

Về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh xác định đó là toàn thể Nhân dân Việt Nam, trong đó liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức giữ vai trò nền tảng. Tuy nhiên, Người nhấn mạnh rằng nền tảng này không mang tính khép kín hay loại trừ, mà là cơ sở để mở rộng đoàn kết tới tất cả các tầng lớp Nhân dân, các giai cấp, các chính đảng, các đoàn thể, các dân tộc và các tôn giáo, kể cả những người trước đây có lập trường khác biệt, miễn là họ thật thà tán thành mục tiêu chung của dân tộc [77, tr.244]. Cách tiếp cận này thể hiện rõ tư duy biện chứng và tinh thần khoan dung chính trị của Hồ Chí Minh, đồng thời cho thấy đại đoàn kết dân tộc

không phải là sự xóa bỏ khác biệt, mà là sự tập hợp các khác biệt trong một mục tiêu chung.

Về chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh xác định đây là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn thể đồng bào các dân tộc. Người nhấn mạnh: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà” [77, tr.244]. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn; Nhà nước thể chế hóa các quan điểm đó thành pháp luật, chính sách và tổ chức thực hiện; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là cơ sở để thực hiện đại đoàn kết dân tộc thông qua việc tập hợp, vận động các tầng lớp Nhân dân. Đồng bào các dân tộc vừa là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vừa là lực lượng thụ hưởng thành quả của quá trình đó. Hồ Chí Minh khẳng định quyền làm chủ của Nhân dân các dân tộc luôn gắn liền với trách nhiệm đoàn kết, cùng nhau xây dựng Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội [81, tr.48].

Về nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [79, tr.371]. Cùng với đó là nguyên tắc tôn trọng, yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc nhằm khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi và tự ti dân tộc, đồng thời phát huy tinh thần tự lực, tự cường trong lao động sản xuất và xây dựng đời sống. Theo Hồ Chí Minh, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam phải đoàn kết như anh em một nhà; dân tộc đông hơn, phát triển hơn có trách nhiệm giúp đỡ các dân tộc khác cùng tiến bộ, qua đó củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng bình đẳng và nhân ái.

Trên cơ sở kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước

xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc. Các văn kiện từ Đại hội VI đến Đại hội XIII đều nhất quán khẳng định đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo Chính trị Đại hội XII nhấn mạnh: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo” [33, tr.158]. Đặc biệt, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là “nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, đồng thời mở rộng nội hàm đoàn kết tới cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục khẳng định định hướng chiến lược phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, coi đây là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh mới: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [33, tr.14].

Từ những nội dung trên cho thấy, trong suốt tiến trình cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức một cách nhất quán về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng trong các cuộc kháng chiến, các phong trào cách mạng trước đây, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, khối đại đoàn kết dân tộc không phải tự nhiên mà có. Khối đại

đoàn kết dân tộc chỉ được xây dựng và củng cố thông qua hoạt động có mục đích với những nội dung, phương pháp cụ thể dưới sự dẫn dắt, lãnh đạo của HTCT mà đầu tàu là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo Đại từ điển tiếng Việt, thuật ngữ “xây dựng” được hiểu là: “Làm cho hình thành một tổ chức, hay một chỉnh thể về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa theo một phương thức nhất định” [182, tr.1640]. Đây là quá trình tác động có mục đích của các chủ thể nhằm hình thành, củng cố hoặc phát triển một tổ chức, một chỉnh thể chính trị - xã hội theo định hướng nhất định. Hoạt động xây dựng bao hàm việc tạo lập các yếu tố cấu thành, điều chỉnh mối quan hệ giữa chúng và dẫn dắt quá trình vận hành theo mục tiêu đã xác định. Để đạt hiệu quả, chủ thể cần nắm rõ đặc điểm, quy luật phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến đối tượng, từ đó lựa chọn các biện pháp, hình thức phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển ổn định và bền vững theo đúng định hướng.

Như vậy:

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là tổng thể các hoạt động có mục đích của hệ thống chính trị và Nhân dân, nhằm huy động, tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp Nhân dân, các dân tộc, đồng bào các tôn giáo và không tôn giáo tạo thành một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là liên kết, cố kết các giai cấp, tầng lớp Nhân dân, các dân tộc, tôn giáo thành một khối thống nhất, từ đó nhân lên sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, niềm tin, khát vọng cống hiến và xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; góp phần thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển, có công

nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [35].

Việc đưa ra mục tiêu là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh vừa phản ánh được các giá trị cốt lõi của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa phản ánh nguyện vọng của toàn thể Nhân dân, đồng thời cũng thể hiện sự thừa nhận và tôn trọng mục tiêu riêng, lợi ích riêng của các giai cấp, các tầng lớp, từ đó củng cố sự tương đồng và hạn chế những khác biệt để toàn dân tộc gắn kết chặt chẽ thành một khối thống nhất, thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng.

Chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam là cả HTCT và toàn dân, trong đó hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, là trách nhiệm của cả HTCT. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết của HTCT và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để tập hợp, đoàn kết, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [2, tr.16]. Nhân dân vừa là chủ thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vừa là đối tượng hưởng thụ thành quả của quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong khối đại đoàn kết dân tộc, Nhân dân chính là danh từ chung dùng để chỉ tất cả các giai cấp, tầng lớp, thành phần, lực lượng xã hội, các dân tộc, tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, vùng miền của đất nước, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Nội dung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm:

Xây dựng các giai cấp, tầng lớp, thành phần, lực lượng xã hội vững mạnh, có số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý; chăm lo, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, nâng cao vị thế, vai trò, địa vị xã hội của mỗi thành phần, lực lượng.

Xây dựng mối quan hệ gắn bó khăng khít, bền chặt trong nội bộ Nhân dân, trong đó tập trung trọng yếu vào xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân; giữa đồng bào các dân tộc; đồng bào các tôn giáo, đồng bào theo và không theo tôn giáo.

Xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, Nhân dân với Đảng, Nhà nước trong đó tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước làm cho cho Đảng, Nhà nước ta thực sự là những tổ chức đại diện cho ý chí và quyền lực của Nhân dân, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đảng ta khẳng định: “Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [44, tr.694]. Nội dung xây dựng bao gồm củng cố, tăng cường sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong Đảng; giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm: Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu chung là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng, kiện toàn HTCT; chăm lo các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng, các đoàn thể Nhân dân vững mạnh, tập hợp dưới Mặt trận thống nhất; giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích, chăm lo phát triển các giai cấp, tầng lớp, lực lượng xã hội vững mạnh, tạo sự gắn kết giữa các tầng lớp nhân dân; đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.

Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; thống nhất mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng, tập hợp trong một Mặt trận thống nhất; quan tâm giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp, lực lượng xã hội, thực hiện bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.

Tiêu chí đánh giá mức độ xây dựng khối đại đoàn kết là dựa trên cơ sở đồng thuận xã hội. Đồng thuận trong xã hội hiện nay là sự nhất trí của quảng đại quần chúng Nhân dân dựa trên những điểm tương đồng về chính trị, kinh

tế, tinh thần, văn hoá xã hội. Trong đó, về chính trị, điểm tương đồng là mục tiêu chung xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Về kinh tế, là sự phát triển hài hòa các lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, cộng đồng, xã hội vì sự phát triển chung của đất nước. Về tinh thần, điểm tương đồng là chủ nghĩa yêu nước chân chính. Về văn hóa, điểm tương đồng là sự hướng thiện, tôn trọng những giá trị văn hóa, đạo đức mang tính nhân bản; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc...

2.2. VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

2.2.1. Khái niệm vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Theo Từ điển tiếng Việt, vai trò là “chức năng, tác dụng của cái gì hoặc của ai trong sự vận động phát triển của nhóm, tập thể nói chung” [180, tr.1788]. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra: bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào trong quá trình tồn tại của mình đều có mối liên hệ, quan hệ và giữ vai trò nhất định đối với sự vận động, phát triển của một hay một nhóm sự vật, hiện tượng khác. Như vậy, mỗi sự vật, sự việc hay các chủ thể hoạt động trong một hoàn cảnh và mối quan hệ nhất định đều có một vị trí, vai trò nhất định và được biểu hiện thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong mối quan hệ với các sự vật, sự việc, các chủ thể khác, qua đó khẳng định tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của nó đối với sự vật, sự việc, tổ chức và cá nhân khác. Vai trò được xác lập một cách khách quan bởi vị thế của mỗi chủ thể trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng, chủ thể khác. Cùng một chủ thể, biểu hiện vai trò của nó sẽ khác nhau khi quan hệ xã hội, lĩnh vực hoạt động và mục đích, yêu cầu cần đạt được của hoạt động đó khác nhau.

Ở Việt Nam, HTCT các cấp có chức năng, nhiệm vụ khác nhau. Khác với HTCT cấp trên, HTCT cấp cơ sở là cấp thấp nhất, vừa lãnh đạo, chỉ đạo, vừa trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội trong đó có xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Do đó, với chức năng, nhiệm

vụ và quyền hạn được giao, vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được thể hiện chủ yếu thông qua các hoạt động như xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo, tổng kết, rút kinh nghiệm, kiến nghị, đề xuất trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở, đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân.

Từ những vấn đề lý luận về hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, có thể khái niệm: *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là tổng thể các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc tại địa phương nhằm huy động, tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp Nhân dân, các dân tộc, đồng bào các tôn giáo và không tôn giáo cùng hướng đến mục tiêu thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Mục đích xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở nhằm khơi dậy, nhân lên nguồn sức mạnh nội sinh của dân tộc trong hiện thực hóa quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

Nội dung HTCT cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, căn cứ vào đặc điểm, tình hình của địa phương, HTCT cơ sở trực tiếp tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên các phương diện như: Chăm lo, xây dựng các giai cấp, tầng lớp trong xã hội vững mạnh, thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo; thực hiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số; thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng

phí; giải quyết xung đột, các vấn đề bức xúc về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh; đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Phương thức HTCT cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rất đa dạng, phong phú, gắn với chức năng, nhiệm vụ của HTCT cơ sở, đặc điểm tình hình từng địa bàn và đối tượng cụ thể, trong đó chủ yếu thông qua các phương thức cơ bản như: Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho các chủ thể và đồng bào dân tộc về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước nói chung, chính sách đại đoàn kết dân tộc nói riêng; thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở; thông qua các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống Nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các giai, tầng trong xã hội; đấu tranh chống tư tưởng, hành vi sai trái trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, ... Mỗi hình thức, biện pháp tiến hành có sự khác nhau nhưng đều hướng đích là xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn ngày càng vững chắc.

2.2.2. Nội dung vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước, sự chỉ đạo, hướng dẫn của HTCT cấp trên về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, HTCT cơ sở phải quán triệt, nắm bắt các nội dung cốt lõi, căn cứ điều kiện thực tiễn địa phương để đưa ra chủ trương, xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện các nội dung về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Theo đó, HTCT cơ sở thực hiện các vai trò như sau:

2.2.2.1. Xác định chủ trương; lập kế hoạch, chương trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Đây là vai trò quan trọng, đầu tiên của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của đảng bộ, HĐND, ủy ban Nhân dân các cấp, trực tiếp là cấp huyện; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chuyên trách, cấp ủy và

chính quyền cấp cơ sở cần phải đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo, xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Để xác định chủ trương, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trước hết cấp uỷ cơ sở cần tổ chức học tập, quán triệt một cách sâu, kỹ các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của cấp uỷ, chính quyền các cấp về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc từ đó tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Trên cơ sở học tập, quán triệt, căn cứ vào quan điểm, mục tiêu, nội dung trong nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp uỷ cấp trên và tình hình thực tiễn địa phương, cấp uỷ cơ sở xã, phường, thị trấn đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và được cụ thể hoá trong nghị quyết chuyên đề, hoặc lồng ghép trong nghị quyết nhiệm kỳ, nghị quyết thường kỳ, các kế hoạch, chương trình hành động.

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động của tổ chức Đảng cơ sở, HĐND và Ủy ban Nhân dân cụ thể hóa nội dung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch với những nội dung cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương cũng như chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức; xác định nội dung, biện pháp, chỉ tiêu, phân bổ nguồn lực, tổ chức lực lượng... để thực hiện hiệu quả nội dung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của HĐND và UBND cũng cần xây dựng một cách toàn diện trên các mặt như: Chương trình, kế hoạch tuyên truyền; nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; nghị quyết, kế hoạch kiểm tra, giám sát; kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo; nghị quyết, kế hoạch về công tác thanh niên, công đoàn, phụ nữ, ... MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, quán triệt, cụ thể hóa nội dung thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thành các kế hoạch, chương trình hành động của mình, phổ biến, quán triệt đến các tổ chức thành viên và từng cá nhân, đoàn viên, hội viên; có kế hoạch cụ thể trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội đối với từng nội dung, từng chương trình, đề án cụ thể.

2.2.2.2. Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Thực hiện vai trò này có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở. Trên cơ sở mục tiêu, chủ trương, biện pháp được xác định trong nghị quyết của cấp ủy đảng cơ sở, chương trình, kế hoạch của chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các thành viên của HTCT cơ sở cần triển khai, tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên các nội dung sau:

Một là, tuyên truyền, giáo dục về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Tuyên truyền, giáo dục các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là chức năng, nhiệm vụ cơ bản của HTCT các cấp. Nhấn mạnh vai trò của công tác tuyên truyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” [76, tr.234]. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng chỉ rõ, vận động Nhân dân “là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của đất nước, là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Công tác dân vận là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong HTCT”. Với tư cách là cấp thấp nhất trong HTCT nước ta, nơi trực tiếp giải quyết các vấn đề nảy sinh trên địa bàn, HTCT cơ sở là lực lượng giữ vai trò nòng cốt, trực tiếp trong tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các quan điểm, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số hiểu rõ quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; có ý thức chính trị, ý thức tự vươn lên mạnh mẽ để thoát khỏi đói, nghèo, lạc hậu, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Hai là, quy tụ, tập hợp, bảo vệ quyền, lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân

Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, việc xây dựng và phát huy vai

trò của các giai cấp, tầng lớp nhân dân không chỉ là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc, mà còn là điều kiện để hình thành liên minh chính trị - xã hội vững chắc giữa các lực lượng công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng xã hội khác. Ở cấp cơ sở, điều này đòi hỏi HTCT không chỉ dừng lại ở việc vận động, tuyên truyền, mà cần tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể nhằm nâng cao năng lực, vị thế, vai trò và sự tham gia thực chất của các tầng lớp nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội.

Xây dựng các giai cấp, tầng lớp nhân dân ở đây được hiểu là quá trình hỗ trợ, bồi dưỡng, phát huy năng lực và vai trò xã hội của từng giai cấp, từng nhóm xã hội trong sự phát triển chung của địa phương. Tập hợp các giai cấp, tầng lớp nhân dân không chỉ dừng lại ở việc kết nạp vào các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,...), mà còn bao gồm việc xây dựng cơ chế và môi trường chính trị - xã hội phù hợp để khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng, góp ý xây dựng chính sách, phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn trật tự, an toàn địa phương. Các kế hoạch như phát triển giai cấp công nhân, đào tạo thanh niên, hỗ trợ hội viên phụ nữ, phát triển nông dân sản xuất giỏi,... không chỉ mang ý nghĩa xã hội, kinh tế mà còn là cách để củng cố niềm tin và sự gắn bó của nhân dân với HTCT ở cơ sở.

MTTQ có vai trò đặc biệt trong việc tập hợp, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Thông qua hệ thống giám sát và phản biện xã hội, Mặt trận có thể kịp thời đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao đời sống nhân dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội. Các đoàn thể chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh cần làm tốt vai trò nòng cốt trong tổ chức phong trào hành động cách mạng, xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng cán bộ, nâng cao nhận thức chính trị, pháp luật và kỹ năng sống cho hội viên, đoàn viên. Song song với đó, HTCT cơ sở cũng cần thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc và tôn giáo. Chính quyền cơ sở cần tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình giảm nghèo, nâng cao đời sống văn hóa,

giáo dục, y tế vùng dân tộc thiểu số; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời, phải nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân để xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh.

Ba là, duy trì và thực hiện công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh

Trong bối cảnh đất nước có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, việc bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc không chỉ là nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, mà còn là yếu tố nền tảng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. HTCT cơ sở với vị trí là bộ phận trực tiếp triển khai các chủ trương, chính sách ở cấp địa phương, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu này. Vai trò đó trước hết được thể hiện qua việc tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo hướng bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Thông qua việc điều phối các chương trình giảm nghèo, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, HTCT cơ sở góp phần thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc; từ đó tạo điều kiện để các dân tộc cùng tham gia và thụ hưởng thành quả của quá trình phát triển.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, HTCT cơ sở giữ vai trò là chủ thể trực tiếp tổ chức các hoạt động nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc, đồng thời từng bước loại bỏ những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần cho đồng bào. Các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế ở cơ sở là công cụ hữu hiệu để HTCT cơ sở triển khai các chính sách và hoạt động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số một cách thiết thực và bình đẳng. Đặc biệt, trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh, HTCT cơ sở có vai trò quan trọng trong việc tổ chức xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay từ cơ sở. Việc duy trì trật tự an toàn xã hội, quản lý dân cư, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn nảy sinh trong cộng đồng, xây

dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên vững mạnh... đều góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và ngăn ngừa âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số

Cán bộ người dân tộc thiểu số ở cơ sở là người có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động, triển khai đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước đến đồng bào dân tộc một cách kịp thời, hiệu quả, là hạt nhân tiêu biểu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở cơ sở. Mặt khác, thông qua việc bố trí, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số sẽ thể hiện rõ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo sự bình đẳng về quyền lợi chính trị cho đồng bào các dân tộc thiểu số khi tham gia vào khối đại đoàn kết dân tộc từ đó tăng thêm niềm tin chính trị cho đồng bào. Chính vì vậy, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số để họ có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu của quá trình công tác là một việc làm cần thiết, thường xuyên. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Chú trọng cơ cấu hợp lý, sớm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc, thiểu số ở các cấp, nhất là ở cơ sở” [33]. Do vậy, cấp ủy và chính quyền cơ sở cần phát huy tốt vai trò của mình trong quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số từ đó thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ này.

Năm là, thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; giải quyết xung đột giữa các tầng lớp nhân dân, các dân tộc

HTCT ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và triển khai cho Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Nghị quyết số 23 - NQ/TW ngày 12/3/2003 “về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đã xác định: “thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí,.. là những yếu tố quan trọng để

củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [23, tr. 2]. Với tư cách là chủ thể của thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở, hoạt động của HTCT ở cơ sở mà trước hết là chính quyền cấp cơ sở là khâu then chốt trong tổ chức thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” Thông qua việc thực hiện tốt dân chủ cơ sở mà quyền và lợi ích chính đáng của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân được chăm lo, bảo vệ, từ đó củng cố thêm khối đại đoàn kết dân tộc. Chính vì vậy, chính quyền cần thực hiện tốt dân chủ để toàn bộ các mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội như quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quyết toán ngân sách, xây dựng cơ sở trường, trạm, các thiết chế văn hóa, công khai mức thuế, phí và lệ phí, vốn vay xóa đói, giảm nghèo, bình xét gia đình văn hóa, kế hoạch và phương án đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng triển khai các dự án trên địa bàn và những vấn đề khác mà Nhân dân quan tâm trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, y tế... theo nội dung của pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt các nội dung trên cũng đồng thời góp phần hạn chế tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước, mối quan hệ giữa Mặt trận với chính quyền từ đó cũng được tăng cường và đi vào nền nếp. Bên cạnh đó, HTCT cơ sở có vai trò quan trọng trong quản lý xung đột xã hội trên các lĩnh vực như xung đột về đất đai, xung đột về tộc người, xung đột về tôn giáo, tín ngưỡng, xung đột về dân di cư, xung đột về văn hoá, tâm lý tộc người,... HTCT cơ sở cần làm tốt công tác dự báo, có phương án, giải pháp ngăn ngừa, giải toả mâu thuẫn, tránh các xung đột xã hội xảy ra; khi xung đột xảy ra thì hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất cho xã hội.

Sáu là, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo là thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta. Bởi vậy, đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo là việc làm thường

xuyên, liên tục và phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong đó HTCT cơ sở giữ vai trò nòng cốt. Theo đó, tổ chức cơ sở đảng với vai trò là lực lượng lãnh đạo trực tiếp cần đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn lợi dụng dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch, từ đó đề ra nghị quyết, chủ trương biện pháp lãnh đạo cụ thể; tổ chức quán triệt đến mọi ngành, mọi tổ chức đề cao cảnh giác, đấu tranh có hiệu quả mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Chính quyền cơ sở quán triệt sâu sắc mọi chủ trương, biện pháp lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng từ đó xác định kế hoạch cụ thể, tỉ mỉ, phân công các lực lượng Công an, Dân quân, các hội viên, đoàn viên tích cực tham gia đấu tranh. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở là lực lượng chủ yếu, trực tiếp nắm tình hình mọi mặt ở cơ sở, nắm chắc các âm mưu và hoạt động chống phá của kẻ thù, từ đó động viên đoàn viên, hội viên trong tổ chức của mình không ngừng nâng cao cảnh giác, vạch trần mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch. Làm tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bằng những hình thức khác nhau như viết tin bài, chia sẻ thông tin tích cực, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhận diện những thông tin có nội dung xấu độc, từ đó giáo dục, giác ngộ quần chúng Nhân dân, động viên, hướng dẫn và tổ chức toàn dân đấu tranh làm vô hiệu hóa mọi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch ngay từ cơ sở.

2.2.2.3. Kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Kiểm tra, giám sát là một hoạt động không thể thiếu trong lãnh đạo, quản lý, được tiến hành thường xuyên, tất yếu trong tất cả các khâu, các bước, các mặt công tác. Khẳng định vai trò to lớn của công tác kiểm tra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “Khi đã có chính sách đúng thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì chính sách đúng mấy cũng vô ích” [70, tr.636]. Đối với quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thông qua kiểm tra mà cấp ủy và chính quyền địa phương có thể thấy rõ và kịp thời những hạn

chế, bắt cập, thậm chí là vi phạm, khuyết điểm trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, y tế, giáo dục, công tác dân tộc, tôn giáo,... từ đó kịp thời đề xuất các chủ trương, biện pháp chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

Vai trò kiểm tra, giám sát của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được thể hiện qua các khâu, các bước cụ thể từ khi xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đến việc triển khai, phân công thực hiện; chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm tra với các lực lượng có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; giải quyết kịp thời các kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới. Mặt khác, công tác kiểm tra còn gắn với vai trò giám sát của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, trong đó, MTTQ có vai trò quan trọng trong xây dựng kế hoạch chương trình kiểm tra, giám sát báo cáo cấp ủy Đảng, tiếp thu ý kiến của các thành viên trong HTCT, lấy ý kiến của Nhân dân. Thực hiện giám sát thông qua thực hiện Luật dân chủ cơ sở, hoạt động Ban thanh tra Nhân dân, thông qua văn bản, tài liệu, đơn thư khiếu nại tố cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân. Nội dung giám sát tập trung vào những vấn đề thiết thực liên quan đến đời sống, việc làm của người dân như thực hiện các chính sách, công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân,...

Thấy rõ tầm quan trọng của hoạt động tổng kết thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi mới kết luận. Kết luận đó sẽ là cái chìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới” [72, tr.238]. Để thực hiện tốt vai trò sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, các thành viên trong HTCT cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình cần bám sát kế hoạch, chương trình hành động của cấp trên và cấp mình để xây dựng kế hoạch sơ, tổng kết một cách cụ thể, chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo sơ, tổng kết, lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, đảng

viên và quần chúng Nhân dân. Việc sơ, tổng kết cần tiến hành thường xuyên, bám sát thực tiễn để kịp thời điều chỉnh các chủ trương, biện pháp phù hợp với điều kiện địa phương.

2.2.2.4. Phản hồi, kiến nghị, đề xuất với hệ thống chính trị cấp trên các sáng kiến, chính sách, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Phản hồi, kiến nghị, đề xuất là việc làm của cá nhân, tổ chức trong cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đưa ra các giải pháp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp, công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực đời sống xã hội. HTCT cơ sở là cấp trực tiếp tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước đến người dân nên có thể nắm bắt một cách kịp thời, chính xác các hạn chế, bất cập của các chủ trương, chính sách, những khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện, những nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Chính vì vậy, việc phản hồi, kiến nghị, đề xuất với HTCT cấp trên về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước trên các lĩnh vực đời sống xã hội trong đó có hoạt động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là việc làm quan trọng, thường xuyên. Chính vì vậy, HTCT cơ sở ở từng địa phương cần kịp thời kiến nghị, đề xuất điều với HTCT cấp trên các nội dung, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc cho phù hợp với thực tiễn địa phương. Đặc biệt, trong những tình huống cụ thể có khả năng gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đe dọa đến khối đại đoàn kết dân tộc, HTCT cơ sở cần nắm bắt, nhận diện, báo cáo với HTCT cấp trên và các cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp ứng phó, xử lý kịp thời. Cùng với đó, thông qua việc phản ánh, đề xuất mà những góp ý, kiến nghị về chỉ tiêu, kế hoạch, cơ chế, chính sách, biện pháp, các mô hình, sáng kiến, cách làm hay về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân mới được chuyển đến HTCT cấp trên từ đó có phương án tháo gỡ, khắc phục khó khăn, đưa ra các chủ trương, biện pháp phù hợp, nhân rộng các

mô, hình, sáng kiến tiêu biểu góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương.

2.2.3. Một số tiêu chí đánh giá vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của hệ thống chính trị cơ sở

2.2.3.1. Nhóm tiêu chí đánh giá việc thực hiện vai trò

Một là, mức độ quán triệt và cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Đây là tiêu chí đầu tiên phản ánh vai trò chính trị, tư tưởng và tổ chức của HTCT cơ sở trong việc tiếp thu và chuyển hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc thành những hành động thực tiễn cụ thể tại địa phương. Tiêu chí này làm rõ mức độ nhận thức chính trị, tinh thần trách nhiệm và năng lực thể chế hóa chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Về nội dung, tiêu chí này tập trung đánh giá ba khía cạnh: mức độ tổ chức quán triệt, học tập, phổ biến chủ trương chính sách như thế nào?; mức độ thể chế hóa chủ trương thành các văn bản cụ thể như nghị quyết chuyên đề, kế hoạch hành động, quy chế phối hợp ra sao?; mức độ lồng ghép nội dung về đại đoàn kết dân tộc vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, dân vận, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh nhiều hay ít?.

Các biểu hiện mức độ tích cực trong quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở có thể đánh giá trên các khía cạnh như: tổ chức học tập nghị quyết đồng bộ trong toàn hệ thống; cán bộ cơ sở nắm vững quan điểm, mục tiêu, giải pháp về đại đoàn kết dân tộc; ban hành được nghị quyết chuyên đề của cấp ủy hoặc kế hoạch hành động của UBND cấp xã; nội dung về đoàn kết dân tộc được lồng ghép trong các văn bản chỉ đạo, điều hành. Ngược lại, nếu việc học tập nghị quyết chỉ dừng ở hình thức, không có sản phẩm cụ thể; nếu cán bộ mơ hồ về nội dung đại đoàn kết; nếu không có kế hoạch riêng hoặc chỉ

sao chép từ cấp trên, thì có thể đánh giá mức độ HTCT cơ sở chưa đáp ứng tốt tiêu chí này.

Có thể thấy rằng, việc đánh giá mức độ quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ phản ánh chiều sâu tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ cơ sở, mà còn là thước đo về năng lực lãnh đạo và điều hành trên thực tiễn của HTCT cơ sở.

Hai là, mức độ tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá vai trò của HTCT cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, bởi việc triển khai, tổ chức các chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như thế nào sẽ quyết định đến kết quả đạt được.

Về nội dung đánh giá, tiêu chí này tập trung vào các biểu hiện cụ thể như: việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đã ban hành; mức độ tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính khả thi, phù hợp thực tiễn và bảo đảm tiến độ trong triển khai thực hiện.

Có thể đánh giá mức độ tích cực trong tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên các khía cạnh như: Việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được thực hiện đồng bộ, có sự tham gia của các tổ chức, các cấp, các ngành, thông suốt từ cơ sở đến các khu phố, thôn, bản. Quá trình thực hiện luôn bám sát chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên và điều kiện thực tiễn địa phương, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn địa phương, đúng theo tiến độ thời gian cho phép.

Ba là, mức độ phối hợp giữa các chủ thể thuộc hệ thống chính trị cơ sở trong thực hiện các chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Tiêu chí này phản ánh tính thống nhất, sự liên kết và phối hợp hành động giữa các tổ chức trong HTCT cơ sở, gồm: cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương. Mức độ phối hợp thể hiện bản chất của HTCT - đó là một chỉnh thể đồng bộ về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong việc phục vụ lợi ích Nhân dân.

Về nội dung đánh giá, tiêu chí này tập trung vào các biểu hiện cụ thể như: có xây dựng và duy trì thực hiện các quy chế phối hợp, chương trình liên tịch giữa các tổ chức hay không?; việc tổ chức hội ý, giao ban, trao đổi thông tin giữa các lực lượng có thường xuyên, nhất quán hay không?; có thường xuyên cùng tổ chức các phong trào, cuộc vận động, hoạt động văn hóa - xã hội nhằm tăng cường đoàn kết cộng đồng; phối hợp hiệu quả trong giải quyết khiếu nại, mâu thuẫn, tranh chấp, bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương hay không?.

Tiêu chuẩn nhận diện mức độ phối hợp cao là: các lực lượng trong HTCT có sự phân công cụ thể, có kế hoạch chung, có sự chia sẻ thông tin và trách nhiệm, có sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm chung; cán bộ của các tổ chức, các đoàn thể chính trị - xã hội biết rõ vai trò của nhau và có thái độ hỗ trợ, không chông chéo về chức năng, nhiệm vụ. Ngược lại, nếu các tổ chức hoạt động rời rạc, mạnh ai nấy làm; không có quy chế phối hợp; ít chia sẻ thông tin; thiếu đồng thuận trong giải quyết công việc liên quan đến khối đại đoàn kết, thì HTCT cơ sở chưa thực hiện tốt tiêu chí này.

Từ nội dung đánh giá nêu trên cho thấy, việc phối hợp hiệu quả không chỉ giúp nâng cao hiệu suất hành chính, giảm trùng lặp nguồn lực mà còn tạo niềm tin trong Nhân dân. Vì vậy, việc tiến hành đánh giá chi tiết theo tiêu chí này mang lại dữ liệu quan trọng trong xem xét thực trạng năng lực thực thi của HTCT cơ sở đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở địa phương.

2.2.3.2. Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện vai trò

Một là, kết quả thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột, tạo sự ổn định trong xã hội

Phát huy dân chủ cơ sở là một trong những nội dung quan trọng thể hiện quyền làm chủ của người dân cũng như vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đó là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để Nhân dân được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định, kiểm tra, giám sát các hoạt động ở cơ sở trong đó có hoạt động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. HTCT cơ sở thực hiện tốt dân chủ cơ sở sẽ góp

phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân từ đó góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương.

Kết quả giải quyết các xung đột về đất đai, xung đột về tộc người, xung đột về tôn giáo, tín ngưỡng, xung đột về dân di cư, xung đột về văn hoá, tâm lý tộc người cũng là một trong những tiêu chí đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Khi những quan hệ lợi ích của các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo chưa được giải quyết thì không thể xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc. Chính vì vậy, ở đâu, HTCT cơ sở làm tốt công tác nắm, dự báo, phòng ngừa, giải quyết tốt các xung đột mâu thuẫn thì ở đó khối đại đoàn kết dân tộc mới được củng cố, phát triển đồng thời vai trò của HTCT cơ sở cũng được thể hiện và ngược lại.

Hai là, kết quả công tác nắm, phòng ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Đoàn kết đối lập với chia rẽ. Chia rẽ làm suy yếu, phân rã lực lượng xã hội, giảm sút sức mạnh của khối đại đoàn kết. Chính vì vậy, công tác nắm, phòng ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc là một trong những nội dung công tác trọng tâm của cấp uỷ, chính quyền cơ sở nhằm giữ vững và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Do đó, đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Nắm, dự báo tốt tình hình sẽ đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả, kịp thời giải quyết dứt điểm những bức xúc, xung đột trong Nhân dân, không để kẻ xấu lợi dụng, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc cũng như đập tan âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch từ trong trứng nước. Ở đâu cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội làm tốt công tác nắm, dự báo tình hình từ đó có phương án phòng ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch thì ở đó khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và ngược lại.

Ba là, kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số

Cán bộ người dân tộc thiểu số ở cơ sở có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động, triển khai đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước đến đồng bào dân tộc một cách kịp thời, hiệu quả. Đây cũng là những người luôn gương mẫu trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng cung cấp cho cấp uỷ, chính quyền từ đó đề ra phương án giải quyết kịp thời, phù hợp, hiệu quả. Do đó, số lượng, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ảnh hưởng to lớn đến hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Ở đâu, HTCT xây dựng được đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số đông đảo, có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thì ở đó khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, phát huy; vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vì thế cũng được thể hiện.

Bốn là, kết quả công tác kiểm tra, giám sát; sơ, tổng kết, kiến nghị, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, ngăn ngừa sai phạm, nâng cao uy tín của chính quyền, tạo sự đồng thuận, gắn kết giữa hệ thống chính trị cơ sở với Nhân dân. Công tác sơ, tổng kết, kiến nghị, tham mưu, đề xuất của HTCT cơ sở có vai trò quan trọng giúp các cơ quan chức năng và HTCT cấp trên kịp thời nắm bắt tình hình, hoàn thiện các chủ trương, chính sách cũng như sửa đổi, bổ sung, thay thế các chủ trương, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của Nhân dân, những vấn đề gây bức xúc cho Nhân dân từ đó nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Thực tiễn cho thấy, ở đâu HTCT cơ sở xác định tốt vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, tham mưu, đề xuất, kịp thời kiến nghị với cơ quan cấp trên có thẩm quyền những chủ trương, biện pháp, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc cũng như cách thức xử lý những vấn đề phức tạp, các yếu tố có khả năng gây

mất ổn định, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc thì sẽ chủ động trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và giải quyết dứt điểm các vụ việc, vấn đề nảy sinh. Do đó, để đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thì chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, kiến nghị, tham mưu, đề xuất là một trong những tiêu chí quan trọng. Ở đâu cấp uỷ, chính quyền cơ sở thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, đưa ra nhiều kiến nghị, đề xuất được cấp có thẩm quyền đánh giá cao, có tính ứng dụng thực tiễn, góp phần xây dựng các đề án, chủ trương, chính sách, ... thì ở đó vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc càng được thể hiện rõ và ngược lại.

Năm là, sự thống nhất về tư tưởng và hành động chính trị của Nhân dân

HTCT cơ sở có vai trò quan trọng trong quán triệt, cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết thành các chủ trương, chương trình, kế hoạch, tiến hành tuyên truyền và tổ chức thực hiện trong Nhân dân nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Nhân dân là chủ thể, là mục tiêu của mọi chủ trương, chính sách mà HTCT cơ sở ban hành, triển khai thực hiện. Do đó, để đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thì tiêu chí hàng đầu chính là việc đánh giá nhận thức, tư tưởng chính trị của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, sự tin tưởng và chấp hành của Nhân dân đối với chủ trương, đường lối của Đảng nói chung, chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc nói riêng. Cùng với nhận thức, tư tưởng là sự đồng thuận, tích cực tham gia của Nhân dân đối với các hoạt động chính trị xã hội như bầu cử, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Nhà nước, cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp phát động.

Sáu là, niềm tin của nhân dân về tiến bộ, công bằng xã hội từ kết quả phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng, an ninh

Niềm tin của Nhân dân vào tiến bộ và công bằng xã hội là một tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Niềm tin này không được hình thành một cách tự phát,

mà được xây dựng từ những kết quả cụ thể, thiết thực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng và an ninh ở cơ sở.

Về lĩnh vực kinh tế, tiêu chí này thể hiện qua sự chuyển biến tích cực trong đời sống vật chất của Nhân dân: mức tăng trưởng kinh tế địa phương, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ giảm nghèo, khả năng tiếp cận việc làm, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khi người dân thấy được hiệu quả thực tế từ các chính sách kinh tế - xã hội, họ sẽ gia tăng niềm tin vào sự lãnh đạo của HTCT ở cơ sở.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, niềm tin của Nhân dân phản ánh qua mức độ được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ công thiết yếu: giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội, nước sạch, môi trường sống, hoạt động văn hóa, thể thao. Đồng thời, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, thực hiện công bằng trong chính sách dân tộc và tôn giáo cũng là căn cứ đánh giá sự hiện diện của tiến bộ và công bằng xã hội tại địa bàn.

Về quốc phòng và an ninh, sự ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội, lòng tin của người dân vào lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, công an cơ sở... là minh chứng cho vai trò bảo vệ quyền lợi chính đáng và cuộc sống bình yên cho Nhân dân. Khi an ninh được bảo đảm, người dân sẽ có thêm cơ sở tin tưởng vào chính quyền địa phương và HTCT.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG THỰC HIỆN VAI TRÒ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Một là, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên

Quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là cơ sở nền tảng quy định phương hướng, nguyên tắc, mục tiêu và nội dung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là yếu tố có tính định hướng, tác động mạnh mẽ đến vai trò của HTCT cơ sở trong toàn bộ quá trình triển khai nhiệm vụ chính trị tại địa bàn dân cư. Nếu các quan điểm, chính sách được ban hành một cách đúng đắn, sát thực tiễn, có sự đồng bộ, rõ ràng về phạm vi và trách nhiệm thực hiện, thì sẽ tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để HTCT cơ sở chủ

động tổ chức thực hiện, phát huy đầy đủ vai trò trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Ngược lại, nếu đường lối, chính sách còn chung chung, chồng chéo, chưa rõ cơ chế vận hành ở cấp cơ sở, hoặc không cập nhật được đặc thù vùng miền thì sẽ gây khó khăn cho HTCT cơ sở trong việc triển khai thực hiện, thậm chí dẫn đến tâm lý thụ động, trông chờ vào hướng dẫn từ cấp trên.

Bên cạnh hệ thống văn bản định hướng, sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của HTCT cấp tỉnh, cấp huyện cũng là yếu tố có ảnh hưởng lớn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo có tác động thông qua khả năng cụ thể hóa đường lối, chính sách thành các chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tế ở cơ sở. Nếu cấp trên có sự chỉ đạo nhất quán, có định hướng rõ ràng, tổ chức tốt công tác kiểm tra, giám sát, bồi dưỡng cán bộ, phân bổ nguồn lực công bằng... thì sẽ tạo ra động lực tích cực để cấp cơ sở triển khai hiệu quả nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, nếu thiếu sự quan tâm lãnh đạo từ cấp trên, công tác hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ bị buông lỏng hoặc dàn trải, thì vai trò của HTCT cơ sở sẽ bị suy giảm, dễ lúng túng trong thực hiện hoặc thực thi hình thức. Do đó, yếu tố định hướng (quan điểm, chính sách) và yếu tố điều hành (lãnh đạo, chỉ đạo) cần đồng bộ, liên thông để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Hai là, yếu tố tự nhiên, kinh tế, văn hoá xã hội của địa phương

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội là yếu tố nền tảng chi phối môi trường hoạt động của HTCT cơ sở và có tác động trực tiếp đến khả năng thực thi vai trò của hệ thống này trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tính chất của yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động của HTCT cơ sở, mà còn ảnh hưởng đến mức độ đồng thuận và sự tham gia của người dân trong các hoạt động đoàn kết dân tộc ở cấp địa phương.

Các điều kiện tự nhiên như: địa hình, khí hậu, giao thông, tài nguyên,... ảnh hưởng đến mức độ tiếp cận của HTCT cơ sở với cộng đồng dân cư, đặc biệt tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Những điều kiện khó khăn về tự nhiên có thể làm gia tăng chi phí tiếp cận,

hạn chế tần suất hoạt động và gây khó khăn cho công tác tổ chức phong trào, tuyên truyền, vận động Nhân dân xây dựng khối đoàn kết. Đồng thời, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương quyết định đến nguồn lực và mức độ chủ động của HTCT cơ sở. Nếu địa phương có nền kinh tế phát triển, ngân sách dồi dào, hệ thống hạ tầng đồng bộ thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi để chính quyền cơ sở triển khai các chương trình hỗ trợ Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giảm chênh lệch giữa các nhóm dân cư là tiền đề quan trọng để hình thành môi trường đoàn kết, ổn định và hài hòa. Ngược lại, nếu kinh tế địa phương chậm phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao, thiếu hụt hạ tầng hoặc nguồn lực tài chính hạn chế, HTCT cơ sở có thể lâm vào tình trạng bị động, phụ thuộc hoặc hoạt động mang tính hình thức. Từ đó, niềm tin và sự đồng thuận của Nhân dân có thể bị suy giảm, làm suy yếu tính gắn kết xã hội - nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc.

Bên cạnh đó, điều kiện văn hóa - xã hội cũng là yếu tố tác động mạnh mẽ. Nơi nào có truyền thống đoàn kết cộng đồng, đời sống văn hóa lành mạnh, sự tương tác giữa các nhóm dân cư tích cực thì việc triển khai hoạt động của HTCT cơ sở sẽ gặp nhiều thuận lợi. Ngược lại, nếu tồn tại sự phân hóa xã hội, bất bình đẳng kéo dài, xung đột lợi ích, định kiến dân tộc, tôn giáo,... thì các hoạt động vận động đoàn kết dễ bị hạn chế hoặc phản tác dụng.

Ba là, tình hình dân tộc, tôn giáo và mối quan hệ dân tộc, tôn giáo ở địa phương

Tình hình dân tộc, tôn giáo và các mối quan hệ dân tộc, tôn giáo trên địa bàn là một trong những yếu tố đặc thù có tác động trực tiếp và sâu sắc đến hiệu quả thực hiện vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là yếu tố thể hiện sự đa dạng và phức tạp về cấu trúc xã hội, niềm tin, giá trị văn hóa, tinh thần của cộng đồng, qua đó ảnh hưởng đến mức độ gắn kết, đồng thuận và ổn định chính trị ở cơ sở.

Sự đa dạng về thành phần dân tộc và tôn giáo đặt ra yêu cầu HTCT cơ sở phải có năng lực thích ứng cao trong quản lý xã hội. Sự phong phú về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, tín ngưỡng, lễ nghi, quan hệ dòng tộc,... nếu được quản lý hiệu quả sẽ là yếu tố làm giàu bản sắc văn hóa cộng đồng và góp phần tạo nền tảng đoàn kết. Tuy nhiên, nếu không được quan tâm đúng mức, hoặc thiếu

sự hiểu biết, tôn trọng, sẽ dễ phát sinh mâu thuẫn, kỳ thị, chia rẽ và làm giảm hiệu quả huy động sự đồng thuận xã hội.

Tình hình phân bố dân cư, lịch sử quan hệ giữa các nhóm dân tộc và tôn giáo cũng là nhân tố quan trọng chi phối nội dung, phương thức và mức độ tác động của HTCT cơ sở. Những địa phương có mối quan hệ dân tộc, tôn giáo ổn định, gắn bó truyền thống thì HTCT cơ sở có điều kiện thuận lợi để triển khai công tác vận động, tuyên truyền và tổ chức phong trào đại đoàn kết. Ngược lại, ở các địa bàn có tiền sử xung đột, bất bình đẳng hoặc đang tiềm ẩn nguy cơ mâu thuẫn về đất đai, sinh kế, sinh hoạt tôn giáo, thì việc tổ chức xây dựng khối đoàn kết gặp nhiều rào cản và đòi hỏi phương pháp xử lý linh hoạt, kiên trì, thấu hiểu văn hóa địa phương. Bên cạnh đó, tác động từ các yếu tố bên ngoài như hoạt động của các tổ chức phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, hay xu hướng ly khai tư tưởng, truyền đạo trái phép... có thể làm gia tăng nguy cơ chia rẽ, kích động chống đối và gây mất ổn định ở cơ sở. Trong bối cảnh đó, vai trò của HTCT cơ sở càng trở nên quan trọng trong việc nhận diện sớm các vấn đề, quản lý mối quan hệ cộng đồng và chủ động giải quyết các mâu thuẫn, từ đó duy trì môi trường hòa hợp dân tộc, tôn giáo bền vững.

Bốn là, chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở

Chất lượng của HTCT cơ sở là yếu tố mang tính quyết định trực tiếp đến mức độ thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa bàn. Là cấp gần dân nhất, HTCT cơ sở không chỉ là bộ phận tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, mà còn là nơi hình thành, gìn giữ và phát triển các mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền và Nhân dân, giữa các tầng lớp, giai tầng xã hội, các cộng đồng dân tộc, tôn giáo trong khu dân cư.

Chất lượng của HTCT cơ sở được thể hiện qua năng lực lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của các tổ chức thành viên trong hệ thống. Nếu các tổ chức như đảng bộ xã, ủy ban nhân dân, MTTQ, đoàn thể quần chúng hoạt động hiệu quả, phối hợp nhịp nhàng, biết cụ thể hóa các chính sách thành chương trình hành động thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương thì sẽ phát huy tốt vai trò quy tụ, dẫn dắt và tạo lập đồng thuận trong xã hội.

Ngược lại, nếu các tổ chức này chồng chéo chức năng, thiếu phối hợp, hoạt động hình thức hoặc buông lỏng vai trò đại diện thì sẽ làm suy giảm lòng tin của Nhân dân, gây cản trở cho việc xây dựng khối đoàn kết bền vững.

Một yếu tố cốt lõi cấu thành chất lượng của HTCT cơ sở chính là đội ngũ cán bộ. Đây là lực lượng trực tiếp thực hiện các hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành và tuyên truyền tại cơ sở. Nếu cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, trình độ chuyên môn phù hợp và kỹ năng dân vận tốt thì sẽ dễ dàng phát huy vai trò hạt nhân trong việc tập hợp, đoàn kết Nhân dân. Ngược lại, tình trạng cán bộ cơ sở thiếu kiến thức, xa dân, mắc sai phạm hoặc quan liêu sẽ tạo ra lực cản đối với sự đồng thuận xã hội, thậm chí dẫn đến chia rẽ, bất tín giữa Nhân dân và chính quyền. Bên cạnh đó, chất lượng HTCT cơ sở còn được thể hiện ở khả năng phát hiện và xử lý vấn đề nảy sinh từ thực tiễn: xung đột dân tộc, tôn giáo, tranh chấp lợi ích, khiếu kiện, bất bình đẳng... Nếu HTCT cơ sở có khả năng nắm bắt nhanh, đánh giá đúng và giải quyết hài hòa các mâu thuẫn, sẽ góp phần giữ ổn định xã hội, tăng cường đoàn kết. Ngược lại, nếu hệ thống bị trì trệ, thiếu chủ động hoặc thiếu bản lĩnh đối thoại sẽ để lại khoảng trống quyền lực, dễ bị các thế lực xấu lợi dụng gây chia rẽ trong cộng đồng.

Năm là mức độ chống phá, gây chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch

Sự chống phá, gây chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch là yếu tố tác động tiêu cực, trực tiếp cản trở đến việc thực hiện vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong chiến lược “diễn biến hòa bình” và thủ đoạn bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch luôn xác định chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu trọng tâm, mà địa bàn cơ sở, nhất là những vùng có đông bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung lại chính là nơi dễ bị tổn thương và bị khai thác. Từ việc lợi dụng khó khăn về đời sống, sự thiếu đồng bộ trong thực hiện chính sách dân tộc, những hạn chế trong năng lực cán bộ cơ sở đến việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ, các thế lực thù địch chủ động tạo ra các điểm nóng tiềm ẩn mâu thuẫn, nhằm phá vỡ sự ổn định chính trị, gây chia rẽ giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước và giữa các cộng đồng dân cư với nhau.

Không dừng lại ở hoạt động trực tiếp, các thế lực thù địch còn đẩy mạnh sử dụng các phương tiện truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội, để phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc lịch sử, kích động tâm lý dân tộc cực đoan, gieo rắc hoài nghi về hiệu lực chính quyền và tính chính danh của các thiết chế chính trị. HTCT cơ sở trong điều kiện đó phải đồng thời đối diện với hai thách thức: một mặt là yêu cầu hoàn thành chức năng tổ chức, tuyên truyền, vận động, triển khai chủ trương chính sách ở địa phương; mặt khác là nhiệm vụ nhận diện, phản bác và đấu tranh kịp thời với các hoạt động phá hoại tư tưởng, gây mất ổn định xã hội từ sớm, từ xa. Tác động tiêu cực của yếu tố này không chỉ khiến cho việc tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở cơ sở gặp trở ngại, mà còn trực tiếp làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào các thiết chế chính trị, cản trở tiến trình vận động, tập hợp quần chúng và làm xói mòn nền tảng đồng thuận xã hội. Khi không khí nghi kỵ, mất lòng tin hoặc tâm lý so sánh, thiệt hơn phát sinh trong cộng đồng, sẽ dẫn đến tình trạng tách rời giữa chủ trương của Đảng với nhận thức và hành động của người dân. Đó là môi trường thuận lợi để các thế lực thù địch khuếch đại sự bất mãn, hình thành lực lượng phản kháng trá hình, từ đó từng bước vô hiệu hóa vai trò của HTCT cơ sở.

Có thể thấy, mức độ chống phá của các thế lực thù địch gây chia rẽ dân tộc là một yếu tố rất nguy hại, nếu HTCT cơ sở không tỉnh táo để nhận diện và đấu tranh phòng, chống kịp thời, hiệu quả thì có thể dẫn đến việc làm suy yếu năng lực tổ chức, điều hành và ảnh hưởng đến tính chính danh của HTCT cơ sở. Sự tác động của yếu tố này đặt ra yêu cầu khách quan đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên trong HTCT cơ sở không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng “miễn nhiễm” trước các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; mà còn phải không ngừng tự học tập tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực nắm bắt tình hình, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh, chủ động xây dựng thế trận lòng dân vững chắc và cơ chế phối hợp liên thông giữa các chủ thể trong HTCT. Chỉ khi đó, HTCT cơ sở mới thực sự giữ vững vai trò là “pháo đài chính trị” đầu tiên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng, giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc từ gốc rễ.

Tiểu kết Chương 2

Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là một trong những chiến lược lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện nhất quán trong mọi giai đoạn

phát triển của cách mạng. Đây không chỉ là phương thức tập hợp lực lượng mà còn là cơ sở tổ chức sức mạnh chính trị, tinh thần và vật chất của toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bản chất của đại đoàn kết không nằm ở việc xóa bỏ sự khác biệt, mà ở khả năng thừa nhận, tôn trọng sự đa dạng về lợi ích, về đặc điểm xã hội, dân tộc, tôn giáo; đồng thời, kiến tạo nên sự thống nhất về mục tiêu chung: độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đại đoàn kết dân tộc vừa là biểu hiện tập trung của sức mạnh tổng hợp, vừa là giá trị nền tảng của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đang xây dựng.

Với vị trí là thể chế chính trị gần dân nhất, trực tiếp gắn bó với đời sống Nhân dân, HTCT cơ sở không chỉ là bộ phận thực hiện mệnh lệnh từ cấp trên, mà còn là chủ thể tham gia trực tiếp vào việc kiến tạo sự thống nhất chính trị, tư tưởng và hành động trong cộng đồng dân cư. Vai trò ấy được thể hiện thông qua việc tổ chức quán triệt và cụ thể hoá chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc thành các chương trình hành động cụ thể; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng kết thực tiễn; góp phần bảo đảm các quyền lợi chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhân dân. HTCT cơ sở cũng là nơi biểu hiện rõ nhất vai trò điều tiết giữa Nhà nước và Nhân dân, giữa quy định pháp lý và thực tiễn cộng đồng, giữa mục tiêu chiến lược và điều kiện cụ thể ở từng địa bàn.

Những nội dung lý luận được trình bày trong chương 2 là cơ sở quan trọng cho phân tích, đánh giá thực trạng ở chương 3, nhất là việc hướng tới nhận diện những mâu thuẫn cấu trúc, những thách thức mang tính hệ thống và những điều kiện cần thiết để phát huy hiệu quả vai trò của HTCT cơ sở trong bối cảnh đặc thù của Tây Nguyên hiện nay.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. KHÁI QUÁT BỐI CẢNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ Ở TÂY NGUYÊN

3.1.1. Khái quát về địa bàn Tây Nguyên

Đặc điểm lịch sử, tự nhiên

Tây Nguyên là vùng đất nằm ở trung tâm vùng núi Nam Đông Dương, với diện tích khoảng 54.474 km², chiếm 16,3% diện tích cả nước. Đây là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời với nền văn hoá đặc sắc và riêng biệt. Trước thế kỷ XIX vùng đất Tây Nguyên vốn là vùng tự trị, địa bàn sinh sống của các bộ tộc thiểu số. Sau khi người Pháp nắm được quyền kiểm soát Việt Nam, họ đã thực hiện hàng loạt các cuộc thám hiểm và chinh phục vùng đất Tây Nguyên. Dưới chính quyền Việt Nam Cộng hòa, Cao nguyên Trung phần được chia làm 7 tỉnh: Kon Tum, Plêiku, Phú Bổn, Đắk Lắk, Quảng Đức, Tuyên Đức và Lâm Đồng với gần một triệu dân. Sau khi giải phóng đến đầu thập niên 1990, địa bàn Tây Nguyên được chia làm 3 tỉnh là Gia Lai-Kon Tum, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa VIII (từ ngày 27-7-1991 đến 12-8-1991) tỉnh Gia Lai – Kon Tum được chia tách thành hai đơn vị hành chính là Gia Lai và Kon Tum. Từ ngày 01- 01- 2004 tỉnh Đắk Nông được thành lập theo Nghị quyết số 22/2003/QH 11 ngày 26 - 11 - 2003 của Quốc hội trên cơ sở chia tách từ tỉnh Đắk Lắk. Lúc này, địa bàn Tây Nguyên gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với 719 đơn vị hành chính cấp xã. Hiện nay, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, các tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên sáp nhập với các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ hình thành các tỉnh mới là: Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng với 457 đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, đặc khu) trong đó có 264 đơn vị hành chính cấp xã nằm trên địa bàn Tây Nguyên (toàn bộ các xã, phường của 5

tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng cũ trước khi sáp nhập tỉnh) với 6.612 thôn, buôn, tổ dân phố (từ ngày 01/7/2025).

Tây Nguyên là vùng đất giàu tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội, với quỹ đất bazan màu mỡ và tài nguyên rừng có giá trị kinh tế cao. Với diện tích trên 2 triệu ha đất bazan, chiếm 60 quỹ đất đỏ bazan trong cả nước, Tây Nguyên có nhiều thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp đa dạng, với nhiều sản phẩm chủ lực như: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, bông vải, cây ăn trái. Về tài nguyên rừng, Tây Nguyên có 2,59 triệu ha rừng, độ che phủ 46,34%, rất thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp đồng thời là nơi cân bằng sinh thái, nguồn sinh thủy của hệ thống sông suối khu vực miền Trung và Đông Nam Bộ. Đây còn là vùng đất giàu có về khoáng sản (than bùn, sắt, cao lanh, bô xít), tài nguyên nước, năng lượng thủy điện, có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch thông qua khai thác cảnh quan thiên nhiên, nền văn hoá phong phú, đa dạng, độc đáo của các dân tộc bản địa với những kho tàng văn hoá vật thể, phi vật thể và hệ thống di tích văn hóa, lịch sử.

Tuy nhiên, điều kiện địa lý của Tây Nguyên cũng tạo ra những khó khăn nhất định, cản trở đối với quá trình phát triển của vùng đất này. Trước hết, Tây Nguyên có địa bàn rộng, nhiều đồi núi, sông suối, bị chia cắt về địa hình bởi hệ thống sông, suối và các dãy núi cao, nhất là phía Đông dãy Trường Sơn nên đi lại và giao thông còn nhiều khó khăn, đặc biệt là mùa mưa bão. Do vậy, việc giao lưu, trao đổi thương mại ở một số khu vực còn chưa phát triển, đặc biệt là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, khí hậu Tây Nguyên gồm nhiều tiểu vùng tương ứng với các vùng địa hình là Bắc Tây Nguyên, Trung Tây Nguyên và Nam Tây Nguyên nhưng phổ biến là khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt, thường xuyên có thiên tai, bão lũ, tác động không nhỏ đến đời sống Nhân dân.

Những đặc điểm về lịch sử hình thành cùng với các điều kiện tự nhiên đã tác động sâu sắc đến quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Những yếu tố này vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt

ra những yêu cầu mới đối với hệ thống chính trị các cấp trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay.

Tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Tây Nguyên đã có sự thay đổi đáng kể. Nền kinh tế từ chỗ sản xuất nông nghiệp lạc hậu, mất cân đối từng bước chuyển dịch theo hướng phát triển các ngành kinh tế dựa trên tiềm năng sẵn có hình thành các vùng sản xuất hàng hoá lớn về cây công nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế biến nông sản, khai khoáng. Quy mô kinh tế của vùng không ngừng tăng nhanh, đến năm 2020, tăng gấp hơn 14 lần so với 2002 và 3,1 lần so với năm 2010; tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2002-2020 đạt gần 8%/năm, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế đều cao nhất so với các vùng; quy mô GRDP năm 2024 đạt 484,58 nghìn tỷ đồng GRDP bình quân đầu người ước đạt 78,5 triệu đồng/ người. Công tác giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố. Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Sự phát triển kinh tế, giao lưu dân cư và các chính sách xã hội của Nhà nước đã góp phần nâng cao đời sống của người dân, thúc đẩy sự giao lưu và tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc. Đồng thời, việc giải quyết hài hòa các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội cũng là điều kiện quan trọng để HTCT cơ sở củng cố sự ổn định xã hội và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Tây Nguyên còn là vùng đất giàu truyền thống văn hoá với các đặc trưng như tính cộng đồng cao, hệ thống lễ hội phong phú, tín ngưỡng đa thần và luật tục truyền thống đã tạo nên nền tảng văn hoá – xã hội quan trọng cho việc củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Việc phát huy những giá trị tích cực của văn hoá truyền thống không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hoá của các

dân tộc Tây Nguyên mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc tăng cường sự đồng thuận xã hội, củng cố ổn định chính trị và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực.

Tuy nhiên, Tây Nguyên cũng còn những hạn chế, yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Tăng trưởng kinh tế thiếu bền vững, có xu hướng chậm lại; số hộ nghèo, cận nghèo lớn, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các nhóm dân tộc chậm được thu hẹp. Tình trạng di dân tự do vào Tây Nguyên ngày càng phức tạp; tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở của đồng bào dân tộc thiểu số chậm được giải. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống và xây dựng đời sống văn hoá mới cho đồng bào chưa được quan tâm đúng mức; nhiều giá trị văn hoá truyền thống đã bị mai một. Giáo dục, đào tạo chuyển biến chậm; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động thấp. Công tác chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ y tế cơ bản còn thấp so với mức trung bình cả nước. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, vấn đề tôn giáo, dân tộc, tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Ngoài ra, quá trình giao lưu văn hoá và phát triển kinh tế thị trường cũng có thể làm biến đổi các giá trị truyền thống, dẫn đến nguy cơ mai một một số yếu tố văn hoá đặc sắc. Nếu hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là HTCT cơ sở không được giải quyết thỏa đáng, những vấn đề này có thể ảnh hưởng đến sự ổn định xã hội và mối quan hệ đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc.

Tình hình dân tộc, tôn giáo và mối quan hệ của các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn

Tây Nguyên là địa bàn sinh sống của 54 dân tộc, với hai nhóm: Khôi cư dân tại chỗ bao gồm các dân tộc: Êđê, Gia rai, Ba Na, M'ông,...; và khôi cư dân di cư từ nơi khác đến, như: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông (H'mông), Dao,... Tính đến đầu năm 2024, Tây Nguyên hơn 6 triệu người sinh sống, trong đó, người dân tộc thiểu số là gần 2,2 triệu người (chiếm hơn 37% tổng dân số Tây Nguyên), dân số của 12 dân tộc thiểu số tại chỗ là khoảng 1,6 triệu người, chiếm 28,52% [85]. Nhìn chung, các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên có mối quan hệ đoàn kết,

hoà đồng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển theo xu hướng ngày càng sâu rộng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc đã góp phần vào quá trình liên kết, hợp tác, cùng nhau phát triển giữa các tộc người, giữa tộc người bản địa với các tộc người di cư đến, là cơ sở thuận lợi để hệ thống chính trị cơ sở thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên.

Tuy nhiên, mối quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên cũng có những hạn chế, bất cập nhất định. Trước hết, đó là mâu thuẫn giữa các dân tộc bản địa với người Kinh và các dân tộc mới di cư đến trong việc sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khoảng cách giàu nghèo giữa người Kinh, các dân tộc mới di cư đến với các dân tộc bản địa ngày càng gia tăng. Sự khác biệt trong văn hoá giữa người Kinh, các dân tộc di cư đến với các dân tộc bản địa dẫn đến việc nhìn nhận các giá trị văn hoá của nhau còn nhiều trở ngại, xuất hiện những định kiến về dân tộc, tư tưởng dân tộc trung tâm. Cùng với đó, tình trạng di dân tự do đã phá vỡ cấu trúc dân cư ở các địa phương, ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường. Tình trạng mua bán, lấn chiếm đất đai trái phép, sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng, văn hoá, thiết chế xã hội đã dẫn đến những bất đồng, mâu thuẫn giữa một bộ phận người dân dân tộc tại chỗ và dân tộc mới đến. Trong khi đó, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá, triệt để lợi dụng những đặc điểm về nguồn gốc lịch sử, ý thức cộng đồng, địa bàn cư trú, tình hình tôn giáo,.. làm cho mối quan hệ dân tộc càng thêm phức tạp.

Về tình hình tôn giáo, hiện nay, trên địa bàn Tây Nguyên có tín đồ của 13/16 tôn giáo được nhà nước công nhận đang hoạt động, gồm: Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Islam giáo (Hồi giáo), Bà la môn giáo, Minh Sư đạo, Minh Lý đạo, Baha'i với 2.252.622 tín đồ, chiếm 38,5% dân số toàn khu vực. Trong đó, Công giáo có số lượng tín đồ đông đảo nhất với 1.162.216 người, Tin Lành đứng thứ 2 với 574.879 người, Phật giáo có 460.770 tín đồ, Cao Đài 53.104 tín đồ, còn lại là các tôn giáo khác; có gần 1.500 chức sắc, 900 cơ sở thờ tự của các tôn giáo [113]. Nhìn chung, xu hướng tuân thủ pháp luật, thích nghi,

hòa dịu, thể hiện phương châm “tốt đời, đẹp đạo” vẫn là xu hướng phổ biến, bao trùm trong các sinh hoạt tôn giáo tại tỉnh Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, tình hình tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên vẫn còn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp. Hiện tượng một số giáo hội và chức sắc tôn giáo có những hoạt động truyền đạo, giảng đạo trái phép như việc mở rộng các tổ chức sinh hoạt tôn giáo khi chưa có sự đồng ý của chính quyền; xây dựng các cơ sở thờ tự bất hợp pháp. Đây là một trong những nguyên nhân gây nên nhiều yếu tố bất ổn trên lĩnh vực chính trị - xã hội của địa bàn Tây Nguyên. Bên cạnh đó, vấn đề đất đai, cơ sở thờ tự liên quan đến tôn giáo đang là vấn đề nổi cộm có thể dẫn đến khiếu kiện ở nhiều nơi, đòi hỏi phải có chủ trương, giải pháp thích hợp. Ngoài ra, vấn đề tôn giáo tộc người, vấn đề giành giật tín đồ tôn giáo cũng góp phần làm phức tạp tình hình tôn giáo trên địa bàn.

Những hạn chế trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội cùng những mâu thuẫn trong mối quan hệ dân tộc, tôn giáo trên địa bàn đặc biệt là mâu thuẫn về đất đai, văn hoá, lối sống, sự chênh lệch giàu nghèo, sự khác biệt về văn hoá, lối sống, sự xung đột lợi ích giữa dân tộc Kinh với các dân tộc bản địa, giữa dân tộc bản địa với cá nhóm dân tộc di cư đến Tây Nguyên và sự chống phá của các thế lực thù địch đã ảnh hưởng tiêu cực đến khối đại đoàn kết dân tộc. Những vấn đề này nếu không được xử lý thoả đáng, kịp thời ngay từ cơ sở sẽ làm cho tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Tây Nguyên trở nên phức tạp, ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển của Tây Nguyên nói riêng, quốc gia nói chung.

3.1.2. Đặc điểm của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên

HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên có chức năng, nhiệm vụ của một HTCT cơ sở nói chung, hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên vận động và tổ chức, triển khai cho Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương, tăng cường đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ở cơ sở. Do đặc điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong một địa bàn có những nét khác biệt về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn

hóa, dân tộc nên HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên có những đặc điểm khác biệt, cụ thể là:

Một là, chất lượng của HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên còn nhiều hạn chế, không đồng đều giữa các địa bàn, địa phương

HTCT cơ sở ở một số nơi bộc lộ nhiều yếu kém; khả năng nhận thức, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết cấp ủy cấp trên vào cơ sở xã, phường, thị trấn còn hạn chế, chưa đủ sức phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp xảy ra ở cơ sở, nhất là những điểm nóng về an ninh chính trị và an ninh nông thôn. Trình độ, năng lực thực tiễn của một bộ phận cán bộ còn thấp và không đồng đều ở các địa phương, phổ biến là tình trạng tuy được đào tạo, chuẩn hoá về bằng cấp, nhưng năng lực công tác chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, ít chủ động, sáng tạo, có tư tưởng ỷ lại; khả năng bao quát, quyết đoán trong quản lý, điều hành còn hạn chế. Một số cán bộ người Kinh đang công tác ở cơ sở ít thông thạo tiếng dân tộc và không am hiểu phong tục, tập quán của người dân tộc thiểu số nơi công tác.. Công tác quy hoạch, tạo nguồn, và sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở cơ sở còn nhiều bất cập, vừa ít về số lượng, thấp về chất lượng. Các dân tộc thiểu số chiếm 37,65% dân số, nhưng trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, cán bộ người dân tộc thiểu số ở cấp xã toàn khu vực chỉ chiếm tỷ lệ 26% trong đó có một phần cán bộ dân tộc thiểu số cấp xã chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn [3]. Công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên tại một số địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo còn hạn chế... Quan điểm, nhận thức về chính sách tôn giáo của một số cấp ủy, chính quyền có nơi, có lúc chưa đầy đủ, sâu sắc; chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động tín đồ, chức sắc chấp hành các quy định về tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Hai là, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên

Là địa bàn có nhiều thành phần dân tộc sinh sống nên đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số có vị trí rất quan trọng trong HTCT cơ sở. Là những người gắn bó với quê hương, am hiểu phong tục, tập quán, tâm tư, nguyện vọng của

đồng bào, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số là là đại biểu của đồng bào dân tộc thiểu số trong HTCT, cầu nối giữa Đảng với dân, trụ cột để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, có sức ảnh hưởng tích cực đến quá trình thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cũng tạo ra sự cân bằng, hài hòa trong hoạt động của HTCT cơ sở, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền cùng sự cố gắng, nỗ lực của bản thân, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở cơ sở đã tăng nhanh về số lượng, trưởng thành về chất lượng. Theo báo cáo tổng hợp số lượng cán bộ cấp xã năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk trong tổng số 1992 cán bộ cấp xã có 472 cán bộ là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 23,7%, [167]. Báo cáo kết quả thực hiện công tác cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông cho thấy, trong tổng số 1402 cán bộ, công chức cấp xã, có 213 cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 15,2%; báo cáo cũng đánh giá: *“Nhìn chung, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh, trong những năm qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng”* [170, tr.2]. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số của HTCT cơ sở đã có những đóng góp quan trọng trong tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương.

Ba là, hoạt động của HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên chịu sự tác động bởi những người có uy tín và các phong tục, tập quán trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo

Tây Nguyên là địa bàn có có nhiều thành phần dân tộc sinh sống cùng với sự đa dạng về các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, chính vì vậy, đội ngũ già làng, trưởng các dòng họ và những người có uy tín trong các tôn giáo (gọi chung là những người

có uy tín) có vị trí, vai trò quan trọng trong các buôn, làng, là cầu nối giữa lòng dân và ý Đảng, luật tục và luật pháp, giữa chính quyền với bà con buôn làng, góp phần quan trọng xây dựng cuộc sống mới ở Tây Nguyên. Trước hết, những người có uy tín ở Tây Nguyên có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là cầu nối đưa ý kiến của Nhân dân đến với cấp ủy, chính quyền địa phương để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống cũng như xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, đội ngũ người có uy tín còn tham gia giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cộng đồng; thường xuyên vận động người dân đoàn kết, nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Mặt khác, ở các buôn, làng Tây Nguyên, các thiết chế xã hội cổ truyền vẫn tiếp tục tồn tại và được sử dụng vào việc điều hành hoạt động của xã hội. Phần đông các buôn làng ở các tỉnh Tây Nguyên hiện nay vẫn còn mang tính nửa tự quản, cuộc sống người dân vẫn cơ bản diễn ra theo luật tục, tập tục cổ truyền, mà vai trò của những người có uy tín là rất quan trọng. Chính vì thế, HTCT cơ sở cần có những chủ trương, biện pháp để phát huy tốt vai trò của họ, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của địa phương.

Bốn là, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên hoạt động trên một địa bàn rộng, đa dạng về dân tộc, tôn giáo, trình độ dân trí thấp

Với diện tích toàn vùng là 54.474 km², có 264 đơn vị hành chính cấp xã (sau ngày 01/7/2025), tính ra, mỗi đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn Tây Nguyên rộng trung bình khoảng 206,34 km², rộng gấp 2 lần diện tích các xã miền núi so với tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sáp nhập theo Nghị quyết 76 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thậm chí, xã Buôn Đôn còn có diện tích hơn 1.113,7 km², là đơn vị hành chính cấp xã có diện tích lớn nhất Việt Nam. Mặt khác, Tây Nguyên có địa hình hiểm trở, nhiều đồi núi, sông suối, bị chia cắt về địa hình bởi hệ thống sông, suối và các dãy núi cao, mật độ dân cư thưa,

trung bình là 114 người/ km², chủ yếu sống phân tán nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình quản lý, điều hành của HTCT cơ sở.

Theo Tổng cục thống kê, hiện nay, trên địa bàn Tây Nguyên có đủ 54 dân tộc của cả nước với đủ các nhóm ngôn ngữ - dân tộc của Việt Nam, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với hơn 2,2 triệu người, chiếm 37,65% dân số toàn vùng. Các dân tộc thiểu số cư trú rộng khắp trên địa bàn Tây Nguyên, trong đó, các dân tộc thuộc nhóm Môn - Khome chủ yếu cư trú ở hai đầu, Bắc và Nam Tây Nguyên, các dân tộc thuộc nhóm Nam đảo thường cư trú ở khu vực giữa của Tây Nguyên. Về tôn giáo, hiện nay, trên địa bàn Tây Nguyên có tín đồ của 13/16 tôn giáo được nhà nước công nhận đang hoạt động với gần 2,3 triệu tín đồ, chiếm 38,5% dân số toàn khu vực. Cùng với đó, trình độ dân trí trên địa bàn Tây nguyên còn thấp, đặc biệt là trình độ dân trí của đồng bào các dân tộc thiểu số. Việc quản lý một khu vực dân cư với sự đa dạng thành phần các dân tộc, trình độ dân trí lại thấp đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả công tác, tuyên truyền, vận động, tổ chức cho Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước của HTCT cơ sở.

Năm là, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên thường xuyên phải giải quyết những mâu thuẫn, xung đột về kinh tế, văn hoá, xã hội của Nhân dân và sự chống phá của các thế lực thù địch

Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trải qua quá trình hình thành và phát triển đã hội tụ nơi đây nhiều mâu thuẫn, xung đột trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như mâu thuẫn, xung đột về dân tộc, tôn giáo, về văn hoá, tâm lý tộc người, về sử dụng tài nguyên, đất đai, ... Trên từng lĩnh vực, thì mâu thuẫn, xung đột lại diễn ra đa dạng, phức tạp. Chẳng hạn, xung đột dân tộc xảy ra giữa dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số, giữa dân tộc thiểu số bản địa với các dân tộc thiểu số di cư đến Tây Nguyên. Xung đột đất đai diễn ra trên nhiều khía cạnh như tranh chấp đất đai nương rẫy giữa đồng bào và các nông, lâm trường; tranh chấp đất đai liên quan đến thu hồi, đền bù, giải toả; tranh chấp đất đai từ lịch sử di dân, ... Những mâu thuẫn,

xung đột trong nội bộ nhân dân tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nếu không được các cấp chính quyền giải quyết một cách thoả đáng, kịp thời có nguy cơ bùng phát thành các điểm nóng, gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Mặt khác, Tây Nguyên cũng là địa bàn trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch. Trong những năm qua bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”, chúng triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để tuyên truyền, xuyên tạc bóp méo, phủ nhận đường lối, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước,... nhằm làm xói mòn niềm tin của đồng bào vào chính quyền cơ sở, tạo ra tâm lý hoài nghi, bất mãn trong cộng đồng. Chúng ra sức dung dưỡng, tài trợ cho các lực lượng phản động, tàn quân Fulro lưu vong gieo rắc tư tưởng dân tộc cực đoan nhằm ly khai, tự trị, thành lập cái gọi là “Nhà nước Đêga”; kích động, xúi giục các phần tử cực đoan trong đồng bào các dân tộc và tôn giáo biểu tình, gây rối, kích động gây bạo loạn, lật đổ chính quyền nhân dân, tạo ra những “điểm nóng”, hòng tạo cơ hội can thiệp từ bên ngoài.

3.2. THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC HIỆN NAY

3.2.1. Xác định chủ trương; lập kế hoạch, chương trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trên cơ sở quán triệt, học tập các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước và HTCT cấp trên về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, đảng ủy các xã, phường, thị trấn đã đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; công tác giáo dục, tuyên truyền, y tế, giáo dục, dân tộc, tôn giáo; các chuyên đề, chương trình hành động về công tác thanh niên, công đoàn, phụ nữ, hội cựu chiến binh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết các cấp. Đánh giá về vai trò của đảng ủy các xã, phường, thị trấn trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, giải pháp lãnh đạo các mặt công tác, Báo cáo chính trị Đại hội

đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 cho rằng: “*Cấp ủy đảng các cấp đã chú trọng đổi mới việc ban hành nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng*” [126, tr.54].

Từ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của cấp ủy cơ sở trong các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc. Ủy ban Nhân dân chủ động ban hành các văn bản cụ thể hóa nghị quyết của tổ chức đảng và HĐND các cấp; có kế hoạch phân bổ các nguồn lực; tổ chức thực hiện nghị quyết của đảng bộ và HĐND về phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo,... MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai công tác giám sát và phản biện các nghị quyết của tổ chức đảng và HĐND; xây dựng chương trình hành động, động viên đoàn viên, hội viên tham gia các phong trào hành động cách mạng, các cuộc vận động phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

Đánh giá về vai trò của HĐND và Ủy ban Nhân dân trong việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, Báo cáo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum đánh giá: “*HĐND các cấp đã ban hành các Nghị quyết sát với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương. Chuẩn bị và tổ chức các kỳ họp của HĐND theo đúng quy định của luật, đảm bảo về thời gian, nội dung và chất lượng kỳ họp*” [177, tr. 1].

3.2.2. Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, tuyên truyền, giáo dục về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Những năm qua, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nội dung tuyên truyền, vận động đã làm rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết dân tộc; các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc;

các chương trình, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc thay đổi nếp sống, cách nghĩ; sống định canh, định cư, xây dựng thôn, bản văn hóa, tích cực tham gia phòng, chống tội phạm; không sinh hoạt đạo trái pháp luật, tàng trữ vũ khí, buôn bán ma túy, đấu tranh phản bác thông tin, quan điểm, hành động sai trái của các thế lực thù địch.

Về hình thức, phương pháp tuyên truyền, kết quả nghiên cứu cho thấy, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã vận dụng đa dạng, sáng tạo các hình thức như: thông qua hệ thống truyền thanh địa phương; tuyên truyền trong các lễ hội, trong các dịp lễ, tết; giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thông qua các phong trào thi đua yêu nước các cuộc vận động, các hội thi, mô hình hũ gạo tình thương, nuôi heo đất; biểu dương, gặp mặt các già làng, trí thức vùng dân tộc thiểu số, tổ chức các lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa các dân tộc. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, kênh tiếp cận các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước thông qua báo, đài, ti vi, phát thanh địa phương, các cuộc họp dân, cán bộ trực tiếp đến nhà tuyên truyền, qua các tổ chức đoàn thể và qua những người có uy tín ở mức rất hiệu quả là lần lượt là 46.5%, 37%, 43.25%, 39.25% và 42.75 % [Phụ lục 4]. Điều đó góp phần khẳng định tính hiệu quả trong công tác giáo dục, tuyên truyền về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở.

Hai là, quy tụ, tập hợp, bảo vệ quyền và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân

Nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã chú trọng xây dựng MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội vững mạnh để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân. Ủy ban Mặt trận các xã, phường, thị trấn được củng cố theo hướng tăng cường các cá nhân tiêu biểu có năng lực, có tín nhiệm trong các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo, người ngoài Đảng, các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội. Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thường xuyên được kiện toàn và củng cố. Chẳng hạn, hiện nay Ủy ban MTTQ cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 4.869 ủy viên, Ban thường trực có 461 người; có 1.376 Ban Công

tác Mặt trận với 12.528 thành viên, Ủy ban MTTQ các xã, phường, thị trấn đều cơ cấu đủ số lượng thành viên [160, tr. 19].

Các tổ chức chính trị xã hội là thành viên của Mặt trận cũng có nhiều tiến bộ trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả và mang lại lợi ích chính đáng cho đoàn viên, hội viên.

Thực hiện nghị quyết các cấp về công tác dân tộc, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã chú trọng đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, nhất là Nhân dân các xã vùng sâu, vùng vùng đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số toàn vùng giảm từ 52,36% năm 2003 xuống còn 19,9% năm 2020; tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của đồng bào dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên năm 2023 là 80,9% (tăng 1,7% so với năm 2015); tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết chữ dân tộc mình là 25,16% cao nhất cả nước [3]. Công tác vận động, tập hợp đồng bào được chính quyền cơ sở chú trọng triển khai, kịp thời nắm tình hình, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số để phản ánh, kiến nghị, đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp xem xét, giải quyết. HTCT cơ sở đã chú trọng đề xuất các chủ trương, giải pháp nhằm duy trì và phát triển văn hoá các dân tộc như văn hoá cồng chiêng, nhà rông, nhà dài, các loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống như sử thi, truyện cổ, diễn tấu cồng chiêng và các loại nhạc cụ dân tộc. Phỏng vấn sâu về vấn đề này, cán bộ M10 cho rằng: *“Cấp uỷ cơ sở đã triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, về công tác thanh niên, phụ nữ,...; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, vận động Nhân dân chung sức, đồng lòng phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước”* [Phụ lục 5, 6].

Đối với công tác tôn giáo, qua nghiên cứu cho thấy, HTCT cơ sở đã chú trọng phát huy vai trò của các chức sắc, chức việc trong tham gia tuyên truyền, vận động tín đồ tôn giáo thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, sống “Tốt đời, đẹp đạo”, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, phát huy giá trị, nguồn lực của các tôn giáo tham gia công tác từ thiện, nhân đạo; phối hợp đấu tranh ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị

đoan, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị-xã hội. Cùng với đó, HTCT cơ sở kịp thời thông tin, trao đổi, lắng nghe, phản ánh, đề xuất giải quyết tâm nguyện vọng của đồng bào các tôn giáo; quan tâm phát triển đảng viên là người có đạo, xây dựng lực lượng cốt cán và phát huy người có uy tín trong các tín đồ, tôn giáo. Đánh giá về công tác tôn giáo, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định: *“Công tác tôn giáo và chính sách tôn giáo được HTCT các cấp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu tâm linh của tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Giải quyết kịp thời các nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của các tôn giáo, nhất là trong hỗ trợ, giải quyết các nhu cầu về đất đai, cơ sở thờ tự”* [126, tr.53].

Đối với các lực lượng khác trong xã hội như đội ngũ doanh nhân, đội ngũ trí thức, đội ngũ văn nghệ sỹ, người cao tuổi,... cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn Tây Nguyên đã có nhiều chủ trương, việc làm cụ thể nhằm quy tụ, tập hợp các lực lượng này góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Ba là, duy trì và thực hiện công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh

Về kinh tế, trên cơ sở chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước và địa phương, cấp ủy và chính quyền các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Nguyên đã phối hợp với MTTQ và các đoàn thể triển khai các chủ trương, biện pháp và vận động Nhân dân thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng đầu tư, phát triển các lĩnh vực tiềm năng, lợi thế của địa phương như nông nghiệp công nghệ cao trồng rau, hoa ở Lâm Đồng, trồng và chế biến, xuất khẩu nông sản, cây công nghiệp như cà phê, chè, hồ tiêu, cao su, du lịch sinh thái - văn hóa. Tổ chức thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thâm canh, sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới; triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, giải quyết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, hỗ trợ vật nuôi, cây trồng, vật tư, phân bón cho đồng bào các dân tộc. Cùng với đó, HTCT cơ sở đã chú trọng xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng, tập trung phát triển mạng lưới giao thông,

trường học, xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa, bưu điện, hiện đại hóa trạm y tế xã, hoàn thiện mạng lưới điện từ xã đến các thôn, ấp và đến từng hộ gia đình; hình thành các trung tâm chợ, nơi trao đổi, buôn bán dịch vụ nông sản và các mặt hàng phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

Cùng với phát triển kinh tế, HTCT cơ sở đã chú trọng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân. Các hoạt động văn hóa, thông tin tập trung về cơ sở; hệ thống nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn bản được đầu tư xây dựng, hoạt động bước đầu đi vào nền nếp. Các giá trị văn hóa truyền thống, di tích lịch sử cách mạng được HTCT cơ sở chú trọng phục hồi, bảo tồn, tôn tạo, phát huy những phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và bài trừ hủ tục lạc hậu; khuyến khích sử dụng các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc; các loại hình văn hóa dân gian trong các hội thi, hội diễn,...

Công tác giáo dục có bước phát triển toàn diện. HTCT cơ sở tích cực xây dựng, nâng cấp các trường, lớp học ngày càng khang trang, sạch đẹp, tạo điều kiện học tập tốt cho các em học sinh trên địa bàn. MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội đã phát huy tốt vai trò trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tích cực vào phong trào khuyến học, khuyến tài, vận động trẻ trong độ tuổi đến trường. Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được cấp ủy, chính quyền địa phương chú trọng triển khai; đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được khám bệnh miễn phí, góp phần thực hiện công bằng xã hội. Việc tiêm chủng mở rộng các bệnh nguy hiểm ở trẻ em đã được ngành y tế tổ chức đến tận, buôn, làng. Các chương trình quốc gia về y tế, dân số được triển khai có có hiệu quả; công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình chuyển biến tích cực. Công tác khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế ngày càng được quan tâm, đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế.

Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, HTCT cơ sở đã quan tâm đẩy mạnh xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng cơ quan quân sự, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh toàn diện, hoàn thiện các phương án sẵn sàng chiến đấu. MTTQ và các đoàn thể tiếp tục phối hợp đẩy mạnh thực hiện phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực

thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, HIV/AIDS, mua bán người; tham gia đấu tranh, tố giác các loại tội phạm; thực hiện tốt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở từng cơ sở, khu dân cư và trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Đánh giá về vai trò của HTCT cơ sở trong phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, y tế, giáo dục, phòng vãn sâu, cán bộ M15 cho rằng: *“Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã triển khai hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng ở địa phương như Chương trình 132, 134 về cấp đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ về nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình 168 hỗ trợ con giống, cây giống cho người nghèo; đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống”* [Phụ lục 5, 6]. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học cũng cho thấy, có 75% đến 79% người dân đánh giá HTCT cơ sở đã thực hiện hiệu quả, rất hiệu quả nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương [Phụ lục 2].

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số

Trong những năm quan, được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Nguyên nói chung, cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng không ngừng được củng cố, kiện toàn, từng bước đi vào nề nếp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số.

Nhiều nghị quyết về công tác cán bộ dân tộc thiểu số đã được triển khai từ cấp tỉnh đến cơ sở như Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy Đắk Lắk ngày 14/01/2005 về quy hoạch, sử dụng cán bộ công chức là người dân tộc thiểu số; Nghị quyết số 74-NQ/TU của Tỉnh ủy Đắk Nông ngày 06/10/2006 về công tác cán bộ dân tộc thiểu số giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2020; Đề án 03-ĐA/TU của Tỉnh ủy Gia Lai ngày 12/6/2009 “Về tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp đại học bố trí về cơ sở công tác”.

Trong công tác cán bộ, nhất là khâu đề bạt, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ dân tộc thiểu số đã được cấp ủy cơ sở chú ý nhiều hơn đến cơ cấu, tiêu chuẩn, chức danh cán bộ. Kết quả nghiên cứu ở tỉnh Đắk Nông cho thấy, từ năm 2020 đến năm 2023, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tuyển dụng 32 cán bộ cấp xã người đồng bào dân tộc thiểu số, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước, lý luận chính trị cho 87 lượt cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số, đề bạt, bổ nhiệm 15 cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ huyện uỷ quản lý [171, tr. 5].

Năm là, thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; giải quyết xung đột giữa các tầng lớp nhân dân, các dân tộc

Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, cấp ủy đảng các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Nguyên đã chỉ đạo HĐND cùng cấp thực hiện việc niêm yết các thu tục hành chính, các chế độ chính sách đối với Nhân dân; công khai minh bạch các chính sách, chương trình, kế hoạch nhất là chương trình phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, thực hiện các mục tiêu quốc gia, xóa đói giảm nghèo, các loại phí, lệ phí,... nhằm tạo điều kiện để MTTQ, các đoàn thể tổ chức cho Nhân dân thảo luận, bàn bạc; tiếp thu ý kiến của đa số Nhân dân từ đó ra quyết định đúng luật, phù hợp lòng dân. Nhiều nội dung, quy định về các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước được chính quyền tổ chức họp dân và thông báo rộng rãi,... tạo điều kiện cho Nhân dân được tiếp cận và nắm bắt thông tin, phản ánh những băn khoăn, thắc mắc trong việc triển khai thực hiện của chính quyền cơ sở.

HTCT cơ sở đã phát huy tốt vai trò của Mặt trận và Nhân dân trong tham gia đấu tranh phong chống tham nhũng, lãng phí, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ, đảng viên. MTTQ đã kịp thời tiếp nhận thông tin, đơn thư tố giác tham nhũng, tiêu cực, báo cáo cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân đã có chuyển biến tích cực, đặc biệt là việc xử lý các vụ việc phức tạp, các xung đột về đất đai, tôn giáo, dân tộc ở địa phương. Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu MTTQ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII đánh giá: *“Mặt trận đã phát huy tốt vai trò trong tổ chức các diễn đàn, tạo điều kiện để Nhân dân bày tỏ quan điểm, chính kiến góp ý, đề xuất với cấp ủy, chính quyền liên quan đến công tác điều hành, quản lý, các vấn đề kiến*

nghe, vương mắc của Nhân dân” [160, tr. 14]. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội cho thấy có từ 64.5% đến 79.5% người dân đánh giá ở mức hiệu quả, rất hiệu quả khi được hỏi về vai trò của HTCT cơ sở trong thực hiện dân chủ, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết xung đột xã hội ở địa phương [Phụ lục 2].

Sáu là, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Trong thời gian qua, cấp ủy và chính quyền cơ sở đã chỉ đạo các ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội kịp thời giáo dục, tuyên truyền để Nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, nhận rõ bản chất phản động của Fulro và Tin lành Đêga, vận động đồng bào vạch trần âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Đối với các xã trọng điểm, có dấu hiệu bất ổn về chính trị, cấp ủy, chính quyền địa phương đã chủ động phân công cán bộ bám nắm địa bàn, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, không để bọn xấu lôi kéo, kích động biểu tình, vượt biên; phối hợp với các đơn vị Quân đội, Công an làm tốt công tác dân vận, kết nghĩa, thành lập các đội công tác chuyên trách ở các thôn, bản. Ở các địa phương có lực lượng Fulro, HTCT cơ sở đã có nhiều cách làm hay để giáo dục, cảm hóa các đối tượng này như mở các lớp giáo dục tập trung, phát huy vai trò của người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo để giáo dục, cảm hóa đối tượng. Đánh giá kết quả đấu tranh đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhận định: *“Hệ thống chính trị các cấp đã chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động của tổ chức Fulro, các đối tượng phản động. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn vô hiệu hóa hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo,... triển khai đồng bộ các biện pháp bóc gỡ hàng trăm đối tượng tham gia tổ chức phản động, Tin lành Đêga”* [117, tr.23].

3.2.3. Kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong những năm qua, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã chú trọng triển khai và tiến hành thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động

liên quan đến quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như: Kiểm tra việc thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, xóa đói giảm nghèo, các chương, trình, dự án triển khai ở địa phương. Chương trình giám sát của HĐND đã tập trung vào các hoạt động giám sát thường xuyên như giám sát việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của người dân, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, các công, trình dự án trên địa bàn,... MTTQ phối hợp với cán bộ, ngành, các tổ chức đoàn thể, Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện tốt các kế hoạch kiểm tra, giám sát góp phần giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân, hạn chế phát sinh đơn thư, khiếu kiện, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự cơ sở.

Công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đã được cấp ủy, chính quyền, MTTQ các xã, phường, thị trấn chú trọng triển khai. Đánh giá về công tác sơ, tổng kết, Báo cáo tổng kết 20 thực hiện Nghị quyết số 23 của Tỉnh ủy Kon Tum cho rằng: *“Hàng năm, cấp ủy, chính quyền các cấp đã xây dựng kế hoạch kiểm tra gắn với tổ chức sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW để kịp thời rút kinh nghiệm, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục hạn chế, thiếu sót, đề ra những giải pháp đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống”* [131, tr. 2].

3.2.4. Phản hồi, kiến nghị, đề xuất với HTCT cấp trên các sáng kiến, chính sách, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã thực hiện tốt chức năng phản biện, phản hồi chính sách thông qua việc tổng hợp kiến nghị từ các kênh như tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, các buổi tọa đàm, diễn đàn Nhân dân góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Các kiến nghị được đề xuất đa dạng, từ việc điều chỉnh tiêu chí xác định người có uy tín trong cộng đồng; hỗ trợ cây, con giống phù hợp điều kiện thổ nhưỡng từng vùng đến đề xuất các chính sách mới cho lực lượng bán chuyên trách, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; cơ chế tích hợp các chương trình mục tiêu quốc gia về dân tộc, tôn giáo để tránh chồng chéo trong quản lý và phân bổ nguồn lực.

Đáng chú ý, HTCT cơ sở còn đóng vai trò như một “trạm cảnh báo sớm”, phát hiện kịp thời các vấn đề phát sinh phức tạp ở cơ sở liên quan đến xung đột dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đông người, biểu tình gây rối,... Trên cơ sở đó, chính quyền cơ sở chủ động báo cáo, tham mưu phương án xử lý phù hợp với HTCT cấp huyện, tỉnh và các lực lượng chức năng. Cùng với đó, HTCT cơ sở đã đóng góp nhiều sáng kiến thiết thực về công tác xây dựng khối đại đoàn kết như: đề xuất đổi mới nội dung hoạt động của Mặt trận cấp xã gắn với phong trào bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm; đề xuất duy trì lễ hội truyền thống để củng cố quan hệ cộng đồng giữa các dân tộc; hoặc kiến nghị về cơ chế hỗ trợ các hoạt động giao lưu văn hóa vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số nhằm tăng cường tính cố kết xã hội. Đánh giá về vai trò của HTCT cơ sở trong công tác phản hồi, kiến nghị, đề xuất các nội dung, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Báo cáo tổng kết 20 thực hiện Nghị quyết số 23 của Tỉnh ủy Lâm Đồng cho rằng: *“HTCT ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực, phát huy tốt vai trò trong tham mưu, đề xuất các mô hình, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”* [136, tr.20]. Kết quả điều tra xã hội học cũng cho thấy, có 83.5% cán bộ cho rằng, HTCT cơ sở đã thực hiện hiệu quả, rất hiệu quả chức năng kiến nghị, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền các nội dung, biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc [Phụ lục 4].

3.3. ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC HIỆN NAY

3.3.1. Đánh giá việc thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

3.3.1.1. Ưu điểm

Một là, hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã làm tốt việc quán triệt và cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Để xác định chủ trương, lập chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, HTCT cơ sở các tỉnh trên địa Tây Nguyên đã thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là các các nghị quyết, chỉ thị hướng dẫn mới của các cấp về xây dựng khối

đại đoàn kết dân tộc nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cấp uỷ, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội. Về hình thức, phương pháp học tập được cấp uỷ, chính quyền cơ sở vận dụng linh hoạt như tổ chức quán triệt, học tập chuyên đề, quán triệt các nghị quyết, chủ trương, chính sách mới lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cấp chính quyền, ...

Trên cơ sở quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của các cấp, cấp uỷ, chính quyền cơ sở đã căn cứ vào tình hình thực tiễn địa phương, cụ thể hoá thành các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch sát, đúng, có tính thực tiễn cao. Các nghị quyết, kế hoạch, chương trình đã xác định được phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện, những công việc cần làm, những công việc cần tập trung giải quyết, quy định tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành, phân công cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Báo cáo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương tỉnh Lâm Đồng năm 2022 khẳng định: *“HĐND, Ủy ban nhân dân các cấp đã làm tốt công tác quán triệt, cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với thực tiễn địa phương; chỉ đạo các cấp, ngành tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên tất cả các lĩnh vực”* [179, tr. 19]. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học cho thấy, đánh giá của đội ngũ cán bộ, công chức về mức độ thực hiện của HTCT cơ sở trong quán triệt các chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết; xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo; lập chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tổng ở mức khá và tốt lần lượt là 89.5%, 86% và 88.75% [Xem bảng 3.1]. Kết quả phỏng vấn, cán bộ M1 cũng cho rằng: *“Cấp uỷ, chính quyền các cơ sở đã tổ chức học tập, quán triệt các văn bản, nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của các cấp về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc một cách nghiêm túc, sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; trên cơ sở đó đề xuất các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương”* [Phụ lục 5, 6].

Bảng 3.1. Đánh giá mức độ thực hiện của HTCT cơ sở trong quán triệt, cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	2	40	166	192
	Tỷ lệ (%)	0	0.5	10	41.5	48.0
2. Xác định chủ trương, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	4	48	144	204
	Tỷ lệ (%)	0	1.0	12.0	36.0	51.0
3. Lập chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	3	46	137	214
	Tỷ lệ (%)	0	0.75	11.5	34.25	53.5

(Nguồn: Số liệu khảo sát của luận án – Phụ lục 4)

Hai là, hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trên cơ sở các kế hoạch, chương trình về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức tốt việc triển khai thực hiện một cách đồng bộ ở các khâu các bước như: Tổ chức hội nghị phổ biến, triển khai kế hoạch; tiến hành phân công trách nhiệm, tiến độ thực hiện cho các bộ phận; chỉ đạo tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Đơn cử như chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: 2021 – 2025 đã được cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các địa phương tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Ngay sau khi có kế hoạch triển khai các dự án của chương trình, chính quyền cơ sở đã tổ chức hội nghị triển khai, thành lập ban chỉ đạo, ban quản lý (đối với các tiểu dự án được phân công làm chủ đầu tư), phân công trách nhiệm cho các bộ phận, ban, ngành trong tuyên truyền, giáo dục; trong lựa chọn đối tượng thụ hưởng, đảm bảo vật chất,

kinh phí thực hiện, kiểm tra, giám sát, Chính vì được triển khai thực hiện một cách khoa học, đồng bộ, đảm bảo dân chủ, minh bạch, giám sát chặt chẽ nên nhiều dự án trong chương trình đã phát huy tốt hiệu quả như Dự án 1 giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Dự án 3 phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, ... góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2023, phương hướng năm 2024 của tỉnh Đắk Lắk cho thấy, giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đất ở cho 53 hộ, hỗ trợ nhà ở cho 1.009 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 16.085 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc nông cụ cho 139 hộ 21; đầu tư xây dựng 2 công trình nước sinh hoạt tập trung, tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm 5,99%, từ 19,7% xuống còn 13,71%; số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm được 6.974 hộ, từ 31.229 hộ xuống còn 24.282 hộ [168, tr.6, 7].

Ba là, hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên phối hợp thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Cấp uỷ cơ sở đã chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, phát huy tốt vai trò của chính quyền trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Cấp uỷ cơ sở đã phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, không bao biện làm thay và cũng không buông lỏng sự lãnh đạo; đồng thời phát huy vai trò chủ động của chính quyền trong quản lý, điều hành trong triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, dân tộc, tôn giáo, xây dựng các giai tầng, các tổ chức quần chúng vững mạnh. Sự phối hợp giữa cấp uỷ cơ sở với chính quyền cơ sở thể hiện thông qua việc duy trì thường xuyên sinh hoạt đảng uỷ, hội ý thường trực đảng uỷ cho ý kiến về những vấn đề do HĐND, UBND đề xuất đặc biệt là những vấn đề về phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội, quốc phòng an ninh, công tác dân tộc, tôn giáo, qua đó tăng cường sự phối hợp trong điều hành, triển khai các nhiệm vụ. Chính quyền đã giữ vững mối quan hệ, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng như xin ý kiến cấp uỷ đảng đối với những nội dung chính về phương hướng hoạt động và các chủ trương quan trọng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 của tỉnh uỷ Đắk Lắk khẳng định: “*Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã phối hợp, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*” [119, tr.21].

Các tổ chức cơ sở đảng đã quan tâm, chỉ đạo MTTQ tích cực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tập trung hướng về cơ sở, địa bàn khu dân cư, bám sát thực tiễn. MTTQ phối hợp với tổ chức Đảng thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, là cầu nối đưa “lòng dân” đến gần “ý Đảng” góp phần xây dựng và củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân. MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đã chú trọng công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên hiểu và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của nhân dân một cách kịp thời, hạn chế việc khiếu kiện vượt cấp. Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 của tỉnh uỷ Lâm Đồng đánh giá: *“MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”* [136, tr. 20]. Kết quả điều tra xã hội học đối với đội ngũ cán bộ đánh giá về công tác phối hợp của các thành viên thuộc hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở mức độ khá, tốt từ 83.25% đến 85.5% [Phụ lục 4].

Trên cơ sở mối quan hệ hiệp thương, phối hợp công tác, trong những năm qua, chính quyền cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã làm tốt công tác phối hợp, hỗ trợ, phát huy tốt vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. UBND và HĐND đã thường xuyên phối hợp với MTTQ xây dựng, bổ sung quy chế phối hợp trên các mặt công tác sát với tình hình thực tiễn địa phương như phối hợp trong công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp Nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, xây dựng chính sách, pháp luật, bầu cử, triển khai các cuộc vận động, các phong trào hành động các mạng. Kết quả mà các cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Làm thay đổi nếp nghĩ cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đạt được là những minh chứng cho mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa HĐND, UBND với MTTQ nói riêng và giữa các tổ chức trong HTCT nói chung. Hoạt động hoà giải ở cơ sở cũng được phối hợp

tổ chức khá tốt. Đơn cử như ở Kon Tum, trong 20 năm triển khai cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững” đã làm cho 12.307 hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo. Duy trì 768 tổ hoà giải với 4.876 hoà giải viên, đã hoà giải thành công 1.982 vụ, tham gia tiếp 1.026 lượt công dân, tiếp nhận và xử lý theo pháp luật 398 đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của công dân [158, tr.5, 11]. Kết quả phỏng vấn M11 cũng khẳng định: *“Cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đã quán triệt, phối hợp triển khai, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”* [Phụ lục 5,6].

3.3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm

Một là, việc quán triệt và cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở ở một số địa phương còn tồn tại nhiều hạn chế, khuyết điểm. Điển hình như việc học tập, quán triệt một số chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa hiệu quả dẫn đến tình trạng hiểu sai, làm sai. Một số chính sách về công tác dân tộc, đất đai khi xác định đối tượng thụ hưởng, tiêu chí của người thụ hưởng chưa phù hợp với thực tiễn địa phương mà còn biểu hiện thực hiện rập khuôn, máy móc theo hướng dẫn của trên nên khó triển khai thực hiện. Báo cáo tổng kết 20 thực hiện Nghị quyết số 23 của Tỉnh uỷ Lâm Đồng đánh giá: *“Năng lực lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, nhất là việc cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Đảng ở địa phương có nơi còn lúng túng, bị động, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở”* [136, tr.22]. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học đối với đội ngũ cán bộ về mức độ thực hiện của HTCT cơ sở trong quán triệt các chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết; xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo và lập chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vẫn còn 10.5% đến 13.0% đánh giá ở mức trung bình và kém.

Hai là, một số chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chậm được tổ chức triển khai thực hiện do không phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, thiếu các điều kiện bảo đảm thực hiện. Chẳng hạn, dự án hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số

ở một số địa phương không mang tính khả thi vì không đảm bảo được quỹ đất để thực hiện dự án. Việc tổ chức thực hiện một số chương trình, kế hoạch không đảm bảo về mặt tiến độ do những khó khăn về quy trình, thủ tục cũng như cơ sở vật chất đảm bảo.

Ba là, công tác phối hợp của các thành viên thuộc hệ thống chính trị trong triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở một số nội dung, một số địa phương còn chưa hiệu quả. Chẳng hạn, các mặt công tác xã hội như văn hoá, tôn giáo, xây dựng các giai cấp, các tầng lớp vững mạnh chưa có sự phân công, phối hợp một cách chặt chẽ mà thường giao cho một tổ chức nào đó triển khai thực hiện. Các công trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội khi triển khai thì được phân công, phân nhiệm một cách rõ ràng nhưng khi gặp phải những khó khăn, vướng mắc thì thiếu sự phối hợp trong tháo gỡ khó khăn, triển khai thực hiện. Đặc biệt, khi địa phương xảy ra các tình huống gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thì các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị cơ sở còn lúng túng trong phối hợp xử lý do sự chòng chéo, thiếu rõ ràng về thẩm quyền, tâm lý e ngại trách nhiệm. Kết quả phỏng vấn, mẫu M1 cho rằng: *“Việc phối hợp triển khai, hướng dẫn thực hiện một số chương trình, kế hoạch còn chưa cụ thể, thông suốt, nên gây khó khăn cho quá trình thực hiện ở các thôn, bản”* [Phụ lục 5,6]. Kết quả điều tra xã hội học đánh giá về công tác phối hợp của các thành viên thuộc hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với đội ngũ cán bộ vẫn còn 12.75% đến 15.75% đánh giá mức độ phối hợp ở mức yếu và trung bình.

3.3.2. Đánh giá kết quả thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

3.3.2.1. Ưu điểm

Một là, HTCT cơ sở đã thực hiện khá tốt việc phát huy dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột, tạo sự ổn định trong xã hội

Trong những năm qua, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã triển khai có hiệu quả pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 100% các xã, phường,

thị trấn trên địa bàn bố trí đồng chí Bí thư, Phó bí thư hoặc ủy viên Thường vụ kiêm Trưởng Ban chỉ đạo. 100% số xã, phường, thị trấn có tổ chức Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Các dự án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch vay vốn, mức huy động các khoản đóng góp của nhân dân, các chương trình, dự án như Chương trình 134, 135, Nghị quyết 30a, Quyết định 176 của Chính phủ...đều được chính quyền cơ sở thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, họp thôn, buôn, tổ dân phố, tiếp xúc cử tri, niêm yết thông báo công khai cho nhân dân biết. Hoạt động Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng đạt hiệu quả thiết thực. Chẳng hạn, trong năm 2023, trên địa bàn Đắk Nông, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã tham gia giám sát 120 vụ việc, phát hiện, kiến nghị với chính quyền, các cơ quan chức năng 32 vụ việc; được các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết 32 vụ việc [151, tr.8]. Việc tham gia ý kiến của người dân đối với các dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hàng năm, mỗi xã, phường, thị trấn ở Tây Nguyên có từ 60 đến 80 ý kiến của người dân tham gia đóng góp vào các dự thảo các dự án kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua các hội nghị tiếp xúc cử tri. Công tác tiếp công dân, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, đặc biệt là giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và xử lý các vụ tòn động đã được quan tâm. Chỉ tính trong năm 2022, HTCT các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã tiếp nhận, tiến hành giải quyết 2238 lượt công dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo [153, tr.7]. Kết quả phỏng vấn sâu mẫu M13 cũng cho rằng: *“MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên và hội viên thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; đồng thời làm tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, nhất là các chủ trương, đề án về phát triển kinh tế, xã hội.* [Phụ lục 5, 6]. Công tác đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí được cấp uỷ, chính quyền cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc, phát huy tốt vai trò của Nhân dân trong tố cáo những sai phạm của cán bộ, công chức cơ sở. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều sai phạm liên quan đến mất dân chủ, lợi dụng chức quyền tham nhũng (trong việc cấp đất, mua, bán đất và thu hồi đất

của các cơ quan quản lý, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng); vi phạm thu, chi tài chính, trù dập bao che cho cán bộ sai phạm đã được cấp uỷ, chính quyền, Nhân dân phát giác, xử lý ở nhiều cấp độ khác nhau. Chẳng hạn, trong năm 2023, tỉnh Kon Tum có 12 cán bộ cấp xã bị xử lý kỷ luật liên quan đến những sai phạm trong công tác quản lý, vi phạm thu, chi tài chính, ... [177, tr.6].

Việc giải quyết xung đột xã hội trên các lĩnh vực đất đai, môi trường, tộc người, tôn giáo, tín ngưỡng, văn hoá, đấu tranh phòng chống Fulro, Đêga, Tin lành Đê ga đạt hiệu quả thiết thực. HTCT cơ sở đã phối hợp giải quyết nhà ở cho 56.268 hộ, đất ở cho 17.907 hộ với diện tích 713,38 ha, đất sản xuất cho 72.695 hộ với diện tích 35.447,53 ha, bố trí ở định cho 13.968 hộ di cư tự phát đến Tây Nguyên, phát hiện đấu tranh xóa bỏ 158 khung tổ chức “Tin lành Đêga” ngằm các cấp; xóa bỏ 372 điểm nhóm sinh hoạt “Tin lành Đêga” và trên 200 Ban chấp sự “Tin lành Đêga” tự phong; tuyên truyền vận động hơn 30.000 người tự giác từ bỏ “Tin lành Đêga” quay lại với Tin lành Việt Nam (Miền Nam) hoặc chuyển sang các hệ phái Tin lành hợp pháp khác, ... [6, tr.71, 81]. Những kết quả đó đã góp phần giảm thiểu các mâu thuẫn trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo, quần chúng Nhân dân, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Hai là, HTCT cơ sở đã thực hiện có hiệu quả công tác nắm, phòng ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của HTCT các cấp, đặc biệt là HTCT cơ sở, công tác phòng ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Qua quá trình tuyên truyền, vận động của cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội, tuyệt đại đa số Nhân dân đã có hiểu biết đúng đắn về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, đặc biệt làm âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. HTCT cơ sở đã phối hợp với HTCT các cấp tiến hành đấu tranh, bóc gỡ 395 khung tổ chức Đêga (7 khung cấp tỉnh, 45 khung cấp khu vực, 137 khung cấp xã, 206 khung cấp làng); xóa bỏ 299 khung “Tin lành Đêga” (3 khung cấp tỉnh,

64 khung cấp khu vực, 17 khung cấp xã, 215 khung cấp làng); bóc gỡ xử lý gần 14.200 đối tượng tham gia Đêga [6, tr.91]. Công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng liên quan đến Fulro, Đêga đã được cấp uỷ, chính quyền nhiều địa phương triển khai, đạt hiệu quả thiết thực. Một số đối tượng từ bỏ hoạt động Fulro, tham gia công tác vận động quần chúng vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Cùng với đó, HTCT cơ sở đã phối hợp với hệ thống chính trị các cấp triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh loại bỏ các ảnh hưởng tiêu cực của tà đạo “Hà môn” đối với quần chúng.

Các kết quả phỏng vấn sâu cho thấy HTCT cơ sở ở nhiều địa phương đã chủ động triển khai các biện pháp đấu tranh tư tưởng, đặc biệt thông qua tuyên truyền và vận động quần chúng. Cán bộ M19 cho biết: *“Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, tập hợp các tầng lớp Nhân dân, ... đặc biệt là vận động, tuyên truyền, đấu tranh với các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương”* [Phụ lục 5, 6].

Ba là, HTCT cơ sở đã làm tốt công tác xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số

Trong những năm qua, với chủ trương đúng đắn, triển khai thực hiện đồng bộ ở các khâu, các bước, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã có những chuyển biến rõ rệt. Về số lượng, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở ngày càng tăng qua các năm. Chẳng hạn, năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn là 623 người, chiếm tỷ lệ 18,3% thì đến năm 2022, số cán bộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh tăng lên 690/3.598, chiếm tỷ lệ 19,1% [118, tr.10]. Về công tác đào tạo, từ năm 2010 đến năm 2022, HTCT các cấp đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 1.974 lượt cán bộ, công chức cấp xã; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng, Mặt trận, đoàn thể cho 2.002 lượt người [118, tr.7]. Phần lớn đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở sau đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước, nhất là cán bộ chủ chốt am hiểu phong tục tập quán, tâm lý đồng bào, đã vận dụng tốt kiến thức vào hoạt động thực tiễn, cùng

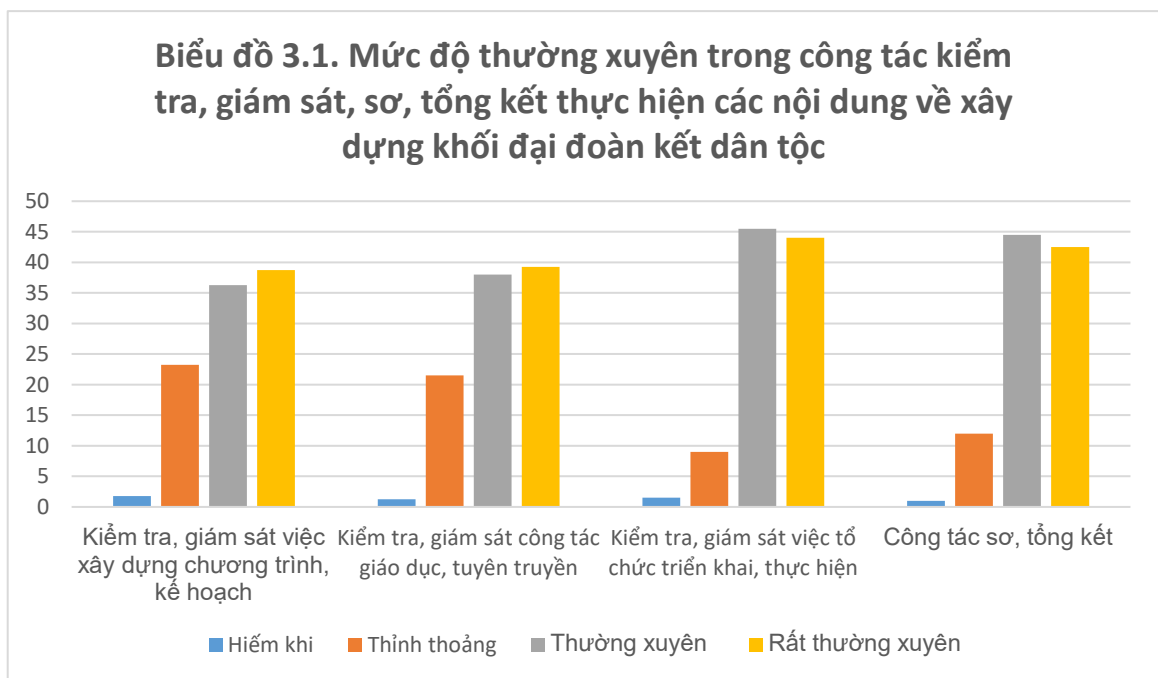
cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết trên địa bàn.

Sự tham gia ngày càng đông của đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số vào cơ cấu chính trị cơ sở địa phương và cùng với đó là sự quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, một mặt thể hiện rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo đảm bình đẳng về quyền lợi chính trị cho đồng bào các dân tộc thiểu số khi tham gia vào khối đại đoàn kết các dân tộc, mặt khác phản ánh vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Bốn là, HTCT cơ sở đã thực hiện khá hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; sơ, tổng kết, kiến nghị, tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Công tác kiểm tra, giám sát được tiến thành thường xuyên, toàn diện trên các nội dung như công tác dân tộc, tôn giáo, các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia. Chẳng hạn, trong năm 2023, Ủy ban MTTQ cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã tổ chức thành lập 127 đoàn kiểm tra, giám sát, tham gia 374 hoạt động kiểm tra, giám sát với các cơ quan, đơn vị, trong đó, có 118 cuộc kiểm tra, 126 cuộc giám sát thông qua Ban Thanh tra nhân dân, 128 cuộc thông qua Ban giám sát đầu tư cộng đồng cơ sở. Đánh giá về nội dung này, kết quả phỏng vấn, cán bộ M17 nhận định: *“MTTQ và các đoàn thể chính trị đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát. Quá trình giám sát đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy tốt vai trò của các tổ chức thành viên, ban tư vấn, kịp thời kiến nghị, phản ánh những vấn đề còn hạn chế, khuyết điểm để khắc phục trong thời gian tới”* [Phụ lục 5, 6]. Công tác sơ, tổng kết, kiến nghị, tham mưu, đề xuất các mô hình, giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được HTCT cơ sở tiến hành thường xuyên, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. HTCT cơ sở cơ bản đã kịp thời tổng kết, đánh giá, báo cáo với HTCT cấp trên những khó khăn, bất cập trong việc triển khai xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là những bất cập, vướng mắc trong việc triển khai

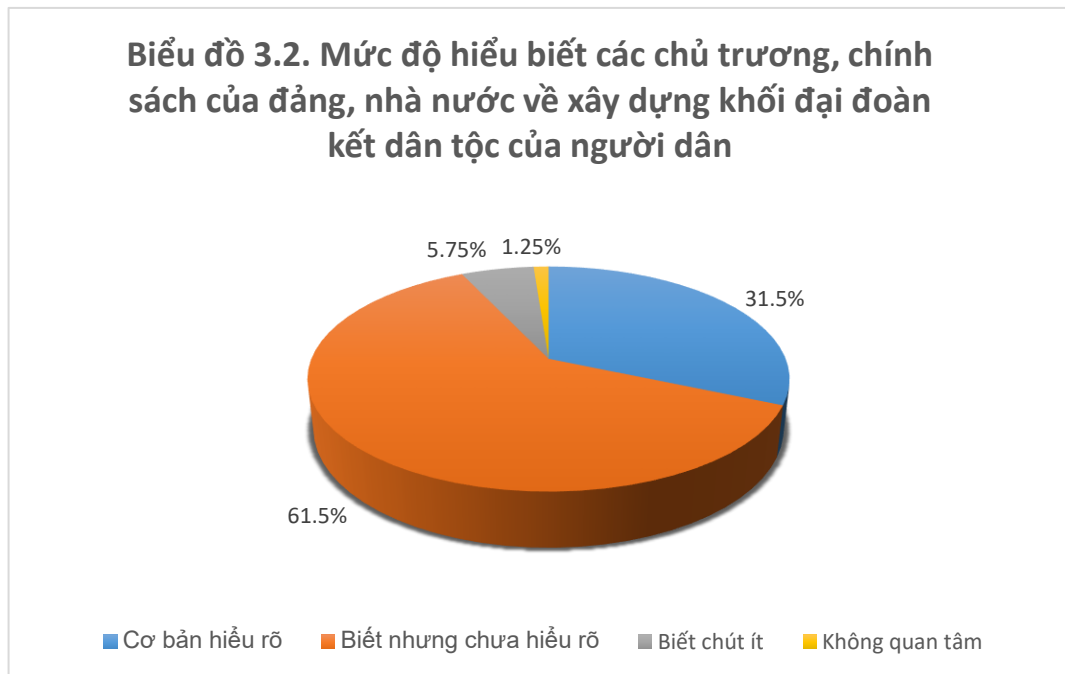
thực hiện các dự án trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi. Nhiều mô hình, cách làm hay trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đã được HTCT cơ sở báo cáo, đề xuất, nhân rộng trên địa bàn góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương như: “Tiếng kèn an ninh”, “gắn kết hộ”, “tổ, đội vận động quần chúng”, “Ngày hội tình làng, nghĩa xóm”, “Tổ tư vấn cộng đồng”. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học cũng cho thấy, có 100% cán bộ cho rằng công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết được các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, trong đó có 75% đến 89.5% đánh giá cơ quan, đơn vị thường xuyên, rất thường xuyên thực hiện các mặt kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết các nội dung về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. [Biểu đồ 3.1].



Năm là, hệ thống chính trị cơ sở cơ bản đã tạo được sự thống nhất về tư tưởng và hành động chính trị trong Nhân dân

Với sự vào cuộc của cả HTCT cơ sở trong giáo dục, tuyên truyền với những nội dung, biện pháp cụ thể, công tác vận động, tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp, các thành phần dân tộc, tôn giáo đã đạt kết quả tích cực. Tình hình tư tưởng và thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp ổn định; thể hiện niềm tin và trách nhiệm của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước. Nhân dân đồng thuận cao với những chủ trương, chính sách đầu tư phát triển

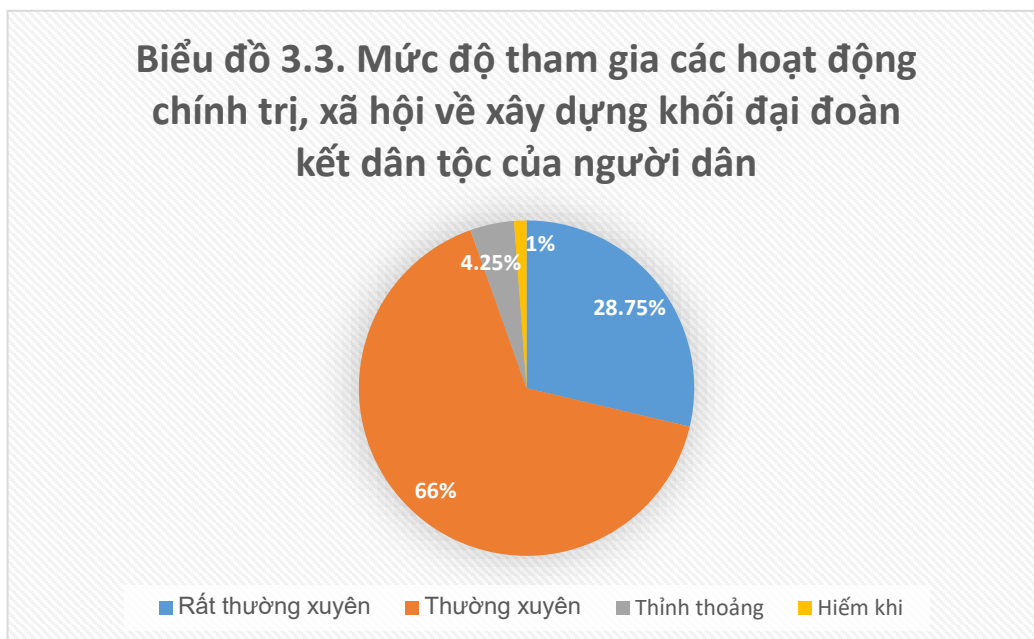
kinh tế - xã hội, nhất là những chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, khối đại đoàn kết dân tộc vì thế mà được củng cố, phát triển. Minh chứng cho điều này có thể thấy, kết quả khảo sát, điều tra xã hội học về mức độ hiểu biết của người dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và sự, có 31.5% người dân cho rằng cơ bản hiểu rõ, 61.5% cho rằng biết nhưng chưa hiểu rõ [Biểu đồ 3.2.].



(Nguồn: Số liệu khảo sát của luận án – Phụ lục 2)

Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 của tỉnh uỷ Lâm Đồng đánh giá: “Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, và các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước khác đã thu hút được đông đảo các tầng lớp Nhân dân đồng tình ủng hộ, tự nguyện tham gia (từ năm 2003 đến nay, Nhân dân đã đóng góp 1200 tỷ đồng, hiến 1.829.113m² đất, 710 ngàn ngày công lao động, hỗ trợ đồng bào thiên tai 52,4 tỷ, quỹ người nghèo 262 tỷ, quỹ ủng hộ Trường Sa 16,8 tỷ, ...); Nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội ở địa phương, tỷ lệ tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp qua các nhiệm kỳ đạt từ 98% trở lên[136, tr.19 - 20]. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học về mức độ tham gia

của người dân đối với các hoạt động chính trị, xã hội về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc do địa phương tổ chức cho thấy, có 28.75% cho rằng rất thường xuyên tham gia; 66% cho rằng thường xuyên tham gia [Biểu đồ 3.3.].



(Nguồn: Số liệu khảo sát của luận án – Phụ lục 2)

Sáu là, hệ thống chính trị cơ sở đã tạo niềm tin cho nhân dân về tiến bộ, công bằng xã hội từ kết quả phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng, an ninh địa phương

Với chủ trương đúng đắn, kế hoạch cụ thể, rõ ràng, triển khai thông suốt tình hình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn Tây Nguyên đã có những chuyển biến rõ nét. Kinh tế xã hội phát triển khá, thể hiện qua kết quả so sánh GDP đầu người qua các năm: Năm 2014, thu nhập bình quân đầu người của Kon Tum 29,77 triệu/năm, Gia Lai 35,63 triệu/năm, Đắk Lắk 31,60 triệu/năm, Đắk Nông 35,79 triệu/năm, Lâm Đồng 45,35 triệu/năm thì đến năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của Kon Tum 57,8 triệu/năm, Gia Lai là 71,2 triệu/ năm, Đắk Lắk là 61,7 triệu/người, Đắk Nông là 59,61 triệu/năm, Lâm Đồng là 85,65 triệu/người. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được kết quả quan trọng. Theo số liệu thống kê cho thấy, số lượng hộ nghèo giảm từ 175.772 hộ năm 2017 xuống còn 78.179 hộ năm 2023; số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 129.465 năm 2017 xuống còn 78.179 năm 2023 [Phụ lục 7].

Vấn đề đất sản xuất, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được triển khai, đem lại hiệu quả thiết thực. Các chương trình, dự án Nhà nước và Nhân dân cùng làm như xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hướng dẫn phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm đã đem lại lợi ích cho người lao động. Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận lòng dân và an ninh Nhân dân được củng cố và tăng cường, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có 65.5% đến 85% người dân cho rằng đời sống kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng an ninh ở địa phương trong vòng 5 năm trở lại đây tốt hơn nhiều, tốt hơn so với trước kia [Phụ lục 2]. Những chế độ, chính sách đảm bảo công bằng giữa các giai cấp, tầng lớp Nhân dân và người có công với cách mạng được các cấp chính quyền chăm lo chu đáo.

Công tác giáo dục, đào tạo đạt nhiều thành tích. Đến nay, cơ bản các xã, phường, thị trấn đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Đội ngũ giáo viên tại chỗ, giáo viên người dân tộc thiểu số được tăng cường. Hệ thống y tế được đầu tư, mở rộng góp phần nâng cao điều kiện chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên là 87,2%, cao hơn 3,7% so với bình quân cả nước, tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ đạt 86,1% cao nhất trong 6 vùng kinh tế; tỷ lệ thôn có nhân viên y tế thôn bản đạt 97,07%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số có bảo hiểm y tế đạt 87,53% [6, tr.70]. Đời sống văn hóa của Nhân dân Tây Nguyên ngày càng phong phú, giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc được nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn và phát huy, một số di tích lịch sử văn hóa được tu bổ, tôn tạo.

Những kết quả trong phát triển kinh tế, xã hội làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện. Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của HTCT các cấp ngày càng tăng, khối đại đoàn kết vì thế được củng cố. Điều đó cho thấy, HTCT cơ sở đã thực hiện khá tốt việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương.

3.3.2.2. Hạn chế, khuyết điểm

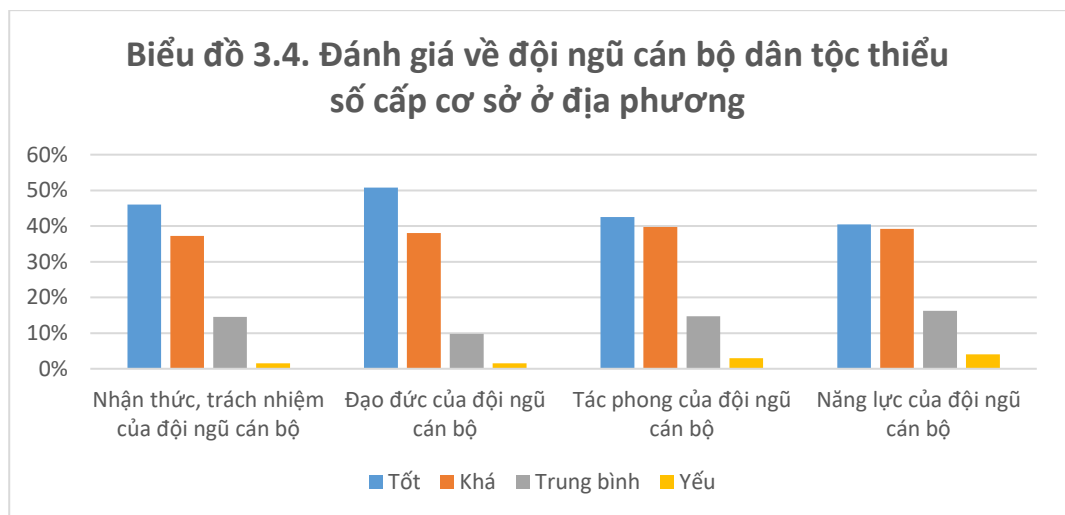
Một là, trong triển khai thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột xã hội ở một số HTCT cơ sở vẫn còn những hạn chế nhất định. Công tác tổ chức triển khai, quán triệt các

quy định về pháp luật dân chủ còn mang tính chất “thời vụ” thiếu thường xuyên. Vấn đề công khai, minh bạch chưa được nhận thức đúng và triển khai đầy đủ đặc biệt là các vấn đề mà người dân quan tâm như kế hoạch sử dụng đất đai, bình xét hộ nghèo, các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quyền của người dân nhất là quyền trong lĩnh vực kinh tế thì chủ yếu do nhân dân chủ động tìm hiểu, tự phổ biến cho nhau nên dễ bị sai lệch dẫn đến hiểu sai, làm sai. Nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo giải quyết còn chậm, để công dân khiếu nại nhiều lần, vượt cấp, một số vụ việc giải quyết không đúng chính sách, pháp luật và phù hợp với thực tế nên không dứt điểm. Kết quả khảo sát điều tra xã hội học cũng phản ánh điều này khi có tới 20% đến 23% người dân đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột xã hội ở mức không hiệu quả và trung bình [Phụ lục 2].

Hai là, công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở vẫn còn nhiều yếu kém. Công tác tuyên truyền về chính sách tín ngưỡng, tôn giáo còn thiếu hiệu quả dẫn đến một bộ phận Nhân dân chưa phân biệt được đạo Tin lành chính thống và tin lành Đêga, bị kẻ xấu lôi kéo, lợi dụng. Một bộ phận Nhân dân chưa nhận thức được âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bị các thế lực thù địch mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, tham gia vào các tổ chức Fulro, Tin lành Đêga, theo các tà đạo. Đặc biệt, các vụ bạo loạn chính trị xảy ra vào tháng 2/2001, tháng 4/2004 và vụ khủng bố vào ngày 11/6/2023 ở 02 xã Ea Tiêu, Ea Ktur huyện Cư Kuin cho thấy HTCT các cấp nói chung, HTCT cơ sở nói riêng hoạt động không hiệu quả, chủ quan, mất cảnh giác; cán bộ cơ sở không gần dân, hiểu dân, chưa nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân.

Một số ý kiến phỏng vấn của M6 và M9 cho thấy HTCT cơ sở vẫn còn bị động trong nắm bắt và xử lý các vấn đề tư tưởng phức tạp. M9 nhận xét: *“Chưa giải quyết được tận gốc những mâu thuẫn về tôn giáo, quan hệ tộc người, đất đai... Đây là mảnh đất để kẻ xấu lợi dụng kích động chia rẽ”* [Phụ lục 5, 6]. Còn theo M6, *“Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, thiếu gắn kết với người dân; cán bộ tuyên truyền thiếu hiểu biết về tiếng nói, phong tục, văn hóa đồng bào”* [Phụ lục 5, 6].

Ba là, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở cơ sở cũng còn nhiều bất cập. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong HTCT không tương xứng với tỷ lệ dân cư. Theo báo cáo của UBND các tỉnh Tây Nguyên năm 2019, dân số các dân tộc thiểu số chiếm 37,65% dân số toàn vùng, nhưng cán bộ, công chức các dân tộc thiểu số chỉ có 4.493 người, chiếm 15,87% cán bộ, công chức toàn vùng. Số cán bộ, công chức cấp xã chỉ có 3.414/15.309 người, chiếm 22,30% [3]. Đến năm 2022, số lượng cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số tăng không đáng kể, “toàn khu vực Tây Nguyên hiện có cứ 8 công chức cấp xã thì mới có 1 công chức là người dân tộc thiểu số với số lượng chiếm khoảng 23% số lượng cán bộ công chức cấp xã tại địa phương, thấp nhất trên cả nước về số lượng cán bộ cấp xã là người dân tộc thiểu số. Về trình độ, chỉ có hơn 20% số cán bộ xã, 65% số công chức xã đạt chuẩn về trình độ theo quy định; 40% số người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở đã qua đào tạo, bồi dưỡng” [53]. Điều đó dẫn đến năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số còn có những hạn chế nhất định, đặc biệt là khả năng tổng hợp tình hình, quyết đoán trong giải quyết công việc. Do trình độ hạn chế và tâm lý tự ti, mặc cảm nên một số cán bộ dân tộc thiểu số có tư tưởng giao việc thì làm, không thì thôi; nếu làm không tốt bị nhắc nhở, nhận xét, đánh giá thì tự ái, bẽ bề công việc hoặc bỏ việc. Kết quả điều tra xã hội học cũng cho thấy, có 4% đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cơ sở ở mức yếu, 16.25% đánh giá ở mức trung bình [Biểu đồ 3.4].



(Nguồn: Số liệu khảo sát của luận án – Phụ lục 4)

Bốn là, công tác kiểm tra, giám sát; sơ, tổng kết, kiến nghị, đề xuất với HTCT cấp trên các sáng kiến, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở ở một số địa phương chưa thường xuyên, có nội dung chưa thực sự hiệu quả. Thực tiễn các vụ việc xảy ra trên địa bàn Tây Nguyên năm 2001, 2004 và 2023 và tháng 6/2023 cho thấy, nguyên nhân sâu xa của các vụ việc là những vấn đề về kinh tế - xã hội của đồng bào như phân hoá giàu nghèo, quản lý đất đai, xung đột lợi ích, tôn giáo, ... tích tụ trong một thời gian dài cùng với sự chống phá của các thế lực thù địch. Dù vậy, HTCT các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở còn có biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, chưa kịp thời kiểm tra, nắm bắt tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân, không nắm được cũng như báo cáo những vấn đề phát sinh từ cơ sở; khi vụ việc xảy ra thì lúng túng trong công tác xử lý để vụ việc lan rộng, Công tác sơ, tổng kết, tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của Nhân dân trong thực hiện các chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc còn chưa chính xác, né tránh những kiến nghị, đề xuất ảnh hưởng đến thành tích của cơ quan, đơn vị. Kết quả điều tra xã hội học cũng cho thấy, có 12% cán bộ đánh giá chất lượng công tác tham mưu, đề xuất với HTCT cấp trên các sáng kiến, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở ở mức trung bình, 5% đánh giá ở mức không hiệu quả, rất không hiệu quả [Bảng 3.2.].

Bảng 3.2. Đánh giá về chất lượng công tác kiến nghị, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay

Mức độ đánh giá (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Rất không hiệu quả	5	1.25
2. Không hiệu quả	13	3.25
3. Trung bình	48	12.0
4. Hiệu quả	184	46.0
5. Rất hiệu quả	150	37.5

(Nguồn: Số liệu khảo sát của luận án – Phụ lục 4)

Năm là, việc nâng cao nhận thức, tư tưởng và hành động chính trị của Nhân dân vẫn còn một số hạn chế nhất định. Nhiều nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc chưa được phổ biến, học tập một cách nghiêm túc ở các chi bộ, bản, thôn, xóm dẫn đến nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, Nhân dân còn lệch lạc, không nắm được bản chất các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước nên triển khai thực hiện chưa thực sự hiệu quả. Điều đó dẫn đến việc một bộ phận Nhân dân chưa tin tưởng vào sự lãnh đạo của HTCT các cấp. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học cũng phản ánh điều này khi vẫn còn 7% người dân biết chút ít hoặc không quan tâm các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, 5.25% người dân thỉnh thoảng hoặc hiếm khi tham gia các hoạt động chính trị, xã hội ở địa phương [Biểu đồ 3.1, 3.2.].

Sáu là, việc triển khai xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng an ninh nhằm tạo dựng niềm tin nơi Nhân dân về tiến bộ, công bằng xã hội cũng còn có những hạn chế nhất định, đó là: Một số chính sách về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn Tây Nguyên chưa được HTCT cơ sở quan tâm triển khai, kém hiệu quả như tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; công tác xóa đói, giảm nghèo ở một số địa phương hiệu quả chưa cao, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu cho thấy, năm 2024, trên địa bàn tỉnh Kon Tum vẫn còn 15.943 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số là 15.215 hộ, chiếm tỷ lệ 95,43% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Công tác y tế, giáo dục mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn thấp so với mặt bằng chung của cả nước, lao động thiếu việc làm còn ở mức cao, giải quyết đất sản xuất cho đồng bào còn chậm. Mức hưởng thụ văn hoá của đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa còn thấp. Bản sắc văn hoá truyền thống, tiếng nói, chữ viết của một số dân tộc có dấu hiệu mai một, một số tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan có dấu hiệu phục hồi. Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học đối với người dân cũng cho thấy, còn 10.5% đến 29% cho rằng các mặt đời sống kinh tế, văn hoá xã hội, quốc

phòng an ninh 5 năm trở lại đây không khác so với trước đây, 2.5% đến 5.5% cho rằng kém hơn trước đây [Phụ lục 2]. Những hạn chế đó đã dẫn đến tình trạng khoảng cách đói nghèo và phân hoá xã hội giữa các dân tộc thiểu số và người Kinh, giữa vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới với vùng đô thị gia tăng, mâu thuẫn nảy sinh trong Nhân dân làm giảm sút niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền, ảnh hưởng tiêu cực đến việc xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương.

3.4. NGUYÊN NHÂN CỦA ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN TRONG THỰC HIỆN VAI TRÒ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

3.4.1. Nguyên nhân ưu điểm, hạn chế

3.4.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Đảng, Nhà nước, HTCT cấp trên, sự phối hợp của các lực lượng đóng chân trên địa bàn

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã không ngừng hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc, được thể hiện trong các văn kiện đại hội, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (2003) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh; Kết luận số 57-KL/TW (2009) của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX); các Nghị quyết chuyên đề về các giai cấp, tầng lớp Nhân dân. Cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách như Chương trình 135, 134, chương trình 30a, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình về y tế, văn hóa, xã hội; các chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; cho vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ...

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng trên địa bàn Tây Nguyên đã làm tốt công tác giáo dục, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân, cụ thể hóa thành các nghị quyết, kế hoạch,

chương trình hành động gắn với địa phương. Ngoài ra, Ban Thường vụ các Tỉnh ủy, huyện, thành ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tình hình mới; chương trình hành động thực hiện nghị quyết, chỉ thị về xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, trí thức, người cao tuổi, dân tộc, tôn giáo. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, huyện tăng cường chỉ đạo việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo. Tích cực chỉ đạo việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác dân vận chính quyền trong các cơ quan nhà nước, cải cách hành chính; tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Chính vì vậy, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã có những điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt mọi nhiệm vụ trong đó có nhiệm vụ củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Đảng, Nhà nước, HTCT cấp trên, HTCT cơ sở trên địa bàn tây Nguyên còn thường xuyên nhận được sự quan tâm, phối hợp của các lực lượng đứng chân trên địa bàn, đặc biệt là lực lượng quân đội, công an, các cơ quan, xí nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp,... Thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, các lực lượng này đã tích cực, chủ động giúp đỡ HTCT cơ sở về nhiều mặt, nhất là phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng và an ninh, giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù.

Hai là, tình hình kinh tế, văn hóa xã hội đất nước và địa bàn Tây Nguyên có bước phát triển, quốc phòng an ninh được giữ vững góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước

Qua gần 38 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của Nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Báo cáo Chính trị Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”.

Đối với Tây Nguyên, trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống của Nhân dân không ngừng được nâng lên nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Văn hóa, xã hội có bước phát triển; chất lượng giáo dục - đào tạo và các chỉ tiêu y tế cơ bản được cải thiện; an sinh xã hội được bảo đảm. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh Nhân dân được củng cố, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Những thành tựu quan trọng đó đã góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và HTCT các cấp. Đây là điều kiện thuận lợi để HTCT cơ sở phát huy tốt vai trò của mình trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức cho Nhân dân thực hiện thắng lợi quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Ba là, trình độ nhận thức, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên có chuyển biến tích cực

Nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác cán bộ, trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn Tây Nguyên đã triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt công tác tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ cơ sở. Báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho thấy, đến ngày 31/12/2022, Lâm Đồng có 1.498 cán bộ chuyên trách cấp xã, trong đó, trình độ đại học và sau đại học là 1.277 đồng chí, chiếm tỷ

lệ 85,2%, trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp là 1.439 đồng chí, chiếm tỷ lệ 96% [179]. Chính vì được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên nên năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn được nâng lên, đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội; củng cố an ninh, quốc phòng... góp phần làm cho bộ mặt nông thôn, miền núi ở Tây Nguyên từng bước đổi thay; đời sống của Nhân dân và đồng bào dân tộc thiểu số ngày được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo ở một số xã, thị trấn giảm xuống đáng kể. Nhờ vậy, vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết ngày càng phát huy hiệu quả.

Bốn là, đại đa số đồng bào các dân tộc Tây Nguyên có truyền thống yêu quê hương, đất nước, đoàn kết gắn bó trong một khối thống nhất

Là khu vực có nhiều dân tộc sinh sống lại đa dạng về tôn giáo, tuy nhiên, lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Tây Nguyên cho thấy, đồng bào các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên luôn có tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, gắn bó chống giặc ngoại xâm, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước trước đây; nhiều làng, xã trên địa bàn là căn cứ cách mạng từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nơi đây cũng là mảnh đất có nhiều cán bộ, trí thức, anh hùng là người dân tộc thiểu số góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như: Anh hùng Núp, Anh hùng Wừu, Anh hùng Kpă Klong, Nhà giáo Nhân dân Nay Der, Nhà giáo Siu Poi, Họa sĩ Xu Man,.. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đại bộ phận đồng bào các dân tộc Tây Nguyên phấn khởi tin tưởng khi được Đảng, Nhà nước thực sự quan tâm, giúp đỡ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Phần lớn đồng bào Tây Nguyên đã nhận thức rõ hơn về âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch, đoàn kết một lòng đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Đây là một trong những nhân tố quan trọng giúp cho quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở đạt kết quả cao.

3.4.1.2. Nguyên nhân hạn chế

Một là, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các hoạt động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Tây Nguyên là địa bàn có điều kiện địa lý, tự nhiên tương đối khắc nghiệt, hạn hán vào mùa khô và lũ quét vào mùa mưa. Địa hình hiểm trở, nhiều đèo dốc, sông suối, hệ thống giao thông đi lại khó khăn đã ảnh hưởng không nhỏ đến mối quan hệ giao lưu, hợp tác về kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng; việc tiếp nhận thông tin của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào và ngược lại bị hạn chế. Về mặt kinh tế, xã hội, Tây Nguyên vẫn là vùng có chỉ số phát triển ở nhiều lĩnh vực thấp hơn mức trung bình của cả nước. Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, chất lượng và năng lực cạnh tranh chưa cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, thiếu tính đột phá. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ; văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển. Công tác xóa đói, giảm nghèo còn thiếu vững chắc, chỉ tập trung chủ yếu vào việc hỗ trợ sản xuất đời sống trong ngắn hạn, tạo thu nhập trước mắt; chưa đẩy mạnh đào tạo nghề, phát triển ngành, nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp để giảm nghèo bền vững, lâu dài. Tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số hằng năm có giảm, nhưng chậm, nhiều địa phương có tỷ lệ hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số cao như Gia Lai, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số/tổng số hộ nghèo là 28.173/31.502, chiếm tỷ lệ 89,43%, Kon Tum là 9.710/10.220 chiếm tỷ lệ 95,06% [xem Phụ lục 7]. Những vấn đề đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin của đồng bào các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, làm tổn hại đến khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn.

Hai là, HTCT cơ sở ở một số nơi hoạt động chưa hiệu quả, năng lực cán bộ còn hạn chế

Trong những năm qua, đảng bộ các tỉnh thuộc địa bàn Tây Nguyên đã triển khai nhiều chủ trương, giải pháp cho nhiệm vụ xây dựng, củng cố, kiện toàn HTCT cơ sở góp phần làm cho HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên ngày một vững chắc và phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên hoạt động chưa hiệu quả, chưa chủ động và kịp thời trong

việc phát hiện và xử lý những vấn đề phát sinh tại địa phương mà nguyên nhân sâu xa là do những hạn chế nhất định về năng lực lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền cơ sở. Công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên tại một số địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo còn hạn chế. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đánh giá: *“Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, chất lượng sinh hoạt ở một số tổ chức cơ sở đảng còn thấp, chưa thực sự phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo ở khu dân cư, cơ quan, đơn vị”* [117, tr. 50].

Thực tế cho thấy, một bộ phận cán bộ lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội năng lực yếu kém, nhất là trình độ lý luận và quản lý, không nắm được tâm tư, nguyện vọng của người dân. Tình trạng hành chính hoá, xa dân của một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở vẫn còn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt, một số cán bộ, đảng viên còn biểu hiện suy thoái phẩm chất đạo đức, chạy theo lối sống thực dụng cá nhân, lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Tất cả những điều đó đã góp phần tạo ra những hạn chế, yếu kém của HTCT, làm suy giảm lòng tin của quần chúng vào Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ quan hệ giữa các dân tộc. Báo cáo tổng hợp số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã năm 202 của tỉnh Đắk Lắk cho thấy, trong tổng số 3932 cán bộ, công chức, còn có 1637 đồng chí chưa qua đào tạo nghiệp vụ quản lý nhà nước, chiếm tỷ lệ 41,6% [164]... Báo cáo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng cho thấy: *“Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thi hành kỷ luật đối với 38 cán bộ, công chức cấp xã từ hình thức khiển trách trở lên”* [179, tr. 12]. Đối với tỉnh Gia Lai: *“Số công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh bị kỷ luật 14 trường hợp, trong đó, 12 trường hợp bị kỷ luật hình thức khiển trách, 02 trường hợp bị kỷ luật hình thức cảnh cáo”* [172, tr.11].

Ba là, một số bất cập trong các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đặc biệt là các

chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như Chương trình 134, 135, Chương trình 30a, Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước còn bộc lộ những hạn chế, bất cập. Chủ trương phát triển kinh tế mới vùng Tây Nguyên bên cạnh những kết quả đạt được cũng gây ra những xáo trộn nhất định về kinh tế, văn hoá xã hội. Tình trạng di dân, đặc biệt là di dân tự do đã phá vỡ cấu trúc dân cư địa phương, gây khó khăn trong quản lý nhân khẩu, gây mất ổn định trật tự xã hội. Một bộ phận di dân đến sau không có đất sản xuất dẫn đến việc mua bán, lấn chiếm, tranh chấp đất đai, phá rừng làm nương rẫy gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên rừng, môi trường và đời sống nhân dân tại chỗ. Mâu thuẫn giữa nhóm người di cư, đặc biệt là người Kinh với các dân tộc bản địa nảy sinh trên nhiều khía cạnh đặc biệt là mâu thuẫn tranh chấp đất đai, văn hoá (khác biệt về tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, tập quán) đã gây ra tình trạng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở một số nhóm dân cư. Đặc biệt, những mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai không những ảnh hưởng đến vấn đề kinh tế mà còn gắn chặt với vấn đề chính trị, an ninh khu vực. Ở một khía cạnh khác, Luật đất đai cho phép người dân có quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, điều này vô tình đã tạo điều kiện thuận lợi cho những người có tiền thuê một lượng lớn đất đai ở Tây Nguyên gây ra tình trạng không còn hoặc thiếu đất sản xuất ở một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong khi đó, một số chính sách về kinh tế, xã hội chưa thể hiện được tính công bằng trong thụ hưởng, thiếu nguồn lực trong tổ chức thực hiện. Chẳng hạn, Chương trình 134 và Quyết định 134 về cấp đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện cấp đất ở, đất sản xuất theo hộ thay vì theo nhân khẩu. Theo đó, tất cả đồng bào thiếu đất canh tác hoa màu thì được giải quyết 1ha/hộ, đất sản xuất lúa nước một vụ thì giải quyết 0.5ha/hộ, đất sản xuất lúa hai vụ là 0.3ha/hộ, đất ở tối thiểu phải có 400m². Điều này đã gây ra tình trạng bất công giữa hộ đông nhân khẩu và hộ ít nhân khẩu. Mặt khác, việc triển khai

thực hiện ở cơ sở cũng gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm quỹ đất. Ở một khía cạnh khác, một số chính sách còn trùng lặp về địa bàn và đối tượng thụ hưởng, chưa hướng dẫn cụ thể. Chẳng hạn, chưa có quyết định, hướng dẫn công nhận thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tại các xã nằm ngoài xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; việc thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch phải thực hiện quy trình 14 bước đối với 01 dự án; trong đó, có 02 bước (bước 6 và bước 8) phải trình Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định sẽ gây khó khăn cho địa phương trong việc phê duyệt dự án, giải ngân nguồn vốn được giao. Một số chính sách dân tộc còn mang tính cho không như cấp phân bón, cây giống, con giống chưa khuyến khích, động viên đồng bào vươn lên thoát nghèo bền vững.

Bốn là, sự chống phá của các thế lực thù địch diễn ra mạnh mẽ, ngày càng tinh vi và khó lường

Những năm qua, các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn tìm cách tuyên truyền, chống phá, kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Chúng sử dụng tổng hợp các thủ đoạn, biện pháp, đặc biệt sử dụng mạng xã hội, công nghệ thông tin để chống phá trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, kinh tế, quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, các thế lực thù địch tìm mọi cách tuyên truyền, xuyên tạc, khoét sâu vào mâu thuẫn giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số, lợi dụng một số thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ chính quyền để kích động đồng bào tập trung đấu tranh, gây rối, biểu tình đòi yêu sách. Chúng tập trung tuyên truyền rằng: Đất Tây Nguyên là của người Tây Nguyên. Người Kinh lên Tây Nguyên đã chiếm đi đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc thiểu số phải đoàn kết đuổi người Kinh ra khỏi buôn làng, đòi lại đất. Chúng kêu gọi thành lập “Nhà nước Đêga độc lập”. Những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đã gây ra sự chia rẽ trong đồng bào các dân tộc, ảnh hưởng to lớn đến nhiệm vụ củng cố, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở.

Năm là, trình độ dân trí, nhận thức chính trị của một bộ phận người dân còn thấp

Xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cả HTCT các cấp mà còn là trách nhiệm của mỗi người dân. Chính vì vậy, kết quả thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc phụ thuộc không nhỏ vào trình độ nhận thức và ý thức giác ngộ chính trị của quần chúng Nhân dân. Thực tiễn trên địa bàn tây Nguyên cho thấy, bên cạnh một bộ phận Nhân dân có trình độ nhận thức cao, am hiểu quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước thì một bộ phận Nhân dân còn nhiều hạn chế về nhận thức cũng như giác ngộ chính trị. Một bộ phận không nhỏ người dân tộc Kinh vẫn còn tư tưởng dân tộc lớn, áp đặt đối với dân tộc thiểu số, còn có tư tưởng kỳ thị, định kiến dân tộc đối với dân tộc bản địa và người dân tộc di cư tạo ra bất bình đẳng trong quan hệ dân tộc. Đa phần dân tộc thiểu số có trình độ dân trí thấp, nhận thức và chấp hành pháp luật còn hạn chế; còn khó khăn trong áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tâm lý tự ti, thụ động, tư tưởng bình quân cào bằng, trông chờ, ỷ lại vào sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và cộng đồng. Chính sự đối lập trong nhận thức đã làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên càng thêm phức tạp, là cơ sở để các thế lực thù địch lợi dụng kích động, xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị xã hội ở cơ sở.

3.4.2. Những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay

3.4.2.1. Sự bất cập giữa yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với nhận thức, trách nhiệm còn hạn chế của một bộ phận cán bộ cơ sở

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và ổn định chính trị - xã hội, vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được khẳng định là yếu tố chiến lược, có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển bền vững

của đất nước. Trên địa bàn Tây Nguyên, với thể chiến lược đặc biệt về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa thì yêu cầu củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc đang đặt ra những đòi hỏi mới đối với toàn bộ HTCT, nhất là cấp cơ sở, nơi trực tiếp tiếp xúc, tổ chức, vận động quần chúng nhân dân. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về nhận thức, năng lực, bản lĩnh chính trị của cán bộ HTCT cơ sở ngày càng cao, nhưng trên thực tế, nhận thức của một bộ phận cán bộ về vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vẫn còn phiến diện, hình thức và thiếu tính chiến lược.

Thực tiễn khảo sát tại nhiều địa phương trên địa bàn Tây Nguyên cho thấy, không ít cán bộ cơ sở chưa nhận thức rõ ràng về tính toàn diện, tính lâu dài và tính chính trị sâu sắc của công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Nhiều người vẫn chỉ xem đây là nhiệm vụ mang tính phong trào, hình thức, hoặc là công việc riêng của MTTQ và các tổ chức đoàn thể, trong khi thực chất đây là nhiệm vụ chính trị xuyên suốt, đòi hỏi sự tham gia có trách nhiệm, có tính hệ thống của tất cả các chủ thể trong HTCT. Nguy hiểm hơn, có cán bộ chỉ coi đây là một khâu phụ trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương, mà chưa nhận ra rằng đại đoàn kết dân tộc chính là nền tảng chính trị xã hội quan trọng nhất để triển khai các chủ trương, chính sách ở cơ sở một cách ổn định, hiệu quả và bền vững.

Tình trạng nhận thức chưa đầy đủ, chưa nhất quán về khối đại đoàn kết dân tộc còn dẫn đến hệ quả là việc ban hành kế hoạch, xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện ở cơ sở thiếu tính thống nhất, thiếu trọng tâm. Có nơi, cán bộ thực hiện chỉ đạo theo kiểu đối phó, hành chính hóa nhiệm vụ, dẫn đến tình trạng chông chéo, thiếu gắn kết giữa các lực lượng trong HTCT cơ sở. Có nơi lại thiếu hẳn kế hoạch cụ thể, giao nhiệm vụ không rõ ràng, dẫn tới bỏ sót những nhóm dân cư yếu thế, hoặc xử lý chậm trễ các mâu thuẫn tiềm tàng trong cộng đồng, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng, kích động chống phá.

Từ phân tích trên có thể thấy, vấn đề đặt ra không chỉ dừng lại ở việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công tác nói chung cho cán bộ trong HTCT cơ sở trên

địa bàn Tây Nguyên, mà còn phải tập trung tái cấu trúc lại tư duy tổ chức cán bộ cơ sở theo hướng đặt năng lực tư duy dân tộc học, khả năng cảm thụ văn hóa bản địa, phẩm chất chính trị gắn bó với dân, cũng như bản lĩnh xử lý các mâu thuẫn xã hội trong môi trường đa dạng về sắc tộc, tôn giáo,... làm tiêu chí cốt lõi trong quy hoạch, bố trí và đánh giá cán bộ. Chỉ khi giải quyết được sự thiếu tương thích giữa yêu cầu chính trị với thực trạng nhận thức, trách nhiệm hiện nay, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên mới có thể hoàn thành vai trò trung tâm trong xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới.

3.4.2.2. Sự thiếu tương thích giữa thể chế, cơ chế hiện hành với yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở

Trong thiết kế HTCT của nước ta, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là nhiệm vụ chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước, mà còn là trách nhiệm thường xuyên, trực tiếp của cả HTCT từ trung ương đến cơ sở. Nhiệm vụ này mang tính tổng hợp cao, liên quan đến nhiều lĩnh vực: chính trị, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, xã hội; đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của các lực lượng: chính quyền, MTTQ, tổ chức đoàn thể, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, tổ chức tôn giáo, người có uy tín, cán bộ dân tộc,... Tuy nhiên, chính sự “đa trung tâm trách nhiệm” đó lại đang đặt ra một vấn đề đáng kể: càng nhiều lực lượng tham gia, càng cần cơ chế phối hợp chặt chẽ và phân công rành mạch, thì trong thực tế hoạt động ở cơ sở, đặc biệt tại Tây Nguyên, sự phối hợp lại càng thiếu ổn định, thiếu thống nhất và chưa được thể chế hóa rõ ràng.

Tình trạng phối hợp mang tính chất hình thức, lỏng lẻo, hoặc “mạnh ai nấy làm” giữa các lực lượng ở cơ sở không chỉ khiến vai trò dẫn dắt của HTCT cơ sở bị mờ nhạt, mà còn làm suy yếu hiệu lực quản lý nhà nước trên các mặt trận quan trọng như vận động đồng bào, giải quyết mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, xử lý các vụ việc phức tạp tại địa phương. Vấn đề này càng trở nên sâu sắc khi một số lực lượng xã hội như doanh nghiệp, tổ chức tôn giáo, hội nghề nghiệp, hoặc người có uy tín được kỳ vọng đóng vai trò “nối dài cánh tay chính trị” của HTCT cơ sở, nhưng lại không có khuôn khổ pháp lý ràng buộc cụ thể, dẫn tới sự lúng

túng trong phối hợp, thiếu cơ sở để xây dựng cơ chế hỗ trợ lẫn nhau, hoặc thậm chí phát sinh cạnh tranh ảnh hưởng không chính thức. Cùng với đó là một nan đề khác có tính chất thể chế, đó là sự thiếu đồng bộ, thiếu ổn định và chưa hợp lý trong chính sách đối với đội ngũ cán bộ cơ sở - những người đóng vai trò “tế bào sống” trong việc tổ chức, kết nối, dẫn dắt cộng đồng thực hiện nhiệm vụ đoàn kết dân tộc. Dù họ là tuyến đầu trong việc triển khai các chương trình mục tiêu, thực hiện chính sách dân tộc, tiếp xúc trực tiếp với đồng bào ở thôn, buôn, bản với nhiều yếu tố nhạy cảm, nhưng điều kiện bảo đảm cho hoạt động của họ lại chưa tương xứng. Mức phụ cấp thấp, điều kiện làm việc khó khăn, thiếu trang thiết bị, chưa có cơ chế động viên hiệu quả đã và đang khiến nhiều cán bộ không chuyên trách mất dần động lực, không gắn bó lâu dài.

Sự chòng chéo giữa các quy định pháp lý hiện hành cùng những điều chỉnh thiếu đồng bộ về tổ chức bộ máy cấp xã, đặc biệt sau các đợt tinh giản biên chế, sáp nhập đơn vị hành chính càng khiến cho đội ngũ cán bộ cơ sở lâm vào trạng thái thiếu ổn định tâm lý, khó yên tâm công tác. Nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vốn cần sự kiên trì, bền bỉ và tính kế thừa trong vận động, thì lại đang được triển khai bởi một đội ngũ thường xuyên biến động, thiếu hỗ trợ pháp lý, thiếu cơ chế bồi dưỡng và đánh giá công bằng.

Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây không chỉ là “nâng cao hiệu quả phối hợp”, mà sâu xa hơn, là cần xây dựng một cơ chế phối hợp mang tính thể chế hoá, được quy định bằng văn bản pháp lý ổn định, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, phương thức làm việc giữa các lực lượng liên quan ở cơ sở. Đồng thời, chính sách cán bộ ở cơ sở cần được xem xét như một trụ cột trong chiến lược quốc gia về củng cố HTCT cơ sở, thay vì chỉ là một phần phụ trong cải cách hành chính. Chỉ khi giải quyết được đồng thời cả hai vấn đề vừa bảo đảm sự phối hợp thực chất giữa các chủ thể, vừa chăm lo đến động lực và điều kiện công tác của người thực thi, thì nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên mới đạt hiệu quả thiết thực, bền vững.

3.4.2.3. Sự bất cập giữa yêu cầu về tính toàn diện trong thực hiện bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc với thực tiễn thực hiện nguyên tắc này

Nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc không chỉ là một chuẩn mực pháp lý được quy định trong Hiến pháp và nhiều văn bản luật quan trọng, mà còn là một giá trị nền tảng của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, chính nguyên tắc tưởng chừng như bất biến và phổ quát ấy lại đang gặp phải những thách thức không nhỏ trong quá trình hiện thực hóa trên địa bàn Tây Nguyên. Mâu thuẫn nổi bật hiện nay là giữa mục tiêu bình đẳng, hòa hợp giữa các dân tộc với thực trạng phát triển không đồng đều, khác biệt về điều kiện sống, khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội và sự tham gia chính trị của các nhóm dân cư thiểu số, đang tạo ra khoảng cách ngày càng lớn trong cơ cấu xã hội nông thôn ở khu vực này.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chương trình, chính sách hướng đến đồng bào dân tộc thiểu số như Chương trình 135, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, khoảng cách giữa dân tộc Kinh với các cộng đồng dân tộc bản địa như Ê-đê, M'ông, Xê-đăng, Gia-rai,... vẫn còn rất đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo ở các buôn làng người thiểu số vẫn ở mức cao; tình trạng thiếu đất sản xuất, mất rừng truyền thống, trình độ học vấn thấp, hạn chế về tiếng phổ thông và thiếu cơ hội tiếp cận thị trường lao động hiện đại đang là những rào cản trực tiếp đối với tiến trình bình đẳng thực chất. Trong khi đó, một số chính sách lại triển khai dàn trải, thiếu tính địa phương hoá, chưa căn cứ vào đặc điểm văn hóa - xã hội của từng cộng đồng dân tộc, dẫn đến hiệu quả thực hiện thấp, thậm chí gây tâm lý phụ thuộc hoặc phản cảm trong một bộ phận người dân. Mặt khác, trong quan hệ xã hội hằng ngày, không thể phủ nhận vẫn tồn tại những biểu hiện phân biệt, kỳ thị, thiên lệch (dù là kín đáo) giữa một bộ phận người dân tộc Kinh với đồng bào thiểu số. Những biểu hiện này không chỉ làm xói mòn niềm tin và tinh thần đoàn kết cộng đồng, mà còn khiến các giá trị bình đẳng bị phủ định trên thực tiễn, từ đó tạo điều kiện để các thế

lực phản động lợi dụng, kích động tâm lý mặc cảm dân tộc, chia rẽ quan hệ giữa các cộng đồng dân tộc với Đảng và các cơ quan chính quyền ở địa phương, gây bất ổn về tư tưởng và chính trị. Thậm chí, trong một số trường hợp, ngay cả nhận thức của cán bộ về “bình đẳng dân tộc” cũng mới dừng ở mức hình thức, chưa thấm sâu thành một nguyên tắc đạo đức và tư duy tổ chức. Do đó, vấn đề đặt ra ở đây không chỉ là việc đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chính sách của Đảng và Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc, mà sâu xa hơn là cần tạo dựng một cơ chế thực hiện nguyên tắc bình đẳng mang tính bền vững, cụ thể hoá bằng các chương trình hành động ở cấp cơ sở có lồng ghép yếu tố văn hóa, xã hội, dân tộc học. HTCT cơ sở cần đóng vai trò vừa truyền tải chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước một cách phù hợp với điều kiện từng buôn làng, vừa phát hiện và xử lý kịp thời những xung đột âm ỉ, bất bình đẳng ngầm trong cộng đồng. Đồng thời, cần thiết kế lại chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo hướng tăng cường năng lực liên văn hóa, quản trị sự đa dạng và kỹ năng xử lý mối quan hệ giữa các nhóm dân cư trong điều kiện bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Chỉ khi nguyên tắc này được chuyển hoá thành giá trị sống hằng ngày trong cộng đồng dân cư, khối đại đoàn kết dân tộc mới thực sự vững chắc và có sức sống lâu dài trên địa bàn Tây Nguyên.

3.4.2.4. Sự thiếu tương thích giữa yêu cầu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với năng lực hạn chế của một bộ phận cán bộ cơ sở

Trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội nói chung, tình hình dân tộc, tôn giáo nói riêng trên địa bàn Tây Nguyên đang không ngừng vận động, biến đổi với tính chất ngày càng phức tạp, nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đòi hỏi HTCT cơ sở phải có khả năng thích ứng linh hoạt, sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay đang đặt ra một vấn đề cần tập trung giải quyết đó là: trong khi yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở ngày càng cao, thì năng lực tổ chức thực thi của HTCT cơ sở lại đang bị giới hạn cả về phương pháp, công cụ, đội ngũ và tư duy hành động.

Hoạt động của HTCT cơ sở ở nhiều địa phương trên địa bàn Tây Nguyên hiện vẫn nặng về hành chính hóa, máy móc, hình thức. Việc xây dựng kế hoạch triển khai chủ trương, nghị quyết của Đảng hoặc chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc phần lớn vẫn theo hướng sao chép văn bản cấp trên, thiếu khảo sát thực tế, thiếu tính địa phương hóa. Hầu hết các địa phương trên địa bàn Tây Nguyên đều có sự đa dạng về thành phần dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, trình độ dân trí,... nhưng nội dung tuyên truyền của nhiều cán bộ cơ sở vẫn đơn điệu, không sát với đặc điểm cụ thể của từng nhóm đối tượng. Trong một số trường hợp, các hoạt động lại chỉ tập trung vào những dịp lễ tết, hội nghị, hoặc mang tính đối phó theo định kỳ hành chính, chứ chưa hình thành được quy trình vận hành chính trị thường xuyên, gắn bó và đồng hành cùng cộng đồng dân cư.

Phương pháp tuyên truyền ở cơ sở vẫn chủ yếu dựa vào loa phát thanh, hội họp truyền thống, hoặc đọc văn bản công khai - những hình thức vốn đã suy giảm tác động trong xã hội đương đại. HTCT cơ sở ở nhiều nơi cũng chưa phát huy được vai trò dẫn dắt của những chủ thể có ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng dân cư như già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, trí thức người dân tộc thiểu số trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Mặt khác, do thiếu cơ chế phản hồi, điều chỉnh linh hoạt, các mô hình hay hoặc điểm sáng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thường không được nhân rộng, trong khi những hạn chế hoặc sai lệch vẫn bị lặp lại qua nhiều năm mà không có đột phá về mặt tổ chức. Sự thiếu gắn kết giữa hoạt động của MTTQ và các tổ chức đoàn thể với quần chúng cũng đang là vấn đề lớn. Có nơi, các đoàn thể dần mất vai trò trung gian xã hội, thiếu sức hấp dẫn đối với hội viên, đoàn viên, chưa thể hiện rõ vai trò làm cầu nối giữa ý chí Đảng và nguyện vọng của Nhân dân, đặc biệt trong những vấn đề phức tạp, nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, đất đai.

Mâu thuẫn này càng trở nên gay gắt trong bối cảnh đặc thù về trình độ dân trí của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số không đồng đều, tập quán canh tác và văn hóa đa dạng, tôn giáo, tín ngưỡng đan xen phức tạp. Trong khi yêu cầu đặt ra là cán bộ cơ sở phải thực sự am hiểu dân, gần dân, nói được tiếng dân

tộc, hiểu phong tục, có khả năng “chạm vào hệ giá trị tinh thần” của đồng bào, thì thực tế lại xuất hiện một bộ phận cán bộ lúng túng, xa rời quần chúng, không giao tiếp được bằng tiếng bản địa, thậm chí có tâm lý e dè, né tránh các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Sự thiếu tương thích giữa yêu cầu nhiệm vụ với thực trạng nhận thức như vậy đã dẫn tới một nghịch lý phổ biến: càng ở những địa bàn “nhạy cảm”, đòi hỏi cao về kỹ năng mềm và vốn hiểu biết văn hóa - xã hội, thì lại càng dễ thấy những biểu hiện cứng nhắc, hành chính hóa, hoặc lệch pha giữa cán bộ và dân. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả vận động, tuyên truyền, mà còn khiến người dân mất niềm tin vào chính quyền cơ sở.

Có thể thấy, những hạn chế về năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ cơ sở đang là rào cản lớn đối với việc nâng cao hiệu quả của HTCT cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là cần thay đổi mô hình tổ chức hoạt động của các chủ thể thuộc HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên theo hướng linh hoạt, sáng tạo, gần dân, thấm dân, từ nội dung đến phương pháp. Đồng thời, cần bổ sung các công cụ hỗ trợ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, phương thức truyền thông hiện đại đa dạng hóa kênh tiếp cận quần chúng. Quan trọng hơn cả là phải nâng cao năng lực tư duy chính trị - xã hội cho cán bộ cơ sở, giúp họ thoát khỏi lối mòn hành chính, chuyển từ “truyền đạt chủ trương” sang “kiến tạo đồng thuận”, từ “thực hiện chỉ tiêu” sang “thuyết phục cộng đồng”.

Tiểu kết Chương 3

Thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian qua cho thấy, HTCT cơ sở đã thể hiện vai trò quan trọng trong tổ chức thực thi chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác đại đoàn kết. Với những nỗ lực cụ thể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh, HTCT cơ sở từng bước khẳng định vị trí trung tâm trong tổ chức, điều phối, định hướng hành động và quy tụ sức mạnh của cộng đồng dân cư, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội, đồng thời ngăn chặn hiệu quả các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, ở một số địa phương còn chưa chủ động, chưa sáng tạo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; công tác phối hợp giữa các lực lượng thiếu đồng bộ; nội dung và phương thức hoạt động còn hình thức, hành chính hóa. Đặc biệt, một bộ phận cán bộ còn hạn chế về nhận thức, năng lực tổ chức thực tiễn, dẫn đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong điều kiện xã hội đa dạng, phức tạp. Các hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, trong đó nổi bật là điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đồng đều; cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa phù hợp với đặc thù địa phương; tác động tiêu cực của các thế lực thù địch vẫn dai dẳng, tinh vi và có xu hướng chuyển hóa về hình thức. Đáng lưu ý là sự thiếu đồng nhất giữa yêu cầu chính trị pháp lý với năng lực thực thi, dẫn đến khoảng cách ngày càng lớn giữa mục tiêu đề ra và kết quả đạt được trên thực tế.

Từ thực trạng nêu trên đặt ra những vấn đề cấp thiết cần tập trung giải quyết là: nâng cao năng lực nhận thức và hành động chính trị của cán bộ cơ sở; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng chính trị - xã hội; đảm bảo thực chất nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng giữa các dân tộc; và đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thích ứng với điều kiện đa tộc người, đa tôn giáo và chuyển động xã hội mạnh mẽ tại Tây Nguyên. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các quan điểm và giải pháp đồng bộ trong chương tiếp theo.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Xu thế hội nhập quốc tế và các vấn đề an ninh phi truyền thống

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng đang chịu ảnh hưởng đa chiều từ các xu thế, sự kiện và tác nhân quốc tế. Quá trình hội nhập tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, tiếp cận tri thức, khoa học - công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, song hành với đó là những thách thức lớn đối với ổn định xã hội, quốc phòng và an ninh, đặc biệt là đối với vùng có đặc thù về dân tộc, tôn giáo như Tây Nguyên. Hội nhập quốc tế làm cho các giá trị xã hội, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng từ nhiều nguồn khác nhau xâm nhập nhanh chóng vào cộng đồng các dân tộc thiểu số. Sự tác động này có thể làm thay đổi nhận thức, lối sống, hệ giá trị truyền thống của đồng bào, dẫn đến xung đột văn hoá, thay đổi hệ quy chiếu trong đánh giá đúng - sai, lợi ích - trách nhiệm. HTCT cơ sở cần đóng vai trò chủ động trong việc định hướng dư luận, giữ gìn bản sắc văn hoá và ổn định lòng tin của nhân dân, tránh để xảy ra tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” ở cơ sở.

Một trong những nguy cơ lớn đi kèm với hội nhập là sự gia tăng của các vấn đề an ninh phi truyền thống. Đây là những mối đe dọa không mang tính quân sự trực tiếp nhưng có thể gây bất ổn nghiêm trọng, như: biến đổi khí hậu, dịch bệnh, suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, tội phạm xuyên quốc gia,... Trong đó, đối với Tây Nguyên do có địa hình hiểm trở, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ và trình độ dân

trí không đồng đều nên dễ gây ra tác động tiêu cực, đặc biệt khi các hiện tượng thiên tai, dịch bệnh kết hợp với thông tin thất thiệt sẽ làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào chính quyền cơ sở. Bên cạnh đó, an ninh tôn giáo và an ninh dân tộc cũng là những khía cạnh đặc biệt nhạy cảm trong vùng Tây Nguyên. Các tổ chức phản động bên ngoài đang ngày càng tinh vi trong việc khai thác vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Chúng lợi dụng xu thế toàn cầu hoá, internet, các tổ chức nhân quyền quốc tế để vu cáo Việt Nam vi phạm tự do tôn giáo, từ đó kích động tư tưởng ly khai, tự trị trong một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao năng lực cảnh báo sớm và phản ứng nhanh của HTCT cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ gần dân, hiểu dân, có uy tín và bản lĩnh chính trị vững vàng.

4.1.2. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, truyền thông và trí tuệ nhân tạo

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi sâu sắc đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu. Những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động đến mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới phương thức quản lý, điều hành cũng như tổ chức hoạt động của các chủ thể trong HTCT, nhất là ở cấp cơ sở.

Đối với HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên - một khu vực có địa hình rộng lớn, dân cư phân tán, trình độ dân trí và hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế thì sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ hiện đại vừa mang lại cơ hội, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ. Một mặt, công nghệ thông tin và truyền thông mở ra khả năng rất lớn để các cấp chính quyền cơ sở tăng cường năng lực điều hành, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật đến người dân, tiếp nhận và xử lý phản ánh từ cơ sở một cách nhanh chóng, kịp thời. Nhờ vào các công cụ công nghệ số, chính quyền địa phương có thể tiếp cận rộng

rãi và đa chiều hơn với các nhóm dân cư khác nhau, qua đó thực hiện tốt hơn nhiệm vụ vận động, tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

Tuy nhiên, mặt trái của sự phát triển công nghệ cũng đang đặt ra nhiều nguy cơ hiện hữu. Các thế lực phản động, các phần tử cơ hội chính trị đã và đang triệt để lợi dụng không gian mạng, các nền tảng truyền thông xã hội để tung tin giả, bóp méo sự thật, xuyên tạc các chính sách dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ đồng bào dân tộc thiểu số với Đảng và Nhà nước. Trong khi đó, năng lực tiếp cận và ứng xử với công nghệ của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế, khả năng phản ứng với thông tin xấu độc chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng “chính quyền im lặng - thông tin giả lan nhanh” nếu không được khắc phục sẽ làm suy giảm lòng tin của nhân dân, làm yếu đi vai trò định hướng dư luận và dẫn dắt cộng đồng của HTCT ở cấp cơ sở.

4.1.3. Yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị, sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế là một trong những nhiệm vụ trung tâm trong chiến lược phát triển toàn diện đất nước hiện nay. Các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước như thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện và đặc biệt là việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trong cơ cấu bộ máy, phương thức quản lý và phạm vi hoạt động của HTCT, nhất là ở cấp cơ sở. Cấp xã, theo đó, không chỉ tiếp nhận thêm quyền hạn và nhiệm vụ vốn trước đây do cấp huyện đảm trách mà còn phải quản lý địa bàn rộng lớn hơn, dân số đông hơn và thành phần dân cư đa dạng hơn. Đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nhiều chức năng, nhiệm vụ vốn dĩ do HTCT cấp huyện đảm trách như xây dựng kế hoạch quy hoạch đất đai, dự án, dự toán, phân bổ ngân sách thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia, kế hoạch phát triển các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, phân công, phối hợp trong thực hiện,... thì nay chuyển về cho HTCT cấp xã.

Song hành với cải cách hành chính là chủ trương sáp nhập các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên với một số tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, tạo thành các đơn vị hành chính mới có quy mô lớn cả về diện tích và dân số. Đây là bước đi nhằm tinh gọn bộ máy, tăng hiệu quả phối hợp, giảm chi phí vận hành và thúc đẩy liên kết vùng. Tuy nhiên, trong thực tiễn Tây Nguyên với đặc điểm văn hóa, dân tộc và tôn giáo rất riêng, việc sáp nhập địa giới hành chính cấp tỉnh đặt ra nhiều thách thức đáng kể. Sự khác biệt về bản sắc văn hóa, cơ cấu dân cư và điều kiện phát triển giữa các vùng sáp nhập có thể làm phát sinh các mâu thuẫn về lợi ích, xung đột về đất đai, tôn giáo, dân tộc nếu không được giải quyết kịp thời và hợp lý. Trong khi đó, việc hình thành các tỉnh mới với diện tích rất lớn như trường hợp sáp nhập Đắk Nông, Lâm Đồng và Bình Thuận với diện tích lên tới hơn 24.200 km² sẽ làm tăng khoảng cách giữa chính quyền cấp tỉnh với các xã vùng xa, vùng sâu, gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết các vấn đề phát sinh tại cơ sở.

Những chuyển động lớn về tổ chức hành chính và bộ máy chính trị đặt ra yêu cầu rất cao đối với HTCT cơ sở. Trên một địa bàn rộng lớn, đa dân tộc, nhiều tôn giáo và tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, chính quyền cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở phải có đủ năng lực tổ chức, điều hành và khả năng nắm bắt, giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh từ cơ sở. Việc thiếu hụt cán bộ có năng lực, sự dôi dư trong bộ máy sau sáp nhập, hay những bất cập trong phân quyền, phân cấp nếu không được khắc phục sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của HTCT, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phục vụ nhân dân và sự gắn kết cộng đồng. Trong điều kiện đặc thù của Tây Nguyên, nơi có địa hình phức tạp, giao thông chia cắt, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đòi hỏi việc tổ chức lại HTCT cơ sở không chỉ là vấn đề hành chính, kỹ thuật mà phải gắn với yếu tố văn hoá - xã hội, phong tục, tập quán và nhu cầu thực tế của người dân. Cải cách hành chính và sắp xếp lại đơn vị hành chính chỉ phát huy được hiệu quả tích cực nếu đi kèm với nâng cao năng lực cho đội ngũ cán

bộ cơ sở, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường phân quyền hợp lý và phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội.

4.1.4. Vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên mới

Trong tiến trình đổi mới HTCT, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao vị thế và phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong đời sống chính trị và xã hội của đất nước. Việc ghi nhận MTTQ Việt Nam là một bộ phận cấu thành của HTCT trong Hiến pháp năm 2013, cùng với việc sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành như Luật MTTQ Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ... đã tạo hành lang pháp lý ngày càng đầy đủ và rõ ràng để các tổ chức này thực hiện chức năng tập hợp, vận động, đại diện và giám sát xã hội - những chức năng có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Sự phát triển và đổi mới hoạt động của MTTQ Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị - xã hội không chỉ nâng cao tính đại diện và vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, mà còn góp phần làm sâu sắc hơn nội dung dân chủ xã hội chủ nghĩa và tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Trong bối cảnh mới, khi các yếu tố văn hóa, dân tộc, tôn giáo và lợi ích xã hội ngày càng đa dạng, phức tạp, thì vai trò của các tổ chức đoàn thể - đặc biệt ở cấp cơ sở - càng trở nên quan trọng trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời phản ánh đến chính quyền và tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cộng đồng dân cư.

Đối với khu vực Tây Nguyên, nơi có thành phần dân tộc đa dạng, trình độ dân trí không đồng đều và lịch sử hình thành cộng đồng dân cư gắn với nhiều yếu tố tôn giáo và phong tục tập quán đặc thù, việc phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở không chỉ là một yêu cầu chính trị mà còn là giải pháp xã hội cần thiết nhằm giữ gìn ổn định và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Các tổ chức này là lực lượng gần dân, sát dân nhất, có khả năng vận động, thuyết phục, hoà giải và đoàn kết cộng đồng một

cách mềm dẻo, hiệu quả. Đồng thời, họ cũng đóng vai trò tích cực trong giám sát việc thực hiện chính sách ở cơ sở, phản biện các chủ trương chưa phù hợp, góp phần bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Cùng với đó, trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen, Đảng và Nhà nước tiếp tục tiếp tục khẳng định và phát triển quan điểm nhất quán của Đảng về vị trí, vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh việc phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc. Văn kiện cũng xác định việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải đặt trên nền tảng quan điểm “dân là gốc”, lấy nhân dân làm trung tâm và chủ thể của sự phát triển. Theo đó, việc củng cố khối đại đoàn kết không chỉ dừng lại ở việc tập hợp lực lượng xã hội mà còn phải tạo điều kiện để nhân dân tham gia ngày càng đầy đủ và hiệu quả vào quá trình xây dựng, thực thi và giám sát các chính sách phát triển. giữ vững mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, củng cố niềm tin xã hội và tạo sự đồng thuận rộng rãi trong toàn xã hội. Những phát triển lý luận mới của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là cơ sở để HTCT cơ sở vận dụng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên thời gian tới.

4.1.5. Âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và những vấn đề tồn đọng trong thực hiện công tác tôn giáo, dân tộc

Một trong những thách thức lớn và thường xuyên đối với việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên là sự chống phá quyết liệt, có tổ chức và lâu dài của các thế lực thù địch từ bên ngoài, cùng với sự tồn tại dai dẳng của những vấn đề nhạy cảm liên quan đến dân tộc và tôn giáo chưa được giải quyết triệt để. Đây là yếu tố mang tính lâu dài, không chỉ tác động đến trật tự an ninh mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc và niềm tin của nhân dân đối với HTCT cơ sở.

Trong nhiều năm qua, các tổ chức phản động như Việt Tân, Fulro lưu vong và một số tổ chức người Thượng ở hải ngoại vẫn chưa từ bỏ mục tiêu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để thực hiện mưu đồ “Diễn biến hòa bình”, tiến tới kích động tư tưởng ly khai, thành lập cái gọi là “Nhà nước Đêga” tại Tây Nguyên. Chúng triệt để khai thác các nền tảng mạng xã hội, các diễn đàn quốc tế về nhân quyền, tự do tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc tình hình trong nước, bịa đặt, vu cáo chính quyền đàn áp tôn giáo, cướp đất của người dân tộc thiểu số, phân biệt đối xử,... nhằm làm xói mòn niềm tin của đồng bào vào chính quyền cơ sở, tạo ra tâm lý hoài nghi, bất mãn trong cộng đồng. Đặc biệt, chúng tìm cách lôi kéo những phần tử bất mãn trong nước, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, nơi đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế, để hình thành các nhóm chống đối tiềm ẩn. Một số tổ chức lợi dụng hoạt động tôn giáo, nhất là các dòng Tin lành chưa được công nhận, để truyền bá tư tưởng “tôn giáo bản địa hóa”, “Tin lành Đêga”, từ đó khơi gợi ý thức dân tộc cực đoan, kích động ly khai, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc và mối quan hệ giữa đồng bào với chính quyền.

Bên cạnh đó, trong nội tại xã hội vẫn còn tồn tại những vấn đề nhạy cảm chưa được giải quyết triệt để, như các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; sự chậm trễ, thiếu đồng bộ trong thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo ở cơ sở; việc thực hiện dân chủ ở cơ sở đôi khi còn mang tính hình thức, chưa thực chất... Những yếu tố này trở thành môi trường thuận lợi để các thế lực thù địch xuyên tạc, kích động, làm mất ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và đặc biệt là phá vỡ sự đồng thuận trong cộng đồng. Trước tình hình đó, HTCT cơ sở đóng vai trò then chốt trong việc nhận diện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các mầm mống bất ổn từ cơ sở. Chính quyền cấp xã, phường phải phát huy cao độ tinh thần cảnh giác, chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn và giải quyết hiệu quả các điểm nóng ngay từ khi mới manh nha. Đồng thời, cần làm tốt công tác dân vận, giải thích, tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường sự gắn bó giữa chính quyền và nhân dân, giữa các dân tộc, tôn giáo, cùng nhau xây dựng cuộc sống ổn định, hòa thuận, phát triển.

4.2. QUAN ĐIỂM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên cần quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Đây là nội dung cơ bản, mang tính nguyên tắc, là cơ sở để cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội các xã, phường, thị trấn đưa ra chủ trương, nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Mặt khác, việc quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc còn là cơ sở để cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tây Nguyên thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực hiện chiến lược này.

Thực hiện quan điểm này, đòi hỏi cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên cần quán triệt và nắm vững những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, đại đoàn kết dân tộc; thấy rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Thường xuyên quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là Nghị quyết số 23 - NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Nghị quyết số 43 - NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, những quan điểm mới của Đại hội XIV về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc... Khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là chiến lược xuyên suốt trong tiến trình cách mạng Việt Nam của Đảng, Nhà nước ta. Mặt khác, cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên cần nắm chắc chức trách, nhiệm

vụ, quyền hạn của mình nói chung, vai trò, trách nhiệm của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nói riêng; thấy rõ những thuận lợi, khó khăn của địa phương, từ đó đề ra chủ trương, nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức thực hiện. Cùng với đó, HTCT cơ sở cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động trong quá trình thực hiện; kịp thời kiến nghị, đề xuất các nội dung khó khăn, vướng mắc với HTCT cấp trên và các cơ quan có liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương.

4.2.2. Phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên vừa là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách hiện nay của toàn bộ hệ thống chính trị

Quan điểm này phản ánh sự nhất quán trong đường lối của Đảng ta đối với vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc. Nghị quyết số 24 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) khẳng định: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam” [24, tr.4]. Đồng thời, trong điều kiện mới, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không phải nhiệm vụ riêng của một cấp hay một ngành, mà là công việc của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân. Nghị quyết số 43 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XIII) nhấn mạnh: “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả HTCT” [35, tr.3]. Vì vậy, việc củng cố đại đoàn kết ở Tây Nguyên phải đặt trong tổng thể chiến lược chung của quốc gia, nhưng đồng thời phải cụ thể hóa thành nhiệm vụ trực tiếp của hệ thống chính trị cơ sở, nơi tiếp xúc, tổ chức và dẫn dắt đời sống xã hội hằng ngày của Nhân dân.

Tính chiến lược, lâu dài của nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên trước hết bắt nguồn từ vai trò nền tảng của đại đoàn kết đối với sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam, chỉ khi đoàn kết bền chặt mới có thể thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đối với Tây Nguyên, đây là không gian cư trú của 54 dân tộc

anh em, có nhiều khác biệt về ngôn ngữ, tâm lý, văn hóa, phong tục, tập quán, mức sống, trình độ phát triển và điều kiện sinh kế, do đó củng cố đoàn kết không thể là một chiến dịch ngắn hạn mà phải là một quá trình bền bỉ, có lộ trình, có bước đi phù hợp, kết hợp vừa chăm lo phát triển vừa xây dựng niềm tin và đồng thuận xã hội. Tính lâu dài còn thể hiện ở yêu cầu kiên trì bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, để mọi dân tộc đều được thụ hưởng thành quả đổi mới và phát triển, từ đó tạo nền tảng bền vững cho sự gắn kết cộng đồng. Mặt khác, tính chiến lược cũng gắn với đặc điểm Tây Nguyên là địa bàn trọng yếu, nhạy cảm, thường xuyên bị các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động chia rẽ, phá hoại, gây mất ổn định. Vì vậy, hệ thống chính trị cơ sở phải nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết, thực hiện nhất quán, liên tục, tránh tư duy nhiệm kỳ, đồng thời chủ động đề xuất chủ trương, nội dung, biện pháp phù hợp với từng địa bàn, từng nhóm cộng đồng nhằm làm cho chiến lược đại đoàn kết “thấm sâu” vào các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh.

Cùng với tính chiến lược, lâu dài, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên còn mang tính trọng tâm, cấp bách hiện nay vì nhiều vấn đề xã hội nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời sẽ trực tiếp làm suy giảm sự gắn kết cộng đồng và tạo ra điểm nóng về an ninh trật tự. Bên cạnh những thành tựu phát triển kinh tế xã hội, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều nơi vẫn còn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và nguy cơ tái nghèo cao; khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng; xung đột xã hội trên các lĩnh vực đất đai, dân tộc, tôn giáo, môi trường, văn hóa còn diễn biến; hủ tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan chậm được khắc phục. Các vấn đề đó không chỉ tác động đến an sinh, công bằng xã hội mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tâm trạng xã hội, niềm tin của Nhân dân, từ đó tạo “khoảng trống” để các luận điệu xuyên tạc, kích động chia rẽ thâm nhập. Vì vậy, việc xây dựng khối đại đoàn kết ở Tây Nguyên phải gắn chặt với năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn: giải

quyết mâu thuẫn, xử lý bức xúc từ cơ sở, tăng cường ổn định chính trị xã hội và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

4.2.3. Phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên cần phát huy sức mạnh tổng hợp, hiệp đồng chặt chẽ các chủ thể và kiên trì “xây” đi đôi với “chống” trong toàn bộ hệ thống chính trị

Xây dựng khối đại đoàn kết là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn thể Nhân dân. Nghị quyết số 43 - NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc khẳng định: “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả hệ thống chính trị” [32, tr.3]. Chính vì vậy, phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, các lực lượng và toàn thể Nhân dân sẽ tạo ra thế trận vững chắc cho quá trình xây dựng khối đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay.

Quan điểm này chỉ có thể đi vào thực chất khi được đặt trên nền tảng phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị và Nhân dân. Nghĩa là, đoàn kết không phải công việc riêng của cấp ủy hay chính quyền, mà là một “chuỗi giá trị” hành động thống nhất: cấp ủy cơ sở giữ vai trò hạt nhân định hướng, tạo sự thống nhất trong Đảng và lan tỏa ra xã hội bằng nghị quyết đúng, trúng, sát địa bàn; chính quyền cơ sở cụ thể hóa chủ trương thành chương trình, kế hoạch, cơ chế thực thi và dịch vụ công công bằng, minh bạch để củng cố niềm tin; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội làm nòng cốt tập hợp, vận động, phản ánh trung thực tâm tư nguyện vọng, tham gia giám sát, phản biện xã hội, tạo kênh đồng thuận hai chiều; lực lượng vũ trang, nhất là công an, quân đội, vừa bảo đảm ổn định, vừa tham gia xây dựng địa bàn an toàn, kỷ cương; đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc và đồng bào tôn giáo là “cầu nối” văn hóa xã hội giúp hòa giải, tháo gỡ mâu thuẫn, định hướng dư luận; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức xã hội góp phần mở rộng sinh kế, thu hẹp khoảng cách phát triển. Phối hợp các chủ thể không dừng ở “phân công” mà phải tiến tới “đồng kiến tạo”: cùng chia sẻ dữ liệu địa bàn, cùng đánh giá rủi ro xã hội, cùng chịu trách nhiệm về kết quả, bảo đảm mọi chính sách dân tộc, tôn giáo, an

sinh, giảm nghèo, phát triển hạ tầng... đều gặp nhau ở mục tiêu cuối cùng là tăng đồng thuận xã hội và củng cố lòng tin của Nhân dân.

Cùng với đó, cần quán triệt sâu sắc quan điểm “xây” đi đôi với “chống” như một nguyên tắc phương pháp luận trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên. “Xây” là xây niềm tin và đồng thuận bằng phát triển bao trùm, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; giải quyết hài hòa lợi ích; nâng cao chất lượng quản trị cơ sở; phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, sinh kế bền vững; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở theo hướng gần dân, hiểu dân, trọng dân, dựa vào dân. “Chống” là chủ động ngăn ngừa và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, môi trường, văn hóa để kích động chia rẽ; kiên quyết xử lý các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, vô cảm, áp đặt, thành kiến dân tộc, định kiến tôn giáo gây tổn thương cộng đồng và làm suy giảm niềm tin; kịp thời hóa giải “điểm nóng” từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở; đồng thời đấu tranh với thông tin sai lệch, xuyên tạc, thổi phồng mâu thuẫn nhằm phá hoại khối đại đoàn kết. Khi “xây” đủ mạnh sẽ tạo “sức đề kháng” xã hội; khi “chống” đúng và trúng sẽ bảo vệ thành quả của “xây”. Chỉ trong sự kết hợp đồng bộ giữa tầm nhìn chiến lược và hành động cấp bách, giữa hiệp đồng các chủ thể và nguyên tắc “xây” đi đôi với “chống”, hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên mới có thể chuyển hóa đại đoàn kết từ mục tiêu chính trị thành sức mạnh hiện thực, bền vững và tự thân của cộng đồng.

4.2.4. Phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên phải gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh

Đây là quan điểm mang tính định hướng đồng thời là mục tiêu của quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Bởi vì, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh là cơ sở, nền tảng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc đồng thời cũng là mục tiêu mà HTCT cơ sở hướng đến trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Thực hiện quan điểm này đòi hỏi việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải thực hiện thắng lợi mục tiêu phát

triển kinh tế, thực hiện tốt chính sách xoá đói, giảm nghèo; phát triển văn hoá, ý thức, giáo dục, thực hiện tốt các mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, thu hẹp khoảng cách chênh lệch trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội giữa đồng bào các dân tộc; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình hiệu quả công tác bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em; xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Cùng với đó, HTCT cơ sở cần có các chủ trương, giải pháp bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội trên các lĩnh vực của đời sống như kinh tế, văn hoá, gia đình, dòng tộc, cộng đồng. Phát huy dân chủ, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”; tăng cường công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền; kịp thời lắng nghe, giải quyết tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Nhân dân với chính quyền; phát huy vai trò của Nhân dân trong phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

4.3. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN THỜI GIAN TỚI

4.3.1. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể thuộc hệ thống chính trị cơ sở và Nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Đây là giải pháp quan trọng, hàng đầu, quyết định đến hiệu quả phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây nguyên. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy, tư tưởng đúng thì hành động mới khỏi sai lạc và mới làm tròn nhiệm vụ cách mạng được.

Phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên là hoạt động có mục đích, chủ động, tự giác của mỗi tổ chức trong HTCT cơ sở, của từng cá nhân cán bộ, đảng viên. Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn

còn một số cán bộ, đảng viên, một số tổ chức trong HTCT cơ sở chưa thật thức đầy đủ, đúng đắn chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước, vị trí, vai trò của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Kết quả điều tra xã hội học về nguyên nhân dẫn đến những hạn chế của HTCT cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, có 60,4% người dân và 62% cán bộ cho rằng do những yếu kém trong nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức cơ sở [Phụ lục 2, 4]. Chính vì vậy, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong HTCT cũng như Nhân dân đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là việc làm cần thiết, thường xuyên trong giai đoạn hiện nay.

Để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm các chủ thể thuộc HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của các chủ thể trong HTCT cơ sở về vị trí chiến lược của địa bàn Tây nguyên trong thời kỳ mới

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn vị trí chiến lược của địa bàn Tây nguyên là cơ sở, tiền đề để các thành viên thuộc HTCT cơ sở và Nhân dân thấy được sự cần thiết của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay. Các cấp, các ngành, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể và Nhân dân cần phải nhận thức đầy đủ vị trí chiến lược của Tây Nguyên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Nội dung giáo dục cần làm cho cấp, các ngành, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể và Nhân dân thấy rõ Tây Nguyên là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng, là "phên dậu phía Tây của Tổ quốc", là "nóc nhà của Đông Dương" thuộc khu vực tam giác phát triển Lào - Việt Nam - Campuchia. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên có truyền thống đoàn kết, đấu tranh cách mạng kiên cường; có nền văn hóa dân tộc vừa đa dạng, phong phú, vừa có nhiều nét đặc sắc riêng. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Tây Nguyên

có bước phát triển mạnh mẽ, đời sống vật, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có nhiều chuyển biến rõ nét. Tuy nhiên, đời sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên vẫn còn nhiều khó khăn, đời sống văn hóa tinh thần thấp, tỷ lệ đói nghèo cao, phong tục tập quán lạc hậu. Giáo dục, đào tạo chuyển biến chậm, chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động thấp. Công tác chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế cơ bản còn thấp so với mức trung bình chung của cả nước. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vấn đề dân tộc, tôn giáo, tình trạng khiếu kiện, tranh chấp đất đai vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Trong khi đó, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động, triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là những khó khăn, thách thức đặt ra đòi hỏi các chủ thể trong HTCT cơ sở phải có nhận thức đúng đắn, phát huy tinh thần trách nhiệm, giải quyết hiệu quả, kịp thời góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn.

Hai là, tăng cường giáo dục, tuyên truyền quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc cho các chủ thể trong HTCT cơ sở và Nhân dân

Giáo dục, tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong HTCT cơ sở nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa to lớn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Tây Nguyên là địa bàn tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn thấp. Chính vì vậy, việc tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, đại đoàn kết dân tộc, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc càng có ý nghĩa quan trọng, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thực sự vững mạnh, làm thất bại âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.

Về nội dung cần tập trung tuyên truyền, giáo dục cho mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên hiểu rõ bản chất khoa học và cách mạng trong các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, các nghị quyết, quyết định, chiến lược, chương trình, đề án... của Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như Nghị quyết số 23 - NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Nghị quyết số 24 - NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về công tác dân tộc; Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị (Khoá XII) về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25/NQ - TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo trong tình hình mới”,....

Đối với Nhân dân, cần tập trung tuyên truyền các quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, đại đoàn kết dân tộc, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc cho đồng bào các dân tộc, đặc biệt là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa. Tuyên truyền giáo dục truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên trong xây dựng quê hương, đất nước. Phổ biến cho đồng bào cách làm ăn mới, hướng dẫn tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, động viên đồng bào tích cực xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu. Tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Hiến pháp; tham gia thực hiện và giám sát việc triển khai các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương; tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng tình làng nghĩa xóm hoà thuận, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở từng cộng đồng khu dân cư; phòng chống các tệ nạn

xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu. Qua nội dung giáo dục làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân tuyệt đối tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc, khắc phục tư tưởng tự ti, hẹp hòi, kì thị dân tộc, nỗ lực phấn đấu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Về hình thức tuyên truyền, giáo dục phải kết hợp nhiều hình thức, biện pháp mang tính sáng tạo, phù hợp với đặc điểm tâm lý và văn hóa đội ngũ cán bộ và Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, tránh lối mòn, khuôn sáo. Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, thực hiện công tác tuyên truyền thông qua hội nghị, học tập nghị quyết, qua các hội thi, quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Đối với quần chúng, cần tiếp tục đổi mới, sáng tạo các hình thức tuyên truyền, giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau như đến hộ gia đình phát tranh ảnh, tờ rơi, nói chuyện, giao lưu, đối thoại, trao đổi trực tiếp. Thực hiện tuyên truyền thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hoá, lễ hội truyền thống, sáng tác văn học nghệ thuật, ngày hội văn hoá các dân tộc, ngày hội đại đoàn kết ở khu dân cư, các cuộc gặp mặt đồng bào dân tộc thiểu số, thăm hỏi, tặng quà chúc sức khỏe tôn giáo nhân dịp các ngày lễ. Mặt khác, công tác tuyên truyền, vận động phải đi đôi với dẫn chứng thực tiễn cụ thể và gắn với lợi ích của đồng bào làm cho nội dung tuyên truyền, vận động thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của đồng bào một cách tự nhiên, từ đó phát huy ý thức tự vươn lên của đồng bào các dân tộc. Đổi mới nội dung và phương pháp vận động đồng bào, quán triệt phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc.

Ba là, nâng cao cảnh giác cách mạng cho các chủ thể thuộc HTCT cơ sở và Nhân dân về âm mưu, thủ đoạn phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch

Trước hết, cấp ủy, chính quyền cơ sở cần xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị hàng năm đối với cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, chú trọng nội dung bảo vệ

nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Động viên tinh thần tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận của đội ngũ cán bộ, đảng viên, kịp thời nắm bắt những âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù. Cùng với đó, tăng cường giáo dục, tuyên truyền cho Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, xây dựng niềm tin khoa học về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. Tuyên truyền để Nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc như đất đai, thu nhập, mức sống để gây xích mích giữa dân tộc đa số với dân tộc thiểu số, giữa dân tộc thiểu số tại chỗ với các dân tộc mới di cư đến, nhận rõ bản chất phản động của Fulro và Tin lành Đêga, từ đó củng cố khả năng đề kháng, cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, tiến đến tham gia tích cực vào sự nghiệp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Mặt khác, cấp ủy các cấp cần thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong việc sử dụng mạng xã hội, kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, có biện pháp giáo dục, uốn nắn những lệch lạc, sai trái, thiếu gương mẫu của đảng viên trong bình luận, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Kịp thời phát hiện đảng viên tham gia các hội, nhóm trái quy định của Đảng, Nhà nước, hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để gây ảnh hưởng xấu đến nội bộ Đảng. Tăng cường công tác tuyên truyền để mỗi người dân trở thành người có trách nhiệm khi tham gia sử dụng mạng xã hội: Trách nhiệm chia sẻ thông tin cá nhân lên trang của cá nhân mình; trách nhiệm chia sẻ lại thông tin của người khác; trách nhiệm phản bác lại thông tin xuyên tạc, bịa đặt gây hại cho cộng đồng trên môi trường mạng để mỗi người dân cùng chung tay với các cơ quan chức năng bảo đảm môi trường mạng lành mạnh, phản bác các luận điệu chống phá của các thế lực thù địch; hướng dẫn, định hướng cho Nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận biết và tiếp cận những nguồn thông tin chính thống, không để các thế lực thù địch tuyên truyền, phá hoại tư tưởng.

Ngoài ra, cấp ủy, chính quyền địa phương cần thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin. Trước những vụ việc phức tạp, “điểm nóng” bị các phần tử cơ hội chính trị, phản động trong và ngoài nước triệt để lợi dụng xuyên tạc, kích động, có tác động đến tư tưởng của đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân, cấp ủy, chính quyền cơ sở cần kịp thời khai thác thông tin từ cơ quan chức năng để cung cấp cho Nhân dân góp phần định hướng, tạo sự thống nhất trong nhận thức, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào cấp ủy, chính quyền các cấp. Kịp thời có biện pháp hữu hiệu xử lý, răn đe đối tượng tung tin sai sự thật, vi phạm pháp luật; nâng cao cảnh giác, tăng sức “đề kháng” cho người dân khi tiếp cận thông tin; vô hiệu hóa các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của các đối tượng, tổ chức thù địch, phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước.

4.3.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành tố trong hệ thống chính trị cơ sở nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong bối cảnh phát triển mới, yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc tại các địa phương nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng không thể tách rời nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở. Tuy nhiên xét về cấu trúc, HTCT lại bao gồm các thành tố là tổ chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân, có vị trí, vai trò và chức năng khác nhau. Chính vì vậy, để phát huy đầy đủ vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, cần tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành tố cấu thành, cụ thể:

Một là, nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ xã, phường ở Tây Nguyên trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trước hết, cấp ủy đảng các xã, phường cần phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp

phát triển đất nước nói chung và của địa phương nói riêng. Bên cạnh đó, cần giới thiệu các mô hình, cách làm hay, các gương điển hình tiên tiến trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để nhân rộng trong cộng đồng. Phương pháp tuyên truyền, giáo dục cần đa dạng hóa, kết hợp giữa hình thức truyền thống và hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác tuyên truyền như số hoá nội dung, tương tác trực tuyến, sử dụng công nghệ AI, tương tác từ một chiều sang đối thoại hai chiều; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, báo cáo viên, tuyên truyền viên và hệ thống truyền thông đại chúng.

Cùng với công tác tư tưởng, cấp uỷ đảng các cấp cần đổi mới và nâng cao chất lượng nghị quyết. Các nghị quyết phải xuất phát từ thực tiễn, tập trung giải quyết những vấn đề cấp thiết, bức xúc mà nhân dân quan tâm như việc làm, sinh kế, thu nhập, tiếp cận giáo dục, y tế, quyền lợi của đồng bào dân tộc thiểu số, và các xung đột xã hội tiềm ẩn. Tránh tình trạng ban hành nghị quyết theo kiểu hình thức, rập khuôn, sao chép cấp trên, không sát với tình hình địa phương. Quá trình triển khai nghị quyết phải bảo đảm sự đồng bộ, thông suốt từ trên xuống dưới; mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân đều cần được quán triệt và tham gia thực hiện một cách thực chất để nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống. Cấp uỷ đảng giữ vai trò định hướng tư tưởng, xác định chủ trương lớn; còn việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện được giao cho HĐND, Ủy ban nhân dân và các tổ chức đoàn thể trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể. Cấp uỷ không làm thay, không can thiệp hành chính vào công việc chuyên môn của chính quyền và đoàn thể, mà phát huy vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các thành tố trong HTCT cơ sở.

Cấp uỷ đảng các xã, phường trên địa bàn Tây Nguyên cần không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo thông qua đội ngũ cán bộ đảng viên, cán bộ chính quyền, MTTQ và các đoàn thể. Trong đó, xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự tiên phong, gương mẫu, “trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân” là giải pháp cốt lõi. Cán bộ đảng viên cần thực sự là lực lượng nòng cốt trong

phát triển sản xuất, xây dựng buôn làng, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn phát sinh ở cơ sở, và đặc biệt là thúc đẩy sự gắn kết giữa các dân tộc, giữa người dân với tổ chức đảng và chính quyền. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những biểu hiện tiêu cực như cục bộ, bè phái, lợi ích nhóm... vốn là những yếu tố dễ gây chia rẽ, phá vỡ khối đoàn kết trong nội bộ đảng và trong cộng đồng dân cư.

Hai là, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã trong thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc

Trước hết, chính quyền cấp xã cần nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thực thi các chương trình, kế hoạch phát triển địa phương, trong đó lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Việc triển khai cần chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả dịch vụ công, tạo ra sự bình đẳng trong xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, chăm lo giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Chính quyền cần vận dụng linh hoạt các chính sách của Nhà nước theo điều kiện thực tiễn của địa phương, đảm bảo đúng đối tượng, đúng nhu cầu, phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán của từng cộng đồng dân cư.

Một trong những khâu then chốt là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng thân thiện, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi số, xây dựng hạ tầng dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến để phục vụ nhân dân; kiên quyết loại bỏ các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, hách dịch, nhũng nhiễu. Chính quyền cơ sở phải là lực lượng gương mẫu trong thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch và có trách nhiệm, không để phát sinh các vụ việc khiếu kiện vượt cấp, kéo dài làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và sự ổn định tại địa phương. Đồng thời, cần đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã. Các kỳ họp của HĐND phải được tổ chức thiết thực, hiệu quả, có nội dung sát với thực tiễn và quan tâm đến các vấn đề dân sinh, dân tộc, tôn giáo. Khuyến khích tăng tỷ lệ đại biểu không phải là

đảng viên để mở rộng tính đại diện xã hội và phản ánh trung thực nguyện vọng của cử tri. Việc tiếp xúc cử tri, lấy ý kiến nhân dân trước mỗi kỳ họp cần được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, đặc biệt đối với những vấn đề có tác động trực tiếp đến quyền lợi và khối đại đoàn kết của nhân dân.

Chính quyền cần tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ việc đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, tránh thất thoát, lãng phí, đồng thời chú trọng xây dựng các thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện địa phương và đặc thù văn hóa dân tộc. Việc lựa chọn và bố trí cán bộ cho các ban nhân dân thôn, bản, tổ dân phố cần được quan tâm đặc biệt, ưu tiên những người có tâm huyết, uy tín, am hiểu phong tục, tiếng nói, tập quán của đồng bào, tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động và hoà giải ở cộng đồng dân cư. Cùng với đó, cần thực hiện nghiêm túc chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đồng thời kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để truyền đạo trái phép, kích động chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy tốt dân chủ cơ sở là một nguyên tắc quan trọng, thể hiện qua việc bảo đảm quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được giám sát và được thụ hưởng của nhân dân, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là, phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc

MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là những thành tố nòng cốt trong HTCT cơ sở, giữ vai trò trung tâm trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, để thực sự phát huy hiệu quả vai trò này, các tổ chức cần không ngừng đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm thích ứng với yêu cầu phát triển mới và sự đa dạng trong nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt ở khu vực Tây Nguyên với đặc thù về dân cư, tôn giáo và văn hóa. Theo đó, cần đa dạng hóa các hình thức tập hợp, vận động Nhân dân,

phát huy vai trò của các tổ chức thành viên, các vị ủy viên Mặt trận, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số, trí thức và các tầng lớp xã hội khác. Thông qua việc mở rộng hiệp thương dân chủ với cấp ủy, chính quyền và các tổ chức, cá nhân tôn giáo, MTTQ và các tổ chức đoàn thể cần tạo dựng sự đồng thuận cao trong xã hội, qua đó xây dựng nền tảng chính trị - xã hội vững chắc tại cơ sở.

Để hoạt động hiệu quả, các tổ chức cần phát huy vai trò của Ban Công tác Mặt trận và Ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là trong công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân đến các cơ quan chức năng. Quy chế phối hợp giữa MTTQ và các tổ chức thành viên như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... cần được hoàn thiện, vận hành thực chất, góp phần nâng cao hiệu lực giám sát cộng đồng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, cần phát huy quyền giám sát của Nhân dân đối với cán bộ, công chức và hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử thông qua các thiết chế dân chủ trực tiếp. Cùng với đó, cần có cơ chế phân cấp rõ ràng và đảm bảo nguồn kinh phí từ ngân sách để MTTQ và các tổ chức chính trị, xã hội ở cơ sở chủ động trong hoạt động theo dự toán ngân sách hàng năm đã được HĐND cấp xã thông qua. Khắc phục tình trạng xin cho giữa các tổ chức chính trị, xã hội và chính quyền; MTTQ và các tổ chức thành viên phải tự cân đối kinh phí hoạt động trên cơ sở thu đủ đoàn phí, hội phí, minh bạch trong quản lý hội phí, đoàn phí và các khoản hỗ trợ, quyên góp.

MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội cần tổ chức tốt các phong trào, cuộc vận động hướng về cơ sở, có nội dung thiết thực như: phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Ngày vì người nghèo”, các chương trình phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện của từng địa phương, thăm hỏi, hỗ trợ hộ nghèo, gia đình khó khăn,... Thông qua đó, không chỉ tạo điều kiện cho hội viên, đoàn viên và Nhân dân được hưởng lợi trực tiếp, mà

còn góp phần củng cố niềm tin vào vai trò của tổ chức đoàn thể, từ đó tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Một trong những yêu cầu cấp thiết là đổi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, số hoá nội dung, tạo nền tảng dữ liệu phục vụ công tác tuyên truyền. Các tổ chức cần chủ động sử dụng các nền tảng mạng xã hội như Zalo, Facebook, Fanpage để tiếp cận người dân nhanh chóng, tương tác hai chiều, nắm bắt kịp thời dư luận xã hội, phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, đặc biệt là giới trẻ và đồng bào dân tộc thiểu số. Việc chuyển đổi số trong công tác Mặt trận không chỉ giúp tăng hiệu quả quản lý, điều hành mà còn góp phần thu hút, tập hợp ngày càng đông đảo lực lượng xã hội tham gia hoạt động đoàn thể. Bên cạnh đó, cần đổi mới nội dung và phương thức tổ chức các kỳ họp, hội nghị của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm gắn chặt với đời sống thực tiễn và các vấn đề Nhân dân đang quan tâm. Cần xây dựng cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các tổ chức đoàn thể và chính quyền trong tổ chức đối thoại chính sách, phản biện các đề án phát triển, chính sách dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội,... để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

4.3.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số gắn với thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ

Đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn là lực lượng nòng cốt, điều hành hoạt động của HTCT cơ sở, là nhân tố có ý nghĩa chiến lược quyết định kết quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở. Đối với cán bộ dân tộc thiểu số, đây là hạt nhân tiêu biểu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở cơ sở, có uy tín lớn đối với đồng bào các dân tộc, do đó ảnh hưởng nhất định đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, Đảng, Nhà nước tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính, theo đó, địa giới hành chính cấp xã mở rộng gấp 3 - 4 lần so với trước đây, bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, điều chuyển 129 nhiệm vụ, thẩm quyền từ cấp huyện xuống cấp xã. Điều đó đòi hỏi trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở cần phải được nâng cao thì mới

đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ. Chính vì vậy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số là công việc có ý nghĩa then chốt để phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay. Mặt khác, thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ thoả đáng là động lực để cán bộ, công chức HTCT nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và thực hiện tốt chính sách, chế độ đãi ngộ với lực lượng này cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp, tinh gọn đội ngũ cán bộ, công chức

Sau sáp nhập cấp xã, bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, đội ngũ cán bộ, công chức ở các xã, phường trên địa bàn Tây Nguyên sẽ dồi, dư rất nhiều so với biên chế; tình trạng thiếu cán bộ cục bộ ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, dồi dư cán bộ ở các khu vực trung tâm xảy ra ở nhiều nơi. Cùng với đó, nhiều chức năng, nhiệm vụ của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện ở cấp xã, chính vì vậy, tiêu chí chức danh, chức vụ lãnh đạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức cấp xã sẽ có sự điều chỉnh theo hướng tăng lên tiệm cận với cán bộ cấp huyện trước đây. Do đó, tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức là một việc làm cần thiết nhằm đánh giá hiệu quả của công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Trên cơ sở tiêu chuẩn chung về phẩm chất, năng lực, đạo đức, độ tuổi,... cũng như tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh cán bộ, công chức mà cấp uỷ cơ sở tiến hành rà soát, đối chiếu, đánh giá năng lực, trình độ của từng cán bộ, công chức từ đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu mới của tiến trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Công tác rà soát, đánh giá cán bộ phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ, kết hợp đánh giá của tổ chức với tham khảo ý kiến của quần chúng Nhân dân. Bên cạnh đó, cần xây dựng quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với những cán bộ, công chức không đủ uy tín, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Sau khi rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức cần tiến hành tốt công tác sắp xếp, bố trí, luân chuyển đội ngũ cán bộ, công chức, kiên quyết đưa

ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức không đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu quá trình công tác. Thực hiện luân chuyển, tăng cường cán bộ, công chức cấp trên về xã, phường công tác, đặc biệt là cán bộ, công chức chuyên ngành công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tài chính, địa chính, xây dựng, tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Kịp thời đề nghị với cấp trên bổ sung các chức danh cán bộ, các phòng ban chuyên môn đáp ứng nhu cầu thực tiễn địa phương.

Thực hiện công tác rà soát, đánh giá, sắp xếp, tinh gọn đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở nhằm mục đích đảm bảo sau 5 năm sẽ thực hiện đúng mẫu biểu về số lượng cán bộ, công chức cấp cơ sở, đảm bảo HTCT cơ sở tinh, gọn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Hai là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số

Để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức có hiệu quả, trước hết cấp ủy, chính quyền cơ sở cần xây dựng kế hoạch tạo nguồn (tuyển chọn), đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ sát với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của địa phương. Trong công tác tạo nguồn cán bộ cần đảm bảo cơ cấu hợp lý (về độ tuổi, thành phần dân tộc, giới tính,...), chú trọng các nguồn tại chỗ, cán bộ nữ, nguồn cán bộ là người dân tộc thiểu số tại địa phương. Lựa chọn những cán bộ trẻ, những đoàn viên ưu tú đưa vào diện quy hoạch cho đi đào tạo, bồi dưỡng làm nguồn cán bộ trước mắt và lâu dài cho địa phương.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cần tiến hành toàn diện trong đó chú trọng nâng cao năng lực tuyên truyền, vận động, trang bị cho họ những kiến thức chung về dân tộc; về tình hình kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội đất nước, trong đó chú trọng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương, kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử. Bồi dưỡng năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề dân tộc, tôn giáo như khả năng phát hiện “điểm nóng”, “xung đột” có thể phát sinh; nắm vững nguyên tắc, phương pháp luận trong giải quyết các “điểm nóng”, “xung đột” trong nội bộ Nhân dân; nguyên tắc phối hợp với các lực lượng chức năng trong quá trình giải quyết các vấn đề dân tộc. Cùng với đó,

cần trang bị cho họ nhưng kiến thức về sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, địa chính, tư pháp, xây dựng; bồi dưỡng thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền mà cấp huyện chuyển xuống cấp xã, kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, am hiểu và nắm vững truyền thống lịch sử - văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên, những phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào, đồng thời đảm bảo sử dụng được các yếu tố tích cực trong truyền thống phong tục, tập quán và lịch sử - văn hoá của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã phải có những hiểu biết tối thiểu về tôn giáo, kỹ năng xử lý tình huống liên quan tới tôn giáo và đồng thời phải biết tiếng dân tộc nơi mình công tác (ít nhất là một thứ tiếng). Đối với cán bộ không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố, hàng năm phải thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ, phải đánh giá thật khách quan những nội dung đang thiếu, yếu để tập trung bồi dưỡng kiến thức cho phù hợp, tránh tình trạng năm nào cũng tổ chức nhưng nội dung không có gì thay đổi.

Cùng với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, cần quan nâng cao chất lượng đội ngũ bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, khu phố, trưởng ban công tác Mặt trận ở các thôn, bản, khu phố. Cấp ủy và chính quyền địa phương cần rà soát, đánh giá chính xác, đúng thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ thôn, bản, khu phố để có phương hướng bồi dưỡng, nâng cao đạo đức, lối sống, năng lực và trách nhiệm, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản đảm bảo cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ba là, bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức thuộc HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những ưu điểm, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, viên chức cơ sở nói chung, một số chức danh cụ thể nói riêng còn một số bất cập, chưa thực sự trở thành động lực cơ bản để động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức các tổ chức, lực lượng thuộc HTCT cơ sở phát huy nỗ lực, quyết tâm cao nhất trong thực hiện nhiệm vụ. Chính vì vậy, bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách đại ngộ đối với các tổ chức, các lực lượng thuộc HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên trước hết cần tiếp tục kiến nghị bổ sung, tăng cường chế độ tiền lương, phụ cấp khu vực đối với cán bộ,

công chức HTCT cơ sở, kịp thời hỗ trợ một phần phụ cấp cho các lực lượng làm công tác giáo dục, vận động quần chúng ở các dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có tôn giáo. Mặt khác, hiện nay, một số khoản phụ cấp dành cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và đội ngũ những người có uy tín trong cộng đồng như già làng, trưởng bản, cán bộ MTTQ, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, ... ở thôn, xóm chủ yếu do cấp tỉnh bảo đảm tùy theo điều kiện của từng địa phương, nhưng cơ bản là thấp, không đảm bảo cuộc sống. Chính vì vậy, cần nghiên cứu chế độ phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút và những khoản phụ cấp đặc biệt khác cho cán bộ, công chức phù hợp với quy định của Nhà nước, giúp họ ổn định đời sống, phấn đấu vươn lên, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ.

Cùng với đó, cần xây dựng cơ chế liên kết đào tạo nguồn nhân lực và thực hiện công tác cán bộ cho các tổ chức, các lực lượng thuộc HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên. Lãnh đạo các địa phương, các ban ngành cần có kế hoạch và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng một cách cơ bản, đồng thời có chính sách phù hợp, tạo động lực kích thích tính tích cực, tự giác học tập cho các thành viên trong các tổ chức, các lực lượng thuộc HTCT cơ sở. Đối với những đồng chí hăng hái học tập, khắc phục khó khăn, tích cực phấn đấu nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ cần phải được bố trí sử dụng và đãi ngộ phù hợp năng lực và cống hiến của họ.

Ngoài ra, cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương và từng tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước cho các cán bộ, công chức thuộc HTCT cơ sở; đề cao trách nhiệm quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả mọi nguồn kinh phí, vật tư, trang thiết bị cho quá trình công tác và sinh hoạt. Đồng thời, trong phạm vi và khả năng có thể, cấp ủy và chính quyền cơ sở cần chủ động tháo gỡ khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh hiện có để bảo đảm kinh phí hoạt động cần thiết, cũng như thiết thực cải thiện đời sống cán bộ, công chức; quan tâm bảo đảm tốt các phương tiện,

điều kiện sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, giải trí; chống mọi biểu hiện tham ô, lãng phí, thiếu công khai, dân chủ, công bằng.

4.3.4. Đổi mới, hoàn thiện các chính sách về dân tộc, tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc đặc biệt là các chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, thực tế quá trình triển khai thực trên địa bàn Tây Nguyên nhiều chính sách đã bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định. Chính vì vậy, việc đổi mới, hoàn thiện các chính sách đối với đồng bào các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên là một biện pháp cần thiết, là cơ sở để phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giảm khoảng cách giàu nghèo, ổn định đời sống Nhân dân.

Một là, đổi mới hoàn thiện các chính sách về dân tộc, công tác dân tộc

Trước hết, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, lịch sử, cụ thể về đặc điểm lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội của các dân tộc, kết hợp hài hoà lợi ích quốc gia với lợi ích của từng dân tộc để xây dựng các chính sách đảm bảo quyền làm chủ thực sự và công bằng của đồng bào các dân tộc đặc biệt là các chính sách về kinh tế, đất đai, tránh rập khuôn, cào bằng, áp đặt cùng một chính sách cho tất cả các dân tộc. Khuyến khích mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, đặc biệt là phát triển kinh tế gắn với mô hình giao đất rừng, trồng rừng, bảo vệ rừng. Đối với các nông, lâm trường, doanh nghiệp được giao khoán đất mà sử dụng không hiệu quả thì cần có chính sách thu hồi, giao lại cho đồng bào các dân tộc, hỗ trợ để họ có thể phát triển kinh tế trên chính mảnh đất của mình, góp phần quan trọng trong xoá đói, giảm nghèo, giảm khoảng cách giàu nghèo giữa các dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương.

Mặt khác, bên cạnh các chính sách được triển khai trên diện rộng cần có những chính sách đặc thù, ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số đặc biệt là đồng bào các dân tộc tại chỗ, đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều

khó khăn theo hướng “đo ni đóng giày” nhằm tập trung nguồn nhân lực, vật lực, tạo ra sự đột phá trong phát triển kinh tế, văn hoá xã hội ở một số khu vực nhất định gắn với một số dân tộc cụ thể. Đổi mới các chính sách mang tính ban, phát hiện nay bằng các chính sách, chương trình giải quyết việc làm, phát triển sản xuất mang tính bền vững, giải quyết được cái gốc của đói nghèo như nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, chuyển giao kỹ thuật, sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có để phát triển các cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn, là thế mạnh của địa phương, từ đó giúp các hộ gia đình nâng cao thu nhập, từng bước vươn lên thoát khỏi đói nghèo. Triển khai thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích con em đồng bào các dân tộc tại chỗ đi học, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt. Xây dựng một thế hệ thanh niên đồng bào các dân tộc thiểu số thật sự có tri thức, năng lực, có khả năng lãnh đạo, quản lý, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống để họ thực sự là những người làm chủ trên chính mảnh đất quê hương mình.

Hai là, đổi mới, hoàn thiện các chính sách về tôn giáo, tín ngưỡng

Song song với việc thực hiện đổi mới, hoàn thiện các chính sách dân tộc, cần đổi mới, hoàn thiện các chính sách về tôn giáo bởi ở Tây Nguyên, phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số là tín đồ của các tôn giáo. Việc đổi mới, thực hiện tốt các chính sách tôn giáo cũng là góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên. Trước hết, cần nhận thức và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo, đảm bảo cho các tôn giáo đều phát triển bình đẳng, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào, tránh tình trạng ngăn cấm, cấm đoán hoạt động của các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận. Đối với các hiện tượng tôn giáo mới ở Tây Nguyên cần nghiên cứu một cách toàn diện, đề xuất và triển khai các chủ trương, biện pháp nhằm quản lý, đấu tranh một cách phù hợp với từng tôn giáo cụ thể.

Cùng với đó cần đổi mới, hoàn thiện các chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện để các tôn giáo tham gia đóng góp vào các lĩnh vực của đời sống văn hóa, xã hội như khuyến khích và tạo điều kiện cho tôn giáo tham gia vào quá trình

phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội như từ thiện xã hội, cứu trợ xã hội, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, hướng nghiệp, chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo; phát huy vai trò của các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề của các tôn giáo nhằm góp phần tháo gỡ những khó khăn trong phát triển kinh tế, văn hoá xã hội ở Tây Nguyên. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, đồng bộ các quy định pháp luật về khai thác, phát huy giá trị văn hóa, đạo đức và nguồn lực của các tôn giáo; khuyến khích và tạo điều kiện cho tôn giáo hội nhập văn hóa dân tộc, khôi phục không gian văn hóa truyền thống, bảo tồn, giữ gìn giá trị văn hóa gắn với sinh hoạt tôn giáo. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tôn giáo, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh hiệu quả với các hoạt động lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng nước ta.

4.3.5. Tăng cường công tác phối hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở với các lực lượng trên địa bàn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu chiến lược trong mọi thời kỳ, mọi giai đoạn cách mạng, là trách nhiệm của toàn Đảng toàn dân, toàn quân, của cả HTCT. Đối với địa bàn Tây Nguyên, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ phụ thuộc vào vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của HTCT cơ sở mà còn phụ thuộc vào chất lượng phối hợp hoạt động giữa HTCT cơ sở với các tổ chức, các lực lượng trên địa bàn. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với các tổ chức, các lực lượng trên địa bàn không chỉ nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc mà còn tạo điều kiện để HTCT cơ sở phát huy tốt vai trò của mình trong thực hiện nhiệm vụ này. Để tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với các lực lượng trên địa bàn cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với lực lượng vũ trang trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trước hết, HTCT cơ sở cần tăng cường công tác phối hợp với lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn trong công tác vận động quần chúng thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật Nhà nước nói chung, các nội dung liên quan đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nói riêng.

Về hình thức vận động, tuyên truyền, HTCT có thể phối hợp với lực lượng vũ trang tiến hành công tác vận động quần chúng thông qua các hoạt động như tổ chức kết nghĩa, kết hợp hành quân dã ngoại để làm công tác vận động quần chúng, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao... Đặc biệt, HTCT cơ sở cần phối hợp chặt chẽ, phát huy tốt vai trò của lực lượng vũ trang trong giải quyết các vấn đề, vụ việc xảy ra trên địa bàn như giải quyết các “điểm nóng” về chính trị - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

Mặt khác, HTCT cơ sở cần tăng cường phối hợp với lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn trong xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Phối hợp thực hiện tốt các chương trình, dự án định canh, định cư giúp đỡ Nhân dân phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động xã hội; tuyển dụng đồng bào các dân tộc nhất là các dân tộc thiểu số vào lao động trong các công ty kinh tế - quốc phòng góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập,... đồng thời, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Đối với các xã, phường, thị trấn có cán bộ quân đội, công an tăng cường thì cần phát huy tốt vai trò của lực lượng này trong tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương quản lý, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội. Cấp uỷ, chính quyền địa phương phải có sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo đối với lực lượng được cử đến tăng cường ở các xã, phường, thị trấn. Phối hợp xây dựng cơ chế tổ chức, quản lý, sử dụng cán bộ, giải quyết hợp lý các chế độ, chính sách đảm bảo cho cán bộ tăng cường yên tâm gắn bó với cơ sở như đề bạt quân hàm, phụ cấp trách nhiệm, chế độ công tác,... Các đơn vị quân đội, công an cần coi trọng khâu bồi dưỡng kiến thức và năng lực công tác cho lực lượng tham gia xây dựng HTCT cơ sở đảm bảo cho họ có hiểu biết sâu sắc về văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào; nắm chắc tình hình, nhiệm vụ của địa phương từ đó hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh, quốc phòng địa phương.

Hai là, tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với các đơn vị sản xuất kinh doanh, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trước hết, HTCT cơ sở cần tăng cường phối hợp, phát huy tốt vai trò của các đơn vị sản xuất kinh doanh Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân trong phát triển sản xuất, thu hút lao động tại địa phương vào các công ty làm việc, góp phần thực hiện chính sách định canh, định cư, ổn định cuộc sống, tăng thu nhập cho Nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư. Cùng với đó, cần phát huy vai trò của họ trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, địa phương khuyến khích họ tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo, đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động của các tổ chức trong HTCT cơ sở.

Bên cạnh các đơn vị sản xuất kinh doanh, cần phát huy tốt vai trò của các tổ chức xã hội trong tập hợp quần chúng, hòa giải các mâu thuẫn phát sinh trên địa bàn; xây dựng quy ước của thôn, buôn; vận động đồng bào thực hiện nếp sống văn hóa mới trong cộng đồng dân cư, tổ chức các lễ hội truyền thống, việc tang lễ cho người qua đời ở địa phương. Thông qua các hoạt động nhằm tăng cường sự đoàn kết, không để xảy ra xung đột, mâu thuẫn phức tạp trong cộng đồng, khuyến khích các hoạt động góp phần giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương.

Ba là, phát huy hiệu quả vai trò của người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số và đồng bào tôn giáo nhằm củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay

Tây Nguyên là địa bàn cư trú đan xen của nhiều tộc người cùng sinh sống, trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao ở nhiều địa phương. Đây cũng là khu vực có đời sống tôn giáo, tín ngưỡng phong phú, đa dạng; đồng thời, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Thực trạng này là cơ sở khách quan quy định vai trò đặc biệt quan trọng của người có uy tín trong cộng đồng đồng bào các dân tộc thiểu số và tôn giáo, nhất là trong việc duy trì ổn định chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước,

tăng cường gắn kết cộng đồng dân tộc, tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên.

Để thực phát huy hiện hiệu quả vai trò của người có uy tín trong cộng đồng đồng bào các dân tộc thiểu số và tôn giáo nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên, đòi hỏi HTCT cơ sở cần chủ động triển khai các biện pháp toàn diện, trong đó xác lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội với người có uy tín là giải pháp trọng tâm. Thông qua cơ chế phối hợp, người có uy tín cần được tham gia vào các ban chỉ đạo, tổ công tác, tổ hòa giải, tổ vận động quần chúng tại buôn, làng, thôn, bon, nhằm phát huy vai trò phản biện xã hội, tư vấn chính sách, góp phần điều hòa mối quan hệ giữa các cộng đồng dân cư. Cần khuyến khích việc vận động người có uy tín đảm nhiệm các chức danh như trưởng thôn, trưởng ban công tác Mặt trận, thành viên các tổ tự quản, tổ hòa giải,... từ đó, nâng cao vai trò đại diện của họ trong tổ chức đời sống xã hội tại cơ sở. Việc này không chỉ giúp truyền tải kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân, mà còn tạo điều kiện để người có uy tín trực tiếp tham gia xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc từ thực tiễn đời sống cộng đồng.

Đặc biệt, trong điều kiện đặc thù Tây Nguyên hiện nay, với nhiều địa bàn còn tồn tại nguy cơ bị lôi kéo bởi các luận điệu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, thì việc bồi dưỡng, nâng cao nhận thức chính trị, bản lĩnh và năng lực thực tiễn cho người có uy tín càng trở nên cấp thiết. Nội dung bồi dưỡng cần gắn với thực tiễn Tây Nguyên, bao gồm: kiến thức về đường lối dân tộc, tôn giáo của Đảng; pháp luật về đất đai, rừng, tín ngưỡng, an ninh nông thôn; kỹ năng tuyên truyền miệng, hòa giải cộng đồng, giải quyết mâu thuẫn nội bộ, kỹ năng phản bác luận điệu sai trái, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong điều kiện truyền thông số. Các hoạt động này cần được tổ chức thường xuyên, gắn với tham quan, học tập mô hình điển hình, trao đổi kinh nghiệm để người có uy tín nâng cao năng lực thực tiễn và tính chủ động trong công việc. Cùng

với đó, cần tổ chức tôn vinh, biểu dương, nhân rộng tấm gương người có uy tín tiêu biểu trong vận động quần chúng, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng đời sống văn hóa buôn làng cần được thực hiện thường xuyên, nhằm tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

Ngoài ra, việc thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đãi ngộ cho người có uy tín theo quy định là rất cần thiết. Đồng thời, cần tính đến đặc thù vùng sâu, vùng xa để đề xuất thêm các hình thức hỗ trợ phù hợp cho hoạt động thiết yếu của người có uy tín đối với công tác cộng đồng như: chi phí điện thoại, xăng xe, trang bị loa phát thanh, tài liệu tuyên truyền bằng tiếng dân tộc,... HTCT cơ sở cần thể hiện rõ vai trò chăm lo cả về vật chất lẫn tinh thần cho người có uy tín, giúp họ yên tâm, gắn bó, đồng hành cùng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương.

4.3.6. Nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở trong quản lý và giải quyết xung đột xã hội

Tây Nguyên là địa bàn trọng yếu, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Những xung đột xã hội trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống cùng với sự chống phá của các thế lực thù địch ảnh hưởng nghiêm trọng đến khối đại đoàn kết dân tộc. Chính vì vậy, để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên thực sự vững chắc thì một trong những giải pháp quan trọng đó là HTCT cơ sở cần phát huy tốt vai trò của mình trong quản lý, giải quyết các xung đột xã hội ở Tây Nguyên. Theo đó, HTCT cơ sở cần thực hiện tốt các nội dung, biện pháp sau:

Một là, nâng cao hiệu quả quản lý xung đột xã hội của HTCT cơ sở

Quản lý xung đột xã hội là một bộ phận của quản lý Nhà nước ở cơ sở, là quá trình HTCT cơ sở sử dụng các phương thức, công cụ, nguồn lực để tác động vào quá trình xung đột xã hội nhằm giải tỏa xung đột, điểm nóng, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của xung đột xã hội, đưa hoạt động xã hội trở lại bình thường. Để HTCT cơ sở quản lý xung đột xã hội một cách hiệu quả, trước hết, mỗi cán bộ, công chức cần có nhận thức đúng đắn về xung đột xã

hội. Cần thấy rõ, xung đột xã hội là tất yếu khách quan của quá trình vận động, phát triển của đời sống xã hội. Đây là những mâu thuẫn, bất đồng giữa các chủ thể về lợi ích, quan điểm, mục tiêu, ... từ đó dẫn đến sự đấu tranh ở các mức độ khác nhau của các chủ thể. Xung đột xã hội xảy ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như xung đột dân tộc, tôn giáo, xung đột về văn hoá, tâm lý tộc người, xung đột về sử dụng tài nguyên, đất đai, ... Quản lý, giải quyết xung đột xã hội là trách nhiệm của HTCT các cấp trong đó có HTCT cơ sở và mỗi cán bộ, đảng viên và người dân.

Mặt khác, cấp uỷ, chính quyền cơ sở cần tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghiệp vụ trong quản lý, giải toả xung đột xã hội, điểm nóng chính trị xã hội cho đội ngũ cán bộ, công chức. Nội dung tập huấn, bồi dưỡng tập trung nâng cao khả năng dự báo, nhận diện những yếu tố có thể gây ra xung đột xã hội; kỹ năng gặp gỡ, đàm phán, đối thoại, hoà giải trong giải quyết xung đột; khả năng phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của xung đột xã hội để từ đó đưa ra các chủ trương, biện pháp nhằm giải quyết mâu thuẫn, giải toả xung đột, quản lý điểm nóng. Cùng với đó, đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở cần nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách luật pháp của Nhà nước, có kiến thức toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng; có quan điểm khách quan, khoa học trong nhận thức, quản lý và giải quyết xung đột xã hội xảy ra trên địa bàn.

Hai là, HTCT cơ sở cần nâng cao hiệu quả giải quyết các xung đột xã hội cấp thiết hiện nay

Xung đột xã hội ở Tây Nguyên diễn ra trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Cùng với đó, sự chống phá của các thế lực thù địch làm cho tình trạng xung đột trên một số lĩnh vực như đất đai, dân tộc, tôn giáo, dân di cư càng trở nên phức tạp thậm chí chuyển biến thành điểm nóng chính trị, xã hội. Chính vì vậy, để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, HTCT cơ sở cần giải quyết một cách hiệu quả xung đột trên các lĩnh vực này.

Có một nghịch lý dù mật độ dân cư ở Tây Nguyên rất thấp nhưng lại có hàng vạn hộ thiếu đất ở, đất sản xuất, thiếu đất làm nơi sinh hoạt cộng đồng.

Chính vì vậy, xung đột đất đai là lĩnh vực chiếm tỷ lệ lớn trong các xung đột xảy ra ở Tây Nguyên. Xung đột, tranh chấp đất đai diễn ra dưới nhiều hình thức như tranh chấp đất đai nương rẫy giữa đồng bào và các nông, lâm trường; tranh chấp đất đai liên quan đến thu hồi, đền bù, giải toả; tranh chấp đất đai từ lịch sử di dân. Để giải quyết xung đột về đất đai, HTCT cơ sở cần phối hợp với HTCT các cấp thực hiện tốt công tác rà soát, quy hoạch các buôn làng một cách hợp lý, đảm bảo đất ở và sản xuất cho đồng bào. Phối hợp với HTCT cấp trên, các công ty lâm nghiệp trong việc giao đất, giao rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số; thu hồi các dự án, diện tích đất sử dụng kém hiệu quả giao cho đồng bào nhằm giải quyết vấn đề thiếu đất sản xuất của đồng bào các dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách đền bù, tái định cư thoả đáng, phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào; giải quyết triệt để các vụ việc tranh chấp đất đai đang xảy ra trên địa bàn. Cùng với đó, cần có chính sách cụ thể đối với từng khu vực, từng dân tộc thiểu số để hạn chế tối đa việc bán hết đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù lợi dụng vấn đề đất đai để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Đối với xung đột dân tộc, tôn giáo, đây là lĩnh vực nhạy cảm, thường bị kẻ thù lợi dụng chống phá. Chính vì vậy, trước hết HTCT cơ sở cần tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo. Triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, các chính sách cụ thể đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, hạn chế dần sự bất bình đẳng trong phát triển và phân hoá xã hội, nhất là khoảng cách giàu nghèo, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, cơ hội phát triển của các dân tộc; quản lý hiệu quả các mối quan hệ dân tộc, giảm thiểu mâu thuẫn cục bộ để tăng cường và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Mặt khác, HTCT cơ sở căn cứ điều kiện thực tiễn địa phương để xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, đặc biệt đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như Chương trình 135, Quyết định 134, dự án hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng, hỗ trợ vay vốn để phát triển sản xuất, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước

sinh hoạt, bố trí sắp xếp ổn định dân cư, hỗ trợ trực tiếp cho hộ du canh, du cư thực hiện định canh, định cư.

Đối với công tác tôn giáo, HTCT cơ sở cần nhận thức rằng tôn giáo là một thực thể xã hội nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của người dân Tây Nguyên; thực hiện chính sách và công tác tôn giáo trên địa bàn gắn với mục tiêu giữ dân, xây dựng thể trận lòng dân, khối đại đoàn kết toàn dân. Chính vì vậy, HTCT cơ sở cần quán triệt thực hiện nghiêm túc nguyên tắc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong quá trình xử lý, giải quyết vấn đề tôn giáo. Trước mắt, cần tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo đúng pháp luật, đúng Hiến chương và điều lệ của các tổ chức tôn giáo; giải quyết nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo. Mặt khác, HTCT cơ sở cần tăng cường công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc và giải quyết vấn đề chức sắc một cách hợp lý; tổ chức các cuộc thăm, gặp mặt, đối thoại với các tổ chức, chức sắc tôn giáo để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào tôn giáo và tham mưu giải quyết những vấn đề tôn giáo phát sinh, không để xảy ra “điểm nóng” về tôn giáo. Tập trung đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả hoạt động truyền đạo trái phép, các tà đạo như Tin lành Đêga, Tin lành Đấng Chris, Pháp luân công, Pháp môn diệu âm, ... chủ động ngăn ngừa, xử lý kịp thời, hiệu quả những hành vi vi phạm pháp luật hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo nhằm gây rối, kích động chia rẽ tôn giáo, dân tộc làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Ngoài ra, HTCT cơ sở cần tiến hành rà soát, thống kê tổng thể về tình hình quản lý, sử dụng nhà đất có liên quan đến tôn giáo; hướng dẫn kê khai, đăng ký sử dụng đất và sớm hoàn thành công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo, tập trung giải quyết dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại về đất đai, cơ sở thờ tự có liên quan đến tôn giáo, nhất là những vụ việc tồn đọng kéo dài, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở thờ tự theo đúng quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng và

tạo điều kiện để các tín đồ có địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Phát huy vai trò, thế mạnh, các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo ở địa phương trong tham gia phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; khuyến khích và tạo điều kiện cho tôn giáo hội nhập văn hóa dân tộc, khôi phục không gian văn hóa truyền thống, bảo tồn, giữ gìn giá trị văn hóa gắn với sinh hoạt tôn giáo.

Ba là, thực hiện tốt công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quản lý, giải quyết xung đột xã hội

Định kỳ, HTCT cơ sở cần làm tốt công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động quản lý, giải quyết các xung đột xã hội. Nội dung sơ, tổng kết tập trung đánh giá toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện, công tác phối hợp trong quản lý, giải quyết xung đột xã hội trên các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, văn hoá, đất đai, môi trường,.. xảy ra ở địa phương. Trong từng nội dung cụ thể, cần đánh giá một cách khách quan, toàn diện những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, quy rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân cụ thể. Trên cơ sở đó, cần đề ra các giải pháp, kiến nghị lên cấp có thẩm quyền nhằm giải quyết những mâu thuẫn, xung đột tồn đọng trong đời sống Nhân dân ở địa phương như vấn đề đất đai, văn hoá tộc người.

Để làm được điều đó, đòi hỏi HTCT cơ sở phải làm tốt công tác chuẩn bị, phát huy vai trò của các lực lượng chức năng trong xây dựng báo cáo, đảm bảo số liệu thống kê đầy đủ, rõ ràng, minh chứng cụ thể để làm cơ sở cho việc đánh giá, xem xét trách nhiệm của các chủ thể có liên quan. Về thời gian tổ chức sơ, tổng kết được tiến hành định kỳ theo kế hoạch của cấp uỷ cơ sở. Tuy nhiên, nếu ở địa phương xảy ra những vụ việc nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thì tiến hành tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình, kịp thời kiến nghị lên cấp có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm các vụ việc, tránh vụ việc lây lan, kéo dài. Cùng với sơ, tổng kết đánh giá kết quả

công tác quản lý, giải quyết xung đột xã hội cần tiến hành bình xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong quản lý, giải quyết xung đột, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc đồng thời phê bình, nhắc nhở, kỷ luật đối với các trường hợp thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

4.3.7. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân

Đây là giải pháp tạo ra sức mạnh vật chất cho quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Bởi lẽ, khối đại đoàn kết dân tộc chỉ thực sự được xây dựng và phát huy khi vấn đề căn bản nhất của xã hội là vấn đề lợi ích được giải quyết. Thực tiễn cho thấy, những hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tây Nguyên là căn nguyên nảy sinh những bức xúc, mâu thuẫn trong quan hệ giữa các giai tầng, giữa các tộc người từ đó ảnh hưởng đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thời gian vừa qua. Chính vì vậy, chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân vừa tạo lập nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vừa thể hiện rõ vai trò của HTCT nói chung, HTCT cơ sở trong thực hiện chiến lược này.

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, trong thời gian tới cần thực hiện tốt các nội dung, biện pháp sau:

Một là, đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên

Phát triển kinh tế là vấn đề căn bản, có tác dụng thiết thực trong nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào từng bước tạo ra sự bình đẳng giữa các dân tộc từ đó góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay. Để phát triển kinh tế, trước hết, HTCT cơ sở cần căn cứ vào điều kiện, khả năng thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế phù hợp, tập trung mọi nguồn lực để phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, xây dựng mạng lưới chợ, cửa hàng, trường học, bệnh viện, các trung tâm văn hóa cộng đồng

nhất là ở các vùng nông thôn, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu dân cư mới, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sinh hoạt, phát triển kinh tế của đồng bào các dân tộc. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh, ưu tiên sản xuất và chế biến nông sản như cà phê, hồ tiêu, cao su, chè, bông vải, cây dược liệu, ...; củng cố và phát triển các ngành, nghề truyền thống ở Tây Nguyên như dệt thổ cẩm, đan lát, nấu rượu cần, chế tác nhạc cụ truyền thống, tạc tượng, đồ gốm, ...; khuyến khích phát triển các hoạt động dịch vụ và du lịch, đặc biệt là du lịch văn hoá. Đẩy mạnh phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất nhằm tăng năng suất lao động đồng thời phù hợp với thể mạnh của từng địa phương.

Mặt khác, HTCT cơ sở cần thực hiện tốt công tác giải quyết đất ở, đất sản xuất, giao đất, giao rừng cho đồng bào từ đó thực hiện tốt công tác định canh, định cư, ổn định các điểm dân cư ở các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào trước, trong và sau khi định canh, định cư; huy động các nguồn vốn dành cho việc định canh, định cư; tổ chức thành lập các đoàn thể thanh niên, phụ nữ ở trong buôn làng, thông qua những tổ chức này để vận động đồng bào định canh, định cư. Cùng với đó, HTCT cơ sở cần có các giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số như: tập huấn cách làm ăn và khuyến nông, lâm, ngư, chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo; chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, thu hút lao động là người dân tộc, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào. Phát huy sức mạnh, tinh thần trách nhiệm của cả HTCT, truyền thống tương thân, tương ái giúp nhau để đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất vươn lên thoát nghèo. Thông qua các hoạt động nêu trên mà cải thiện đời sống vật chất cho đồng bào các dân tộc thiểu số, góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc về tranh chấp đất đai giữa các bộ phận dân cư ở Tây Nguyên.

Cùng với đó, HTCT cơ sở tiến hành thông báo, công khai cho Nhân dân biết về các chính sách an sinh xã hội, chủ trương, kế hoạch vay vốn hỗ trợ phát

triển kinh tế; các mức thuế, phí, lệ phí, thu chi các loại quỹ, các khoản huy động đóng góp của Nhân dân, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, kết quả bình xét hộ nghèo... Qua đó thể hiện tính minh bạch của chính quyền, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, chính quyền, đồng thời huy động được sức mạnh tổng hợp trong các phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực phát triển kinh tế, văn hoá, quốc phòng và an ninh tại địa phương.

Cùng với phát triển kinh tế, HTCT cơ sở cần làm tốt công tác vận động đồng bào giữ gìn, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống bởi đây là biện pháp quan trọng nhằm khơi dậy sức mạnh nội tại, tính tích cực của đồng bào trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Muốn vậy, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cần kết hợp chặt chẽ với xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào. Trong phát triển kinh tế, HTCT cơ sở cần tính toán đầy đủ yếu tố lịch sử, văn hóa của vùng, phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, ổn định chính trị và xây dựng đời sống văn hóa tinh thần. Trong giữ gìn, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trước hết cần giáo dục, nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân về giá trị của văn hoá truyền thống; triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm bảo tồn và phát triển các thiết chế văn hoá truyền thống. Tổ chức tốt các lễ hội truyền thống như lễ hội công chiêng, đua voi, cúng cơm mới, cúng bến nước, tạ ơn cha mẹ, lễ bỏ mả,..., các hội thi văn nghệ dân gian, các buổi sinh hoạt, nói chuyện chuyên đề, trưng bày các sản phẩm văn hoá, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hoá, khơi dậy niềm tự hào, sự rung cảm của thế hệ trẻ trước vẻ đẹp của văn hoá truyền thống, quảng bá nét đẹp văn hóa truyền thống cũng như nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân đồng thời xóa đi tư tưởng tự ti, mặc cảm của đồng bào dân tộc thiểu số. Đi đôi với việc giữ gìn và bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống, cần kiên quyết đấu tranh chống lại các sản phẩm văn hoá đồi trụy từ bên ngoài đang xâm nhập vào đời sống xã hội hiện nay, xây dựng môi trường văn hoá trong sạch, lành mạnh; làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc, giúp cho đồng bào quan niệm đầy đủ về lối sống tốt đẹp, sống lành mạnh, sống có ích trong gia đình và

xã hội. Phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng bản và các nghệ nhân trong việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, vì chính họ sẽ là những người đào tạo và giúp cho lớp trẻ nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và giá trị của các di sản văn hoá truyền thống.

Hai là, chú trọng phát triển giáo dục, y tế, thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh

Trong công tác giáo dục, HTCT cơ sở cần chủ động trong xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo đạo cho con em đến trường đúng tuổi, không bỏ học, duy trì các lớp phổ cập, các lớp xóa mù chữ tại các thôn, bản nhằm hạn chế tái mù chữ. Kết hợp giữa ngân sách nhà nước và xã hội hóa giáo dục để hỗ trợ trẻ em dân tộc thiểu số, đặc biệt là các em thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo về tiền ăn, học phí, sách vở, nơi ở, bảo hiểm y tế, học bổng, ... góp phần thực hiện quyền học tập của đồng bào. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để họ thực sự yên tâm công tác, có điều kiện tập trung cho nghiên cứu giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, HTCT cơ sở cần thực hiện tốt chủ trương về giảng dạy tiếng Việt kết hợp với giảng dạy bằng ngôn ngữ đồng bào dân tộc ở những nơi có đông đồng bào dân dân tộc thiểu số sinh sống.

Trong công tác y tế, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên cần phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân theo đúng hướng dẫn của ngành, cấp trên nhằm tạo ra điều kiện khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho Nhân dân, từ đó tăng cường, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền, xây dựng mối quan hệ đoàn kết gắn bó trong Nhân dân. Chính vì vậy, HTCT cơ sở trước hết cần chỉ đạo Trạm y tế và các tổ chức chính trị xã hội tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, tham gia bảo hiểm y tế, chương

trình tiêm chủng mở rộng, phòng ngừa dịch bệnh, dân số kế hoạch hóa gia đình, ... Đặc biệt chú ý đến việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong việc khám, chữa bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đầu tư cho trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng, có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, cùng với việc củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn bản, để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú. Chỉ đạo cán bộ y tế tích cực nghiên cứu, tiếp cận và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực y tế như quản lý, số hoá hồ sơ, đơn thuốc điện tử... theo chương trình Quốc gia về chuyển đổi số.

Trong công tác quốc phòng, an ninh, cấp ủy đảng, chính quyền xã, phường, thị trấn cần phải quán triệt, thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh cơ sở; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, kiên quyết đấu tranh phòng, chống, trấn áp các loại tội phạm. Chỉ đạo lực lượng công an tiếp tục triển khai thu thập hoàn thiện dữ liệu dân cư quốc gia, tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng Vnied của Bộ công an, hoàn thành chỉ tiêu cấp mã định danh điện tử mức độ 2 và kích hoạt định danh mức độ 2. Chỉ đạo cơ quan quân sự thực hiện tốt công tác quản lý lực lượng dự bị động viên, củng cố và nâng cao chất lượng lực lượng dân quân và lực lượng tại chỗ trên địa bàn; thực hiện tốt kế hoạch huấn luyện của địa phương và tham gia tốt nhiệm vụ huấn luyện của cấp trên. Cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn chỉ đạo các cơ quan chức năng và phối hợp với cơ quan cấp trên nắm chắc, đánh giá đúng, sát tình hình hoạt động của các thế lực thù địch để đấu tranh, vô hiệu hoá, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, tụ tập đông người gây mất an ninh trật tự trên địa bàn.

Tiểu kết Chương 4

Phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay chịu sự chi phối, tác động bởi nhiều yếu

tổ khách quan và chủ quan, trong đó xu thế hội nhập và các vấn đề an ninh phi truyền thống; sự phát triển của khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo; chủ trương cải cách hành chính và sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp của Đảng, Nhà nước thời gian gần đây; sự nâng tầm về vị trí, vai trò của MTTQ và sự chống phá của các thế lực thù địch là những yếu tố có tác động lớn nhất. Mỗi yếu tố vừa tạo ra những thuận lợi đồng thời cũng đặt ra những khó khăn, thách thức đòi hỏi HTCT cơ sở phải nỗ lực vượt qua. Việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay cần phải quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, xác định đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt cũng là nhiệm vụ chiến lược lâu dài đồng thời phải phát huy sức mạnh của mọi tổ chức, mọi lực lượng, thực hiện toàn diện trên mọi lĩnh vực trong đó chú trọng phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Để phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay cần tiến hành đồng bộ các giải pháp, như: tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho các chủ thể và Nhân dân; tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành tố trong HTCT cơ sở nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số; đổi mới, hoàn thiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với các lực lượng trên địa bàn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết xung đột xã hội và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội an ninh quốc phòng ở địa phương. Các giải pháp là một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ qua lại, gắn bó chặt chẽ với nhau, làm tiền đề, điều kiện cho nhau. Do vậy, quá trình triển khai thực hiện cần tiến hành đồng bộ, không tuyệt đối hoá hay xem nhẹ giải pháp nào.

KẾT LUẬN

1. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, xuyên suốt trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, vấn đề đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc luôn thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà lãnh đạo, nhà khoa học với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Các công trình đã khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về HTCT, HTCT cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vai trò của HTCT trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Kết quả của những công trình đã tổng quan là cơ sở quan trọng để tác giả đi sâu làm rõ quan niệm, vai trò, tiêu chí đánh giá vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; đánh giá thực trạng thực hiện vai trò; chỉ ra nguyên nhân thành tựu, hạn chế, đồng thời làm rõ một số vấn đề đặt ra cần giải quyết, đề xuất quan điểm và những giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay.

2. Trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, HTCT cơ sở có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc biểu hiện trên các hoạt động cụ thể như: xác định chủ trương, lập kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo, tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất các sáng kiến, chính sách trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Quá trình thực hiện vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chịu sự tác động của nhiều yếu tố cả khách quan và chủ quan, trong đó một số yếu tố có tác động lớn là quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều kiện kinh tế, xã hội địa phương; tình hình dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc, tôn giáo và chất lượng của HTCT cơ sở. Điều đó đòi hỏi HTCT cơ sở phải nhận thức thấu đáo mức độ, chiều hướng và phạm vi tác động của các yếu tố này, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gian tới.

3. Trong những năm qua, trên cơ sở nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm

quan trọng của chiến lược đại đoàn kết dân tộc, HTCT cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên đã tích cực, chủ động trong xác định chủ trương, xây dựng kế hoạch, chương trình và triển khai, tổ chức thực hiện khá tốt công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố và phát triển. Tuy nhiên, vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất định trong nhất là năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, giáo dục, tuyên truyền, triển khai thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Nguyên nhân của hạn chế trên chủ yếu xuất phát từ những khó khăn điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Tây Nguyên; chất lượng của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị ở một số địa phương chưa cao; nhận thức, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; trình độ nhận thức, giác ngộ chính trị của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch. Thực tiễn đó đặt ra nhiều vấn đề cần tập trung giải quyết, nhất là nâng cao trách nhiệm, năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ; đổi mới, nâng cao chất lượng của HTCT cơ sở, tăng cường công tác phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng và thực hiện toàn diện nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc.

4. Trong thời gian tới, việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố trong đó nổi bật là xu thế hội nhập và an ninh phi truyền thống; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ; yêu cầu cải cách hành chính và chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tổ chức HTCT và sự chống phá của các thế lực thù địch. Chính vì vậy, để phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các quan điểm giải pháp trong đó tập trung tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho các chủ thể và Nhân dân; đổi mới, nâng cao chất lượng của HTCT cơ sở; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số; đổi mới, hoàn thiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, tôn giáo; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp

giữa HTCT cơ sở với các lực lượng trên địa bàn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết xung đột xã hội và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội an ninh quốc phòng ở địa phương.

5. Nghiên cứu vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay là vấn đề khá phức tạp, đòi người nghiên cứu phải trình độ, kiến thức, kỹ năng chuyên sâu cùng kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Do đó, kết quả nghiên cứu của luận án mới chỉ là bước đầu, rất mong được các nhà khoa học quan tâm đóng góp ý kiến để luận án được tiếp tục hoàn thiện. Đây là cơ sở quan trọng để tác giả tiếp tục nghiên cứu vấn đề này một cách sâu sắc, toàn diện hơn, góp phần vào công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên trong thời gian tới.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Tô Quốc Anh (2025), “Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 14 tháng 01 năm 2025.
2. Tô Quốc Anh (2025), “Công tác dân vận của hệ thống chính trị cơ sở góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 25 tháng 4 năm 2025.
3. Tô Quốc Anh (2025), “Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Lâm Đồng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 19 tháng 5 năm 2025.
4. Tô Quốc Anh (2025), “Những yếu tố tác động đến vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”, *Tạp chí Thanh niên*, Số 78, ngày 01/9/2025, trang 3 – 5.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tú Anh (2023), “Hệ thống chính trị cơ sở giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 12/3/2023.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2023), *Đề cương thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Hà Nội.
3. Báo cáo của lãnh đạo các tỉnh Tây Nguyên (2020), *Tọa đàm Tây Nguyên với công tác xóa đói giảm nghèo*, Buôn Ma Thuột.
4. Hoàng Chí Bảo (chủ biên, 2004), *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Hải Bình (2022), “Đại đoàn kết toàn dân tộc – Cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của các mạng Việt Nam”, *Tạp chí Tuyên giáo*, tháng 01/2022.
6. Triệu Văn Bình (2023), *Quản lý xung đột xã hội ở Tây Nguyên hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
7. Bùi Đình Bôn (2012), “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay”, in trong: *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.335-347
8. Vũ Hoàng Công (2002), *HTCT cơ sở - đặc điểm, xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Trương Minh Dục (2007), *Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
10. Trương Minh Dục (2014), “Nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cấp cơ sở ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 12/2014.
11. Trương Minh Dục (2025), “Giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, góp phần xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực, nền tảng cho sự phát triển bền vững trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh mới”, ngày 23 - 7 - 2025, <https://www.tapchicongsan.org.vn>

12. Nguyễn Hữu Dũng (2022), *Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
13. Nguyễn Hữu Dũng (2023), “Một số giải pháp phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới”, *Trang thông tin điện tử MTTQ Việt Nam*, ngày 22/12/2023.
14. Nguyễn Thành Dũng (2012), *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện ở các tỉnh Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Nguyễn Tiến Dũng (2010), *Hoạt động tham gia xây dựng cơ sở địa phương vững mạnh của các đơn vị quân đội trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chính trị học, Học viện Chính trị.
16. Lương Thanh Duy (2023), *Vai trò HTCT cấp cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
17. Hà Thị Thùy Dương (2015), “Phát huy vai trò của đồng bào Khmer trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vùng Tây Nam bộ”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 10/2014.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1988), “Báo cáo tại hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đảng (khóa VI)”, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 49, Nxb CTQG, Hà Nội 2006.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Nxb, Sự thật, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 17 – NQ/TW ngày 18/3, Hội nghị lần thứ năm, BCHTW Đảng khoá IX về đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở xã, phường, thị trấn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 23 – NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy, BCHTW Đảng khoá IX về phát huy sức mạnh đại*

đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 24 – NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy, BCHTW Đảng khoá IX về công tác dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 25 – NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy, BCHTW Đảng khoá IX về công tác tôn giáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Kết luận số 64/KL-TU, ngày 28/5, Hội nghị lần thứ bảy, BCHTW Đảng khóa XI về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện HTCT từ trung ương đến cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Số 23/NQ – TW, ngày 06/10/2022*, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 43 – NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám, BCHTW Đảng khóa XIII về tiếp tục phát*

- huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Lê Văn Đính (2011), “Giải pháp xây dựng HTCT vững mạnh ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, tháng 9/2011.
 37. Đặng Quang Định (2023), “Giữ gìn, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 27/12/2023.
 38. Khăm Tay Xi Phăn Đon (1998), *Mặt trận Lào xây dựng đất nước trong sự nghiệp cách mạng dân chủ, bảo vệ và xây dựng đất nước*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn
 39. Hoàng Minh Đô (2008), “Vấn đề tôn giáo và dân tộc với HTCT cơ sở ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9, tr.14 - 19.
 40. Nguyễn Hữu Đồng (chủ biên) (2009), *Đảng và các tổ chức chính trị- xã hội trong HTCT Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 41. Georges Condominas (1957), *Chúng tôi ăn rừng*, Nxb Thế giới (2020).
 42. Vũ Mạnh Hà (2022), “MTTQ các cấp tỉnh Quảng Ninh: Phát huy vai trò trung tâm trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 14/11/2022.
 43. Lê Thị Hà (2016), *Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 44. Trương Hồ Hải, Đặng Thị Hoài (2022), “Vai trò của Nhà nước trong xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, *Kỷ yếu hội thảo Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr 27 - 32.
 45. Trần Hậu (2008), *Góp phần nghiên cứu về đại đoàn kết dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
 46. Nguyễn Đình Hòa (2015), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, số 291, tr.11-19.

47. Trần Đình Hoan (2008), *Quan điểm và nguyên tắc đổi mới HTCT ở Việt Nam giai đoạn 2005 – 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Phạm Quang Hoan (2015), *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số TN3/X05, Hà Nội.
49. Đào Thị Hoàn (2025), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới”, *Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử* 02/2025.
50. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Nghiên cứu một số vấn đề nhằm củng cố và tăng cường HTCT ở cơ sở trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, Hà Nội.
51. Nguyễn Dương Hùng (2021), “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 10/2021.
52. Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2007), *HTCT Anh, Pháp, Mỹ - mô hình tổ chức và hoạt động*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
53. Nguyễn Thị Thu Hương (2023), “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số trên địa bàn khu vực Tây Nguyên”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử*, tháng 10/2023.
54. Jacques.Dournes (2002), *Rừng, Đàn bà, Diên loạn*, sách dịch, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
55. JayM.Shafritz (2002) *Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ*, Nxb Chính trị quốc gia
56. Ngô Thị Khánh (2022), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng HTCT theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, tháng 5/2022.
57. Trần Tăng Khởi (2016), *Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Gia Lai (2001 – 2015)*, Nxb Thông tin và Truyền thông.
58. Phạm Đức Kiên (2015) “Một số giải pháp nâng cao chất lượng HTCT cơ sở các tỉnh Tây Bắc hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, số tháng 6/2015.

59. Nguyễn Văn Lai (2013), “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cấp cơ sở trong cộng đồng dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành ở Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 1, tr. 68 - 73.
60. Hoàng Thị Lan (2019), “Một số nguyên tắc trong giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 1, tr.91 - 95.
61. Nguyễn Thị Lan (2012), *MTTQ Việt Nam xây dựng sự đồng thuận xã hội trong công cuộc đổi mới đất nước*. Nxb Chính trị quốc gia.
62. Tô Lâm (2025), “Sức mạnh của đoàn kết”, *Tạp chí Cộng sản điện tử* 6/2025.
63. V.I.Lênin (1920), “Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản”, *V.I.Lênin toàn tập, tập 41*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.2005.
64. V.I.Lênin toàn tập, tập 45, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.2005.
65. Đâu Xuân Luận, Nguyễn Kim Ninh, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Văn Lượng (2006), *Tây Nguyên – nơi hội tụ văn hóa truyền thống và tình đoàn kết các dân tộc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 66.Đinh Xuân Lý (2016), “Xây dựng HTCT theo quan điểm Đại hội XII của Đảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 6/2016.
67. C. Mác và Ph.Ăngghen (1848), “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
68. Nguyễn Thị Mai (2022), “Phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong quản lý phát triển Thủ đô trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 11/2022.
69. Dương Văn Mạnh (2017), *Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Báo chí và tuyên truyền, Hà Nội.
70. Nguyễn Đình Minh (2016), *Đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Hồ Chí Minh (1946), “Thư gửi đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011.
- 72.Hồ Chí Minh (1947), “Sửa đổi lỗi làm việc”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

73. Hồ Chí Minh (1948), “Thư gửi UBND tỉnh và huyện ba tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn” Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011.
74. Hồ Chí Minh (1948), “Lời kêu gọi nhân kỷ niệm độc lập 2-9-1948”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
75. Hồ Chí Minh (1949), “Dân vận”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
76. Hồ Chí Minh (1954), “Nói chuyện với anh em công chức ở Thủ đô”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
77. Hồ Chí Minh (1955), “Nói chuyện tại hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
78. Hồ Chí Minh (1956), “Thư gửi đồng bào cả nước”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
79. Hồ Chí Minh (1959), “Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa” *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
80. Hồ Chí Minh (1960), “Diễn văn khai mạc đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
81. Hồ Chí Minh (1961), “Bài nói chuyện tại Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam lần thứ II”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
82. Hồ Chí Minh (1968), “Điện gửi Đồng bào, chiến sỹ và cán bộ Tây nguyên”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
83. Tuấn Minh (2022), “Khởi đại đoàn kết toàn dân tộc – yếu tố tạo nên thành công của Hà Nội”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 18/11/2022.
84. Giảng Páo Mỹ (2021), “Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu – Kết quả và một số kinh nghiệm”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 02/01/2021.
85. Phạm Nguyên (2023), “Thời cơ và động lực để các tỉnh Tây Nguyên phát triển mạnh mẽ”, *Tạp chí Dân tộc và phát triển*, ngày 02/12/2023.

86. Lê Hữu Nghĩa (2013), “Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện HTCT ở nước ta hiện nay - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 1- tr.25
87. Vũ Thị Mai Oanh (2024), “HTCT cơ sở với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc – Thực tế từ các tỉnh vùng Tây Nam Bộ”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong công tác dân tộc vùng Tây Nam Bộ*, Học viện Chính trị khu vực IV, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ, tr 97 - 108).
88. Nguyễn Quốc Phẩm (Chủ biên, 2000), *HTCT cấp cơ sở và dân chủ hoá đời sống xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Vũ Văn Phúc (2023), *Sự nhất quán và tư duy mới về phát huy sức mạnh Nhân dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Những vấn đề lý luận về bài học “Dân là gốc”, “Dân là trung tâm” và vấn đề phát huy sức mạnh Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới, Ban Dân vận Trung ương, Đề tài KX04.11/21 – 25, Hà Nội.
90. Trần Quang Phương (2019), “Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây bạo loạn, ly khai ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 7, tr.53 - 55, 15.
91. Phạm Mạnh Quang (2018), “Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên - Nội dung cốt lõi để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”, *Tạp chí Mặt trận*, tháng 3/2018.
92. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Quốc hội, *Luật số 47/2019/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 22/11/2019.
94. Quốc hội, *Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12/6/2025.

95. Quốc hội, *Nghị quyết số: 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025.
96. Quốc hội, *Luật số 97/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều Luật MTTQ Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Thanh niên*, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/2025.
97. Rolf H.W. Thee và Frank L. Wilson (1998), *Chính trị học so sánh* (bản dịch của Viện Khoa học chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), tr.108.
98. Tô Huy Rúa (chủ biên) (2008), *Mô hình tổ chức và hoạt động của HTCT một số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. Tô Huy Rúa, Nguyễn Cúc, Trần Khắc Việt (đồng chủ biên, 2003), *Các giải pháp đổi mới hoạt động của HTCT ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Hồ Tấn Sáng (2007), “Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Cộng sản*, số 780, tháng 10/2007.
101. Phan Xuân Sơn (2010, chủ biên), *Các chuyên đề bài giảng chính trị học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Phan Xuân Sơn (2022), “Một số tiếp cận mới của Đại hội XIII về xây dựng HTCT Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, tháng 01/2022.
103. Thào Xuân Sùng (1998), *Đảng bộ và Nhân dân các tỉnh Tây Bắc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
104. Phùng Khánh Tài (2021), “Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 21/6/2021.
105. Cảnh Tân (2017), “Nghiên cứu đánh giá và thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển đối với các dân tộc có dân số ít (Từ quan điểm lý thuyết chu trình chính sách công)”, *Tạp chí Đại học Dân tộc Tây Nam*, Số 10, tr.51-57.

106. Phan Sỹ Thanh (2014), *Xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
107. Nguyễn Văn Thanh (2024), *MTTQ Việt Nam tăng cường vận động, đoàn kết, phát huy nguồn lực các tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Những vấn đề mới về phát huy sức mạnh Nhân dân trong giai đoạn phát triển đất nước hiện nay, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy ban Trung ương MTTQ, Ban Dân vận Trung ương, Hà Nội.
108. Lê Ngọc Thắng (2005), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Mạch Quang Thắng (2024), “Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, tháng 3/2024.
110. Phạm Tất Thắng (2023), “Công tác dân vận trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 4/2023.
111. Phạm Xuân Thu (2018), “Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Sơn La (2001 - 2010)”, *tạp chí Lịch sử Đảng*, tháng 3/2018.
112. Vũ Xuân Thuỷ (2017), *Các tỉnh uỷ ở Tây Nguyên lãnh đạo công tác dân vận giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
113. Nguyễn Duy Thụy (2021), “Tình hình các tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 3 (2027), năm 2021, tr. 16 – 35.
114. Nguyễn Duy Thụy (2025), “Bảo tồn không gian văn hóa trên địa bàn Tây Nguyên và yêu cầu đặt ra khi sắp xếp lại đơn vị hành chính”, ngày 22 - 8 - 2025, <https://www.tapchicongsan.org.vn>
115. Tinh Tinh - chủ biên (2002), *Cải cách chính phủ con lối chính trị cuối thế kỷ XX*, Nxb Công an nhân dân dịch tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt và phát hành.

116. Tỉnh ủy Đắk Lắk, Chương trình số 19 – CTr/TU ngày 15/5/2003 về thực hiện *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, Đắk Lắk.
117. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025*, Đắk Lắk.
118. Tỉnh ủy Đắk Lắk, Báo cáo số 210 – BC/TU ngày 11/5/2022 về *tổng kết thực hiện Nghị quyết số 05 – NQ/TU ngày 14/01/2005 của Tỉnh ủy về lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*, Đắk Lắk.
119. Tỉnh ủy Đắk Lắk, Báo cáo số 297 – BC/TU ngày 17/11/2022 về *tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23 – NQ/TU ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, Đắk Lắk.
120. Tỉnh ủy Đắk Lắk, *Nghị quyết số 18 – NQ/TU ngày 06/12/2023 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Đắk Lắk.
121. Tỉnh ủy Đắk Nông (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025*, Đắk Nông.
122. Tỉnh ủy Đắk Nông, Báo cáo số 268 – BC/TU ngày 15/11/2022 về *tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23 – NQ/TU ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, Đắk Nông.
123. Tỉnh ủy Đắk Nông, Báo cáo số 371 – BC/TU ngày 21/7/2023 về *sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025*, Đắk Nông.
124. Tỉnh ủy Đắk Nông, *Nghị quyết số 28 – NQ/TU ngày 30/12/2023 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ năm 2024*, Đắk Nông.
125. Tỉnh ủy Gia Lai, Báo cáo số 415 – BC/TU ngày 21/5/2019 về *tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24 – NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX) về công tác dân tộc*, Gia Lai.
126. Tỉnh ủy Gia Lai (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025*, Gia Lai.

127. Tỉnh ủy Gia Lai, Báo cáo số 297 – BC/TU ngày 03/11/2022 về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23 – NQ/TU ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Gia Lai.
128. Tỉnh ủy Gia Lai, Báo cáo số 428 – BC/TU ngày 14/8/2023 về báo cáo giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Gia Lai.
129. Tỉnh ủy Gia Lai, Nghị quyết số 11 – NQ/TU ngày 05/12/2023 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2024, Gia lai.
130. Tỉnh ủy Kon Tum (2020), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Kon Tum.
131. Tỉnh ủy Kon Tum, Báo cáo số 288 – BC/TU ngày 14/11/2022 về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23 – NQ/TU ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Kon Tum.
132. Tỉnh ủy Kon Tum, Báo cáo số 387 – BC/TU ngày 30/6/2023 về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, Kon Tum.
133. Tỉnh ủy Lâm Đồng, Nghị quyết số 18 – NQ/TU ngày 28/5/2003 về triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Lâm Đồng.
134. Tỉnh ủy Lâm Đồng, Báo cáo số 258 – BC/TU ngày 02/5/2018 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24 – NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về công tác dân tộc, Lâm Đồng.
135. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2020), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Lâm Đồng.
136. Tỉnh ủy Lâm Đồng, Báo cáo số 310 – BC/TU ngày 10/11/2022 về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23 – NQ/TU ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Lâm Đồng.

137. Tỉnh ủy Lâm Đồng, *Nghị quyết số 22 – NQ/TU ngày 07/12/2022 về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng – HTCT năm 2023*, Lâm Đồng.
138. Tỉnh ủy Lâm Đồng, Báo cáo số 417 – BC/TU ngày 30/6/2023 về báo cáo giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Lâm Đồng.
139. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2023), *Công tác vận động, phát huy đại đoàn kết trong xây dựng nông thôn mới và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước phát động*, Kỷ yếu Hội thảo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 23 – NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Ban chỉ đạo Trung ương, Hà Nội.
140. Đặng Hữu Toàn (2008), “Đoàn kết dân tộc trên cơ sở đồng thuận xã hội”, in trong: *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.445-456.
141. Tổng cục Thống kê, (2024), *Niên giám thống kê 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
142. Hoàng Thị Trang (2020), *Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực hiện đại đoàn kết dân tộc từ năm 1996 đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2020.
143. Nguyễn Hữu Trí (Chủ nhiệm, 2004), *Củng cố và tăng cường HTCT cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành ở các tỉnh Tây Nguyên*, Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
144. Nguyễn Phú Trọng (2023), “Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của MTTQ Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 18/11/2023.
145. Phạm Anh Tuấn (2012), “Xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới” in trong: *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.366-376.

146. Vũ Thế Tùng & Đỗ Thị Thạch (2024), Một số quan điểm, nguyên tắc trong giải quyết vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc ở Việt Nam, Tạp chí Lý luận chính trị. <https://lyluanchinhtri.vn>
147. Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo số 386/BC-MTTQ-BTT, ngày 12/12/2022 về kết quả công tác Mặt trận năm 2022, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2023, Đắk Lắk.
148. Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo số 396/BC-MTTQ-BTT, ngày 24/12/2023 về kết quả công tác Mặt trận năm 2023, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2024, Đắk Lắk.
149. Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Lắk, Văn kiện đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk khóa XV, nhiệm kỳ 2024 – 2029, Đắk Lắk.
150. Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông, Báo cáo số 398/BC-MTTQ-BTT, ngày 07/12/2022 về kết quả công tác Mặt trận năm 2022, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2023, Đắk Nông.
151. Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông, Báo cáo số 512/BC-MTTQ-BTT, ngày 18/12/2023 về kết quả công tác Mặt trận năm 2023, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2024, Đắk Nông.
152. Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông, Văn kiện đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Nông khóa V, nhiệm kỳ 2024 – 2029, Đắk Nông.
153. Ủy ban MTTQ tỉnh Gia Lai, Báo cáo số 374/BC-MTTQ-BTT, ngày 26/12/2022 về kết quả công tác Mặt trận năm 2022, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2023, Gia Lai.
154. Ủy ban MTTQ tỉnh Gia Lai, Báo cáo số 394/BC-MTTQ-BTT, ngày 05/01/2024 về kết quả công tác Mặt trận năm 2023, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2024, Gia Lai.
155. Ủy ban MTTQ tỉnh Gia Lai, Văn kiện đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Gia Lai khóa X, nhiệm kỳ 2024 – 2029, Gia Lai.
156. Ủy ban MTTQ tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 630/BC-MTTQ-BTT, ngày 13/01/2022 về kết quả công tác Mặt trận năm 2022, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2023, Kon Tum.

157. Ủy ban MTTQ tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 664/BC-MTTQ-BTT, ngày 31/5/2023 về tổng kết 20 ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn Kon Tum (giai đoạn 2003 – 2023), Kon Tum.
158. Ủy ban MTTQ tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 612/BC-MTTQ-BTT, ngày 05/12/2023 về kết quả công tác Mặt trận năm 2023, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2024, Kon Tum.
159. Ủy ban MTTQ tỉnh Kon Tum, Văn kiện đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Kon Tum khóa XI, nhiệm kỳ 2024 – 2029, Kon Tum.
160. Ủy ban MTTQ tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo số 395/BC-MTTQ-BTT, ngày 05/8/2022 về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2019 - 2024, Lâm Đồng.
161. Ủy ban MTTQ tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo số 524/BC-MTTQ-BTT, ngày 10/11/2022 về kết quả công tác Mặt trận năm 2022, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2023, Lâm Đồng.
162. Ủy ban MTTQ tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo số 527/BC-MTTQ-BTT, ngày 31/5/2023 về tổng kết 20 ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn Lâm Đồng (giai đoạn 2003 – 2023), Lâm Đồng.
163. Ủy ban MTTQ tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo số 538/BC-MTTQ-BTT, ngày 21/11/2023 về kết quả công tác Mặt trận năm 2023, chương trình phối hợp và thống nhất hành động năm 2024, Lâm Đồng.
164. Ủy ban MTTQ tỉnh Lâm Đồng, Văn kiện đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng khóa IX, nhiệm kỳ 2024 – 2029, Lâm Đồng.
165. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo số 108/ BC- BDT ngày 24/4/2019 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24 – NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX) về công tác dân tộc, Đắk Lắk.
166. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo số 356/ BC- BDT ngày 13/12/2022 về kết quả công tác dân tộc năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Đắk Lắk.
167. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã năm 2023, Kèm theo Công văn số 2263, ngày 05/12/2023 của Sở Nội vụ, Đắk Lắk.

168. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo số 434/ BC- BDT ngày 27/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, Đắk Lắk.
169. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Báo cáo số 1346/ BC- BDT ngày 22/12/2022 về kết quả công tác dân tộc năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Đắk Nông.
170. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tổng hợp số lượng, chất lượng cán bộ chuyên trách cấp xã năm 2022, Kèm theo báo cáo số 236, ngày 15/12/2022.
171. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Báo cáo số 1336/ BC- BDT ngày 21/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, Đắk Nông.
172. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Báo cáo số 1430/ BC- BDT ngày 05/12/2022 về kết quả công tác dân tộc năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Gia Lai.
173. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Báo cáo số 50/ BC- SNV ngày 05/01/2023 về kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, Gia Lai.
174. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Báo cáo số 1428/ BC- BDT ngày 15/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, Gia Lai.
175. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 47/ BC- BDT ngày 01/3/2019 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24 – NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX) về công tác dân tộc, Kon Tum.
176. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 418/ BC- BDT ngày 16/12/2022 về kết quả công tác dân tộc năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Kon Tum.
177. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 469/ BC- SNV ngày 13/12/2023 về kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, Kon Tum.
178. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Báo cáo số 501/ BC- BDT ngày 22/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024, Kon Tum.

179. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo số 10/ BC- SNV ngày 12/01/2022 về kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, Lâm Đồng.
180. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
181. Võ Khánh Vinh (chủ nhiệm, 2015), *HTCT cơ sở phục vụ phát triển bền vững ở Tây Nguyên*, Chương trình nghiên cứu về Tây Nguyên, Hà Nội.
182. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
183. Yves Many (1991), “*Chính trị so sánh- về các nền dân chủ Đức, Mỹ, Pháp, Anh, Ý*”, Nxb Montchrestien, Pari, bản dịch của Viện Khoa học chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

*** Tài liệu nước ngoài**

184. Barry, M., & Lawler, E. J. (1994). A new theory of group solidarity. *Advances in Group Processes*, 11, 113–137.
185. Boufoy-Bastick, B. (2012). *Preserving national unity: Culturometric rapid appraisals of ethnic inequalities*. Hauppauge, NY: Nova Science Publishers.
186. Deng, F. M. (2009). *Self-determination and national unity: A challenge for Africa*. Africa Research & Publications.
187. Habermas, J. (1989). Justice and solidarity: On the discussion concerning stage 6. *Philosophical Forum*, 21(12), 32–52.
188. Hayes, L. D. (2012). *Political systems of East Asia: China, Korea, and Japan*. Routledge.
189. Leibold, J. (2013), *Ethnic Policy in China: Is Reform Inevitable?*, East-West Center.
190. Lindenberg, S., Fetchenhauer, D., Flache, A., & Buunk, A. P. (2006). Solidarity and prosocial behavior: A framing approach. In D. Fetchenhauer, A. Flache, A. P. Buunk, & S. Lindenberg (Eds.), *Solidarity and prosocial behavior: An integration of sociological and psychological perspectives* (pp. 3–19). Springer.

191. May, L. (1996). *The socially responsive self: Social theory and professional ethics*. University of Chicago Press.
192. Perry, E. J. & Goldman, M. (2007), *Grassroots Political Reform in Contemporary China*, Harvard University Press, UK.
193. Rorty, R. (1989), *Contingency, irony, and solidarity*. Cambridge University Press.
194. Salemink, O (2003), *The Ethnography of Vietnam's Central Highlanders*, by RoutledgeCurzon.
195. Salemink, O. (2007), *Heritage, power and culture in Vietnam*, International Journal of Heritage Studies, 13(3), 273–285.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dùng cho người dân)

Để có cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa bàn Tây Nguyên hiện nay; đồng thời, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa trong giai đoạn tới, tác giả đề tài luận án tiến hành khảo sát ý kiến cộng đồng dân cư.

Kính mong Ông (Bà) dành thời gian tham gia trả lời các câu hỏi trong bảng khảo sát dưới đây. Tác giả đề tài luận án đã chuẩn bị sẵn các phương án trả lời, đề nghị Ông (Bà) chọn phương án phù hợp nhất bằng cách đánh dấu (X) vào cột bên phải tương ứng. Một số câu hỏi có phần “.....” xin vui lòng viết câu trả lời vào chỗ trống. Mọi thông tin cung cấp sẽ được giữ bí mật và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông (Bà)!

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

A2: Độ tuổi: 18 - 30 ☐ 31-40 ☐ 41-50 ☐ 51 - 60 ☐ Trên 60 ☐

A3: Dân tộc

Kinh: ☐ Gia Rai: ☐ Ê Đê: ☐ Ba Na: ☐

Xơ Đăng: ☐ Cờ Ho: ☐ Mơ Nông: ☐ Khác: ☐

A4: Tôn giáo:

A5: Trình độ học vấn

Tiểu học: ☐	THCS : ☐	THPT: ☐
Trung cấp, cao đẳng : ☐	Đại học, sau ĐH: ☐	Không đi học: ☐

A6: Nghề nghiệp

Nông dân: ☐	Kinh doanh, buôn bán : ☐	Nhân viên nhà nước : ☐
Công nhân: ☐	Học sinh, sinh viên: ☐	Hưu trí/già: ☐

Khác (ghi rõ):

A7: Số năm cư trú ở địa phương:

Dưới 5 năm : ☐	5 – 10 năm : ☐	Trên 10 năm: ☐
---------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

B. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

B1. Theo Ông (Bà), việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay có tầm quan trọng như thế nào đối với sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương?

Stt	Phương án trả lời	Lựa chọn
1	Rất quan trọng	
2	Quan trọng	
3	Bình thường	
4	Không quan trọng	

B2. Ông (Bà) biết các thông tin về chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước qua các kênh nào?

Stt	Kênh thông tin	Lựa chọn
1	Qua báo, đài, ti vi, phát thanh của địa phương (thôn, bản, khu phố)	
2	Các cuộc họp dân tại thôn/bản/tổ dân phố.	
3	Cán bộ trực tiếp đến hộ gia đình tuyên truyền.	
4	Các tổ chức đoàn thể (MTTQ, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân...).	
5	Người có uy tín (già làng, chức sắc tôn giáo, trưởng dòng họ...)	
6	Ứng dụng Zalo, Facebook, trang thông tin điện tử	
7	Khác (ghi rõ):	

B3. Hiểu biết của Ông (Bà) về các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước ở mức độ nào?

Stt	Phương án trả lời	Lựa chọn
1	Cơ bản hiểu rõ	
2	Biết nhưng chưa hiểu rõ	
3	Biết chút ít	
4	Không quan tâm	

B4. Mức độ tham gia các hoạt động chính trị, xã hội do địa phương tổ chức của Ông (Bà) nhằm củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc?

Stt	Phương án trả lời	Lựa chọn
1	Rất thường xuyên	
2	Thường xuyên	
3	Thỉnh thoảng	
4	Hiếm khi	
5	Chưa bao giờ tham gia	

B5. Đánh giá của Ông/ Bà về HTCT cơ sở ở địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh như thế nào?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất, tăng thu nhập, mức sống, xoá đói, giảm nghèo					
2	Trong phát triển giao thông, y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội					

3	Trong phát triển đời sống văn hoá, tinh thần, thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo					
4	Trong đảm bảo quốc phòng, an ninh					

B6. Đánh giá của Ông (Bà) về đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương trong vòng 05 năm trở lại đây như thế nào so với trước đây?

Stt	Nội dung	Lựa chọn				
		Tốt hơn nhiều	Tốt hơn	Vẫn như cũ	Kém hơn	Khó đánh giá
1	Đời sống kinh tế của người dân					
2	Dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe					
3	Giáo dục và đào tạo					
4	An sinh xã hội (hỗ trợ người nghèo, việc làm...)					
5	Văn hóa, hoạt động cộng đồng					
6	Môi trường sống (nước sạch, rác thải, không khí...)					
7	An ninh, quốc phòng					

B7. Đánh giá của Ông (Bà) về HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột xã hội?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả

1	Trong thực hiện các nội dung Nhân dân biết					
2	Trong thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp					
3	Trong thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định					
4	Trong thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định					
5	Trong giám sát, phản biện chính sách, kiểm tra phản ánh của người dân					
6	Trong phòng, ngừa, đấu tranh quan liêu, tham nhũng, lãng phí					
7	Trong dự báo, phòng ngừa, giải quyết các mâu thuẫn, bức xúc của Nhân dân					

B8. Ông (Bà) nhận định như thế nào về đội ngũ cán bộ cấp cơ sở địa phương hiện nay?

Stt	Nội dung	Lựa chọn			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ				
2	Đạo đức của đội ngũ cán bộ				

3	Tác phong của đội ngũ cán bộ				
4	Năng lực của đội ngũ cán bộ				

B9. Theo Ông (Bà) đội ngũ cán bộ cơ sở ở địa phương có những hạn chế, yếu kém nào cần khắc phục?

Stt	Phương án trả lời	Lựa chọn
1	Trình độ chuyên môn	
2	Thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân	
3	Năng lực giải quyết công việc thực tế	
4	Khác (ghi rõ):	
5	Không biết	

B10. Ông/ Bà nhận định như thế nào về như thế nào về HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phòng, ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?

Stt	Mức độ đánh giá	Lựa chọn
1	Rất không hiệu quả	
2	Không hiệu quả	
3	Trung bình	
4	Hiệu quả	
5	Rất hiệu quả	

B11. Xin Ông (Bà) cho biết mức độ hài lòng của mình đối với HTCT cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương?

Stt	Nội dung	Mức độ hài lòng				
		Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng

1	Trong tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc					
2	Trong phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, thực hiện an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội					
3	Trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí					
4	Trong lắng nghe, giải quyết các mâu thuẫn, bức xúc của nhân dân					
5	Trong đấu tranh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của kẻ thù					
6	Trong đảm bảo an ninh, quốc phòng					

B12. Theo Ông (Bà), vấn đề cấp bách hiện nay mà HTCT cơ sở cần phải tập trung giải quyết để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là gì?

Stt	Nội dung	Lựa chọn
1	Phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội	
2	Giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong nhân dân	
3	Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số	
4	Củng cố, nâng cao vai trò của HTCT cơ sở	
5	Phát huy dân chủ cơ sở	
6	Đảm bảo trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị	
7	Nội dung khác (ghi rõ):	

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

- Đơn vị điều tra: Xã Đạ Nhim, Đạ Chais, Đưng K'Nớ, thị trấn Lạc Dương (huyện Lạc Dương, Lâm Đồng), xã Quảng Khê, Đăk Som, Đăk Plao, Quảng Sơn (Huyện Đăk Glong, Đăk Nông), xã Cư K'Bang, Ea Bung, M'Lan, thị trấn Ea Súp (huyện Ea Súp, Đăk Lăk), xã An Trung, Chơ Long, Đăk Song, thị trấn Kông Chro (huyện Kông Chro, Gia Lai), xã Đăk Ang, Pờ Y, Đăk Dục, thị trấn Plei Càn (huyện Ngọc Hồi, Kon Tum).

- Số lượng điều tra: 400 phiếu.

- Đối tượng điều tra: Người dân địa phương

- Thời gian điều tra: Tháng 12/2024.

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Giới tính người trả lời

Giới tính (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Nam	226	56.5
2. Nữ	174	43.5

A2. Độ tuổi người trả lời

Độ tuổi (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Dưới 30	87	21.7
30 - 40	164	41.0
41 - 50	108	27.0
51 - 60	36	9.0
Trên 60	5	1.3

A3. Dân tộc người trả lời

Dân tộc (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Kinh	114	28.5
Gia Rai	47	11.7
Ê Đê	50	12.5

Ba Na	43	10.7
Xơ Đăng	46	11.5
Cờ Ho	44	11.0
Mơ Nông	45	11.3
Khác	11	2.8

A4. Tôn giáo người trả lời

Tôn giáo (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Không theo tôn giáo	65	16.3
Công giáo	113	28.2
Phật giáo	45	11.3
Tin lành	137	34.2
Cao đài	26	6.5
Khác	14	3.5

A5. Trình độ học vấn người trả lời

Học vấn (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Tiểu học	40	10.0
THCS	139	34.8
THPT	131	32.7
Trung cấp, cao đẳng	54	13.5
Đại học, sau ĐH	36	9.0
Không đi học	0	0.0

A6. Nghề nghiệp người trả lời

Nghề nghiệp (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Nông dân	201	50.2
Kinh doanh, buôn bán	65	16.3
Nhân viên nhà nước	47	11.7

Công nhân	27	6.8
Học sinh/sinh viên	52	13.0
Hưu trí/già	5	1.2
Khác	3	0.8

A7. Số năm cư trú ở địa phương

Số năm cư trú (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Dưới 5 năm	26	6.5
5 – 10 năm	38	9.5
Trên 10 năm	336	84.0

B. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

B1. Đánh giá tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Mức độ quan trọng (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Rất quan trọng	256	64.0
Quan trọng	98	24.5
Bình thường	36	9.0
Không quan trọng	10	2.5

B2. Kênh thông tin các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Phương án trả lời (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Qua báo, đài, ti vi, phát thanh của địa phương (thôn, bản, khu phố)	324	81.0
2. Các cuộc họp dân tại thôn/bản/tổ dân phố	298	74.5
3. Cán bộ trực tiếp đến hộ gia đình tuyên truyền	272	68.0

4. Các tổ chức đoàn thể (MTTQ, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân...)	264	66.0
5. Người có uy tín (già làng, chức sắc tôn giáo, trưởng dòng họ...)	302	75.5
6. Ứng dụng Zalo, Facebook, trang thông tin điện tử	304	76.0

B3. Mức độ hiểu biết về chủ trương, chính sách đại đoàn kết, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Mức độ hiểu biết (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Cơ bản hiểu rõ	126	31.5
2. Biết nhưng chưa hiểu rõ	246	61.5
3. Biết chút ít	23	5.8
4. Không quan tâm	5	1.2

B4. Mức độ tham gia các hoạt động chính trị, xã hội về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc do địa phương tổ chức

Mức độ tham gia (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Rất thường xuyên	115	28.7
2. Thường xuyên	264	66.0
3. thỉnh thoảng	17	4.3
4. Hiếm khi	4	1.0
5. Chưa bao giờ tham gia	0	0.0

B5. Đánh giá vai trò HTCT cơ sở trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh ở địa phương

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
	Tần suất	4	15	62	192	127

1. Trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất, tăng thu nhập, mức sống, xoá đói, giảm nghèo	Tỷ lệ (%)	1.0	3.75	15.5	48.0	31.75
2. Trong phát triển giao thông, y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội	Tần suất	6	17	74	178	125
	Tỷ lệ (%)	1.5	4.25	18.5	44.5	31.25
3. Trong phát triển đời sống văn hoá, tinh thần, thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo	Tần suất	8	19	67	174	132
	Tỷ lệ (%)	2.0	4.75	16.75	43.5	33.0
4. Trong đảm bảo quốc phòng, an ninh	Tần suất	6	15	75	168	136
	Tỷ lệ (%)	1.5	3.75	18.75	42.0	34.0

B6. Đánh giá về đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương trong vòng 05 năm trở lại đây so với trước đây

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Tốt hơn nhiều	Tốt hơn	Vẫn như cũ	Kém hơn	Khó đánh giá
1. Đời sống kinh tế	Tần suất	150	189	50	22	7
	Tỷ lệ (%)	37.5	47.25	12.5	5.5	1.75
2. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe	Tần suất	146	194	42	10	8
	Tỷ lệ (%)	36.5	48.5	10.5	2.5	2.0
3. Giáo dục đào tạo	Tần suất	138	195	42	16	9
	Tỷ lệ (%)	34.5	48.75	10.5	4.0	2.25
	Tần suất	128	173	74	18	7

4. An sinh xã hội (hỗ trợ người nghèo, việc làm, .)	Tỷ lệ (%)	32.0	43.25	18.5	4.5	1.75
5. Văn hoá, hoạt động cộng đồng	Tần suất	130	176	72	13	9
	Tỷ lệ (%)	32.5	44.0	18.0	3.25	2.25
6. Môi trường sống (rác thải, không khí, nước sạch, ...)	Tần suất	82	180	116	20	2
	Tỷ lệ (%)	20.5	45.0	29.0	5.0	0.5
7. An ninh, quốc phòng	Tần suất	138	190	42	21	9
	Tỷ lệ (%)	34.5	47.5	10.5	5.25	2.25

B7. Đánh giá vai trò HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột xã hội

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1. Trong thực hiện các nội dung Nhân dân biết	Tần suất	5	13	76	178	128
	Tỷ lệ (%)	1.25	3.25	19.0	44.5	32.0
2. Trong thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp	Tần suất	5	15	72	182	126
	Tỷ lệ (%)	1.25	3.75	18.0	45.5	31.5
3. Trong thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định	Tần suất	7	12	68	187	126
	Tỷ lệ (%)	1.75	3.0	17.0	46.75	31.5
4. Trong thực hiện những nội dung Nhân	Tần suất	4	14	75	168	139
	Tỷ lệ (%)	1.0	3.5	18.75	42.0	34.75

dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định						
5. Trong giám sát, phản biện chính sách, kiểm tra phản ánh của người dân	Tần suất	6	14	71	176	133
	Tỷ lệ (%)	1.5	3.5	17.75	44.0	33.25
6. Trong phòng, ngừa, đấu tranh quan liêu, tham nhũng, lãng phí	Tần suất	6	15	61	172	146
	Tỷ lệ (%)	1.5	3.75	15.25	43.0	36.5
7. Trong dự báo, phòng ngừa, giải quyết các mâu thuẫn, bức xúc của Nhân dân	Tần suất	4	36	102	178	80
	Tỷ lệ (%)	1.0	9.0	25.5	44.5	20.0

B8. Đánh giá về đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở địa phương

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ	Tần suất	15	68	168	149
	Tỷ lệ (%)	3.75	17.0	42.0	37.25
2. Đạo đức của đội ngũ cán bộ	Tần suất	2	32	146	220
	Tỷ lệ (%)	0.5	8.0	26.5	55.0
3. Tác phong của đội ngũ cán bộ	Tần suất	14	60	178	148
	Tỷ lệ (%)	3.5	15.0	44.5	37.0
4. Năng lực của đội ngũ cán bộ	Tần suất	33	86	184	97
	Tỷ lệ (%)	8.25	21.5	46.0	24.25

B9. Những hạn chế, yếu kém cán bộ cơ sở địa phương cần khắc phục

Nội dung (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ chuyên môn	325	81.25
2. Thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân	245	61.25

3. Năng lực giải quyết công việc thực tế	364	91.0
4. Khác (ghi rõ):	0	0
5. Không biết	4	1.0

B10. Đánh giá vai trò HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phòng, ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Mức độ đánh giá (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Rất không hiệu quả	20	5.0
2. Không hiệu quả	43	10.75
3. Trung bình	76	19.0
4. Hiệu quả	178	44.5
5. Rất hiệu quả	83	20.75

B11. Mức độ hài lòng đối với HTCT cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1. Trong tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	5	23	76	178	118
	Tỷ lệ (%)	1.25	5.75	19.0	44.5	29.5
2. Trong phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, thực hiện an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội	Tần suất	6	18	72	182	122
	Tỷ lệ (%)	1.5	4.5	18.0	45.5	30.5
	Tần suất	7	16	68	187	126

3. Trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí	Tỷ lệ (%)	1.75	4.0	17.0	46.75	31.5
4. Trong lắng nghe, giải quyết các mâu thuẫn, bức xúc của nhân dân	Tần suất	6	40	102	172	80
	Tỷ lệ (%)	1.5	10.0	25.5	43.0	20.0
5. Trong đấu tranh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của kẻ thù	Tần suất	6	14	71	176	133
	Tỷ lệ (%)	1.5	3.5	17.75	44.0	33.25
6. Trong đảm bảo an ninh, quốc phòng	Tần suất	6	15	61	172	146
	Tỷ lệ (%)	1.5	3.75	15.25	43.0	36.5

B12: Vấn đề cấp bách hiện nay mà HTCT cơ sở cần phải tập trung giải quyết để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội	400	100.0
2. Giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong nhân dân	265	66.25
3. Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số	312	78.0
4. Củng cố, nâng cao vai trò của HTCT cơ sở	345	86.25
5. Phát huy dân chủ cơ sở	368	92.0
6. Đảm bảo trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị	324	81.0
7. Nội dung khác (ghi rõ):	0	0.0

PHỤ LỤC 3 PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dùng cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động bán chuyên trách cấp xã, thôn, bản)

Để có cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa bàn Tây Nguyên hiện nay; đồng thời, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa trong giai đoạn tới, tác giả đề tài luận án tiến hành khảo sát ý kiến đối với cán bộ, công chức địa phương. Kính mong đồng chí dành thời gian tham gia trả lời các câu hỏi trong bảng khảo sát dưới đây.

Tác giả đề tài luận án đã chuẩn bị sẵn các phương án trả lời, đề nghị đồng chí chọn phương án phù hợp nhất bằng cách đánh dấu (X) vào cột bên phải tương ứng. Một số câu hỏi có phần “.....” xin vui lòng viết câu trả lời vào chỗ trống. Mọi thông tin cung cấp sẽ được giữ bí mật và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

A2: Độ tuổi: Dưới 30 ☐ 30–40 ☐ 41–50 ☐ Trên 50 ☐

A3: Dân tộc

Kinh: ☐ Gia Rai: ☐ Ê Đê: ☐ Ba Na: ☐

Xơ Đăng: ☐ Cờ Ho: ☐ Mơ Nông: ☐ Khác: ☐

A4: Tôn giáo:

A5: Trình độ học vấn

THCS, THPT: ☐	Trung cấp, cao đẳng: ☐	Đại học: ☐	Sau đại học ☐
--------------------------------------	---	-----------------------------------	--------------------------------------

A6: Khối công tác

Đảng: ☐ Chính quyền: ☐ Mặt trận và các đoàn thể: ☐

A7. Thời gian công tác

Dưới 5 năm: ☐ 5 – 10 năm: ☐ 10 – 20 năm: ☐ Trên 20 năm: ☐

B. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

B1. Theo đồng chí, việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay có tầm quan trọng như thế nào đối với sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương?

Stt	Phương án trả lời	Lựa chọn
1	<i>Rất quan trọng</i>	
2	Quan trọng	
3	Bình thường	
4	Không quan trọng	

B2. Đồng chí cho biết mức độ đồng tình với các nhận định sau về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

Stt	Nội dung vai trò	Mức độ đồng ý
1	Xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo; xây dựng (lập) kế hoạch, chương trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	☐ 1 Rất không đồng ý ☐ 2 Không đồng ý ☐ 3 Trung lập ☐ 4 Đồng ý ☐ 5 Rất đồng ý
2	Triển khai, tổ chức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	☐ 1 Rất không đồng ý ☐ 2 Không đồng ý ☐ 3 Trung lập ☐ 4 Đồng ý ☐ 5 Rất đồng ý
3	Kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	☐ 1 Rất không đồng ý ☐ 2 Không đồng ý ☐ 3 Trung lập ☐ 4 Đồng ý ☐ 5 Rất đồng ý
4	Phản hồi, kiến nghị, đề xuất với HTCT cấp trên các sáng kiến, chính sách, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	☐ 1 Rất không đồng ý ☐ 2 Không đồng ý ☐ 3 Trung lập ☐ 4 Đồng ý ☐ 5 Rất đồng ý

B3. Xin đồng chí hãy đánh giá về mức độ thực hiện các nội dung sau của HTCT cơ sở?

Stt	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1	Việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc					
2	Xác định chủ trương, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc					
3	Lập chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc					

B4. Đồng chí nhận định như thế nào về công tác tuyên truyền, giáo dục xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của HTCT cơ sở?

Stt	Phương án trả lời	Mức độ đánh giá				
		Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1	Nội dung công tác tuyên truyền, giáo dục					
2	Hình thức công tác tuyên truyền, giáo dục					
3	Hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục					

B5. Đánh giá của đồng chí về mức độ hiệu quả của các kênh thông tin sau đây trong việc giáo dục, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc cho nhân dân địa phương?

Stt	Nội dung	Mức độ hiệu quả				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả

1	Qua báo, đài, ti vi, phát thanh của địa phương (thôn, bản, khu phố)					
2	Các cuộc họp dân tại thôn/bản/tổ dân phố.					
3	Cán bộ trực tiếp đến hộ gia đình tuyên truyền.					
4	Các tổ chức đoàn thể (MTTQ, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân...).					
5	Người có uy tín (già làng, chức sắc tôn giáo, trưởng dòng họ...)					
6	Ứng dụng Zalo, Facebook, trang thông tin điện tử					

B6. Đánh giá của đồng chí về HTCT cơ sở ở địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và xây dựng các giai cấp, tầng lớp vững mạnh?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất, tăng thu nhập, mức sống, xoá đói, giảm nghèo					
2	Trong phát triển giao thông, y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội					
3	Trong phát triển đời sống văn hoá, tinh thần, thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo					

4	Trong đảm bảo quốc phòng, an ninh					
5	Xây dựng các giai cấp, tầng lớp vững mạnh					

B7. Đồng chí nhận định như thế nào về HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột xã hội?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Trong thực hiện các nội dung Nhân dân biết					
2	Trong thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp					
3	Trong thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định					
4	Trong thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định					
5	Trong giám sát, phản biện chính sách, kiểm tra phản ánh của người dân					
6	Trong phòng, ngừa, đấu tranh quan liêu, tham nhũng, lãng phí					
7	Trong dự báo, phòng ngừa, giải quyết các xung đột xã hội					

B8. Đồng chí đánh giá như thế nào về đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cấp cơ sở ở địa phương hiện nay?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá
-----	-------------------	-----------------

		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ				
2	Đạo đức của đội ngũ cán bộ				
3	Tác phong của đội ngũ cán bộ				
4	Năng lực của đội ngũ cán bộ				

B9. Đồng chí nhận định như thế nào về HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phòng, ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Trong nhận thức âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù				
2	Trong bám nắm địa bàn, tuyên truyền, vận động Nhân dân				
3	Trong đấu tranh, giải quyết các vụ việc làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù				

B10. Đồng chí cho biết, cơ quan/ tổ chức nơi đồng chí công tác có kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết việc thực hiện các nội dung về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không?

Có: ☐

Không: ☐

B11. Nếu có, đồng chí cho biết mức độ thường xuyên trong công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết việc thực hiện các nội dung về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

Stt	Nội dung	Mức độ			
		Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Kiểm tra, giám sát việc dựng chương trình, kế hoạch				

2	Kiểm tra, giám sát công tác giáo dục, tuyên truyền				
3	Kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện				
4	Tiến hành sơ, tổng kết				

B12. Đồng chí nhận định như thế nào về chất lượng công tác kiến nghị, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?

Stt	Mức độ đánh giá	Lựa chọn
1	Rất không hiệu quả	
2	Không hiệu quả	
3	Trung bình	
4	Hiệu quả	
5	Rất hiệu quả	

B13. Đánh giá của đồng chí về mức độ phối hợp của các thành viên thuộc hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Chỉ đạo, phối hợp của cấp uỷ đảng với chính quyền				
2	Chỉ đạo, phối hợp của cấp uỷ đảng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể				
3	Công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể				

B14. Theo đồng chí, những nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến hạn chế của HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? (Có thể chọn nhiều phương án)

Stt	Nội dung	Lựa chọn
-----	----------	----------

1	Do điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương không thuận lợi	
2	Do HTCT cơ sở còn chưa quan tâm đầy đủ đến nhu cầu, lợi ích của đồng bào	
3	Do những chủ trương, chính sách thiếu cụ thể, rõ ràng	
4	Do yếu kém về nhận thức, trách nhiệm, năng lực của một bộ phận cán bộ	
5	Do công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với các lực lượng chưa hiệu quả	
6	Do chế độ đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ, công chức chưa hợp lý	
7	Do điều kiện tài chính, cơ sở vật chất chưa bảo đảm	
8	Do sự chống phá của các thế lực thù địch	
9	Do Nhân dân chưa nhận thức đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chương trình, kế hoạch của địa phương	
9	Khác:	

B15. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ tác động của các yếu tố dưới đây đến vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay? (Chọn một phương án)

Stt	Nội dung	Lựa chọn		
		Tác động nhiều	Tác động ít	Không tác động
1	Tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực			
2	Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chương trình, kế hoạch cấp trên			
3	Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương			
4	Tình hình dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc, tôn giáo ở địa phương			

5	Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ			
6	Ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân			
7	Sự phối hợp giữa HTCT cơ sở với các lực lượng trên địa bàn			
8	Sự phát triển của khoa học, công nghệ và toàn cầu hoá			

B16. Theo đồng chí, việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay đang đặt ra những vấn đề gì cần tập trung giải quyết? (Có thể chọn nhiều phương án)

Stt	Nội dung	Lựa chọn
1	Vấn đề nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở	
2	Vấn đề phối hợp, hiệp đồng giữa HTCT cơ sở với các lực lượng trên địa bàn	
3	Vấn đề từ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ	
4	Vấn đề xây dựng nội dung, phương thức thực hiện phù hợp	
5	Vấn đề công bằng, bình đẳng trong thực hiện các chính sách	
6	Vấn đề giải quyết các xung đột xã hội	
7	Khác:	

B17. Theo đồng chí, những giải pháp nào dưới đây là cần thiết để phát huy hiệu quả vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay?

Stt	Nội dung	Lựa chọn			
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất không cần thiết
1	Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách				

	pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc				
2	Hoàn thiện các chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, và chính sách cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số				
3	Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với giảm nghèo và nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số				
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở (Đảng, chính quyền, MTTQ, đoàn thể)				
5	Nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ trẻ ở cơ sở				
6	Tăng cường phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng trong thực hiện công tác dân tộc, dân vận, hoà giải cơ sở				
7	Giải quyết kịp thời các xung đột, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư tại cơ sở				
8	Đẩy mạnh và đổi mới công tác dân vận theo hướng gần dân, sát dân, lắng nghe và phản hồi nguyện vọng chính đáng của Nhân dân				
9	Khác:.....				

B18. Ngoài những nội dung trên, đồng chí còn ý kiến hoặc đề xuất gì thêm không?

.....

PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

- Đơn vị điều tra: Xã Đa Nhim, Đa Chais, Đưng K'Nớ, thị trấn Lạc Dương (huyện Lạc Dương, Lâm Đồng), xã Quảng Khê, Đắk Som, Đắk Plao, Quảng Sơn (Huyện Đắk Glong, Đắk Nông), xã Cư K'Bang, Ea Bung, M'Lan, thị trấn Ea Súp (huyện Ea Súp, Đắk Lắk), xã An Trung, Chơ Long, Đắk Song, thị trấn Kông Chro (huyện Kông Chro, Gia Lai), xã Đắk Ang, Pờ Y, Đắk Dục, thị trấn Plei Càn (huyện Ngọc Hồi, Kon Tum).

- Link: <https://forms.gle/uv745VkkKKzN154Q9>

- Mã QR:

- Số lượng điều tra: 400 phiếu.

- Đối tượng điều tra: cán bộ, công chức, người hoạt động bán chuyên trách cấp xã, thôn, bản

- Thời gian điều tra: Tháng 12/2024 – 02/2025



A. THÔNG TIN CHUNG

A1. A1. Giới tính người trả lời

Giới tính (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Nam	318	79.5
2. Nữ	82	20.5

A2. Độ tuổi người trả lời

Độ tuổi (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Dưới 30	79	19.75
30 - 40	132	33.0
41 - 50	106	26.5
Trên 50	83	20.75

A3. Dân tộc người trả lời

Dân tộc (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Kinh	255	63.75

Gia Rai	32	8.0
Ê Đê	28	7.0
Ba Na	21	5.25
Xơ Đăng	19	4.75
Cờ Ho	32	8.0
Mơ Nông	8	2.0
Khác	5	1.25

A4. Tôn giáo người trả lời

Tôn giáo (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Không theo tôn giáo	301	75.25
Công giáo	28	7.0
Phật giáo	25	6.25
Tin lành	36	9.0
Cao đài	6	1.5
Khác	4	1.0

A5. Trình độ học vấn người trả lời

Học vấn (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
THCS, THPT	93	23.25
Trung cấp, cao đẳng	125	31.25
Đại học	158	39.5
Sau Đại học	24	6.0

A6. Khối công tác

Khối công tác (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Đảng	98	24.5
Chính quyền	212	53.0

Mặt trận và các đoàn thể	90	22.5
--------------------------	----	------

A7. Thời gian công tác

Thời gian công tác (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Dưới 5 năm	45	11.25
5 – 10 năm	84	21.0
10 - 20 năm	135	33.75
Trên 20 năm	136	34.0

B. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

B1. Đánh giá về tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương

Stt	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ
1	Rất quan trọng	300	75.0
2	Quan trọng	83	20.75
3	Bình thường	13	3.25
4	Không quan trọng	0	0.0

B2. Nhận định về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung (n= 400)		Mức độ đồng tình				
		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1. Xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo; xây dựng (lập) kế hoạch, chương trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	0	0	178	222
	Tỷ lệ (%)	0	0	0	44.5	55.5

2. Triển khai, tổ chức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	0	0	187	213
	Tỷ lệ (%)	0	0	0	46.75	53.25
3. Kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	0	0	196	204
	Tỷ lệ (%)	0	0	0	49.0	51.0
4. Phản hồi, kiến nghị, đề xuất với HTCT cấp trên các sáng kiến, chính sách, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	0	0	183	217
	Tỷ lệ (%)	0	0	0	45.75	54.25

B3. Đánh giá mức độ thực hiện của HTCT cơ sở địa phương

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	2	40	166	192
	Tỷ lệ (%)	0	0.5	10	41.5	48.0
2. Xác định chủ trương, biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	4	48	144	204
	Tỷ lệ (%)	0	1.0	12.0	36.0	51.0
3. Lập chương trình, kế hoạch xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	Tần suất	0	3	46	137	214
	Tỷ lệ (%)	0	0.75	11.5	34.25	53.5

B4. Đánh giá về vai trò của HTCT cơ sở trên địa bàn trong giáo dục, tuyên truyền về đại đoàn kết dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung đánh giá (n= 400)	Mức độ đánh giá
----------------------------	-----------------

		Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nội dung công tác tuyên truyền, giáo dục	Tần suất	0	9	48	152	191
	Tỷ lệ (%)	0	2.25	12.0	38.0	47.75
2. Hình thức công tác tuyên truyền, giáo dục	Tần suất	0	12	62	157	169
	Tỷ lệ (%)	0	3.0	15.5	39.25	42.25
3. Hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục	Tần suất	0	15	59	154	172
	Tỷ lệ (%)	0	3.75	14.75	38.5	43.0

B5. Đánh giá mức độ hiệu quả của các kênh thông tin trong việc giáo dục, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc cho nhân dân địa phương

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1. Qua báo, đài, ti vi, phát thanh của địa phương (thôn, bản, khu phố)	Tần suất	0	9	59	146	186
	Tỷ lệ (%)	0	2.25	14.75	36,5	46.5
2. Các cuộc họp dân tại thôn/bản/tổ dân phố.	Tần suất	0	21	68	163	148
	Tỷ lệ (%)	0	5.25	17.0	40.75	37.0
3. Cán bộ trực tiếp đến hộ gia đình tuyên truyền.	Tần suất	0	7	56	164	173
	Tỷ lệ (%)	0	1.75	14.0	41.0	43.25
4 Các tổ chức đoàn thể (MTTQ, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân...).	Tần suất	0	16	62	174	158
	Tỷ lệ (%)	0	4.0	15.5	43.5	39.5

5. Người có uy tín (già làng, chức sắc tôn giáo, trưởng dòng họ...)	Tần suất	0	6	56	167	171
	Tỷ lệ (%)	0	1.5	14.0	41.75	42.75
6. Ứng dụng Zalo, Facebook, trang thông tin điện tử	Tần suất	0	24	86	159	131
	Tỷ lệ (%)	0	6.0	21.5	39.75	32.75

B6. Đánh giá về HTCT cơ sở ở địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng các giai cấp, tầng lớp vững mạnh

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1. Trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất, tăng thu nhập, mức sống, xoá đói, giảm nghèo	Tần suất	0	6	36	158	200
	Tỷ lệ (%)	0	1.5	9.0	39.5	50.0
2. Trong phát triển giao thông, y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội	Tần suất	0	3	38	152	207
	Tỷ lệ (%)	0	0.75	9.5	38.0	51.25
3. Trong phát triển đời sống văn hoá, tinh thần, thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo	Tần suất	0	9	39	157	195
	Tỷ lệ (%)	0	2.25	9.75	39.25	48.75
4 Trong đảm bảo quốc phòng, an ninh	Tần suất	0	10	42	152	196
	Tỷ lệ (%)	0	2.5	10.5	38.0	49.0
	Tần suất	0	7	39	164	190

5. Trong xây dựng các giai cấp, tầng lớp vững mạnh	Tỷ lệ (%)	0	1.75	9.75	41	47.5
--	-----------	---	------	------	----	------

B7. Đánh giá về vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện dân chủ cơ sở, đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết các xung đột xã hội

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung bình	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1. Trong thực hiện các nội dung Nhân dân biết	Tần suất	0	6	45	155	194
	Tỷ lệ (%)	0	1.5	11.25	38.75	48.5
2. Trong thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp	Tần suất	0	7	42	169	182
	Tỷ lệ (%)	0	0.75	10.5	42.25	45.5
3. Trong thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định	Tần suất	0	6	41	151	202
	Tỷ lệ (%)	0	1.5	10.25	37.75	50.5
4. Trong thực hiện những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	Tần suất	0	3	41	159	197
	Tỷ lệ (%)	0	0.75	10.25	39.75	49.25
5. Trong giám sát, phản biện chính sách, kiểm tra phản ánh của người dân	Tần suất	0	6	39	159	196
	Tỷ lệ (%)	0	1.5	9.75	39.75	49.0
6. Trong phòng, ngừa, đấu tranh quan liêu, tham nhũng, lãng phí	Tần suất	0	8	52	153	187
	Tỷ lệ (%)	0	2.0	13.0	38.25	46.75

7. Trong dự báo, phòng ngừa, giải quyết các xung đột xã hội	Tần suất	0	11	56	171	162
	Tỷ lệ (%)	0	2.75	14.0	42.75	40.5

B8. Đánh giá về đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở địa phương hiện nay

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1. Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ	Tần suất	9	58	149	184
	Tỷ lệ (%)	1.5	14.5	37.25	46.0
2. Đạo đức của đội ngũ cán bộ	Tần suất	6	39	152	203
	Tỷ lệ (%)	1.5	9.75	38.0	50.75
3. Tác phong của đội ngũ cán bộ	Tần suất	12	59	159	170
	Tỷ lệ (%)	3.0	14.75	39.75	42.5
4 Năng lực của đội ngũ cán bộ	Tần suất	16	65	157	162
	Tỷ lệ (%)	4.0	16.25	39.25	40.5

B9. Đánh giá về vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong phòng, ngừa, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1. Trong nhận thức âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù	Tần suất	7	49	163	181
	Tỷ lệ (%)	0.75	12.25	40.75	45.25
2. Trong bám nắm địa bàn, tuyên truyền, vận động Nhân dân	Tần suất	11	42	161	186
	Tỷ lệ (%)	2.75	10.5	40.25	46.5
3. Trong đấu tranh, giải quyết các vụ việc làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù	Tần suất	15	55	182	148
	Tỷ lệ (%)	3.75	13.75	45.5	37.0

B10. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết các nội dung về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ quan/đơn vị

Phương án trả lời (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Có thực hiện	400	100.0
2. Không thực hiện	0	0.0

B11. Đánh giá mức độ thường xuyên trong công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết việc thực hiện các nội dung về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung (n= 400)		Mức độ thường xuyên			
		Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Kiểm tra, giám sát việc dựng chương trình, kế hoạch	Tần suất	7	93	145	155
	Tỷ lệ (%)	1.75	23.25	36.25	38.75
2. Kiểm tra, giám sát công tác giáo dục, tuyên truyền	Tần suất	5	86	152	157
	Tỷ lệ (%)	1.25	21.5	38.0	39.25
3. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện	Tần suất	6	36	182	176
	Tỷ lệ (%)	1.5	9.0	45.5	44.0
4. Tiến hành sơ, tổng kết	Tần suất	4	48	178	170
	Tỷ lệ (%)	1.0	12.0	44.5	42.5

B12. Đánh giá về chất lượng công tác kiến nghị, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay

Mức độ đánh giá (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1. Rất không hiệu quả	5	1.25
2. Không hiệu quả	13	3.25
3. Trung bình	48	12.0
4. Hiệu quả	184	46.0

5. Rất hiệu quả	150	37.5
-----------------	-----	------

B13. Đánh giá về mức độ phối hợp của các thành viên thuộc hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung đánh giá (n= 400)		Mức độ đánh giá			
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1. Chỉ đạo, phối hợp của cấp uỷ đảng với chính quyền	Tần suất	10	50	163	177
	Tỷ lệ (%)	2.5	12.5	40.75	44.25
2. Chỉ đạo, phối hợp của cấp uỷ đảng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể	Tần suất	11	44	168	177
	Tỷ lệ (%)	2.75	11.0	42.0	44.25
3. Công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể	Tần suất	15	48	180	157
	Tỷ lệ (%)	3.75	12.0	45.0	39.25

B14. Đánh giá nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hạn chế của HTCT cơ sở địa phương trong thực hiện vai trò xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

STT	Phương án trả lời (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ
1	Do điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương không thuận lợi	302	75.5
2	Do HTCT cơ sở còn chưa quan tâm đầy đủ đến nhu cầu, lợi ích của đồng bào	84	21.0
3	Do những chủ trương, chính sách thiếu cụ thể, rõ ràng	204	51.0
4	Do yếu kém về nhận thức, trách nhiệm, năng lực của một bộ phận cán bộ	224	56.0
5	Do công tác phối hợp giữa HTCT cơ sở với các lực lượng chưa hiệu quả	267	66.75
6	Do sự nhạy cảm của vấn đề dân tộc, tôn giáo	318	79.5
7	Do sự chống phá của các thế lực thù địch	306	76.5

8	Do Nhân dân chưa nhận thức đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chương trình, kế hoạch của địa phương	286	71.5
9	Khác (ghi rõ)	0	0.0

B15. Đánh giá về mức độ tác động của các yếu tố đến vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay

Nội dung (n= 400)		Mức độ tác động		
		Tác động nhiều	Tác động ít	Không tác động
1. Tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực	Tần suất	139	235	26
	Tỷ lệ (%)	34.75	58.75	6.5
2. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chương trình, kế hoạch cấp trên	Tần suất	323	77	0
	Tỷ lệ (%)	80.75	19.25	0.0
3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương	Tần suất	272	123	5
	Tỷ lệ (%)	68.0	30.75	1.25
4. Tình hình dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc, tôn giáo ở địa phương	Tần suất	304	89	7
	Tỷ lệ (%)	76.0	22.25	1.75
5. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ	Tần suất	338	59	3
	Tỷ lệ (%)	84.5	14.75	0.75
6. Ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân	Tần suất	329	65	6
	Tỷ lệ (%)	82.25	16.25	1.5
7. Sự phối hợp giữa HTCT cơ sở với các lượng trên địa bàn	Tần suất	278	121	1
	Tỷ lệ (%)	69.5	30.25	.25

B16. Nhận định về những vấn đề đặt ra đối với việc phát huy vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay

STT	Phương án trả lời (n=400)	Tần suất	Tỷ lệ
1	Vấn đề nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở	345	86.25
2	Vấn đề phối hợp, hiệp đồng giữa HTCT cơ sở với các lực lượng trên địa bàn	314	78.5
3	Vấn đề từ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ	323	80.75
4	Vấn đề xây dựng nội dung, phương thức thực hiện phù hợp	329	82.25
5	Vấn đề công bằng, bình đẳng trong thực hiện các chính sách	346	86.5
6	Vấn đề giải quyết các xung đột xã hội	364	91.0
7	Khác (ghi rõ)	0	0.0

B17. Đánh giá mức độ cần thiết của các giải pháp để phát huy vai trò của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung (n= 400)		Mức độ cần thiết			
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất không cần thiết
1. Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền về đoàn kết dân tộc, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	Tần suất	326	71	3	0
	Tỷ lệ (%)	81.5	17.75	0.75	0.0
2. Hoàn thiện các chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, và chính sách cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tần suất	310	81	9	0
	Tỷ lệ (%)	77.5	20.25	2.25	0.0
	Tần suất	335	62	3	0

3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với giảm nghèo và nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số	Tỷ lệ (%)	83.75	15.5	0.75	0.0
4. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở (Đảng, chính quyền, MTTQ, đoàn thể)	Tần suất	290	99	11	0
	Tỷ lệ (%)	72.5	24.75	2.75	0.0
5. Nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ trẻ ở cơ sở	Tần suất	292	102	6	0
	Tỷ lệ (%)	73.0	25.5	1.5	0.0
6. Tăng cường phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng trong thực hiện công tác dân tộc, dân vận, hoà giải cơ sở	Tần suất	271	118	11	0
	Tỷ lệ (%)	67.75	29.5	2.75	0.0
7. Giải quyết kịp thời các xung đột, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư tại cơ sở	Tần suất	324	74	2	0
	Tỷ lệ (%)	81.0	18.5	0.5	0.0
8. Đẩy mạnh và đổi mới công tác dân vận theo hướng gần dân, sát dân, lắng nghe và phản hồi nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	Tần suất	277	116	7	0
	Tỷ lệ (%)	69.25	29.0	0.75	0.0

B18. Kiến nghị, đề xuất: Không

PHỤ LỤC 5

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

Kính thưa đồng chí/Ông/Bà.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả HTCT.

Nhằm đánh giá và phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, chúng tôi triển khai nghiên cứu đề tài ***“Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay”***. Để việc nghiên cứu được thành công, chúng tôi mong đồng chí/Ông/Bà tham gia trả lời một số câu hỏi sau đây:

Câu hỏi 1: Đồng chí/Ông/Bà, đánh giá như thế nào về vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương?

Câu hỏi 2: Theo đồng chí/Ông/Bà, những yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội hoặc chính trị nào đang ảnh hưởng mạnh đến khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương?

Câu hỏi 3: Theo đồng chí/Ông/Bà, thời gian qua, HTCT cơ sở địa phương đã có những hoạt động nổi bật nào để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc? Nguyên nhân tạo nên những ưu điểm vừa nêu là gì?

Câu hỏi 4: Theo đồng chí/Ông/Bà, những hạn chế, tồn tại căn bản nhất của HTCT cơ sở địa phương trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là gì? Nguyên nhân sâu xa của những hạn chế là gì? (Liên quan đến tổ chức, cán bộ, cơ chế chính sách, nguồn lực, sự phối hợp...)

Câu hỏi 5: Theo đồng chí/Ông/Bà, cần có những giải pháp gì để phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong xây dựng đoàn kết dân tộc? Ưu tiên giải pháp nào? Để thực hiện hiệu quả giải pháp, theo đồng chí/Ông/Bà, yếu tố bảo đảm quan trọng nhất là gì?

Câu hỏi 6: Nếu có thể kiến nghị trực tiếp với cấp có thẩm quyền, đồng chí/Ông/Bà sẽ đề xuất điều gì để tăng cường đoàn kết dân tộc tại cơ sở? Ngoài những nội dung đã trao đổi, đồng chí/Ông/Bà còn muốn bổ sung ý kiến hoặc chia sẻ câu chuyện thực tế nào không?

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí/Ông/Bà đã quan tâm giúp đỡ trả lời các câu hỏi.

DANH SÁCH TRẢ LỜI PHỎNG VẤN SÂU

Người thực hiện: NCS Tô Quốc Anh

Thời gian: Tháng 12 năm 2024

Phương pháp: Hỏi trực tiếp, ghi âm

Đối tượng: Cán bộ, công chức, già làng, trưởng thôn, bản

STT	Mã đối tượng	Nghề nghiệp	Chức vụ	Đơn vị	Thời gian phỏng vấn
1	M1	Cán bộ	P. Trưởng ban Tuyên giáo	Huyện X, tỉnh Kon Tum	Tháng 12/2024
2	M2	Cán bộ	Bí thư Đoàn TN	Xã X, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	Tháng 12/2024
3	M3		Trưởng thôn	Xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	Tháng 12/2024
4	M4		Già làng	Xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum	Tháng 12/2024
5	M5	Cán bộ	Phó Bí thư huyện uỷ	Huyện X, tỉnh Gia Lai	Tháng 12/2024
6	M6	Cán bộ	Trưởng ban Tuyên giáo	Huyện X, tỉnh Gia Lai	Tháng 12/2024
7	M7	Cán bộ	Chủ tịch Hội PN	Xã X, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Tháng 12/2024
8	M8	Cán bộ	Bí thư Đoàn TN	Xã Y, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Tháng 12/2024
9	M9	Cán bộ	P. Chủ tịch MTTQVN	huyện X, tỉnh Đăk Lăk	Tháng 12/2024
10	M10	Cán bộ	Chủ tịch MTTQ	Xã X, huyện Ea Súp, Đăk Lăk	Tháng 12/2024
11	M11	Cán bộ	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Xã Y, huyện Ea Súp, Đăk Lăk	Tháng 12/2024

12	M12		Già làng	Xã Y, huyện Ea Súp, Đắk Lắk	Tháng 12/2024
13	M13	Cán bộ	P. Trưởng ban Dân vận	Huyện X, tỉnh Lâm Đồng	Tháng 12/2024
14	M14	Cán bộ	P. Chủ tịch MTTQ	Huyện X, tỉnh Lâm Đồng	Tháng 12/2024
15	M15		Trưởng thôn	Xã Đưng K'Nớ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Tháng 12/2024
16	M16		Già làng	Xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Tháng 12/2024
17	M17	Cán bộ	Chủ tịch MTTQ	Xã X, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Tháng 12/2024
18	M18	Cán bộ	Bí thư Đoàn TN	Xã X, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Tháng 12/2024
19	M19	Cán bộ	Chủ tịch Hội PN	Xã Y, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Tháng 12/2024
20	M20		Già làng	Xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Tháng 12/2024

PHỤ LỤC 6
BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT KẾT QUẢ PHỎNG VẤN

Tt	Câu hỏi 1: Đánh giá vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?	Câu hỏi 2: Yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?	Câu 3: Những ưu điểm cơ bản trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? Nguyên nhân? Câu hỏi 4: Những hạn chế cơ bản trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? Nguyên nhân?	Câu hỏi 5: Giải pháp phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc? Kiến nghị của đồng chí?
M1	“HTCT cơ sở giữ vai trò nòng cốt có trách nhiệm cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thành chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện ở địa phương; tiến	“Một trong những yếu tố ảnh hưởng to lớn đến khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương đó chính là những mâu thuẫn về mặt kinh tế, chênh lệch trong mức sống dẫn đến tình trạng chia rẽ giữa người kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số, giữa đồng bào các	- “Cấp uỷ, chính quyền các cơ sở trên địa bàn huyện đã tổ chức học tập, quán triệt các văn bản, nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của các cấp về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc một cách nghiêm túc, sâu rộng; triển khai thực hiện thống nhất, cơ bản hiệu quả. Tình hình địa phương ổn định, khối đại đoàn kết được giữ vững. Có được kết quả đó là do sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng các cấp, sự nỗ lực cố gắng của mỗi cán bộ cơ sở, sự ủng hộ của đông đảo quần chúng Nhân dân” - “Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền giáo dục của một số địa phương chưa thực sự hiệu quả, nội dung còn dàn trải.	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương, HTCT các cấp cần đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách đến từng người dân; có những giải pháp nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, giải quyết kịp thời các

	hành sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động”.	dân tộc thiểu số với nhau. Cùng với đó là sự tác động từ sự chống phá của kẻ thù”.	Việc triển khai một số chính sách còn thiếu đồng bộ, cụ thể nên hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân của những hạn chế là do sự yếu kém về năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, sự chống phá của kẻ thù”.	vấn đề phát sinh; hoàn thiện, đồng bộ các chính sách gắn với điều kiện thực tiễn địa phương”.
M2	“Cấp uỷ, chính quyền cơ sở có trách nhiệm triển khai các kế hoạch, chương trình về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, chỉ đạo Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội triển khai thực hiện”.	“Truyền thống đoàn kết của cư dân địa phương; vai trò định hướng của HTCT các cấp là những yếu tố có ảnh hưởng to lớn đến khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương”.	- “Cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đã bám sát tình hình thực tiễn địa phương, triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các phong trào, các cuộc vận động về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Những chủ trương về phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã mang lại hiệu quả to lớn, góp phần nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào các dân tộc. Có được những kết quả đó là do sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp, truyền thống đoàn kết của cư dân địa phương, sự nỗ lực, cố gắng của đội ngũ cán bộ”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: Việc triển khai một số chính sách chưa thực sự tạo ra sự công bằng, bình đẳng; công tác giáo dục, chăm	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương cần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân”.

			sóc sức khoẻ cho trẻ em ở một số nơi còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân có thể kể đến là hạn chế về nhận thức của một bộ phận người dân, thiếu sâu sát trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện của cán bộ cơ sở”.	
M3	“Cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể địa phương có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như các chính sách về dân tộc, tôn giáo, xoá đói, giảm nghèo, ...”.	“Sự lãnh đạo của HTCT các cấp, điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội địa phương là những yếu tố tác động to lớn đến khối đại đoàn kết dân tộc”.	- “Cấp uỷ, chính quyền đã quán triệt, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về quy tụ, tập hợp các giai cấp, tầng lớp Nhân dân; quan tâm xây dựng Mặt trận và các tổ chức quần chúng vững mạnh. Các chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: Việc phối hợp triển khai, hướng dẫn thực hiện một số chương trình, kế hoạch còn chưa cụ thể, thông suốt, nên gây khó khăn cho quá trình thực hiện ở các thôn, bản”.	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền; nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở”.
M4	“Cấp uỷ, chính quyền xã giữ vai trò	“Những mâu thuẫn về kinh tế, văn hoá	- “Cấp uỷ, chính quyền đã làm tốt công tác tập hợp, vận động quần chúng, tuyên truyền cho	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn

	trung tâm trong việc đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đại đoàn kết đến người dân; triển khai các chủ trương, chính sách giúp Nhân dân nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, xoá đói, giảm nghèo”.	xã hội, đời sống tôn giáo, chênh lệch mức sống là những yếu tố tác động lớn nhất đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương”.	Nhân dân hiểu các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc. Các chính sách về phát triển kinh tế, y tế, giáo dục, văn hoá truyền thống được thực hiện hiệu quả. Đời sống đồng bào được cải thiện, số hộ nghèo giảm. Đồng bào tin tưởng vào Đảng, vào chế độ”. - “Về hạn chế có thể kể đến là: Một số chính sách về vay vốn, xoá đói giảm nghèo triển khai chưa hiệu quả; chưa phát huy tốt vai trò của đội ngũ cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số”.	kết dân tộc ở địa phương cần tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân; có các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giải quyết những vấn đề tồn đọng trong Nhân dân như đất đai, mâu thuẫn khác biệt về văn hoá”.
M5	“Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị cơ sở giữ vai trò trung tâm, là hạt nhân đoàn kết, tuyên truyền, hiện thực hoá các chủ trương, chính	“Những khác biệt về dân tộc, tôn giáo, văn hoá cùng với sự phân hoá giàu nghèo giữa các dân tộc, các vùng là yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn	- “Trong những năm qua, công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đã được các cấp uỷ, chính quyền, MTTQ, đoàn thể các xã, thị trấn trên địa bàn huyện quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, cơ bản mang lại hiệu quả. Trong đó nổi bật là nhận thức và niềm tin của Nhân dân ngày càng được củng cố, tiến bộ, công bằng xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, được thực hiện ngày càng hiệu quả. Có được kết quả đó là do sự	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương HTCT cơ sở cần tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương, chính sách của Đảng,

	sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.	kết dân tộc ở địa phương”.	lãnh đạo của cấp uỷ các cấp, sự phối hợp, thống nhất trong triển khai thực hiện của HTCT cơ sở”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: Việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện chính sách dân tộc của cấp uỷ, chính quyền cơ sở một số nơi còn rập khuôn, máy móc, chưa phù hợp với thực tiễn địa phương, việc bình chọn đối tượng thụ hưởng chưa thật minh bạch, rõ ràng nên hiệu quả chính sách chưa đạt được mục đích đề ra, gây bức xúc trong một bộ phận Nhân dân, niềm tin của Nhân dân vào cấp uỷ, chính quyền giảm sút”.	Nhà nước; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở gắn với các giải pháp nhằm phát triển kinh tế, văn hoá xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân”.
M6	“HTCT cơ sở là nơi trực tiếp hiện thực hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với người dân, trong đó có các chủ trương, chính	“Tình hình kinh tế, văn hoá xã hội trên địa bàn huyện, sự chống phá của các thế lực thù địch là một trong những yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn	- “Dưới sự lãnh đạo của HTCT các cấp, các xã trên địa bàn huyện đã thực hiện cơ bản có hiệu quả các chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc từ lãnh đạo, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đến kiểm tra, giám sát, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm. Trong đó, nổi bật là HTCT các xã triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, y tế, giáo dục, xoá đói, giảm nghèo, các chính sách dân tộc, tôn giáo. Có được kết quả đó là do trình độ, nhận	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương cần tiến hành đồng thời nhiều giải pháp trong đó chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền; bồi dưỡng, nâng cao trình

	sách về đại đoàn kết dân tộc”.	kết dân tộc ở địa phương”.	thức của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sự lãnh đạo, hướng dẫn của HTCT cấp trên, sự ủng hộ của đông đảo Nhân dân”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, thiếu gắn kết với người dân; cán bộ tuyên truyền thiếu hiểu biết về tiếng nói, phong tục, văn hóa đồng bào. Nguyên nhân là do một bộ phận yếu kém về năng lực, trình độ, chưa sâu sát nhân dân, chậm đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ”.	độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số; phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc, tôn giáo và đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương”.
M7	“Cấp uỷ cơ sở có vai trò quan trọng trong đề ra các chủ trương, biện pháp; chính quyền và MTTQ, các đoàn thể cơ sở giữ vai trò quan trọng trong triển khai, thực	“Những khác biệt về văn hoá, phong tục tập quán; những mâu thuẫn, tranh chấp về đất đai, sử dụng tài nguyên môi trường, khu vực sinh sống, sản xuất là những yếu tố có tác động to	- “Cấp uỷ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể đã quán triệt, triển khai thực hiện tốt việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Nhận thức, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ ngày càng được củng cố. Các chủ trương, chính sách, các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng triển khai ở địa phương luôn nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng tham gia của đông đảo Nhân dân. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương cần phát huy sức mạnh tổng hợp các tổ chức, các lực lượng; phát huy tốt vai trò của các tổ chức đoàn thể trong tập hợp, vận động Nhân dân tham gia các

	hiện các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc”.	lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	hoá ở khu dân cư đạt nhiều kết quả nổi bật. Những thành tựu đó có được từ sự quan tâm, lãnh đạo của HTCT cấp trên; sự linh hoạt, sáng tạo trong triển khai thực hiện của cơ sở; sự ủng hộ của đông đảo Nhân dân”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện một số phong trào của các tổ chức quần chúng hiệu quả chưa cao, còn mang tính mùa vụ, chưa thu hút được đoàn viên, hội viên tham gia”.	cuộc vận động, các phong trào cách mạng; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ phong trào gắn với chính sách, chế độ đãi ngộ thoả đáng”.
M8	“Trên cơ sở sự lãnh đạo của Đảng uỷ xã, sự chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong đó có Đoàn thanh niên có vai trò quan trọng trong	“Sự khác biệt về thu nhập, mức sống, mức độ hưởng thụ các giá trị vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc là yếu tố ảnh hưởng to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	- “Trên cơ sở sự lãnh đạo của Đảng uỷ, chính quyền xã, trong những năm qua, tổ chức Đoàn các cấp đã làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền các chủ trương, chính sách Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đến cán bộ, đoàn viên. Triển khai có hiệu quả công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên, các phong trào hành động các mạng, các hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Thông qua các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đã tạo được niềm tin, sự đồng thuận trong Nhân dân, làm thất bại âm mưu gây chia rẽ, mất	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó chú trọng phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể; đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ đoàn thể gắn với đãi ngộ thoả đáng;

	tập hợp thanh niên, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.		đoàn kết nội bộ của các thế lực thù địch. Có được những kết quả trên là sự nỗ lực của các bộ, đoàn viên, sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng các cấp, tổ chức Đoàn cấp trên”. - “Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tập hợp đoàn viên người dân tộc thiểu số hiệu quả chưa cao. Thực hiện phong trào thanh niên lập nghiệp, phát triển kinh tế chưa đồng đều, còn nhiều đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn; chưa giải quyết triệt để tình trạng kỳ thị dân tộc trong thanh niên. Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đoàn viên chưa đúng đắn; sự thiếu phối hợp trong tổ chức thực hiện của các tổ chức, thiếu kinh phí hoạt động”.	quan tâm, chăm lo quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên; thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở”.
M9	“HTCT cơ sở là nơi trực tiếp triển khai, tổ chức cho Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính	“Sự phát triển của khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá; vai trò định hướng của Đảng, nhà nước,	- “Dưới sự lãnh đạo của HTCT các cấp, cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể xã hội đã quán triệt, triển khai, thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc. Trong đó, nổi bật và việc quy tụ, tập hợp các giai cấp, tầng lớp Nhân dân vào các tổ chức chính trị	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở cần chú trọng thực hiện giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ,

	sách của Đảng, Nhà nước. Đây là lực lượng giữ vai trò hạt nhân, trung tâm đoàn kết, quy tụ, tập hợp Nhân dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết dân tộc ở địa phương”.	HTCT các cấp; truyền thống đoàn kết, gắn bó của cộng đồng các dân tộc địa phương là những yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	xã hội; triển khai có hiệu quả các chính sách nâng cao đời sống Nhân dân. Nguyên nhân của những ưu điểm nêu trên là do sự chỉ đạo của HTCT các cấp, sự phối hợp, thống nhất của các tổ chức, các lực lượng và sự ủng hộ của đông đảo Nhân dân”. - “Hạn chế lớn nhất là chưa giải quyết được tận gốc những mâu thuẫn về tôn giáo, quan hệ tộc người, đất đai... Đây là mảnh đất để kẻ xấu lợi dụng kích động chia rẽ. Nguyên nhân là do cán bộ thiếu kiến thức, kinh nghiệm trong giải quyết các vụ việc; một số chính sách về đất đai thiếu ngân sách để tổ chức thực hiện”.	đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số; đổi mới, hoàn thiện các chủ trương chính sách, đặc biệt là chính sách dân tộc, tôn giáo; tăng cường phân quyền cho cấp cơ sở trong triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách; phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả các âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù”.
M10	“HTCT cơ sở là trung tâm đoàn kết của địa phương, có vai trò quy tụ, tập hợp Nhân dân triển khai, tổ chức cho Nhân dân	“Những yếu tố khác biệt về dân tộc, tôn giáo, văn hoá truyền thống; sự chống phá của các thế lực thù địch có tác động to lớn đến quá trình xây	- “Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể xã hội đã triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đặc biệt là các chủ trương, chính sách về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, về công tác thanh niên, phụ nữ,...; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, vận động Nhân dân chung sức, đồng lòng phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, thực	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở cần chú trọng thực hiện nhiều giải pháp trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nâng cao hiệu quả hoạt động của

	thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước”.	dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương”.	hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước. Khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương ngày càng được củng cố”. - “Hạn chế lớn nhất đó là một số chính sách tỏ ra kém hiệu quả, khó triển khai thực hiện do cơ sở không đủ nguồn lực để thực hiện; việc nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân chưa kịp thời, thoả đáng”.	chính quyền, kịp thời giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân; đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong Nhân dân”.
M11	“HTCT có vai trò quan trọng trực tiếp tuyên truyền, triển khai cho Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	“Sự chênh lệch giàu nghèo; khác biệt về dân tộc, tôn giáo là yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	- “Cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đã quán triệt, triển khai, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó kết quả nổi bật là triển khai, thực hiện tốt công tác giáo dục, tuyên truyền về đại đoàn kết, nhận thức, niềm tin của Nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực; nhiều chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh được triển khai hiệu quả, mang lại cuộc sống ấm no cho người dân”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến đó là việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân chưa kịp	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở hiện nay cần thực hiện nhiều giải pháp trong đó chú trọng giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn, bức xúc trong Nhân dân; nâng cao hiệu quả của các chính sách, đặc biệt là các chính sách về dân tộc, tôn giáo”.

			thời; còn dễ xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, tranh chấp đất đai kéo dài”.	
M12	“Tổ chức Đảng, chính quyền có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai các chính sách đại đoàn kết của Đảng, Nhà nước đến đồng bào, hướng dẫn cho đồng bào cách làm ăn, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống”.	“Sự khác biệt về văn hoá cùng sự chênh lệch về thu nhập, mức sống là yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay”.	- “Cấp uỷ, chính quyền địa phương đã tiến hành tuyên truyền, triển khai nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với đồng bào, trong đó nổi bật là thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Đồng bào có cuộc sống tốt hơn, thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và các cấp chính quyền”. - “Về hạn chế cơ bản có thể kể đến: Việc triển khai một số chính sách chưa hiệu quả, giảm nghèo thiếu bền vững; việc nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng của đồng bào chưa thường xuyên, kịp thời”.	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần thực hiện đúng tư tưởng của Bác Hồ về bình đẳng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc; triển khai các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt chính sách đất đai để đồng bào ổn định cuộc sống”.
M13	“HTCT cơ sở là trung tâm đoàn kết của địa phương, có vai	“Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của khoa học công nghệ, xu thế	- “HTCT đã triển khai, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong đó, nổi bật là, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở đã làm tốt công tác	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần tăng cường

	trò quan trọng trong giáo dục, tuyên truyền, triển khai, tổ chức cho Nhân dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; kịp thời tổng kết, báo cáo những vấn đề phát sinh từ cơ sở”.	toàn cầu hoá; sự phát triển kinh tế, văn hoá xã hội của địa phương, sự chỉ đạo, định hướng của HTCT các cấp là những yếu tố có tác động to lớn đến quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên và hội viên thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; đồng thời làm tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, nhất là các chủ trương, đề án về phát triển kinh tế, xã hội. Các mặt dân chủ cơ sở như thực hiện các nội dung Nhân dân biết, các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, các nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định, ... được cấp uỷ và chính quyền cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là việc quy hoạch, đào tạo các bộ dân tộc thiểu số chưa có nhiều chuyển biến; việc nắm, lắng nghe, giải quyết các tâm tư, nguyện vọng của người dân chưa kịp thời, hiệu quả. Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm nêu trên là do trình độ, năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế”.	công tác vận động quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng; chú trọng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với tiến bộ, công bằng; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các mâu thuẫn, bức xúc trong nhân dân, đặc biệt là vấn đề đất đai. Để là được điều đó, đòi hỏi HTCT cơ sở cần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ”.
M14	“Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và	“Những sự khác biệt về văn hoá, thu	- “Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp, MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn

	các đoàn thể chính trị cơ sở là trung tâm, hạt nhân đoàn kết, có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, triển khai, hiện thực hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.	nhập, mức sống cùng với những mâu thuẫn nảy sinh trong trong quan hệ giữa các dân tộc; sự chống phá của các thế lực thù địch là những yếu tố có tác động to lớn đến quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	đoàn kết rộng rãi các tầng lớp Nhân dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, hăng hái tham gia các cuộc vận động, các phong trào, đấu mạnh sản xuất, thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh. Nguyên nhân của những thành công đó là do sự đoàn kết, thống nhất trong triển khai thực hiện, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ các cấp, sự tham gia của đông đảo quần chúng”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: Một số địa phương chưa giải quyết được tận gốc những mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân để cho kẻ thù lợi dụng chống phá gây ra tình trạng bất ổn ở một số nơi. Nguyên nhân của những vấn đề này là do HTCT cơ sở ở một số nơi hoạt động không hiệu quả, năng lực cán bộ còn yếu kém”.	kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp theo hướng gần dân, sát dân, phát huy tốt vai trò của Mặt trận các cấp trong thực hiện chức năng đoàn kết, tập hợp các giai cấp, tầng lớp Nhân dân; phát huy tốt dân chủ cơ sở; thực hiện có hiệu quả, đảm bảo công bằng, bình đẳng trong phát triển kinh tế, văn hoá xã hội”.
M15	“Cấp xã là cấp gần bó với người dân, trực tiếp	“Sự khác biệt về văn hoá cùng sự chênh lệch về thu	- “Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã triển khai hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong phát triển	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương

	triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tập hợp các thành phần xã hội để tạo nên sự nhất trí, đoàn kết ở địa phương”.	nhập, mức sống là yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay”.	kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng ở địa phương. Đời sống của các tầng lớp Nhân dân được cải thiện. Khối đại đoàn kết được giữ vững. Có được những kết quả đó là sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả HTCT; sự giúp đỡ của cấp trên”. - “Một số hạn chế yếu kém đó là: Một số chính sách chưa thực sự thoả đáng; chưa giải quyết được các mâu thuẫn, bức xúc của người dân, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến đất đai nên một bộ phận nhân dân chưa tin vào chính quyền. Nguyên nhân của những hạn chế đó là do cán bộ chưa nắm được tình hình ở địa phương, triển khai thực hiện chính sách còn máy móc, có biểu hiện vụ lợi”.	hiện nay cần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của người dân”.
M16	“Cấp xã có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai các chính sách đại đoàn kết	“Sự khác biệt về văn hoá cùng sự chênh lệch về thu nhập, mức sống là yếu tố có tác động to lớn đến việc xây	- “Cấp uỷ, chính quyền địa phương đã tiến hành tuyên truyền, triển khai nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với đồng bào, trong đó nổi bật là công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đồng bào; các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, xoá đói giảm	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần triển khai các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã

	của Đảng, Nhà nước đến đồng bào, giúp đồng bào phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo”.	dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay”.	nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân được triển khai có hiệu quả”. - “Về hạn chế cơ bản có thể kể đến: Công tác giảm nghèo thiếu bền vững; việc nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng của đồng bào chưa thường xuyên, kịp thời”.	hội, quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt chính sách đất đai để đồng bào ổn định cuộc sống; thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động ở địa phương”.
M17	“Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị cơ sở là trung tâm đoàn kết, có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết”.	“Sự định hướng của Đảng, Nhà nước, sự hướng dẫn của HTCT các cấp, truyền thống đoàn kết của Nhân dân địa phương là những yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay”.	- “Trên cơ sở sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền xã, MTTQ và các tổ chức đoàn thể làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương về tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp trong xã hội; triển khai có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp Nhân dân. MTTQ và các đoàn thể chính trị đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, sơ, tổng kết, rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, nhiều sáng kiến hay trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Có được những kết quả trên là do sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp,	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp theo hướng gần dân, sát dân, phát huy tốt vai trò của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong công tác đoàn kết, tập hợp các giai cấp, tầng lớp Nhân dân; phát huy tốt dân chủ cơ sở;

			sự phối hợp của các tổ chức, sự nhiệt tình trách nhiệm của mỗi cán bộ, đoàn viên, hội viên”. - “Một số hạn chế, khuyết điểm có thể kể đến là: Công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, kiến nghị, đề xuất các sáng kiến về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chưa được triển khai thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân của hạn chế nêu trên là do sự thiếu quyết liệt trong chỉ đạo của đội ngũ cán bộ các cấp, còn biểu hiện xem nhẹ công tác này”.	thực hiện có hiệu quả, các chủ trương về triển kinh tế, văn hoá xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân”.
M18	“HTCT cơ sở giữ vai trò nòng cốt trong cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thành chương trình, kế hoạch và triển khai thực	“Những khác biệt về văn hoá, phong tục tập quán; những mâu thuẫn, tranh chấp về đất đai, sử dụng tài nguyên môi trường, khu vực sinh sống, sản xuất là những yếu tố có tác động to lớn đến việc xây	- “Cấp uỷ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể đã quán triệt, triển khai thực hiện tốt việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Các chủ trương, chính sách, các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng triển khai ở địa phương luôn nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng tham gia của đông đảo Nhân dân. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện, khối đại đoàn kết được giữ vững. Những thành tựu đó có được từ sự quan tâm, lãnh đạo của HTCT cấp trên; sự linh hoạt, sáng tạo trong triển	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương cần phát huy sức mạnh tổng hợp các tổ chức, các lực lượng; đổi mới mô hình, tổ chức hoạt động, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thu hút đoàn viên, hội viên tham gia;

	hiện ở địa phương”.	dựng khối đại đoàn kết dân tộc”.	khai thực hiện của cơ sở; sự ủng hộ của đông đảo Nhân dân”. - “Hạn chế lớn nhất có thể kể đến là: Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện một số phong trào của các tổ chức quần chúng hiệu quả chưa cao, còn mang tính mùa vụ, chưa thu hút được đoàn viên, hội viên tham gia; việc kiểm tra, giám sát thực hiện chưa thường xuyên”.	phát huy tốt vai trò của đoàn viên, hội viên trong đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù”.
M19	“HTCT có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. HTCT tiến hành quán triệt, đề xuất chủ trương, biện pháp, triển khai thực hiện, báo cáo tổng kết chịu trách nhiệm về tình hình đoàn kết ở địa phương”.	“Những sự khác biệt về văn hoá, thu nhập, mức sống cùng với những mâu thuẫn nảy sinh trong trong quan hệ giữa các dân tộc; sự chống phá của các thế lực thù địch là những yếu tố có tác động to lớn đến quá trình xây dựng khối	- “Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, tập hợp các tầng lớp Nhân dân,... đặc biệt là vận động, tuyên truyền, đấu tranh với các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương. Triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, xoá đói, giảm nghèo hiệu quả, đời sống người dân được cải thiện. Nguyên nhân của những kết quả đó là do sự phối hợp hiệu quả của các lực lượng trong triển khai, cán bộ cơ sở nhiệt tình, trách nhiệm cao”. - “Hạn chế lớn có thể kể đến là: Một số chính sách chưa thực sự sát đúng với điều kiện thực tiễn	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; đổi mới, hoàn thiện các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, văn

		đại đoàn kết dân tộc”.	địa phương, thiếu sự hướng dẫn cụ thể; một số phong trào còn mang tính hình thức”.	hoá, xã hội gắn với thực tiễn ở các địa phương”.
M20	“Cấp xã có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai các chính sách đại đoàn kết của Đảng, Nhà nước đến đồng bào, xây dựng mới quan hệ đoàn kết, gắn bó thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng”.	“Sự khác biệt về văn hoá cùng sự chênh lệch về thu nhập, mức sống là yếu tố có tác động to lớn đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay”.	- “Cấp uỷ, chính quyền địa phương đã tiến hành tuyên truyền, triển khai nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với đồng bào, đặc biệt là các chính sách về phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; các chính sách về tôn giáo, tín ngưỡng, phát triển, bảo tồn văn hoá các dân tộc”. - “Về hạn chế cơ bản có thể kể đến: Việc triển khai một số chính sách chưa hiệu quả, giảm nghèo thiếu bền vững; việc nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng của đồng bào chưa thường xuyên, kịp thời”.	“Để nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương hiện nay cần thực hiện tôn trọng văn hoá, truyền thống đồng bào các dân tộc, hướng dẫn đồng bào làm ăn, phát triển kinh tế, thoát khỏi đói nghèo; phát huy tốt dân chủ”.

PHỤ LỤC 7
SỐ LƯỢNG VÀ TỶ LỆ HỘ NGHÈO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU
VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2017 – 2023

TT	Tỉnh	Năm 2017			Năm 2023		
		Số hộ nghèo	Số hộ nghèo dân tộc thiểu số	Tỷ lệ %	Số hộ nghèo	Số hộ nghèo dân tộc thiểu số	Tỷ lệ %
1	Đắk Lắk	66.956	42.774	63,88	46.091	31.229	67,76
2	Đắk Nông	25.141	15.211	60,5	8.838	6.419	72,63
3	Gia Lai	45.340	39.217	86,5	31.502	28.173	89,43
4	Kon Tum	26.164	24.236	92,63	10.220	9.716	95,06
5	Lâm Đồng	12.168	8.027	65,97	3.912	2.642	67,53
Toàn khu vực		175.772	129.465	73,66	100.563	78.179	77,74

Nguồn: Tổng hợp số liệu tại các Quyết định số 862/QĐ-BLĐTBXH; Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2017 và năm 2023.

PHỤ LỤC 8
MỘT SỐ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT
DÂN TỘC CỦA CÁC TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

Stt	Loại văn bản	Số hiệu, thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
1	Nghị quyết	18-NQ/TU 28/5/2003	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
2	Kế hoạch	72-KH/TU 03/3/2010	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	về thực hiện Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW
3	Nghị quyết	14-NQ/TU 09/10/2018	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030
4	Nghị quyết	9/NQ/TU 14/12/2021	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	Nghị quyết triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”
5	Nghị quyết	16-NQ/TU, 03/6/2022	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	về Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030.
6	Chương trình	48/CTr/TU 30/12/2022	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

7	Chương trình	75 CTr/TU 06/3/2024	Tỉnh uỷ Lâm Đồng	Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc
8	Nghị quyết	141/NQ - HĐND 09/12/2022	HĐND tỉnh Lâm Đồng	Về ban hành quy định một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 của Lâm Đồng
9	Quyết định	450/QĐ- UBND 06/3/2018	UBND tỉnh Lâm Đồng	phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030”
10	Kế hoạch	2167/KH- UBND 12/4/2021	UBND tỉnh Lâm Đồng	Phê duyệt Đề án thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Lâm Đồng
11	Quyết định	382/ QĐ - UBND 09/3/2022	UBND tỉnh Lâm Đồng	về ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
12	Quyết định	1479/QĐ- UBND 28/8/2022	UBND tỉnh Lâm Đồng	về Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “ Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
13	Kế hoạch	4227/ KH- UBND 28/5/2024	UBND tỉnh Lâm Đồng	Vận động nguồn lực thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2024 - 2025
14	Kế hoạch	1486/KH- UBND 18/02/2025	UBND tỉnh Lâm Đồng	Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
15	Nghị quyết	02-NQ/TU 13/5/2004	Tỉnh uỷ Đắk Nông	Đổi mới, nâng cao chất lượng HTCT gắn với xây dựng thôn, buôn, bon, tổ dân phố vững mạnh toàn diện

16	Chỉ thị	04 – CT/TU 07/5/2004	BTV TU Đắk Nông	Về kết nghĩa giữa cơ quan đảng, chính quyền, các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang đối với buôn, bon đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ
17	Nghị quyết	05-NQ/TU 05/6/2006	Tỉnh uỷ Đắk Nông	Về phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới giai đoạn 2006 – 2010, định hướng đến năm 2020
18	Nghị quyết	07-NQ/TU 24/7/2006	Tỉnh uỷ Đắk Nông	Về công tác cán bộ dân tộc thiểu số giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020
19	Đề án	05- ĐA/TU 15/11/2013	BTV TU Đắk Nông	Về xây dựng lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số
20	Kế hoạch	154- KH/TU 17/12/2019	BTV TU Đắk Nông	Về tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
21	Nghị quyết	13-NQ/TU 16/12/2021	Tỉnh uỷ Đắk Nông	Về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030
22	Chỉ thị	20 – CT/TU 19/9/2022	BTV TU Đắk Nông	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác khuyến học, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2030
23	Nghị quyết	35/2011/NQ- HĐND 09/12/2011	HĐND tỉnh Đắk Nông	Quy định các chính sách phát triển nguồn lực trong HTCT tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 - 2015
24	Nghị quyết	13/2014/NQ- HĐND 16/7/2014	HĐND tỉnh Đắk Nông	Quy định số lượng và mức hỗ trợ đối với lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
25	Nghị quyết	33/2018/NQ- HĐND 14/12/2018	HĐND tỉnh Đắk Nông	Quy định mức hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn Đắk Nông
26	Quyết định	729/QĐ- UBND 17/5/2018	UBND tỉnh Đắk Nông	Ban hành tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá xếp loại thực hiện công tác dân vận của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
27	Kế hoạch	116/KH- UBND 03/3/2022	UBND tỉnh Đắk Nông	Về triển khai chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

28	Quyết định	1205/QĐ-UBND 19/7/2022	UBND tỉnh Đắk Nông	Về ban hành Quy tắc ứng xử, văn hoá, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong HTCT tỉnh Đắk Nông
29	Chương trình	25- CTr/TU 20/10/2008	Tỉnh uỷ Đắk Lắk	Thực hiện Nghị quyết BCHTW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá
30	Nghị quyết	03/2010/NQ-HĐND 09/7/2010	HĐND tỉnh Đắk Lắk	Về việc dạy tiếng Ê Đê trong các trường tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2010 - 2015
31	Nghị quyết	06-NQ/TU 17/11/2011	Tỉnh uỷ Đắk Lắk	Về phát triển nhân lực giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2020
32	Chương trình	33-CTr/TU 05/9/2013	Tỉnh uỷ Đắk Lắk	Thực hiện Nghị quyết 25 của BCH Trung ương về tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận
33	Chỉ thị	05- CT/TU 16/01/2016	Tỉnh uỷ Đắk Lắk	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian cao điểm
34	Chỉ thị	11- CT/TU 23/3/2017	Tỉnh uỷ Đắk Lắk	Về lãnh đạo tiếp tục thực hiện Quy chế công tác dân vận của HTCT
35	Đề án	05- ĐA/TU 09/11/2021	BTVTU Đắk Lắk	Tăng cường vận động, phát huy đoàn kết các tôn giáo trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
36	Chương trình	18-CTr/TU 25/11/2021	Tỉnh uỷ Đắk Lắk	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030
37	Đề án	07- ĐA/TU 25/13/2022	BTVTU Đắk Lắk	Về tuyên truyền, vận động, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc (giai đoạn 2022 – 2026)
38	Nghị quyết	28/2044/NQ-HĐND 6/12/2024	HĐND tỉnh Đắk Lắk	Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

39	Quyết định	1189/QĐ-UBND 24/5/2022	UBND tỉnh Đắk Lắk	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
40	Quyết định	58/QĐ-UBND 12/1/2023	UBND tỉnh Đắk Lắk	Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025
41	Nghị quyết	08-NQ/TU 08/3/2007	Tỉnh uỷ Gia Lai	Về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, định canh, định cư giai đoạn 2007 – 2010 và định hướng đến năm 2020
42	Chỉ thị	07- CT/TU 29/4/2008	Tỉnh uỷ Gia Lai	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong tình hình mới
43	Chương trình	45-CTr/TU 27/10/2008	Tỉnh uỷ Gia Lai	Triển khai thực hiện Nghị quyết BCHTU về xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá
44	Đề án	02- ĐA/TU 17/4/2009	BTVTU Gia Lai	Về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HTCT cơ sở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2009 - 2015
45	Chương trình	58-CTr/TU 23/8/2013	Tỉnh uỷ Gia Lai	Thực hiện Nghị quyết của BCTTW về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới
46	Nghị quyết	07-NQ/TU 12/4/2017	Tỉnh uỷ Gia Lai	Về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2025
47	Kế hoạch	330-KH/TU 19/3/2024	Tỉnh uỷ Gia Lai	về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc

48	Kế hoạch	1463/KH-UBND 15/7/2020	UBND tỉnh Gia Lai	Thực hiện đề án bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025
49	Kế hoạch	1603/KH-UBND 21/7/2022	UBND tỉnh Gia Lai	Thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
50	Kế hoạch	09/KH-UBND 12/1/2023	UBND tỉnh Gia Lai	Phê duyệt Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản Không gian văn hoá Cồng chiêng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025
51	Kế hoạch	1251/KH-UBND 29/5/2023	UBND tỉnh Gia Lai	Bảo tồn và phát huy giá trị văn gian của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030
52	Kế hoạch	230/KH-UBND 29/1/2024	UBND tỉnh Gia Lai	về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 trên địa bàn tỉnh
53	Kế hoạch	474/KH-UBND 05/3/2024	UBND tỉnh Gia Lai	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh năm 2024
54	Nghị quyết	04-NQ/TU, 14/6/2007,	Tỉnh uỷ Kon Tum	về đẩy mạnh xây dựng các xã đặc biệt khó khăn
55	Chương trình	37-CTr/TU, 17/9/2007,	BTVTU Kon Tum	về việc tập trung xây dựng các xã trọng điểm đặc biệt khó khăn
56	Quyết định	1408-QĐ/TU, 25/9/2014	BTVTU Kon Tum	về ban hành Quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa bí thư các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu chính quyền các cấp với nhân dân trên địa bàn tỉnh
57	Kết luận	08-KL/TU, 24/02/2022	BTVTU Kon Tum	về triển khai Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”

58	Chỉ thị	13-CT/TU, 18/3/2022	BTVTU Kon Tum	Về tuyên truyền, vận động Nhân dân xóa bỏ các hủ tục, phong tục không còn phù hợp trên địa bàn tỉnh
59	Chương trình	80-CTr/TU 12/4/2024	Tỉnh uỷ Kon Tum	thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “ <i>về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc</i> ”
60	Nghị quyết	22/2022/NQ-HĐND 23/6/2022	HĐND tỉnh Kon Tum	Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
61	Nghị quyết	44/2022/NQ-HĐND 12/7/2022	HĐND tỉnh Kon Tum	Về phát triển thanh niên tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030
62	Nghị quyết	54/NQ-HĐND 30/8/2022	HĐND tỉnh Kon Tum	về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
63	Nghị quyết	64/NQ-HĐND 10/12/2023	HĐND tỉnh Kon Tum	về phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
64	Kế hoạch	3113/KH-UBND 31/8/2021	UBND tỉnh Kon Tum	bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị văn hóa nhà rông truyền thống các dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025
65	Kế hoạch	58/KH-UBND	UBND tỉnh Kon Tum	Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 – 2026 trên địa bàn tỉnh

		18/4/2022		
66	Kế hoạch	322/KH-UBND 18/2/2023	UBND tỉnh Kon Tum	tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh năm 2023
67	Kế hoạch	1794/KH-UBND 15/6/2023	UBND tỉnh Kon Tum	phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030